

**VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI**

NGUYỄN THỊ THU THỦY

**PHÁP LUẬT VỀ ĐĂNG KÝ KINH DOANH
Ở VIỆT NAM HIỆN NAY**

Chuyên ngành : Luật kinh tế

Mã số : 62.38.01.07

LUẬN ÁN TIẾN SĨ LUẬT HỌC

**NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC
PGS.TS. TRẦN ĐÌNH HẢO**

HÀ NỘI, 2016

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan luận án này là công trình nghiên cứu khoa học độc lập của riêng tôi. Tất cả các số liệu và những trích dẫn trong luận án đều có nguồn gốc chính xác và rõ ràng. Những phân tích của luận án cũng chưa từng được công bố ở một công trình nào.

Tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm về lời cam đoan này.

Tác giả luận án

Nguyễn Thị Thu Thủy

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU VÀ CÁC VẤN ĐỀ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN	7
1.1. Tổng quan tình hình nghiên cứu	7
1.2. Cơ sở lý thuyết nghiên cứu	27
CHƯƠNG 2: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ ĐĂNG KÝ KINH DOANH VÀ PHÁP LUẬT VỀ ĐĂNG KÝ KINH DOANH.....	31
2.1. Khái quát chung về đăng ký kinh doanh.....	31
2.2. Pháp luật về đăng ký kinh doanh	59
CHƯƠNG 3: THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VÀ THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ ĐĂNG KÝ KINH DOANH Ở VIỆT NAM.....	76
3.1. Thực trạng pháp luật về đăng ký kinh doanh ở Việt Nam.....	76
3.2. Thực trạng thực hiện pháp luật về đăng ký kinh doanh ở Việt Nam.....	104
CHƯƠNG 4: PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ ĐĂNG KÝ KINH DOANH Ở VIỆT NAM.....	130
4.1. Phương hướng hoàn thiện pháp luật về đăng ký kinh doanh ở Việt Nam trong điều kiện nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.	130
4.2. Một số giải pháp hoàn thiện pháp luật về đăng ký kinh doanh ở Việt Nam hiện nay	135
KẾT LUẬN	152
DANH MỤC CÔNG TRÌNH CỦA TÁC GIẢ	154
TÀI LIỆU THAM KHẢO	155

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

Chữ viết tắt	Tiếng Anh	Tiếng Việt
DN		Doanh nghiệp
ĐKDN		Đăng ký doanh nghiệp
ĐKKD		Đăng ký kinh doanh
GCNĐKDN		Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
GPKD		Giấy phép kinh doanh
MTKD		Môi trường kinh doanh
NĐT		Nhà đầu tư
PLDN		Pháp luật doanh nghiệp
QLNN		Quản lý nhà nước
QPPL		Quy phạm pháp luật
GCI	Global Competition Index	Chỉ số năng lực cạnh tranh toàn cầu
OECD	Organization for Economic and Development	Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế
VCCI	Vietnam Chamber of Commerce and Industry	Phòng thương mại và Công nghiệp Việt Nam
WB	World Bank	Ngân hàng thế giới
WTO	World Trade Organization	Tổ chức thương mại thế giới
WEF	World Economic Forum	Diễn đàn kinh tế thế giới

DANH MỤC BẢNG, BIỂU ĐỒ

BẢNG

Bảng 3.1:	Xếp hạng MTKD năm 2014 của một số quốc gia ASEAN100
Bảng 3.2:	Tình hình số lượng loại hình doanh nghiệp Error! Bookmark not defined.

BIỂU ĐỒ

Biểu đồ 3.1:	Tình hình số lượng đăng ký kinh doanh 6 tháng đầu năm 2016 . 106
Biểu đồ 3.2:	Tình hình doanh nghiệp đăng ký thành lập mới theo vùng lãnh thổ so với cùng kỳ năm 2015 Error! Bookmark not defined.
Biểu đồ 3.3:	Tình hình doanh nghiệp đăng ký thành lập mới theo lĩnh vực hoạt động so với cùng kỳ năm 2015 Error! Bookmark not defined.

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng Cộng Sản Việt Nam (11/1986) đã đề ra đường lối đổi mới toàn diện, trọng tâm đổi mới là kinh tế nhằm tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Với chủ trương đó, nền kinh tế đất nước ta đã có bước chuyển mình từ cơ chế quản lý tập trung quan liêu bao cấp sang nền kinh tế thị trường với sự đa dạng về các thành phần kinh tế cùng các hoạt động kinh doanh, góp phần mạnh mẽ vào việc giải phóng thị trường, tăng quyền tự chủ kinh doanh của công dân. Sau hơn 30 năm đổi mới, nền kinh tế Việt Nam đã tiến một bước dài trên con đường hội nhập và phát triển trên tất cả các lĩnh vực.

Để đạt được những thành tựu trên, Đảng và Nhà nước luôn có những chính sách, chủ trương để tạo mọi điều kiện, thu hút các chủ thể tham gia vào hoạt động kinh doanh. Chủ thể kinh doanh khi gia nhập thị trường phải thực hiện đăng ký kinh doanh. Bởi lẽ, đăng ký kinh doanh là một thủ tục pháp lý “khai sinh và thừa nhận” sự ra đời của các chủ thể kinh doanh. Do vậy, bất cứ chủ thể kinh doanh nào thỏa mãn các điều kiện theo quy định của pháp luật muốn tiến hành hoạt động sản xuất, kinh doanh đều có thể đăng ký với cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Thông qua hoạt động “đăng ký kinh doanh, chủ thể sẽ được cấp *“giấy phép đăng ký kinh doanh”*”. Tuy nhiên, để phù hợp với tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế, quy trình cải cách đăng ký kinh doanh đã có những đổi mới. Nhà nước Việt Nam đã chính thức thống nhất quy trình: đăng ký kinh doanh với đăng ký thuế, áp dụng một mã số duy nhất định danh cho doanh nghiệp. Do vậy, thuật ngữ “đăng ký kinh doanh” được thay thế bằng thuật ngữ “đăng ký doanh nghiệp”.

Nhà nước thống nhất quản lý hoạt động ĐKKD nhằm thực hiện trách nhiệm quản lý, kiểm tra, giám sát các chủ thể kinh doanh ngay từ khâu thành lập, xác lập sự công nhận và bảo hộ những cá nhân, tổ chức được tiến hành kinh doanh trong một lĩnh vực nhất định, loại bỏ khỏi thị trường những chủ thể không đủ điều kiện kinh doanh. Từ đó hướng đến việc bảo vệ lợi ích người tiêu dùng, lợi ích chung của toàn xã hội và của các chủ thể kinh doanh khác. Do vậy, hoạt động đăng ký kinh doanh là một trong công đoạn của quá trình thành lập doanh nghiệp, giúp doanh nghiệp có được địa vị pháp lý trên thị trường không chỉ đơn thuần thỏa mãn các quy định của Luật doanh nghiệp mà còn đòi hỏi doanh nghiệp phải thỏa mãn các quy định của pháp luật chuyên ngành. Với những tiêu chí đó, hoạt động “đăng ký kinh

doanh” theo nghĩa đầy đủ: là để doanh nghiệp được hoạt động trên thương trường, ngoài việc đăng ký được cấp GCNĐKDN, doanh nghiệp muốn hoạt động phải đáp ứng điều kiện “hậu kiểm” theo quy định của pháp luật đầu tư và pháp luật chuyên ngành về ngành nghề kinh doanh có điều kiện.

Hoạt động đăng kinh doanh được phát triển theo thời gian và phù hợp với thực tế qua quy định của các Luật Doanh nghiệp năm 1999, 2005, 2014 cùng với đó là những văn bản hướng dẫn thi hành... Hệ thống quy định của pháp luật về ĐKKD đã tạo ra môi trường thu hút mọi nguồn lực đầu tư và duy trì việc quản lý, giám sát doanh nghiệp. Nhà nước bảo hộ và tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp thực hiện hành vi kinh doanh từ khâu đăng ký thành lập, đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh và cả khi doanh nghiệp rút khỏi thị trường, đồng thời luôn quan tâm phát triển pháp luật về ĐKKD để quy định đầy đủ cho các loại hình doanh nghiệp có cơ sở pháp lý khi ra đời hoạt động nhằm đảm bảo đầy đủ quyền và lợi ích.

Ngoài ra, hoạt động đăng ký kinh doanh là một trong những hình thức để thực hiện quyền tự do kinh doanh thúc đẩy các chủ thể kinh doanh tham gia vào “một sân chơi chung”. Tuy nhiên, từ quy định của pháp luật cho tới việc thực tiễn triển khai áp dụng vẫn còn nhiều bất cập, mâu thuẫn, chưa có sự thống nhất, gây khó khăn cho các doanh nghiệp trong quá trình thực hiện, cơ quan đăng ký kinh doanh khó theo dõi đòi hỏi cần có những quy định hợp lý hơn, sát thực hơn, hiệu quả thực thi cao... để phù hợp với thực tế như: quy định pháp luật về sáp nhập, tạm ngừng, chuyển đổi, hợp nhất doanh nghiệp, các thương nhân, thể nhân khi có nhu cầu kinh doanh nhưng không muốn đăng ký kinh doanh, hay hậu quả pháp lý cho các thành viên khi tham gia thành lập công ty tên công ty, thương hiệu của công ty... điều này cần phải có sự nghiên cứu, lý giải cả về lý luận và thực tiễn.

Xuất phát từ các yêu cầu trên, tác giả đã mạnh dạn lựa chọn đề tài: ***“Pháp luật về đăng ký kinh doanh cho doanh nghiệp ở Việt Nam hiện nay”*** để nghiên cứu và làm Luận án Tiến sĩ luật học. Đồng thời qua đó, luận án cũng hướng đến việc tìm hiểu, nghiên cứu, so sánh và phân tích những luận điểm, luận cứ khoa học và thực tiễn quy định của pháp luật về đăng ký kinh doanh để nhằm đưa ra những kiến nghị, hướng hoàn thiện phù hợp.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục đích nghiên cứu

Mục đích nghiên cứu của Luận án là nhằm làm rõ các vấn đề lý luận và thực

tiền của pháp luật về ĐKKD, sự điều chỉnh pháp luật trong hoạt động ĐKKD. Từ đó, đưa ra định hướng, các luận cứ khoa học nhằm kiến nghị các giải pháp hoàn thiện pháp luật và đề xuất mô hình đăng ký kinh doanh phù hợp ở Việt Nam.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Với mục đích nghiên cứu ở trên, nhiệm vụ nghiên cứu của Luận án được xác định như sau:

Thứ nhất: Làm rõ những vấn đề lý luận của pháp luật về đăng ký kinh doanh theo hướng việc đăng ký kinh doanh là quyền của các chủ thể kinh doanh và được Nhà nước đảm bảo thực hiện bằng các quy định của pháp luật, cụ thể như sau:

- Lý luận về đăng ký kinh doanh gồm các nội dung sau: Khái niệm, đặc điểm và ý nghĩa, giá trị pháp lý của đăng ký kinh doanh, những điều kiện để thực hiện việc đăng ký kinh doanh, các yếu tố ảnh hưởng và chi phối việc đăng ký kinh doanh.

- Lý luận về sự điều chỉnh của pháp luật về đăng ký kinh doanh, trong đó bao gồm các vấn đề như: khái niệm, đặc điểm pháp luật về đăng ký kinh doanh, những nguyên tắc cơ bản của pháp luật về đăng ký kinh doanh, nội dung của pháp luật về đăng ký kinh doanh;

Thứ hai: Phân tích, đánh giá thực trạng pháp luật về đăng ký kinh doanh ở Việt Nam dưới hình thức so sánh quá trình phát triển của đăng ký kinh doanh qua các Luật doanh nghiệp năm 1999, 2005, 2014.

Thứ ba: Phân tích đánh giá thực trạng thực hiện pháp luật về ĐKKD, từ đó làm rõ những thành tựu và hạn chế, đặc biệt là thấy rõ những thách thức của việc thực thi các quy định của Luật doanh nghiệp năm 2014, qua việc phân tích nguyên nhân của các bất cập trong quá trình thực thi Luật doanh nghiệp 2014.

Thứ tư: Trên cơ sở những vấn đề lý luận và thực trạng của pháp luật về ĐKKD, Luận án tập trung đưa ra những phương hướng hoàn thiện pháp luật về đăng ký kinh doanh ở Việt Nam trong nền kinh tế thị trường.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của Luận án được xác định là các vấn đề lý luận và thực tiễn về pháp luật đăng ký kinh doanh ở Việt Nam.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

Về nội dung, phạm vi nghiên cứu là hệ thống các quy định pháp luật của

Việt Nam về điều chỉnh hoạt động đăng ký kinh doanh và các vấn đề có liên quan cũng như quá trình thực hiện pháp luật trong hoạt động đăng ký kinh doanh.

Hoạt động đăng ký kinh doanh kể từ khi Nghị định 43/2010/NĐ-CP ra đời đã hợp nhất ba thủ tục: đăng ký kinh doanh, đăng ký thuế, cấp mã số doanh nghiệp là một nên thuật ngữ: “đăng ký kinh doanh được đổi thành đăng ký doanh nghiệp”.

Đăng ký doanh nghiệp bao gồm đăng ký thành lập doanh nghiệp, đăng ký thay đổi nội dung đăng ký đăng ký doanh nghiệp và các nghĩa vụ đăng ký.

Trong luận án này tác giả, chỉ tập trung nghiên cứu nội dung đăng ký thành lập doanh nghiệp dưới góc độ pháp lý của Luật doanh nghiệp qua các thời kỳ và các luật khác có liên quan như Luật đầu tư và các luật chuyên ngành về điều kiện đăng ký doanh nghiệp.

Về không gian và thời gian, phạm vi nghiên cứu của Luận án là các quy định pháp luật và thực tiễn thực hiện pháp luật đăng ký doanh nghiệp ở Việt Nam từ Luật Doanh nghiệp năm 1999 cho đến Luật Doanh nghiệp năm 2014.

4. Phương pháp nghiên cứu

Ngoài các phương pháp mang tính truyền thống như duy vật biện chứng và duy vật lịch sử. Luận án còn sử dụng các phương pháp nghiên cứu như: phương pháp phân tích, tổng hợp, hệ thống liên ngành, luật học so sánh để làm sáng tỏ các vấn đề nghiên cứu trong phạm vi luận án. Trong đó, từng nội dung cụ thể trong luận án sử dụng các phương pháp nghiên cứu sau:

Chương 2 mục 2.1. Luận án sử dụng chủ yếu phương pháp phân tích và tổng hợp, phương pháp hệ thống để làm rõ khái niệm, đặc điểm, ý nghĩa, giá trị pháp lý của việc ĐKDN theo hướng ĐKDN là quyền của các chủ thể kinh doanh được Nhà nước thực hiện bằng các quy định của pháp luật

Chương 2 mục 2.2. Luận án cũng sử dụng phương pháp chủ đạo là phân tích và tổng hợp để nêu lên những lập luận của pháp luật về ĐKKD qua đó làm rõ khái niệm pháp luật đăng ký kinh doanh, những nguyên tắc cơ bản của pháp luật đăng ký kinh doanh, nội dung pháp luật về đăng ký kinh doanh.

Chương 3 mục 3.1. Luận án sử dụng phương pháp thống kê, phương pháp phân tích, phương pháp luật học so sánh để đánh giá những quy định của pháp luật từ Luật doanh nghiệp năm 1999 đến Luật doanh nghiệp năm 2014 về đăng ký kinh doanh ở Việt Nam. Trong đó, luận án tập trung làm rõ những hạn chế, bất cập của

hệ thống pháp luật trong lĩnh vực đăng ký kinh doanh đặc biệt luận án sử dụng phương pháp so sánh về pháp luật đăng ký kinh doanh ở Việt Nam với một số nước trên thế giới để Việt Nam có thể tham khảo học tập nhằm tiếp tục hoàn thiện pháp luật trong hoạt động đăng ký kinh doanh.

Chương 3 mục 3.2. Luận án sử dụng phương pháp hệ thống, phương pháp thống kê, phương pháp phân tích tổng hợp để chỉ ra thực trạng thực hiện pháp luật trong hoạt động đăng ký kinh doanh. Trong đó bao gồm những kết quả đạt được và đặc biệt là những hạn chế, bất cập và những nguyên nhân tồn tại trong quá trình thực hiện đăng ký kinh doanh.

Chương 4 mục 4.1. Luận án sử dụng phương pháp chủ đạo là phương pháp phân tích và tổng hợp, phương pháp hệ thống để xác định các định hướng cơ bản, quan trọng trong việc hoàn thiện pháp luật về đăng ký kinh doanh ở Việt Nam trong điều kiện nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Chương 4 mục 4.2. Luận án sử dụng phương pháp phân tích và tổng hợp, phương pháp luật học so sánh, phương pháp hệ thống để đề ra các giải pháp hoàn thiện nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về đăng ký kinh doanh ở Việt Nam trong giai đoạn tới.

5. Những điểm mới của Luận án

Luận án là công trình khoa học tập trung nghiên cứu chuyên sâu về pháp luật trong hoạt động ĐKKD ở Việt Nam. Do đó, so với các công trình nghiên cứu đã được công bố trước đó, luận án sẽ có những điểm mới đóng góp cho khoa học pháp lý như sau:

Nhìn nhận, phân tích dưới hình thức thực hiện quyền tự do kinh doanh, Luận án chỉ ra khái niệm, đặc điểm và ý nghĩa, giá trị pháp lý của việc đăng ký kinh doanh, các yếu tố ảnh hưởng và chi phối đến hoạt động đăng ký kinh doanh.

Luận giải, phân tích và làm rõ các vấn đề lý luận của pháp luật về ĐKKD; Luận án chỉ ra khái niệm, nội dung và những nguyên tắc của pháp luật về ĐKKD.

Phân tích, luận giải những quy định của pháp luật từ Luật doanh nghiệp năm 1999 đến Luật doanh nghiệp năm 2014 trên cơ sở so sánh, đối chiếu với pháp luật của một số nước trên thế giới về hoạt động ĐKKD và mô hình ĐKKD tiêu biểu theo đánh giá của Ngân hàng Thế giới. Qua đó, Luận án chỉ ra những nguyên nhân, hạn chế, bất cập trong các quy định của pháp luật hiện hành về ĐKKD như Luật đầu tư, và các luật chuyên ngành.

Dự báo tác động của Luật Doanh nghiệp năm 2014 với vai trò tạo sự thuận lợi tối đa cho các chủ thể khi có nhu cầu kinh doanh, thực hiện thủ tục ĐKKD nhanh chóng, đơn giản, gọn nhẹ, thực hiện được quyền tự do kinh doanh theo đúng tinh thần của Hiến pháp năm 2013.

Đưa ra các luận cứ khoa học để đề xuất các giải pháp hoàn thiện các quy định pháp luật về ĐKKD trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế như hiện nay; thiết kế được mô hình của hệ thống ĐKKD phù hợp ở Việt Nam và đề ra một số cải cách quan trọng trong nội dung của Luật doanh nghiệp năm 2014.

6. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của Luận án

Về ý nghĩa khoa học, Luận án đóng góp về phương diện lý luận cho việc nghiên cứu pháp luật, quá trình xây dựng, hoàn thiện và thực thi pháp luật về ĐKKD, tìm kiếm mô hình ĐKKD nào cho phù hợp. Luận án cũng làm rõ vai trò, chức năng của pháp luật về ĐKKD, sự tác động của hệ thống pháp luật về ĐKKD tới quá trình phát triển kinh tế - xã hội.

Về mặt thực tiễn, kết quả nghiên cứu của Luận án sẽ là công trình khoa học có giá trị tham khảo cho việc nghiên cứu, giảng dạy, học tập và áp dụng pháp luật về đăng ký kinh doanh ở Việt Nam.

7. Kết cấu của Luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục các tài liệu tham khảo và phụ lục, luận án gồm 4 chương:

Chương 1: Tổng quan tình hình nghiên cứu và các vấn đề liên quan đến đề tài luận án

Chương 2: Những vấn đề lý luận về đăng ký kinh doanh và pháp luật về đăng ký kinh doanh

Chương 3: Thực trạng pháp luật và thực hiện pháp luật về đăng ký kinh doanh ở Việt Nam

Chương 4: Phương hướng và giải pháp hoàn thiện pháp luật về đăng ký kinh doanh ở Việt Nam

CHƯƠNG 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU VÀ CÁC VẤN ĐỀ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1.1. Tổng quan tình hình nghiên cứu

1.1.1. Tình hình nghiên cứu ở ngoài nước

Hoạt động ĐKKD là một hoạt động phổ biến và được thực hiện ở hầu hết các quốc gia. Do đó, việc nghiên cứu những quy định của pháp luật về đăng ký kinh doanh đã thu hút nhiều học giả, các nhà nghiên cứu trên thế giới nghiên cứu về vấn đề này để nhằm cải thiện môi trường kinh doanh với những quy trình, thủ tục đơn giản, linh hoạt hơn. Trên cơ sở đó, học viên đã lựa chọn một số các công trình nghiên cứu tiêu biểu ở các nước dẫn đầu về chỉ số môi trường kinh doanh hay các nước hợp tác toàn diện, cùng khu vực có điều kiện kinh tế đồng đều để giúp Việt Nam học hỏi, tham khảo kinh nghiệm và hoàn thiện pháp luật về đăng ký kinh doanh.

- Cuốn sách *“Doing Business 2013”: Smarter regulations for small and medium size enterprises* [112]. Dự án và Báo cáo chung của Ngân hàng thế giới và Tổ chức tài chính Quốc tế về Môi trường kinh doanh nghiên cứu năm 2003 với nội dung nghiên cứu áp dụng phương thức đánh giá khách quan sự tác động của các quy định kinh doanh ở tầm vi mô tới các doanh nghiệp. Báo cáo nghiên cứu rất chi tiết với 10 tiêu chí để đưa ra nhận định về MTKD của 185 quốc gia. Khi đánh giá về quy trình, thủ tục ĐKKD bản báo cáo chỉ ra những nước có quy trình thủ tục mất nhiều thời gian gây phiền hà là những nước vùng Trung Đông và Bắc phi gồm: Argentina có 14 thủ tục, Brunie có 15 thủ tục và mất 101 ngày để thành lập doanh nghiệp... Singapore và Đặc khu Hành chính Hồng Kông (Trung Quốc) tiếp tục có môi trường pháp lý thuận lợi nhất thế giới cho doanh nghiệp. Đài Loan (Trung Quốc), Hàn Quốc cũng được xếp vào nhóm 20 nước đứng đầu thế giới về mức độ thuận lợi trong kinh doanh.

Còn đối với Việt Nam theo bản báo cáo chỉ số MTKD năm 2013 Việt Nam xếp hạng 108/185 nền kinh tế. Theo bản báo cáo pháp luật quy định về thủ tục ĐKKD ở Việt Nam phải trải qua 10 thủ tục, và 34 ngày để thành lập và đưa doanh nghiệp đi vào hoạt động [112].

Bản báo cáo về môi trường kinh doanh năm 2013 của Ngân hàng thế giới với mục đích chính là mang đến một cơ sở khách quan về hiểu biết và cải thiện môi trường pháp lý cho các doanh nghiệp địa phương thuộc các nền kinh tế trên khắp thế giới. Tuy nhiên, bản báo cáo mới chỉ dừng lại ở việc phân tích đánh giá dựa trên 10 tiêu chí, mà chưa có những phân tích sâu, cụ thể, kiến nghị về những quy định pháp luật trong hoạt động đăng ký kinh doanh.

Cũng là nghiên cứu về môi trường kinh doanh của Ngân hàng thế giới và Tổ chức tài chính Quốc tế năm 2014. Ngày 29/10/2014 World Bank đã phát hành báo cáo thường niên quan trọng về Môi trường kinh doanh lần thứ 12; *“Doing business 2014: Understanding regulations for small and medium - size enterprises”* Publisher: World Bank Publications, 2012. [113].

Theo báo cáo, chỉ số xếp hạng môi trường kinh doanh thuận lợi của Việt Nam năm 2014 là 72 trên tổng số 189 quốc gia. Đây là kết quả của việc cải thiện hệ thống thông tin tín dụng quốc gia, giảm lãi suất tín dụng. Đồng thời, trong thời gian qua, Chính phủ Việt Nam đã tạo điều kiện cho các công ty giảm bớt chi phí thuế bằng cách giảm mức thuế thu nhập doanh nghiệp. Những lĩnh vực mà Việt Nam đã cải cách trong quy định kinh doanh bao gồm: vay vốn (thông tin tín dụng), nộp thuế. Đặc khu hành chính Hong Kong Trung Quốc tiếp tục là quốc gia có môi trường kinh doanh với những thủ tục thông thoáng tạo cho doanh nghiệp khởi sự hoạt động nằm trong các nước dẫn đầu bởi họ đã có những cải cách để việc thành lập doanh nghiệp trở nên ít tốn kém hơn bằng việc hủy bỏ thuế vốn đánh vào các công ty nội.

Tiếp tục nghiên cứu về MTKD bản báo cáo của Ngân hàng thế giới và Tổ chức tài chính Quốc tế năm 2015 đã bổ sung thêm một thành phố cho 11 nền kinh tế có số dân trên 100 triệu người. Việc bổ sung thêm một thành phố cho phép có sự so sánh trong một quốc gia và cơ sở đối chiếu với những thành phố lớn khác.

Báo cáo năm nay mở rộng phạm vi của 03 trong số 10 chủ đề của bộ chỉ số gồm: giải quyết tình trạng phá sản, bảo vệ nhà đầu tư nhỏ lẻ và tiếp cận tín dụng. Đồng thời bản báo cáo cũng đưa ra cách xếp hạng môi trường kinh doanh thuận lợi hiện nay dựa trên khoảng cách tới điểm cao nhất. Cách đo này cho biết khoảng cách từ mỗi nền kinh tế tới các thông lệ tốt nhất trên thế giới về quy định kinh doanh.

Điểm số cao cho thấy một môi trường kinh doanh hiệu quả và thể chế pháp lý mạnh mẽ hơn. Khoảng cách tới điểm cao nhất thể hiện khoảng cách từ kết quả hoạt động trong quy định kinh doanh của một nền kinh tế tới một tiêu chuẩn của thông lệ tốt nhất thông qua 31 chỉ số cho 10 chủ đề của MTKD (không bao gồm các chỉ số về quy định đối với thị trường lao động).

Ví dụ: để bắt đầu một hoạt động kinh doanh, Ca-na-đa và Niu-di-lân yêu cầu thực hiện một số lượng thủ tục ít nhất (01), và để hoàn thành thủ tục đó Niu-di-lân cần lượng thời gian ngắn nhất (0,5 ngày). Xlô-vê-ni-a có chi phí thấp nhất (0), Úc và Cô-lôm-bi-a cùng 110 nền kinh tế khác không có yêu cầu về số vốn đã góp tối thiểu [113].

Có thể thấy, bản báo cáo về MTKD của WB năm 2015 đã có sự thay đổi rất lớn, bởi lẽ sự thay đổi này nhằm mục đích mở rộng việc sử dụng dữ liệu của các nhà hoạch định chính sách và nhà nghiên cứu bằng cách tập trung nhiều hơn vào chất lượng pháp lý. Ngoài ra, bằng cách tiếp tục dựa vào dữ liệu và tăng cường công tác thu thập dữ liệu, nhóm lập báo cáo phân tích môi trường pháp lý cho kinh doanh và chỉ ra những kiến thức toàn diện để giúp chủ thể kinh doanh hiểu biết những quy định kinh doanh. Qua đó, nhóm báo cáo cũng phân tích những nguyên nhân gây đình trệ và những điểm thiếu linh hoạt trong hệ thống pháp lý và quy định cho các doanh nghiệp, đồng thời chỉ ra những gì cần phải thay đổi khi thiết kế cải cách. Chính phủ các nước có thể rà soát những kinh nghiệm của các nền kinh tế đã áp dụng những thông lệ quy định kinh doanh hiệu quả hơn và thực hiện tốt các chỉ số bằng cách mở rộng phạm vi đo lường về môi trường kinh doanh cũng như những lĩnh vực mới để xem xét cho lịch trình cải cách của họ.

Báo cáo đánh giá về tình hình đơn giản thủ tục hành chính ở Việt Nam do Tổ chức và Hợp tác và Phát triển Kinh tế Châu Âu (OECD) phát hành năm 2011: “*Administrative simplification in Việt Nam: Supporting the competitiveness of the Vietnamese economy*” [102].

Đây được coi là bản báo cáo có cái nhìn rất toàn diện về MTKD ở Việt Nam qua các đề án cải cách thủ tục hành chính như Đề án 30 về đơn giản hóa thủ tục hành chính. Theo OECD, nền kinh tế Việt Nam đang trên đà phát triển, do đó cần phải nỗ lực cải cách, hoàn thiện hệ thống pháp luật về môi trường đầu tư, kinh doanh tạo điều kiện, thu hút các nhà đầu tư nước ngoài hơn nữa, tăng cường có các

cuộc đối thoại giữa Chính phủ và các doanh nghiệp trong và ngoài nước; cải thiện phương thức, thủ tục ĐKKD, rút ngắn thời gian, chi phí cho nhà đầu tư kinh doanh.

Bản báo cáo chỉ ra rất rõ những ưu điểm và nhược điểm của môi trường kinh doanh, và đây có thể là những căn cứ giúp Việt Nam xây dựng, sửa đổi Luật doanh nghiệp năm 2014.

Cuốn sách *“Understanding Company Law”* của tác giả Philip Lipton, Abe Herzberg và Michelle Welsh, do Nhà xuất bản Thomson Reuters xuất bản năm 2012. Nội dung cuốn sách được tác giả nghiên cứu về Luật công ty năm 2001 của Australia, trong đó tác giả đã dành một phần để nghiên cứu những quy định của pháp luật về thủ tục thành lập doanh nghiệp tại Australia. Theo đó, chủ thể kinh doanh khi muốn thành lập doanh nghiệp phải làm thủ tục ĐKKD tại Ủy Ban Đầu tư và Chứng Khoán Australia (ASIC) bằng hình thức đăng ký kinh doanh qua mạng và trả phí cho ASIC là AUD 426. Luật công ty Australia quy định chủ thể kinh doanh phải đăng ký những thông tin cơ bản sau: Loại hình công ty, tên công ty, tên và địa chỉ của thành viên, chi nhánh, văn phòng, địa chỉ, trụ sở chính, thời gian bắt đầu hoạt động kinh doanh... sau khi nhận được hồ sơ thành lập công ty ASIC sẽ cấp cho công ty đăng ký một CAN (Australian Company Number). Thời gian để chủ thể kinh doanh hoàn thiện việc ĐKKD và nhận được giấy CAN chỉ mất 1 ngày.

Theo các tác giả Philip Lipton, Abe Herzberg và Michelle Welsh phân tích quy trình ĐKKD tại Australia được thực hiện rất thông thoáng và không mất nhiều thời gian, kinh phí, là một quốc gia đứng đầu bảng về MTKD. Tuy nhiên, các tác giả mới chỉ ra quy trình ĐKKD tại Australia từ luật thực định công ty năm 2001, chứ chưa có sự so sánh hoặc nêu ra những ưu điểm và nhược điểm của Luật công ty năm 2001.

Bài báo *“Licensing regimes East and West”* của hai tác giả Anthony Ogus and Qing Zhang, đăng trên tạp chí International Review of Law and Economics số 25 năm 2005. Nội dung của bài báo các tác giả đã tập trung phân tích, đánh giá vai trò của GPKD đối với hoạt động quản lý của nhà nước. Điều đáng lưu ý hai tác giả đã có cái nhìn đa chiều từ hoạt động quản lý GPKD từ những nước đang phát triển (Trung Quốc) đến những nước phát triển (Mỹ). Theo tác giả, những nước đang phát triển thường quản lý hoạt động cấp GPKD với những cách thức, thủ tục rườm rà,

mất thời gian, chi phí dùng để kiểm soát hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu. Còn ở những nước phát triển nhà nước quản lý hoạt động cấp GPKD chỉ áp dụng đối với những hàng hóa đặc thù như: sản phẩm công nghệ cao, vũ khí... Qua đó, theo các tác giả GPKD nên được coi là công cụ để nhà nước quản lý doanh nghiệp chứ không phải là điều kiện để gây khó khăn cho DN, việc sử dụng GPKD ở những nước đang phát triển được áp dụng rộng rãi hơn và thường xuyên hơn.

Nhằm hỗ trợ trong việc cải cách, quản lý hệ thống đăng ký kinh doanh theo tác giả John Wille, Karim O. Belayachi, Numa De Magalhaes và Frederic Meunier trong cuốn: *“Leveraging Technology to Support Business Registration Reform”* (In Practice Note). Sử dụng công nghệ để hỗ trợ cải cách đăng ký kinh doanh xuất bản vào tháng 7 năm 2011 đưa ra những giải pháp trong việc ứng dụng công nghệ thông tin để giảm thời gian cho các doanh nghiệp khi đi đăng ký kinh doanh, đồng thời cải thiện sự giám sát của Nhà nước và tạo điều kiện tiếp cận thông tin cho các doanh nghiệp. Theo các tác giả, để ứng dụng tốt công nghệ thông tin trong hoạt động ĐKKD nhà nước cần phải cải cách pháp luật và quy trình đăng ký trước khi ứng dụng công nghệ thông tin đồng thời xây dựng một cơ sở hạ tầng thật tốt, bồi dưỡng cán bộ làm công tác đăng ký kinh doanh, yêu cầu chủ thể khi đi đăng ký kinh doanh cần phải chuẩn bị hồ sơ đầy đủ để điền vào phần mềm đăng ký kinh doanh. Ngoài ra, nhà nước cũng cần phải xây dựng các mối liên kết dữ liệu giữa các cơ quan thực hiện hoạt động đăng ký kinh doanh. Bằng chứng về 34 công ty đã ứng dụng thành công trong việc đăng ký kinh doanh bằng hệ thống công nghệ thông tin.

- Tác giả Kristtian Rada và Ursula Blotte có bài viết nghiên cứu về *“Improving Business Registration Procedures at the Sub-National Level the case of Lima, Peru.”*; *“Nâng cao thủ tục đăng ký kinh doanh tại cấp địa phương - bài học kinh nghiệm của Lima-Peru”*. Bài nghiên cứu trình bày những bất cập của việc cấp giấy phép đăng ký kinh doanh tại Lima-Peru trước đây phải mất 62% thời gian. Trước tình hình đó vào năm 2006 với sự hỗ trợ từ Quỹ IFCLAC về hỗ trợ kỹ thuật, Chính phủ Lima đưa ra một quy trình đăng ký kinh doanh mới làm giảm tổng thời gian cần thiết từ 60 ngày xuống còn 3 ngày với các bước: (i) Nhận thức xây dựng dự án, (ii) Triển khai dự án, (iii) Bài học kinh nghiệm. Theo các tác giả, việc cải cách thủ tục đăng ký kinh doanh tại địa phương là điều hết sức cần thiết. Trên cơ sở

thu thập thông tin, trao đổi, nghiên cứu thực tế, khảo sát, tác giả thấy trong những năm qua những rào cản, vướng mắc, thủ tục không cần thiết kéo dài quá lâu cùng chi phí quá cao đã làm cản trở hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Cụ thể có tới 70% doanh nghiệp khi đăng ký kinh doanh đều thấy tại cơ quan đăng ký kinh doanh thiếu trang thiết bị, năng lực cán bộ hạn chế, thủ tục rườm rà, tiêu cực... Từ đó các tác giả đưa ra những kiến nghị nhà nước cần phải đảm bảo cơ sở kỹ thuật, yếu tố chính trị, nâng cao nghiệp vụ của cán bộ làm công tác đăng ký kinh doanh, quyết tâm phá bỏ những rào cản làm ảnh hưởng đến thủ tục đăng ký. Thực tế, sau một năm cải cách số lượng doanh nghiệp đăng ký gia tăng 400%, chỉ mất hai ngày có được giấy phép đăng ký kinh doanh.

- Theo tác giả *James Newton, Sylvia Solf, và Adriana Vicentini* có nghiên cứu “*Đăng ký kinh doanh một cửa tại El Salvador bắt đầu từ năm 2006*” Trước năm 2006 chủ thể đăng ký kinh doanh tại El Salvador đã phải mất 115 ngày mới có được giấy phép đăng ký kinh doanh. Nhờ có thủ tục cải cách từ tháng 1 năm 2006, thủ tục đăng ký kinh doanh còn 26 ngày. Để giảm thời gian hoàn thành việc đăng ký kinh doanh, nhờ sự nỗ lực của Chính phủ El Salvador. Doanh nghiệp sẽ có thể hoàn thành 8 thủ tục khác nhau tại cơ quan đăng ký kinh doanh như: hoàn thành hồ sơ, giấy phép kinh doanh, mã số thuế (thuế thu nhập và thuế giá trị gia tăng), hóa đơn giấy tờ chính thức, đăng ký bảo hiểm xã hội, thông báo của Bộ Lao động. Toàn bộ thủ tục được thực hiện qua hệ thống thông tin điện tử ở cơ quan đăng ký kinh doanh. Mặt khác, để hoàn thành việc đăng ký kinh doanh ngày càng được nhanh hơn, cơ quan đăng ký kinh doanh tại El Salvador đã ban hành sẵn những mẫu đơn đăng ký kinh doanh giúp cho doanh nghiệp dễ dàng hơn trong việc khai báo, đăng ký.

Bằng những trải nghiệm cải cách thủ tục đăng ký kinh doanh một cửa đã giúp El Salvador cắt giảm chi phí tới giảm chi phí 67%. Với những nỗ lực trong công cuộc cải cách đăng ký kinh doanh Salvador đã được Ngân hàng Thế giới công nhận, là một trong những quốc gia có cải cách tiên bộ hàng đầu trên toàn thế giới, môi trường kinh doanh đứng vị trí 15 trên 189 nền kinh tế trong báo cáo năm 2007. Từ một đất nước nghèo, điều kiện kinh tế xã hội còn nhiều khó khăn, bằng sự quyết tâm Chính phủ El Salvador đã mở ra một môi trường kinh doanh mới để thu hút các nhà đầu tư.

Việc cải cách thủ tục đăng ký kinh doanh là vấn đề cốt lõi của bất cứ một nền kinh tế nào khi muốn phát triển và tăng trưởng kinh tế, thu hút nguồn vốn của nhà đầu tư nước ngoài. Do đó, ở Bồ Đào Nha, theo nghiên cứu của tác giả: Camille Ramos với nghiên cứu “*Bồ Đào Nha: Đăng ký kinh doanh một cửa*” có chỉ ra: Năm 2005 phải mất 11 thủ tục và 78 ngày để bắt đầu một doanh nghiệp ở Bồ Đào Nha, chậm hơn so với ở Cộng hòa Dân chủ Congo. Một doanh nhân phải làm 20 thủ tục với nhiều văn bản, so với bất kỳ quốc gia Liên minh châu Âu, chi phí đến gần 2000 €. Khi Thủ tướng Jose Socrates nhận chức tháng 3 năm 2005. Thủ tướng đã triển khai hệ thống đăng ký kinh doanh một cửa. Từ đây, Bồ Đào Nha hiện là một trong những quốc gia dễ nhất để khởi sự một doanh nghiệp, với 7 thủ tục, 7 ngày, và mất 600 €

Có thể thấy, cải cách thủ tục đăng ký kinh doanh, minh bạch hóa hoạt động đăng ký kinh doanh đều được hầu hết các nước áp dụng. Ngoài những quốc gia kể trên, học viên còn thấy có nhiều tác giả nghiên cứu về vấn đề này như: Tác giả John Olaisen, Norway Registers Development AS nghiên cứu: “*Business Registration Reform Case Studies Malaysia*” tháng 6 năm 2009 ; “*Azerbaijan: Làm thế nào để cải cách trong thủ tục kinh doanh trong 3 tháng*” của tác giả: Svetlana Bagaudinova, Dahlia Khalifa, và Givi Petriashvili; hay bài nghiên cứu của tác giả: K.Latha “*Singapore Khai thác Internet để tiến hành thủ tục đăng ký kinh doanh*”; hoặc bài viết “*Cần thiết phải cải cách thủ tục đăng ký kinh doanh tại Yemen*” của tác giả: Karim Belayachi và Yara Salem, ...

Như vậy, có thể thấy các công trình nghiên cứu ở nước ngoài đã đề cập và phân tích những vướng mắc về thủ tục, trình tự, các điều kiện để tiến hành đăng ký kinh doanh cho chủ thể kinh doanh. Đây là tiền đề để giúp học viên đi sâu phân tích cơ sở lý luận về đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật.

Hàng năm World Bank đã cung cấp cho các nhà đầu tư tìm hiểu rõ hơn về môi trường kinh doanh, vòng đời của một doanh nghiệp trong một nền kinh tế qua các bản báo cáo. Các kết quả trong các bản báo cáo đã thúc đẩy quá trình thảo luận về chính sách trên toàn thế giới và tạo điều kiện tăng cường nghiên cứu mức độ ảnh hưởng của các quy định pháp luật về thành lập doanh nghiệp đối với kết quả hoạt động chung của các nền kinh tế. Ngoài ra, với những phân tích, bình luận, chỉ ra những ưu, nhược điểm của từng nước về thủ tục đăng ký kinh doanh World Bank đã

là cầu nối giúp các quốc gia có những thay đổi, nhận định, nỗ lực cải cách chính sách pháp luật sao cho phù hợp với kinh tế toàn cầu.

Thông qua báo cáo môi trường kinh doanh của World Bank, tình hình pháp luật về đăng ký kinh doanh ở các nước trên thế giới hàng năm đều có sự thay đổi theo hướng tích cực, đơn giản, dễ dàng áp dụng, hiệu quả thực thi cao, thực sự thu hút các nhà đầu tư, đảm bảo quyền tự do kinh doanh cho các chủ thể kinh doanh.

Như vậy, các công trình nghiên cứu ở nước ngoài cũng đã cung cấp cho học viên một cái nhìn toàn diện về khởi sự thành lập doanh nghiệp. Mặc dù, ở các nước việc áp dụng và thực thi pháp luật là hoàn toàn khác nhau, nhưng đều có sự nỗ lực cải cách trong lĩnh vực đăng ký kinh doanh.

Một số kinh nghiệm tiên bộ về đăng ký kinh doanh được ghi nhận trên thế giới là: thực hiện quy trình đăng ký trực tuyến, bãi bỏ quy định về vốn tối thiểu, thiết lập cơ chế “một cửa” thống nhất chuẩn hóa hồ sơ, phí đăng ký cố định. Trên thế giới, thời gian trung bình để thành lập doanh nghiệp là 14 ngày. Trong 5 năm qua, mỗi năm thế giới có 45 cải cách được thực hiện trong lĩnh vực gia nhập thị trường của doanh nghiệp. Trong giai đoạn 2013-2014, có 45 nền kinh tế đã tiến hành những cải cách nhằm đơn giản hóa việc khởi sự kinh doanh, đặc biệt chú trọng vào quy trình thành lập doanh nghiệp. Khu vực Châu phi (tiểu vùng Sahara) là có những cải thiện đáng kể nhất trong 5 năm qua. Tuy nhiên, doanh nghiệp tại các quốc gia này vẫn đối mặt với nhiều thách thức khác trong việc khởi sự kinh doanh và vận hành doanh nghiệp. Một số cải cách trong giai đoạn 2013-2014 trên thế giới là:

- *Đơn giản hóa thủ tục tiền đăng ký (chứng thực văn bản, thanh tra - kiểm tra, các thủ tục “tiền kiểm”)*: Những quốc gia đã thực hiện cải cách này là Albania, Bulgaria, Cộng hòa Hồi giáo Iran, Na-Uy, Mauritius, Tây Ban Nha, Vương Quốc Anh, Jamaica, Ấn Độ, Việt Nam.

- *Xóa bỏ hoặc giảm yêu cầu về vốn tối thiểu*: Các quốc gia đã thực hiện là Áo, Benin, Trung Quốc, Cộng hòa Céc, Đan-mạch, Moldova, Ý, São Tomé and Príncipe, Senegal, Togo.

- *Xóa bỏ hoặc đơn giản hóa thủ tục sau đăng ký (thủ tục đăng ký thuế, đăng ký bảo hiểm xã hội, giấy phép kinh doanh)*: Các quốc gia đã thực hiện: Hy Lạp, Iceland, Lithuania, Mauritania, Liên bang Nga, Mỹ.

- *Thiết lập hoặc nâng cấp cơ chế Một cửa (one-stop shop)*: Cộng hòa Dân chủ Công-gô, Pháp, Suriname, Tajikistan, Timor-Leste.

Một số quốc gia với điển hình cải cách trong năm qua là:

- *Timor-Leste (Đông Timor)*: Nước Dân chủ Cộng hòa Đông Timor đã tiến hành cải cách triệt để công tác đăng ký kinh doanh, xây dựng hệ thống đăng ký “Một cửa” cho phép doanh nghiệp được đăng ký và bảo lưu tên doanh nghiệp, đăng ký và nhận mã số doanh nghiệp, công khai thông tin doanh nghiệp. Những cải cách đã đưa Đông Timor tăng 88 bậc trong xếp hạng về khởi sự kinh doanh, thuộc Báo cáo Môi trường kinh doanh của Ngân hàng Thế giới, theo đó Đông Timor xếp thứ 75/189 trong Bảng xếp hạng năm 2015.

- *São Tomé and Príncipe*: Nước Dân chủ Cộng hòa São Tomé and Príncipe là quốc gia Châu Phi có nhiều những cải cách đáng kể trong năm qua. Đặc biệt, quốc gia này đã bãi bỏ quy định về vốn tối thiểu và giấy phép kinh doanh khi tiến hành đăng ký thành lập doanh nghiệp. Bên cạnh những cải cách khác, hai cải cách trên đã đóng góp cơ bản vào việc đơn giản hóa thủ tục khởi sự doanh nghiệp tại quốc gia này. Với những kết quả tích cực, São Tomé and Príncipe được xếp hạng 30 về Khởi sự kinh doanh, tăng 71 bậc trong năm 2015.

- *Trung Quốc*: Trong năm qua, Trung Quốc đã có cải thiện đáng kể về chỉ số Khởi sự kinh doanh, tăng 69 bậc trong Bảng xếp hạng năm 2015 của Ngân hàng Thế giới. Trung Quốc đã bãi bỏ yêu cầu về vốn tối thiểu để thành lập doanh nghiệp, từ đó cũng lược bỏ thủ tục về xác nhận vốn tối thiểu từ công ty kiểm toán, không yêu cầu lập tài khoản trước khi đăng ký, không yêu cầu ký quỹ tại ngân hàng và các giấy tờ xác minh liên quan. Đây là bước tiến đáng kể của Trung Quốc thể hiện tư duy mở cửa và đặt niềm tin vào doanh nghiệp khi tham gia thị trường.

1.1.2. Tình hình nghiên cứu ở trong nước

Pháp luật về đăng ký kinh doanh ở Việt Nam lần đầu được “khai sinh” bằng chế định riêng trong văn bản quy phạm pháp luật vào năm 1990, khi Quốc hội thông qua Luật Doanh nghiệp tư nhân và Luật Công ty cùng các văn bản hướng dẫn ra đời đã mang lại sự cải thiện lớn về tính công khai trong các quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục và điều kiện đăng ký kinh doanh, tính minh bạch trong tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về đăng ký kinh doanh. Những quy định này đã góp phần tạo điều kiện

cho chủ thể kinh doanh được thực hiện quyền tự do kinh doanh.

**Nhóm các công trình nghiên cứu đánh giá về Luật doanh nghiệp*

Trên cơ sở đánh giá quy định về đăng ký kinh doanh lần đầu được quy định trong Luật. Viện quản lý kinh tế Trung ương là cơ quan đầu mối xây dựng hai đạo luật trên đã có “*Báo cáo tổng kết thi hành Luật Doanh nghiệp tư nhân 1990 và Luật Công ty năm 1990*” đã có những bước cải thiện lớn về tính công khai trong các quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục và điều kiện để được đăng ký kinh doanh, tính minh bạch trong tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về đăng ký kinh doanh. Những quy định này đã góp phần tạo điều kiện cho chủ thể kinh doanh được thực hiện quyền tự do kinh doanh. Tuy nhiên, do là những chế định đầu tiên mang tính chuyên biệt về đăng ký kinh doanh và thành lập doanh nghiệp nên những văn bản ban đầu này vẫn chưa thực sự “*cởi trói*” cho quyền tự do kinh doanh của doanh nghiệp.

Năm 2004, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã có “*Báo cáo tổng kết thi hành Luật Doanh nghiệp năm 1999*” trên cơ sở khảo sát doanh nghiệp thực hiện hoạt động đăng ký kinh doanh trong phạm vi cả nước. Kết quả thu được 300 loại giấy phép khác nhau mà người kinh doanh phải thường xuyên xin các cơ quan có thẩm quyền. Từ 194 loại năm 2002 lên 246 vào năm 2003 và 298 cuối năm 2004. Cứ trung bình, mỗi tuần lại sản sinh ra được một giấy phép mới. Đặc biệt, một số Bộ ngành vẫn quản lý theo tư tưởng “*khả năng đến đâu, mở cửa đến đó*”. Điều này dẫn đến việc xuất hiện ngày càng nhiều các loại giấy phép con, giấy phép trá hình được thể hiện dưới dạng các điều kiện kinh doanh, thậm chí là cả các giấy phép đã bị bãi bỏ nhưng tồn tại dưới hình thức khác. Để giảm con số 300 các loại giấy phép, bản báo cáo cũng nêu ra giải pháp bằng Quyết định số 19/2000/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ đã bãi bỏ được 84 loại giấy phép không cần thiết trái với quy định của luật. Ngoài ra, Nghị định 59/2002/NĐ-CP đã loại bỏ thêm 4 giấy phép và thay thế 10 loại giấy phép bằng các điều kiện kinh doanh. Điều này thể hiện rất rõ quyết tâm của Chính phủ trong việc khuyến khích các hoạt động đầu tư kinh doanh thông qua việc loại bỏ một loạt các giấy phép đã lỗi thời, không còn cần thiết và chỉ giữ một số lượng rất nhỏ các giấy phép kinh doanh trong một số ngành nghề được coi là nhạy cảm.

Năm 2006, Viện Nghiên cứu Quản lý kinh tế trung ương (CIEM) cùng Tổ

chức hợp tác kỹ thuật Đức (GTZ) đã phối hợp xuất bản cuốn *“Sáu năm thi hành Luật Doanh nghiệp 1999 - Những vấn đề nổi bật và bài học kinh nghiệm”* đã nêu rõ, Luật Doanh nghiệp năm 1999 đã đạt được bốn mặt được chủ yếu góp phần tạo điều kiện để công dân tự do kinh doanh những ngành, nghề mà pháp luật không cấm, giải phóng và phát triển sức sản xuất, tăng trưởng kinh tế, huy động và phát huy được nội lực vào xây dựng, phát triển kinh tế - xã hội.

- Cuốn sách: *“Thời điểm cho sự thay đổi Đánh giá Luật doanh nghiệp 1999 và kiến nghị”* của Viện Nghiên cứu Quản lý kinh tế trung ương phối hợp cùng Chương trình Phát triển Liên Hiệp quốc và Hợp tác tổ chức kỹ thuật Đức xuất bản năm 2004. Theo nghiên cứu của nhóm tác giả, Luật Doanh nghiệp năm 1999 đã đơn giản hóa thủ tục thành lập và đăng ký kinh doanh, kết hợp và bãi bỏ hàng trăm giấy phép không cần thiết nhằm xóa bỏ và giảm mạnh rào cản gia nhập thị trường, quy định rõ những quyền cơ bản của doanh nghiệp được kinh doanh ở tất cả các ngành nghề mà pháp luật không cấm... Tuy nhiên, Luật Doanh nghiệp năm 1999 chưa thiết lập được nguyên tắc kiểm soát việc ban hành giấy phép mới và chưa thường xuyên đánh giá được hiệu lực và tính hữu ích của giấy phép, các điều kiện kinh doanh thậm chí trái luật chưa được ngăn chặn hiệu quả, hoặc chưa bãi bỏ kịp thời, kiểm soát được tên doanh nghiệp, doanh nghiệp trùng tên hoặc có tên có thể gây nhầm lẫn trên phạm vi toàn quốc, hạn chế góp vốn của nhà đầu tư nước ngoài...

Sự ra đời của Luật Doanh nghiệp năm 2005 đã mở rộng quyền tự do kinh doanh, thành lập doanh nghiệp của nhà đầu tư không phân biệt đó là nhà đầu tư trong nước hay nước ngoài. Luật đã đơn giản hóa trình tự, thủ tục đăng ký kinh doanh, áp dụng thống nhất chế độ đăng ký thay cho *“cấp phép”*, xóa bỏ những quy định *“xin-cho”*, *“phê duyệt”*, *“chấp thuận”* bất hợp lý, gây phiền hà cho doanh nghiệp, hạn chế tối đa rào cản gia nhập thị trường không cần thiết, tạo thuận lợi cho những người có khả năng thành lập doanh nghiệp, biến nguyện vọng kinh doanh của mình thành hiện thực.

- Báo cáo tổng kết thi hành Luật Doanh nghiệp năm 2005 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, trong đó có đánh giá tình hình triển khai thi hành Luật Doanh nghiệp từ năm 2006 đến năm 2013, phân tích những tác động tích cực và hạn chế của Luật để làm cơ sở cho sửa đổi bổ sung Luật Doanh nghiệp. Báo cáo chia thành 4 phần. Phần

1 miêu tả tổng quan thực trạng khu vực doanh nghiệp hiện nay qua các con số thống kê. Phần 2 đánh giá mức độ thành công của Luật so với mục tiêu đã đề ra. Phần 3 phân tích những bất cập, khó khăn trong tổ chức thi hành Luật. Phần 4 là kiến nghị công việc tiếp theo và định hướng sửa đổi Luật Doanh nghiệp.

**Nhóm các công trình nghiên cứu về môi trường kinh doanh*

- Chuyên đề nghiên cứu kinh tế tư nhân (số 20) với nội dung: “*Đăng ký và thành lập doanh nghiệp ở Việt Nam - Con số và thực trạng*” tháng 5 năm 2005. Tác giả ông Nick Freeman, ông Nguyễn Văn Làn và bà Nguyễn Hạnh Nam, bà Nguyễn Phương Quỳnh Trang - MPDF và bà Amanda Carlier Ngân Hàng Thế Giới (WB) cùng một số các tác giả khác đã phản ánh việc đăng ký kinh doanh đối với những doanh nghiệp ở khu vực kinh tế tư nhân trong vòng từ năm 2000 đến năm 2004 trên cơ sở Luật Doanh nghiệp năm 2005 được ra đời. Theo các tác giả, một doanh nhân có thể đăng ký thành lập nhiều doanh nghiệp, rất ít hoặc không hề có doanh nghiệp trên thực tế, đồng thời còn tồn tại “*các doanh nghiệp ma*”. Bằng việc thông qua các mẫu điều tra trên 300 doanh nghiệp đã đăng ký kinh doanh có sự sai lệch về số lượng đang hoạt động, đóng cửa, hoặc trong tình trạng không rõ ràng, hoàn thành thủ tục chấm dứt hoạt động đăng ký kinh doanh, thay đổi địa chỉ đăng ký kinh doanh khác so với lúc ban đầu đăng ký. Ngoài ra, bản báo cáo cũng nêu những bất cập trong quá trình thực hiện thủ tục đăng ký kinh doanh như giấy phép, mã số thuế, mua hóa đơn, khâu hậu kiểm (đất đai, vốn, các thủ tục hành chính). Đây thực sự là những trở ngại đối với sự phát triển của các doanh nghiệp.

- Ban Nghiên cứu của Thủ tướng Chính phủ cùng với Chương trình phát triển của Liên Hợp Quốc vào tháng 2 năm 2005 đã đưa ra một bản báo cáo: “*Báo cáo tổng hợp nghiên cứu rà soát các văn bản pháp luật về thành lập, tổ chức và hoạt động của doanh nghiệp với các tư tưởng chỉ đạo xây dựng luật doanh nghiệp thống nhất và luật đầu tư chung*”. Bản báo cáo chia làm ba phần gồm: (i) Rà soát những quy định khác biệt bất hợp lý về thành lập, tổ chức và hoạt động của doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế; (ii) Các quy định hạn chế quyền tự do kinh doanh trong thành lập, tổ chức và hoạt động của doanh nghiệp; (iii) Rà soát bất cập của các quy định về quản trị doanh nghiệp.

Phần thứ nhất báo cáo đã chỉ ra sự khác biệt trong các quy định pháp luật về

thành lập, tổ chức, quản trị doanh nghiệp thuộc các thành phần khác nhau của Luật Doanh nghiệp và Luật Đầu tư. Từ những quy định pháp luật khác nhau, bản báo cáo muốn hướng đến việc hợp nhất Luật Doanh nghiệp và Luật Đầu tư lại để có sự thống nhất nhằm tạo ra một sân chơi chung, bình đẳng cho các nhà đầu tư và doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác nhau.

Phần thứ hai báo cáo đề cập đến những quy định hạn chế quyền tự do kinh doanh trong thành lập, tổ chức và hoạt động của doanh nghiệp. Trong phần này bản báo cáo chỉ rà soát những hạn chế tự do kinh doanh trong pháp luật kinh doanh nói chung và thống kê những hạn chế quyền tự do kinh doanh trong pháp luật kinh doanh chuyên ngành. Tuy nhiên, những nghiên cứu của bản báo cáo không đánh giá đâu là những hạn chế bất hợp lý, đâu là những hạn chế có căn cứ và hợp lý mà bản báo cáo chỉ đưa ra giải pháp về một quy trình có thể sử dụng để đánh giá tính hợp lý hay bất hợp lý của những quy định hạn chế quyền tự do kinh doanh theo từng lĩnh vực (thuế, tài chính, đất đai...)

Phần thứ ba báo cáo đã chỉ ra những bất cập trong các quy định về quản trị doanh nghiệp, để từ đó những quy định về quản trị doanh nghiệp cần tương thích với những nguyên tắc đã được thừa nhận rộng rãi trên thế giới và phù hợp với hoàn cảnh trình độ của Việt Nam. Đồng thời phải xác định đúng và đúng lợi ích trọng tâm cần bảo vệ cũng như nguyên tắc phân định thẩm quyền trong doanh nghiệp.

- Tài liệu của CIEM, DOE, ILSSA và UNU-WIDER do Nhà xuất bản Lao động phát hành tháng 11 năm 2012: *“Đặc điểm môi trường kinh doanh ở Việt Nam kết quả điều tra doanh nghiệp vừa và nhỏ năm 2011”* đã cung cấp thông tin thu được từ cuộc điều tra doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV) lần thứ bảy năm 2011. Kết quả thu được từ các vòng điều tra trước, đặc biệt là vòng điều tra năm 2005, 2007 và 2009 đã khuyến khích Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương (CIEM) - Bộ Kế hoạch và Đầu tư (MPI), Viện Khoa học lao động và xã hội (ILSSA) - Bộ Lao động Thương binh và Xã hội (MOLISA), Khoa Kinh tế (DoE) - Trường Đại học tổng hợp Copenhagen và Viện Nghiên cứu kinh tế phát triển thế giới, Trường Đại học Liên Hợp quốc (UNU-WIDER) cùng với Đại sứ quán Đan Mạch tại Việt Nam lên kế hoạch và thực hiện một cuộc điều tra tiếp theo vào năm 2011. Cuộc điều tra này được thiết kế dựa trên các vòng điều tra trước đó. Cuộc

điều tra được tiến hành thông qua các cuộc phỏng vấn sâu trong tháng 6, 7, 8 năm 2011 đối với gần 2.500 doanh nghiệp nhỏ và vừa ngoài quốc doanh hoạt động trong khu vực chế biến của 10 (Tỉnh, Thành phố) bao gồm: Hà Nội, Hải Phòng, thành phố Hồ Chí Minh, Hà Tây (cũ), Phú Thọ, Nghệ An, Quảng Nam, Khánh Hòa, Lâm Đồng và Long An. Báo cáo xây dựng dựa trên những doanh nghiệp đã được phỏng vấn vào các năm 2005, 2007 và 2009 với việc sử dụng mẫu của cuộc điều tra gồm gần 2.500 doanh nghiệp nhỏ và vừa trong đó có các doanh nghiệp được điều tra lặp lại từ năm 2005.

- Báo cáo tìm kiếm thông tin, bằng chứng về các bất cập liên quan đến Luật doanh nghiệp năm 2005 của Công ty cổ phần tư vấn và phát triển đầu tư Quang Minh do báo cáo viên Lê Thị Phương Hiền viết vào tháng 10 năm 2013. Báo cáo được thực hiện dựa trên thông tin thu thập thông qua các cuộc hội thảo do Viện Nghiên cứu Quản lý kinh tế Trung ương và Bộ Kế hoạch - Đầu tư tổ chức vào tháng 9/2013; từ các văn bản góp ý của các cơ quan nghiên cứu, các doanh nghiệp tư vấn luật, các bài báo trên phương tiện thông tin đại chúng. Bản báo cáo chủ yếu tập trung phân tích những vấn đề bất cập do Luật doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn luật còn tồn tại như: thành lập doanh nghiệp (được chia làm bốn nhóm): Bất cập trong đăng ký kinh doanh; vốn và góp vốn; loại hình doanh nghiệp; pháp nhân và đại diện pháp nhân.

- Báo cáo tổng hợp “Rà soát pháp luật kinh doanh” do Phòng thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) phối hợp với dự án USAID (hỗ trợ thi hành pháp luật về hội nhập kinh tế của Hoa Kỳ) thực hiện. Bản báo cáo được công bố vào tháng 11 năm 2011 ở Việt Nam. Trong đó, bản báo cáo rà soát đánh giá 16 đạo luật và các văn bản hướng dẫn của Chính phủ có quy định liên quan, tác động đến các hoạt động gia nhập thị trường của doanh nghiệp như Luật doanh nghiệp năm 2005, Luật đầu tư năm 2005, Luật kinh doanh bất động sản...Bản báo cáo đã chỉ rõ những ưu điểm và nhược điểm của Luật doanh nghiệp năm 2005 về thủ tục thành lập doanh nghiệp, thay đổi thành viên công ty, loại tài sản góp vốn...qua đó bản báo cáo đưa ra khuyến nghị về sự thay đổi bổ sung Luật doanh nghiệp nên theo hướng hạn chế sự can thiệp của nhà nước vào khâu thành lập doanh nghiệp, tạo sự thống nhất giữa Luật đầu tư và Luật doanh nghiệp .

- Báo cáo nghiên cứu “Xây dựng hệ thống pháp luật kinh doanh khuyến

khích phát triển kinh tế thị trường” do Phòng thương mại Công nghiệp Việt Nam (VCCI) phối kết hợp với Trung tâm WTO. Báo cáo phân tích các yếu tố của hệ thống pháp luật kinh doanh Việt Nam trên cơ sở chỉ ra những ưu điểm và nhược điểm, từ đó đề xuất các vấn đề cần điều chỉnh để hệ thống pháp luật Việt Nam phù hợp với nền kinh tế thị trường. Để đánh giá hệ thống pháp luật kinh doanh này, 02 nhóm tiêu chí cơ bản được sử dụng, bao gồm: (i) Nhóm các tiêu chí về các điều kiện nền tảng cho kinh tế thị trường với 04 tiêu chí cụ thể về chế độ sở hữu, hệ thống tổ tụng bảo vệ quyền sở hữu, chất lượng của hệ thống pháp luật; phối hợp công - tư trong pháp luật về kinh tế và (ii) Nhóm các tiêu chí về các chế định pháp luật cụ thể về các khía cạnh của kinh tế thị trường với 03 tiêu chí xem xét quyền tự do kinh doanh ở các khía cạnh gia nhập thị trường, hoạt động trên thị trường và rút khỏi thị trường.

**Nhóm các công trình nghiên cứu về quyền tự do kinh doanh, thủ tục đăng ký kinh doanh.*

- Cuốn sách *“Tự do kinh doanh và vấn đề đảm bảo quyền con người tại Việt Nam”* do GS.TS. Mai Hồng Quỳnh chủ biên, được Nhà xuất bản Lao động phát hành năm 2012. Nội dung của cuốn sách được tác giả phân tích, bình luận đánh giá pháp luật về doanh nghiệp Việt Nam trong việc đảm bảo quyền tự do kinh doanh như những quy định về thủ tục ĐKKD, chủ thể tham gia thành lập DN, ngành nghề được phép kinh doanh và cấm kinh doanh. Theo tác giả, để mở rộng đảm bảo quyền tự do theo đúng tinh thần của Hiến pháp, nhà nước cần tạo ra một môi trường kinh doanh thuận lợi thông qua hệ thống pháp luật về doanh nghiệp phải phù hợp không được trái với nguyên tắc tự do kinh doanh, đồng thời đẩy mạnh việc cải cách quy trình ĐKKD rút ngắn thời gian và chi phí để doanh nghiệp được thực hiện kinh doanh một cách thuận lợi.

- Luận văn Thạc sĩ của Trần Trọng Thắng (Viện nhà nước và Pháp luật) với đề tài *“Đăng ký kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp”* đã nghiên cứu làm rõ bản chất của hoạt động đăng ký kinh doanh, những vấn đề lý luận về chế định ĐKKD theo quy định của Luật Doanh nghiệp, nghiên cứu và phân tích thực trạng cơ chế quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp đối với doanh nghiệp thông qua hoạt động đăng ký kinh doanh để từ đó đưa ra những giải pháp nhằm nâng cao năng lực quản

lý nhà nước đối với hoạt động ĐKKD của doanh nghiệp. Luận văn chưa đi sâu vào việc phân tích việc đăng ký kinh doanh qua mạng, áp dụng cơ chế một cửa liên thông.

- Luận văn Thạc sĩ của Lê Thế Phúc của (Khoa Luật, Đại học Quốc gia) về: *“Đăng ký kinh doanh theo Luật doanh nghiệp Việt Nam - Thực trạng và một vài kiến nghị”* đã làm sáng tỏ cơ sở lý luận của hoạt động ĐKKD, phân tích thực trạng pháp luật và thực trạng áp dụng pháp luật về ĐKKD ở Việt Nam hiện nay trên cơ sở đó đưa ra những giải pháp hoàn thiện những quy định của pháp luật về vấn đề này trong tương lai. Tuy nhiên, đề tài này tác giả mới chỉ dừng lại ở việc phân tích các quy định pháp luật về thủ tục, thời gian cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, tên doanh nghiệp, hồ sơ, ngành nghề kinh doanh... chưa có cái nhìn tổng thể toát lên quyền tự do kinh doanh của các chủ thể kinh doanh.

Ngoài các tác phẩm nghiên cứu pháp luật về đăng ký kinh doanh, trên các tạp chí chuyên ngành và không chuyên ngành đều có những bài viết trực tiếp hoặc liên quan về đăng ký kinh doanh cho doanh nghiệp như:

- Bài viết *“Luật Doanh nghiệp và hiện tượng “doanh nghiệp ma”* của tác giả Luật sư Nguyễn Trọng Hạnh (Đoàn Luật sư TP.HCM) đã nêu ra những sơ hở của Luật Doanh nghiệp 2005, những quy định về vốn điều lệ, mối quan hệ giữa những thành viên trong công ty TNHH, sự lỏng lẻo trong quản lý sẽ gây ra những tác hại rất lớn cho xã hội, cho ngân sách nhà nước.

** Nhóm các công trình về cải cách đăng ký kinh doanh*

- Theo Ông Lê Quang Mạnh Cục trưởng Cục Quản lý đăng ký kinh doanh Bộ Kế hoạch và Đầu tư với nội dung: *“Chương trình cải cách đăng ký kinh doanh quốc gia. Một số kết quả đạt được và phương hướng hoàn thiện trong thời gian tới”* đã đưa ra những kết quả của chương trình cải cách đăng ký kinh doanh trong những năm vừa qua, từ đó, tác giả đưa ra những biện pháp hoàn thiện mục tiêu phát triển hệ thống đăng ký kinh doanh trong những năm tiếp theo.

- PGS.TS Trần Văn Nam (Khoa Luật, Đại học Kinh tế Quốc dân) trên Tạp chí Phát triển kinh tế số 216 - tháng 10/2008 có bài viết: *“Mô hình đăng ký kinh doanh hợp nhất: Kinh nghiệm quốc tế và bài học cho Việt Nam”*. Theo quy định tại Thông tư liên tịch số 05/2008/TTLT/BKH-BTC-BCA hướng dẫn cơ chế phối hợp giữa các cơ quan giải quyết đăng ký kinh doanh, đăng ký thuế và đăng ký con dấu

với doanh nghiệp thành lập, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp. Từ đó tác giả liên hệ với một số cơ quan đăng ký kinh doanh nước ngoài như Hồng Kông, Malaysia để rút ra bài học kinh nghiệm cho Việt Nam.

- Bài viết *“Cải cách hệ thống giấy phép kinh doanh Việt Nam trong giai đoạn hậu WTO”* (Trần Hữu Huỳnh Trưởng Ban Pháp chế Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam) chỉ ra những bất cập của hệ thống giấy phép đăng ký kinh doanh ở Việt Nam như: về vấn đề pháp lý, điều kiện cấp phép, thủ tục và trình tự cấp phép, hiệu quả của giấy phép. Từ những bất cập đó tác giả đề xuất ra hai hướng cải cách: rà soát, phát hiện các loại giấy phép bất cập để điều chỉnh, xây dựng một cơ chế quản lý thống nhất hệ thống giấy phép kinh doanh, bao gồm cơ chế rà soát tổng thể các giấy phép đang tồn tại (rà soát lần đầu và rà soát định kỳ) và cơ chế kiểm soát việc ban hành các giấy phép.

- Tác giả Trần Huỳnh Thanh Nghị đã có những bài viết: *“Cải cách thủ tục thành lập doanh nghiệp tại Việt Nam: Nhìn từ khía cạnh pháp lý qua báo cáo của Ngân hàng thế giới”*, Tạp chí Nhà nước và Pháp luật, 07/2011, số 279; *“Cải cách thủ tục thành lập doanh nghiệp tại Việt Nam trong chặng đường 10 năm hội nhập kinh tế quốc tế”*, Tạp chí Luật học, 08/2011, số 135; *“Thực trạng pháp luật về giấy phép kinh doanh”*, Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp, số 04, (236), 02/2013. Những bài viết đã phản ánh những thủ tục bất cập trong công tác ĐKKD tại Việt Nam so với các nước trên thế giới còn tồn tại nhiều bất cập, khó khăn, rào cản gây trở ngại cho các nhà đầu tư trong đó tác giả đã nhấn mạnh đến: Ngành nghề kinh doanh phải có vốn pháp định ngày càng có chiều hướng tăng cao, nhất là từ năm 2007 đến nay, nhiều quy định về vốn pháp định không phù hợp, gây khó khăn rất lớn cho doanh nghiệp trong thành lập và hoạt động kinh doanh, giám sát, quản lý doanh nghiệp duy trì mức vốn trong những ngành nghề đó sau đăng ký kinh doanh vẫn còn nhiều điều phải bàn về tính hiệu quả của vốn pháp định. Trên cơ sở những bất cập của pháp luật quy định về vốn pháp định Nhà nước cần có cơ chế giám sát, tránh để doanh nghiệp lo đối phó cho xong khi thành lập doanh nghiệp. Do đó, Chính phủ Việt Nam cần có những cải cách để tạo điều kiện cho các chủ thể tham gia hoạt động kinh doanh, xúc tiến hoạt động đầu tư hơn nữa trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế toàn cầu.

- Bài viết: *“Luật doanh nghiệp năm 2014 - Tạo thuận lợi tối đa cho doanh nghiệp trong toàn bộ quá trình thành lập, hoạt động”* của tác giả Hoàng Thanh Tuấn đăng trên cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia. Nội dung bài viết đề cập đến những điểm mới của Luật Doanh nghiệp 2014 được sắp xếp theo thứ tự vòng đời của doanh nghiệp, từ lúc gia nhập thị trường, hoạt động sản xuất kinh doanh, tổ chức lại cho đến lúc giải thể, rút lui khỏi thị trường. Trong đó, tác giả nhấn mạnh những quy định của Luật Doanh nghiệp 2014 về việc bãi bỏ các yêu cầu về điều kiện kinh doanh tại thời điểm đăng ký thành lập doanh nghiệp, chuyển hoàn toàn từ “tiền kiểm” sang “hậu kiểm”, hay Luật Doanh nghiệp 2014 đã tách bạch thủ tục đăng ký thành lập doanh nghiệp với các thủ tục về đăng ký đầu tư, giảm thời gian xử lý hồ sơ đăng ký doanh nghiệp, rút ngắn thời gian gia nhập thị trường cho doanh nghiệp, xuống còn 3 ngày làm việc, trao việc quyết định về hình thức, số lượng và nội dung con dấu cho doanh nghiệp. Trước khi sử dụng, doanh nghiệp có nghĩa vụ thông báo mẫu dấu với cơ quan đăng ký kinh doanh để đăng tải công khai trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. Có thể thấy, hiện nay Chính phủ đang quyết tâm cải thiện hơn nữa môi trường đầu tư kinh doanh, sự ra đời của Luật Doanh nghiệp 2014 được kỳ vọng sẽ góp phần tạo ra những bước chuyển biến mạnh mẽ để nền kinh tế nước ta có thể bứt phá trong giai đoạn tới đây.

**Nhóm các công trình về điều kiện thực hiện đăng ký kinh doanh*

- Theo Luật sư Trần Văn Trí - Văn phòng luật sư Hùng & Đồng sự có bài viết *“Đặt tên cho doanh nghiệp: Thay đổi phải chăng, chỉ làm phức tạp thêm”* trên Báo Sài Gòn ngày 23/1/2011 có nêu việc đặt tên doanh nghiệp có sử dụng tiếng nước ngoài, đặt tên doanh nghiệp có vi phạm quyền sở hữu công nghiệp.

- Bài viết *“Ý nghĩa của vốn và lý do tháo bỏ quy định về vốn pháp định”* của ThS. Trương Trọng Hiểu (Khoa Luật, ĐH Kinh tế - Luật, Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh) trên Tạp chí Nghiên cứu lập pháp điện tử ngày 26/2/2011 có nhìn nhận từ vai trò, ý nghĩa của vốn ở từng vị trí của tất cả các bên có liên quan. Trước hết là vai trò của vốn đối với chính doanh nghiệp; thứ hai là ý nghĩa của vốn đối với các đối tác của doanh nghiệp - chủ nợ. Ngoài ra, cũng được nhìn nhận từ phía nhà nước - với tư cách là chủ nợ lớn nhất và với chức năng điều hòa mối quan hệ giữa hai bên nói trên.

Có thể thấy pháp luật về ĐKKD được quy định từ Luật công ty năm 1990 đến Luật doanh nghiệp năm 2014. Với khoảng thời gian hơn 20 năm, pháp luật về ĐKKD đã thu hút rất nhiều nhà nghiên cứu, cơ quan, doanh nghiệp nghiên cứu về vấn đề này. Nhìn chung các công trình nghiên cứu ở từng mốc thời gian khác nhau đều có chung quan điểm như sau:

- Môi trường kinh doanh ở Việt Nam còn nhiều bất cập;
- Pháp luật về ĐKKD ở Việt Nam hiện nay còn quá rườm rà, mất nhiều thời gian, gây khó khăn, phiền hà cho doanh nghiệp làm ảnh hưởng đến tâm lý các nhà đầu tư;

1.1.3. Đánh giá tổng quan tình hình nghiên cứu

Sau khi tham khảo lý thuyết các công trình nghiên cứu pháp luật về đăng ký kinh doanh được đề cập đến ở trong nước và ngoài nước, học viên có một số nhận xét về tình hình nghiên cứu như sau:

- Các công trình nghiên cứu đều thừa nhận PL về ĐKKD được thực hiện ở hầu hết các quốc gia trên thế giới mặc dù các nước có khác nhau về đường lối chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội;
- Hầu hết các công trình nghiên cứu thừa nhận PL về ĐKKD có sự tác động ảnh hưởng rất lớn đến MTKD. Sự thông thoáng, phù hợp của các chính sách pháp luật là động lực, đòn bẩy thu hút các nhà đầu tư và ngược lại chính sách pháp luật chưa phù hợp sẽ gây khó khăn, phiền hà sẽ là rào cản cho các nhà đầu tư.
- Những quốc gia có thứ hạng MTKD dẫn đầu đều là những quốc gia có sự cải cách về thủ tục hành chính và pháp luật quy định về trình tự thủ tục ĐKKD rất đơn giản với mô hình ĐKKD hiện nay chủ yếu áp dụng qua mạng (theo sự đánh giá phân tích của Ngân hàng thế giới).
- Mô hình ĐKKD hiện nay trên thế giới đều thực hiện quy trình đăng ký trực tuyến, bãi bỏ quy định về vốn tối thiểu, thiết lập cơ chế “một cửa” (One-stop shop), chuẩn hóa hồ sơ, không có sự can thiệp của tòa án, phí đăng ký cố định. Trên thế giới, thời gian trung bình để thành lập doanh nghiệp là 14 ngày.
- Pháp luật về ĐKKD quy định về cơ quan có thẩm quyền giải quyết việc ĐKKD cũng khác nhau có những quốc gia ĐKKD tại Tòa án (Pháp, Mỹ...) có những quốc gia quy định tại Ủy ban đầu tư Chứng khoán (Australia...) hay tại

cơ quan ĐKKD (Việt Nam, Trung Quốc...).

- Việc cải cách thủ tục ĐKKD đã góp phần giúp các quốc gia cải thiện được MTKD để thu hút các nhà đầu tư, tạo điều kiện cho nền kinh tế phát triển và dễ dàng trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế.

- Từ những bài học kinh nghiệm của các nước, Việt Nam lấy đó làm cơ sở nghiên cứu, cải cách thủ tục đăng ký kinh doanh cho doanh nghiệp để phù hợp với thực tế, quy định pháp luật Việt Nam.

- Các công trình nghiên cứu ở trong nước chủ yếu nghiên cứu về những vấn đề như quyền tự do kinh doanh, những thuận lợi và khó khăn khi triển khai thực hiện Luật doanh nghiệp 1990, 1999, 2005, 2014.

- Các công trình nghiên cứu chưa chỉ rõ việc ĐKKD là quyền của các chủ thể kinh doanh và được Nhà nước đảm bảo thực hiện bằng những quy định của pháp luật.

- Chưa có công trình nghiên cứu ở cấp độ Luận án tiến sĩ: *“Pháp luật về ĐKKD ở Việt Nam hiện nay”* dưới góc độ nghiên cứu toàn diện hệ thống pháp luật Việt Nam quy định về ĐKKD, phân tích, đánh giá một cách đầy đủ những ưu điểm và nhược điểm của hệ thống pháp luật về ĐKKD ảnh hưởng đến MTKD như thế nào trong thời gian qua.

Đặc biệt, qua những kết quả nghiên cứu sẽ là cơ sở lý luận và thực tiễn quan trọng để học viên nghiên cứu về thủ tục đăng ký kinh doanh cho doanh nghiệp theo quy định của pháp luật Việt Nam dưới góc độ Luật học so sánh.

1.1.4. Những vấn đề mà luận án tiếp tục nghiên cứu

- Nhận diện rõ hơn bản chất và mục đích của hoạt động đăng ký kinh doanh cũng như pháp luật về đăng ký kinh doanh theo tư tưởng về tự do kinh doanh và kinh tế thị trường.

- Hệ thống hóa một cách đầy đủ hệ thống pháp luật về ĐKKD ở Việt Nam đặc biệt sự ra đời của Luật doanh nghiệp năm 2014 có hiệu lực từ 1/7/2015.

- Phân tích những điều kiện chính trị, kinh tế, xã hội chi phối đến việc ĐKKD ở Việt Nam hiện nay.

- Đánh giá sự phát triển của việc ĐKKD qua các Luật doanh nghiệp năm 1990, 1999, 2005, 2014.

- Đánh giá những nội dung cụ thể của PL về ĐKKD trong thời gian qua.
- Phân tích những thành tựu và hạn chế, đặc biệt là những thách thức của việc thực thi các quy định trong Luật doanh nghiệp năm 2014.
- Làm rõ thực trạng quy định pháp luật về ứng dụng công nghệ thông tin trong thủ tục ĐKKD, cấp GPĐKKD trong thời gian qua.

1.2. Cơ sở lý thuyết nghiên cứu

1.2.1. Cơ sở lý thuyết

Luận án sử dụng học thuyết Mác -LêNin và tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước và pháp luật, đặc biệt là hệ thống các tri thức lý luận về thực hiện pháp luật.

Các quan điểm của Đảng, Nhà nước được nêu trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2011-2020 và Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung và phát triển năm 2011) của Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI, các Nghị quyết của Đảng về: cải cách pháp luật, cải cách tư pháp, tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Đặc biệt luận án đề cập tới Nghị Quyết số 35 NQ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ về hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp đến năm 2020.

Lý thuyết mà Luận án tiếp cận nghiên cứu cụ thể là lý thuyết về quyền tự do kinh doanh với tính cách là một quyền cơ bản của công dân được ghi nhận từ Hiến pháp 1992 đến Hiến pháp 2013 được ghi nhận, và đảm bảo thực thi thuộc trách nhiệm của nhà nước.

Lý thuyết về dân chủ và trách nhiệm trong kinh tế thị trường mà ở đó, quyền lực nhà nước bị giới hạn bởi tinh thần nhà nước pháp quyền và khi đó, Nhà nước xuất hiện trong kinh tế thị trường như một tác nhân kiến tạo phát triển, không cai trị thị trường và doanh nghiệp mà tạo cơ hội và khuyến khích các nhà đầu tư tham gia thị trường, bảo hộ quyền tự do kinh doanh theo nguyên tắc minh bạch và ngăn ngừa rủi ro pháp lý. Các doanh nghiệp có ý thức nâng cao trách nhiệm, nghĩa vụ của người quản lý công ty đối với người lao động; tạo điều kiện để các tổ chức chính trị, chính trị - xã hội của công ty hoạt động theo quy định của pháp luật trong việc thực hiện quyền dân chủ cho người lao động đồng thời tự chịu trách nhiệm về các hoạt động kinh doanh của mình đối với cộng đồng, môi trường, trong đó trách nhiệm đối với xã hội theo quy định của Luật doanh nghiệp 2014, Bộ luật lao động Trên cơ sở

Bộ Luật Lao động 2012 và Nghị định 60/2013/NĐ-CP ngày 19/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết về thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc trong các doanh nghiệp, tổ chức, hợp tác xã, hộ gia đình, cá nhân có thuê mướn, sử dụng lao động làm việc theo hợp đồng lao động (gọi chung là doanh nghiệp).

Bên cạnh đó, với tính cách là quyền cơ bản trong một trật tự văn minh, quyền tự do kinh doanh cũng được thực hiện theo những thang bậc và trình tự, thủ tục nhất định. Do vậy, quyền tự do kinh doanh thông qua đăng ký kinh doanh và thực hiện các hoạt động kinh doanh vẫn phải được thực hiện trong khuôn khổ của một trật tự chung, đảm bảo an toàn trong kinh doanh và không xâm phạm các lợi ích xã hội khác.

1.2.2. Câu hỏi nghiên cứu

Luận án tập trung làm rõ vấn đề pháp luật về đăng ký kinh doanh. Từ những quy định của Hiến pháp, Luật doanh nghiệp, Luật đầu tư

Cụ thể các câu hỏi nghiên cứu được đặt ra như sau:

(i). Bản chất của hoạt động ĐKKD là gì? Khái niệm và nội hàm của ĐKKD, pháp luật ĐKKD

Dịch vụ này ra đời như thế nào? Ý nghĩa của hoạt động ĐKKD khi tiếp cận vấn đề này dựa trên quyền tự do kinh doanh?

(ii). Quản lý nhà nước đối với ĐKKD là gì? Tác động ĐKKD đối với hoạt động kinh doanh của DN ra sao?

(iii). Những tiến bộ và tồn tại qua hệ thống lý luận chung pháp luật về ĐKKD? Luận án chỉ ra những bất cập của PL về ĐKKD.

(iv). Pháp luật về ĐKKD có ý nghĩa mục đích gì? Hội nhập quốc tế sẽ tác động thế nào đối với nhu cầu và thực tiễn hoàn thiện pháp luật về ĐKKD ở Việt Nam.

(v). Các mô hình ĐKKD, cung cấp thông tin về ĐKKD từ đó so sánh, đánh giá những thành công và bất cập của mô hình ĐKKD ở Việt Nam hiện nay.

(vi). Xác lập mô hình ĐKKD phù hợp để áp dụng với tình hình hoạt động kinh doanh cho DN ở Việt Nam hiện nay.

(vii). Các giải pháp nhằm hoàn thiện thực thi pháp luật ĐKKD ở Việt Nam hiện nay.

(viii). Những định hướng và giải pháp cơ bản để xây dựng, hoàn thiện pháp luật về ĐKKD trong Luật doanh nghiệp, Luật đầu tư.

1.2.3. Giả thuyết nghiên cứu

- ĐKKD là một hành vi pháp lý, do các nhà đầu tư chủ động thực hiện. Theo đó, nhà đầu tư công khai hóa trên thương trường sự xuất hiện của mình và thông qua đó, họ được nhà nước và pháp luật bảo hộ và đảm bảo an toàn pháp lý về những hoạt động kinh doanh được công khai hóa.

- ĐKDD là một loại dịch vụ công, được thực hiện bởi một thiết chế do pháp luật chỉ định. Theo đó, cơ quan ĐKKD không phải là cơ quan cấp phép hay ban hành một quyết định hành chính theo nghĩa truyền thống của hành chính cai trị (cấp phép). Vì thế, cơ quan này không phải là cơ quan cấp trên của doanh nghiệp, của người đăng ký kinh doanh. Cơ quan ĐKKD chỉ cùng với nhà đầu tư thực hiện một thủ tục pháp lý theo quy định bắt buộc của pháp luật (Dịch vụ công). Tuy nhiên, quan hệ ĐKKD là quan hệ được pháp luật điều chỉnh nên các bên có quyền và nghĩa vụ theo pháp luật quy định. Từ đó, tranh chấp phát sinh trong quá trình đăng ký kinh doanh cũng là một dạng tranh chấp theo thủ tục hành chính.

- ĐKKD tác động trực tiếp đến hoạt động kinh doanh DN. Theo đó, nó tạo tiền đề để doanh nghiệp thực hiện trên thực tế các hoạt động kinh doanh. Tuy nhiên, một doanh nghiệp chưa/không đăng ký kinh doanh mà hoạt động kinh doanh thì pháp luật vẫn có thể bảo hộ các quyền lợi của doanh nghiệp và doanh nghiệp vẫn có quyền và nghĩa vụ như đã được đăng ký (Công ty thực tế).

- Mô hình ĐKKD ở Việt Nam hiện nay còn nhiều bất cập, chưa thực sự phù hợp với điều kiện kinh tế ở Việt Nam. Pháp luật quy định về điều kiện, trình tự, thủ tục chưa thực sự tạo điều kiện thuận lợi cho các chủ thể gia nhập thị trường. Quy trình thực hiện vẫn còn rườm rà, mất nhiều thời gian, chi phí, chưa thực sự hấp dẫn, thu hút các nhà đầu tư nước ngoài. Các quy định của pháp luật bộc lộ hạn chế, bất cập cần tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện. Giải pháp tổng thể để nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về đăng ký kinh doanh cho phù hợp với bối cảnh phát triển kinh tế Việt Nam cũng như kinh tế quốc tế.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

Các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước đối với pháp luật về đăng ký kinh doanh ở nhiều cấp độ khác nhau đã đề cập và phân tích cơ sở lý luận của đăng ký kinh doanh và pháp luật về đăng ký kinh doanh. Các công trình nghiên cứu này cũng đã phản ánh phần nào thực trạng với những vướng mắc trong thủ tục, trình tự, các điều kiện để tiến hành đăng ký kinh doanh cho doanh nghiệp; những tồn tại trong việc thực thi, áp dụng pháp luật về đăng ký kinh doanh. Tuy nhiên, những công trình nghiên cứu chưa phản ánh hết, đánh giá triệt để, thấu đáo về việc cơ sở lý luận cũng như thực trạng thực thi pháp luật về đăng ký kinh doanh trong từng lĩnh vực cụ thể...

Với việc tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án cho thấy, pháp luật về đăng ký kinh doanh ở Việt Nam còn rất nhiều vấn đề cần phải bổ sung và hoàn thiện. Vì vậy, việc xác định rõ cơ sở lý thuyết và các câu hỏi nghiên cứu sẽ góp phần đạt được mục đích nghiên cứu cũng như hoàn thành nhiệm vụ nghiên cứu đã đề ra.

CHƯƠNG 2

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ ĐĂNG KÝ KINH DOANH VÀ PHÁP LUẬT VỀ ĐĂNG KÝ KINH DOANH

2.1. Khái quát chung về đăng ký kinh doanh

2.1.1. Khái niệm, đặc điểm và ý nghĩa của đăng ký kinh doanh

2.1.1.1. Khái niệm đăng ký kinh doanh

Hiện nay, việc mở rộng giao lưu quan hệ thương mại giữa các quốc gia được các nước rất quan tâm. Do đó, đối với mỗi một chủ thể kinh doanh, để gia nhập thị trường và tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh đòi hỏi phải thỏa mãn rất nhiều điều kiện như: chủ thể, vốn, ngành nghề kinh doanh, trụ sở, phương án kinh doanh... một trong những điều kiện đầu tiên và quan trọng nhất là chủ thể kinh doanh phải tiến hành thủ tục đăng ký thành lập với cơ quan quản lý nhà nước nhằm mục đích ghi nhận sự ra đời của các chủ thể kinh doanh đó trên thị trường.

“Đăng ký” được hiểu là hoạt động của một cơ quan nhà nước hoặc một tổ chức cá nhân nào đó được ủy quyền thực hiện việc ghi nhận, xác nhận về một sự việc hay một tài sản nhằm đảm bảo quyền lợi và nghĩa vụ của người được đăng ký cũng như tổ chức, cá nhân đứng ra thực hiện việc đăng ký.

Ngoài ra, đăng ký “registration” nhà đầu tư cung cấp các thông tin cụ thể của mình để được phép hoạt động kinh doanh.

Từ điển Tiếng Việt, Nhà xuất bản Khoa học xã hội và Trung tâm từ điển, năm 1994 định nghĩa: “Đăng ký là ghi vào sổ của cơ quan quản lý để chính thức công nhận cho hưởng quyền lợi hay nghĩa vụ; Bằng chứng công nhận bắt đầu sự tồn tại hoặc chấm dứt một sự kiện hoặc một hiện tượng pháp luật”

Thuật ngữ “đăng ký kinh doanh” được ghép từ hai từ: “đăng ký”; “kinh doanh” hiện nay được nhìn nhận dưới nhiều góc độ như:

Theo phương diện kinh tế: Đăng ký kinh doanh là hoạt động của doanh nghiệp tuy không trực tiếp tạo ra của cải vật chất hay những dịch vụ nhằm thu lợi nhuận về cho các doanh nghiệp có thể tiến hành được hoạt động sản xuất kinh doanh của mình. Vì vậy, tuy trong giai đoạn tiến hành thủ tục đăng ký kinh doanh, doanh nghiệp chưa thực sự có, song chi phí trong quá trình đăng ký kinh doanh

thành lập doanh nghiệp vẫn được tính vào chi phí hợp lý của doanh nghiệp và được khấu trừ trong khi tính thuế.

Theo phương diện quản lý nhà nước: Đăng ký kinh doanh là hoạt động quản lý đầu tiên của Nhà nước đối với doanh nghiệp, tạo điều kiện để Nhà nước thực hiện các hoạt động quản lý tiếp theo của mình khi doanh nghiệp đi vào sản xuất như định hướng của Nhà nước đến hệ thống các doanh nghiệp, làm cho hoạt động của doanh nghiệp phù hợp với lợi ích cơ bản và lâu dài của Nhà nước, tạo ra sự phát triển đồng đều và cân bằng về mặt kinh tế và xã hội. Đồng thời đặt cơ sở ban đầu cho công tác quản lý trong khâu hậu kiểm, thực hiện việc điều tiết kinh tế vĩ mô và tạo điều kiện đảm bảo sự bình đẳng giữa các doanh nghiệp ngay từ khâu gia nhập thị trường. Đăng ký kinh doanh được coi là biện pháp quản lý nhà nước về kinh tế.

Theo phương diện chính trị: Đăng ký kinh doanh được hiểu là quyền tự do của công dân. Tuy nhiên, quyền này phải được hiểu là tự do trong “khôn khổ”, dân chủ tập trung và bình đẳng trước pháp luật. Quyền đăng ký kinh doanh cũng đồng thời là nghĩa vụ phải thực hiện. Quyền tự do kinh doanh của công dân có nội hàm bao gồm cả quyền tự do lựa chọn ngành nghề, hình thức kinh doanh và tự do đăng ký kinh doanh. Bất cứ một cá nhân tổ chức nào có đủ điều kiện để kinh doanh đều có thể đăng ký với nhà nước để tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh mà không ai có quyền ngăn cản trái phép.

Theo phương diện pháp lý: Hiện nay thuật ngữ “đăng ký kinh doanh” chưa được quy định cụ thể trong Luật doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

Thậm chí, thuật ngữ “đăng ký kinh doanh” được áp dụng theo Luật công ty 1990 đến Luật doanh nghiệp 2005. Tuy nhiên, Nghị định số 43/2010/NĐ-CP hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp do Chính phủ ban hành ngày 15/4/2010 và có hiệu lực thực hiện từ ngày 01/06/2010. Nghị định số 43/2010/NĐ-CP đã tạo ra bước ngoặt mới trong tiến trình cải cách thủ tục hành chính chính thức thống nhất quy trình đăng ký kinh doanh với đăng ký thuế, áp dụng một mã số duy nhất để định danh cho doanh nghiệp, khái niệm “đăng ký kinh doanh” được thay thế bằng khái niệm “đăng ký doanh nghiệp” chính thức từ Nghị định này.

Theo Nghị định 43/2010/NĐ-CP; Nghị định 78/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2015 quy định: “Đăng ký doanh nghiệp là việc người thành lập doanh nghiệp đăng ký thông tin về doanh nghiệp dự kiến thành lập, doanh nghiệp đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và được lưu giữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. Đăng ký doanh nghiệp bao gồm đăng ký thành lập doanh nghiệp, đăng ký thay đổi nội dung đăng ký đăng ký doanh nghiệp và các nghĩa vụ đăng ký, thông báo khác theo quy định của Nghị định này.

Mặt khác, cơ quan thực hiện quản lý đăng ký doanh nghiệp hiện nay theo quy định của nhà nước là cơ quan đăng ký kinh doanh.

Theo Khoản 3 Luật đầu tư 2014: *“Đầu tư kinh doanh là việc nhà đầu tư bỏ vốn đầu tư để thực hiện hoạt động kinh doanh thông qua việc thành lập tổ chức kinh tế; đầu tư góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp của tổ chức kinh tế; đầu tư theo hình thức hợp đồng hoặc thực hiện dự án đầu tư”*

Từ đây có thể hiểu: Đăng ký kinh doanh là một thủ tục pháp lý mà theo đó nhà đầu tư phải khai báo với cơ quan nhà nước có thẩm quyền về dự kiến hoạt động của mình theo đúng quy định của pháp luật với các nội dung cụ thể, được Nhà nước thừa nhận ghi tên vào sổ đăng ký kinh doanh đồng thời cấp cho chủ thể đăng ký kinh doanh giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là bằng chứng pháp lý chứng minh chủ thể kinh doanh tiến hành các hoạt động kinh doanh một cách hợp pháp, được nhà nước công nhận và bảo hộ.

ĐKKD được hiểu là một hoạt động pháp lý áp dụng cho các chủ thể kinh doanh khi gia nhập thị trường. Như vậy, để gia nhập thị trường và được hoạt động thì doanh nghiệp cần cả điều kiện cần và đủ cụ thể là: những loại hình kinh doanh, DN chỉ cần điều kiện cần tức là chỉ cần đăng ký doanh nghiệp và được cấp GCNĐKDN, đối với các lĩnh vực, ngành nghề không cần điều kiện, và phải có thêm điều kiện đủ, đối với những lĩnh vực, ngành nghề theo pháp luật đầu tư và chuyên ngành quy định là ngành nghề kinh doanh có điều kiện.

Thông qua hoạt động ĐKKD các chủ thể sẽ được đảm bảo về quyền và nghĩa vụ, được xác lập một địa vị pháp lý hợp pháp để các chủ thể kinh doanh tiến hành

mọi hoạt động kinh doanh chính thức trên thị trường trong nước cũng như thị trường nước ngoài. Do đó, hoạt động ĐKKD không chỉ áp dụng cho các chủ thể tiến hành hoạt động kinh doanh là những doanh nghiệp mà ở đó còn áp dụng cho cả chủ thể hoạt động kinh doanh khác như hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, hộ kinh doanh.

ĐKKD là một công cụ quản lý kinh tế vĩ mô của nhà nước, đồng thời là một công cụ để thực hiện quyền tự do kinh doanh của công dân. Thông qua cơ chế “đăng ký” để công nhận quyền tự do kinh doanh của công dân, thực hiện một cơ chế quản lý mới của nhà nước, xoá bỏ cơ chế “xin cho”, công dân được kinh doanh tất cả những gì mà pháp luật không cấm, có quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong những hoạt động kinh doanh của mình, được tự do lựa chọn hình thức đầu tư kinh doanh phù hợp và được Nhà nước bảo hộ. Do đó, để đạt được mục tiêu gia nhập thị trường cho các chủ thể kinh doanh được thuận lợi, công tác ĐKKD phải đơn giản, minh bạch và bình đẳng, thủ tục nhanh gọn, chi phí thấp... Chính những điều này để nhà nước tôn trọng quyền tự do kinh doanh hợp pháp của các chủ thể kinh doanh.

Mặt khác, nền kinh tế của các quốc gia đang trên đà hội nhập kinh tế quốc tế, việc mở rộng quyền tự do kinh doanh tạo điều kiện cho các chủ thể kinh doanh dễ tiếp cận với những thị trường và đối tác lớn về kinh tế sẽ làm gia tăng lợi ích của chính mình và giúp kinh tế quốc gia phát triển. Hoạt động ĐKKD không có sự phân biệt giữa chủ thể kinh doanh trong nước và ngoài nước, mọi hoạt động ĐKKD phải phù hợp với nền kinh tế thị trường được vận hành ổn định, an toàn, bình đẳng, nhằm đảm bảo cho sự phát triển bền vững, phù hợp với các lợi ích công cộng.

Xuất phát từ nội dung quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, quản lý nhà nước đối với việc thành lập doanh nghiệp thông qua hoạt động đăng ký kinh doanh là để hướng tới việc khơi dậy ý tưởng kinh doanh, ý thức làm giàu cho bản thân và đất nước

Từ những phân tích trên, tác giả có thể khái quát “*Đăng ký kinh doanh là một hoạt động pháp lý trong đó chủ thể kinh doanh thực hiện việc đăng ký với cơ quan nhà nước có thẩm quyền (cơ quan đăng ký kinh doanh) nhằm ghi nhận sự ra đời của một mô hình kinh doanh và xác định địa vị pháp lý của chủ thể kinh doanh đó trên thị trường*”.

2.1.1.2. Đặc điểm của đăng ký kinh doanh

Một là, *đăng ký kinh doanh là một thủ tục gia nhập thị trường của các chủ thể kinh doanh*

Để bắt đầu tham gia vào hoạt động kinh doanh, công việc đầu tiên của chủ thể kinh doanh phải chuẩn bị đầy đủ các điều kiện đảm bảo để hoạt động kinh doanh. Điều kiện đầu tiên phải kể đến là thủ tục gia nhập thị trường hay còn gọi là thủ tục đăng ký kinh doanh.

Đăng ký kinh doanh là hoạt động mà ở đó chủ thể kinh doanh phải thực hiện những thủ tục cần thiết để khai báo với cơ quan quản lý nhà nước về nhu cầu khởi sự kinh doanh. Trong quá trình khai báo các thông tin về nhu cầu khởi sự kinh doanh, chủ thể kinh doanh phải chịu trách nhiệm về tính chính xác nội dung ghi trong hồ sơ đăng ký kinh doanh. Thông qua việc xem xét tính hợp lệ của hồ sơ cơ quan đăng ký kinh doanh sẽ cấp giấy phép đăng ký kinh doanh cho chủ thể kinh doanh. Chủ thể kinh doanh sẽ được phép tiến hành hoạt động kinh doanh kể từ thời điểm được cấp giấy chứng nhận ĐKKD.

Có thể thấy, thông qua quy trình đăng ký kinh doanh để nhà nước thừa nhận sự tồn tại của một loại hình kinh doanh trên thương trường, đồng thời khẳng định tư cách pháp lý cho loại hình kinh doanh đó. Ngoài ra, nhà nước còn hướng cho chủ thể kinh doanh kinh doanh đúng pháp luật, phát huy khả năng sáng tạo về ý tưởng kinh doanh, ý chí làm giàu theo đúng quy định của pháp luật, chính sách của nhà nước. Bởi lẽ, trong nền kinh tế thị trường, luôn tiềm ẩn những nguy cơ rủi ro đến lợi ích của các chủ thể kinh doanh việc quy định chủ thể kinh doanh phải tiến hành đăng ký kinh doanh là một thủ tục gia nhập thị trường không những đảm bảo quyền tự do kinh doanh cho các chủ thể kinh doanh mà còn đáp ứng nhu cầu quản lý của nhà nước đối với những tổ chức kinh tế này. Vì vậy, việc thành lập một tổ chức kinh tế hoạt động kinh doanh tìm kiếm lợi nhuận phải luôn đảm bảo theo quy định của pháp luật.

Thông qua hoạt động ĐKKD, nhà nước thống nhất quản lý các loại hình kinh doanh ngay từ khâu thành lập, coi đó là công cụ khuyến khích tinh thần kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh, phát huy mọi nguồn lực của xã hội vào công cuộc phát triển kinh tế của đất nước.

Hai là, thông qua việc đăng ký kinh doanh, chủ thể kinh doanh được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là văn bản hoặc bản điện tử mà Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp cho doanh nghiệp ghi lại những thông tin về đăng ký doanh nghiệp.

GCNĐKDN thực chất là một loại văn bản mang tính chất pháp lý do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp, cho phép hoặc đồng ý để một chủ thể kinh doanh (cá nhân hoặc tổ chức) tiến hành một hoặc nhiều hoạt động kinh doanh nhất định. Mục đích thông qua việc cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp giúp nhà nước quản lý, nắm bắt và tổng hợp được tất cả các chủ thể kinh doanh đang hoạt động trên thương trường để thực hiện chức năng thu thuế, đồng thời đặt cơ sở ban đầu cho công tác quản lý trong khâu hậu kiểm, thực hiện việc điều tiết kinh tế vĩ mô và tạo điều kiện đảm bảo sự bình đẳng giữa các chủ thể kinh doanh ngay từ khâu gia nhập thị trường.

Một doanh nghiệp hoạt động trên thị trường thường bị chi phối bởi hai loại giấy phép: “giấy phép thành lập” và “giấy phép hoạt động”.

Hiện nay, pháp luật quy định “giấy phép thành lập” hay còn được gọi là “giấy chứng nhận đăng ký thành lập doanh nghiệp” được cấp cho các doanh nghiệp thành lập và hoạt động theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Nội dung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp quy định tại Điều 29 Luật Doanh nghiệp 2014 và được ghi trên cơ sở thông tin trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký thuế của doanh nghiệp. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp không phải là giấy phép kinh doanh.

“Giấy phép hoạt động” được hiểu đó là điều kiện áp dụng đối với doanh nghiệp khi đi vào hoạt động phải thỏa mãn những điều kiện nhất định do pháp luật quy định đối với từng lĩnh vực ngành nghề mà doanh nghiệp thực hiện hoạt động kinh doanh.

Do đó tránh để tình trạng các chủ thể kinh doanh vì mục đích tìm kiếm lợi nhuận mà kinh doanh các lĩnh vực ảnh hưởng đến an ninh quốc gia, sức khỏe con người, vi phạm truyền thống lịch sử, đạo đức...vi phạm lợi ích cộng đồng. Bởi vậy, chủ thể kinh doanh khi muốn thực hiện hành vi kinh doanh đòi hỏi doanh nghiệp

phải thực hiện quy trình đăng ký kinh doanh để được cấp giấy phép đăng ký doanh nghiệp. Quy trình cấp giấy phép đăng ký doanh nghiệp không chỉ để nhà nước thể hiện quyền lực của Nhà nước trong việc bảo vệ lợi ích cộng đồng, giúp nhà nước chủ động hơn trong việc hạn chế và điều tiết những ngành nghề sản xuất kinh doanh không có lợi cho cộng đồng, không cần khuyến khích sản xuất mà còn giúp nhà nước tiến hành cấp phép, kiểm tra một cách nghiêm ngặt các điều kiện cơ bản do Nhà nước quy định và yêu cầu các chủ thể kinh doanh phải đáp ứng. Kể từ khi được cấp giấy phép đăng ký doanh nghiệp, các chủ thể kinh doanh chính thức đi vào hoạt động, có tư cách pháp nhân được thừa nhận trên thương trường.

Hơn nữa, thông qua việc cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nhà nước lập nên một khung pháp lý để các doanh nghiệp cùng tham gia, hoạt động theo quy định chung không xâm hại lẫn nhau, cạnh tranh lành mạnh, tạo nên môi trường pháp lý thuận lợi, an toàn, hướng đến một môi trường kinh doanh lành mạnh, bình đẳng. Ngoài việc thực hiện công tác quản lý nhà nước đối với việc cấp giấy đăng ký doanh nghiệp nhà nước còn điều chỉnh phương thức quản lý hoạt động kinh doanh của mình sao cho phù hợp với yêu cầu của nền kinh tế thị trường như giảm sự can thiệp quá sâu vào việc thực hiện quyền tự do kinh doanh của các chủ thể kinh doanh, rút ngắn quy trình thủ tục, phân định rõ chức năng của các cơ quan quản lý nhà nước, điều chỉnh lại cơ chế tác động của các cơ quan nhà nước để phát huy tối đa quyền chủ động của chủ thể kinh doanh với tư cách là những pháp nhân kinh tế độc lập. Chính những chủ thể kinh doanh này đóng vai trò quan trọng quyết định tốc độ tăng trưởng và phát triển của nền kinh tế quốc dân vì thế hiệu quả hoạt động kinh doanh của các chủ thể kinh doanh sẽ là thước đo của quản lý kinh tế vĩ mô của nhà nước.

Ngoài ra, thông qua việc cấp giấy chứng nhận ĐKKD cho các chủ thể kinh doanh để thực hiện các hoạt động kinh doanh nhà nước còn thực hiện việc giám sát mọi hoạt động của chủ thể kinh doanh có đúng với nội dung đã đăng ký hay không để kịp thời xử lý nhằm đảm bảo sự bình đẳng giữa các chủ thể kinh doanh và bảo vệ lợi ích cộng đồng. Đây được coi là hoạt động “*hậu kiểm*” phục vụ cho công tác quản lý kinh tế của nhà nước. Hậu kiểm thường chỉ áp dụng đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện.

Ba là, đăng ký kinh doanh là phương thức thực hiện quyền tự do kinh doanh

Tự do kinh doanh là một trong những quyền tự nhiên của con người, trong đó quyền tự do thành lập kinh doanh là quyền của nhà đầu tư được lựa chọn và đăng ký loại hình doanh nghiệp, ngành, nghề kinh doanh phù hợp với điều kiện và sở thích của mỗi nhà đầu tư. Điều này còn có ý nghĩa quyền tự do kinh doanh không có nghĩa là chủ thể kinh doanh được quyền làm tất cả những gì họ muốn, thích làm gì thì làm mà còn để đảm bảo sự ổn định và thống nhất trong quá trình hoạt động kinh doanh, tránh tình trạng “*cá lớn nuốt cá bé*” đòi hỏi chủ thể kinh doanh thực hiện quyền tự do kinh doanh của mình bằng cách “*đăng ký kinh doanh*” để thông qua đó xác lập tư cách pháp lý cho mình, nhà nước có trách nhiệm công nhận sự tồn tại lâu dài và phát triển của các loại hình kinh doanh, đảm bảo cho chủ thể kinh doanh được quyền mở rộng ngành nghề, lĩnh vực, địa bàn đầu tư kinh doanh, lựa chọn mô hình phù hợp... Thông qua việc đăng ký kinh doanh các chủ thể kinh doanh được nhà nước, bạn hàng, xã hội thừa nhận trên thị trường. Mặt khác, nếu các chủ thể kinh doanh thực hiện đầy đủ quy trình về đăng ký kinh doanh cũng có nghĩa chủ thể kinh doanh đó được nhà nước đảm bảo tôn trọng sự quyết định về hình thức kinh doanh của chủ thể, được tạo điều kiện thuận lợi về môi trường hoạt động kinh doanh.

Quyền tự do kinh doanh là quyền của nhà đầu tư được tự mình lựa chọn quy mô kinh doanh, được tự do quyết định mức vốn đầu tư, số lượng người đầu tư, phương thức, cách thức huy động vốn đầu tư rồi thông báo cho cơ quan quản lý nhà nước biết, được quyền tự do lựa chọn ngành nghề kinh doanh các ngành nghề mà pháp luật không cấm, kinh doanh đơn ngành hoặc đa ngành, được quyền lựa chọn loại hình tổ chức kinh tế phù hợp. Do đó, xác định đây là một trong những nội dung của quyền con người nên pháp luật các quốc gia đều ghi nhận ở Hiến pháp và các văn bản quy phạm pháp luật, cần phải được coi trọng và tạo ra một trường kinh doanh thông thoáng để các chủ thể kinh doanh xuất phát từ nhu cầu, ý chí, nguyện vọng của mình thỏa mãn khát vọng làm giàu, chứ không phải là một đặc quyền mà được nhà nước ban phát thông qua hoạt động cơ chế “*xin cho*”.

Xuất phát từ quyền được tự do thành lập hoạt động kinh doanh của mỗi một tổ chức, cá nhân phải được nhà nước bảo hộ, giải quyết khi chủ thể kinh doanh có

nhu cầu, tránh việc đưa ra những yêu cầu, thủ tục phiền hà. Có như vậy, mới khơi dậy được tư duy sáng tạo về ý tưởng kinh doanh, khuyến khích và cổ vũ tinh thần kinh doanh của các chủ thể kinh doanh.

Hiện nay, đáp ứng nhu cầu khởi sự doanh nghiệp, hoạt động đăng ký kinh doanh đã được cải cách, thay đổi về thủ tục, với những hướng dẫn chi tiết tạo nên sự thuận tiện cho các nhà đầu tư ...để nhằm mở rộng hơn nữa quyền tự do kinh doanh tạo thêm nhiều cơ hội cho các chủ thể kinh doanh.

Bốn là, đăng ký kinh doanh là phương thức đảm bảo thực hiện quyền và nghĩa vụ của các chủ thể kinh doanh.

“*Vạn sự khởi đầu nan*” là tâm lý của các nhà đầu tư với mong muốn mọi sự được suôn sẻ, được bình đẳng khi tham gia vào thị trường. Do đó, thông qua hoạt động ĐKKD với tư cách là tổ chức kinh tế, chủ thể kinh doanh sẽ được xác lập những quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Kể từ thời điểm ĐKKD, mọi hoạt động kinh doanh của các chủ thể kinh doanh sẽ được nhà nước đảm bảo như: công nhận sự tồn tại lâu dài và phát triển của các loại hình doanh nghiệp, công nhận và bảo hộ quyền sở hữu tài sản, vốn đầu tư, thu nhập, tài sản và vốn đầu tư hợp pháp ...đều là những quyền luôn được nhà nước đảm bảo và ghi nhận, cam kết cho các chủ thể kinh doanh có khả năng phát triển trong một môi trường lành mạnh, ổn định. Mặt khác, với vai trò định hướng cho sự phát triển của thị trường, nhà nước còn thực hiện nhiều chính sách phát triển kinh tế như: chính sách thuế, chính sách hỗ trợ, ưu đãi đầu tư... nhằm bảo đảm cho chủ thể kinh doanh thực hiện quyền của mình hiệu quả nhất.

Có thể thấy rằng, nhà nước đã cam kết tôn trọng chủ quyền, sự độc lập và khả năng tự chủ của chủ thể kinh doanh, từ quyền sở hữu, quyền tự chủ kinh doanh đến các quyền liên quan đến quản lý, lao động ...thông qua hoạt động ĐKKD. Bởi lẽ, pháp luật về doanh nghiệp luôn có ý thức đứng về phía doanh nghiệp để bảo vệ quyền lợi một cách tuyệt đối cho họ, cho dù là công cụ để nhà nước quản lý đời sống kinh tế. Ngoài ra, các quyền của chủ thể kinh doanh không chỉ bao gồm những quyền được nêu trên mà với tư duy mở, hoạt động của chủ thể kinh doanh được điều chỉnh trên nguyên tắc *pháp luật không cấm thì được thực hiện*. Việc ghi nhận quyền cho chủ thể kinh doanh khi tham gia thành lập doanh nghiệp được áp dụng

thống nhất, để tạo ra một trật tự chung trên thị trường.

Gắn liền với quyền là những nghĩa vụ mà doanh nghiệp phải thực hiện khi tham gia ĐKKD. Bởi vì, thông qua hoạt động ĐKKD, tổ chức, cá nhân sẽ là những chủ thể kinh doanh được nhà nước và xã hội công nhận. Vì vậy, nhà nước sẽ yêu cầu các chủ thể kinh doanh phải cam kết thực hiện đúng quy định của pháp luật như không được kinh doanh những lĩnh vực ngành nghề mà pháp luật cấm, phải đóng thuế, nếu có sự thay đổi so với việc đăng ký lúc ban đầu thì phải thông báo, phải thực hiện các nghĩa vụ về tài chính, không vi phạm lao động, môi trường, quốc phòng an ninh, trật tự an toàn xã hội... Ngoài ra, với tư cách là một chủ thể kinh doanh trên thị trường, giữa các chủ thể kinh doanh luôn có trao đổi hợp tác với nhau, hoạt động ĐKKD sẽ nhắc nhở chủ thể kinh doanh ý thức được khi tham gia vào “sân chơi” chung này không được xâm phạm lợi ích của nhau, mọi cách thức kinh doanh phải thực hiện hài hòa, hợp lý, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của nhau.

Mặt khác, tự do kinh doanh không có nghĩa là tự do vô tổ chức, mà luôn được đặt trong trật tự của thị trường để bảo đảm sự phát triển có định hướng của thị trường với vai trò quản lý của nhà nước. Những nghĩa vụ kể trên để đảm bảo chủ thể kinh doanh thực hiện đúng cam kết với nhà nước khi đăng ký kinh doanh. Lý thuyết về tự do kinh doanh đã tạo điều kiện cho các chủ thể kinh doanh được quyền chủ động lựa chọn ngành nghề và tự kê khai nội dung đăng ký kinh doanh. Với nhà nước, thủ tục đăng ký kinh doanh cung cấp các thông tin cần thiết về thị trường làm cơ sở cho hoạt động quản lý và xây dựng các chính sách phát triển thị trường hiệu quả. Đối với chủ thể kinh doanh, thủ tục đăng ký kinh doanh xác lập tư cách cho họ, đồng thời, nội dung kê khai khi đăng ký còn là những cam kết của họ trước nhà nước. Vì lẽ ấy, chủ thể kinh doanh phải có trách nhiệm thực hiện đúng những gì đã cam kết, bảo đảm trách nhiệm vật chất đối với hoạt động quản lý của nhà nước và cộng đồng.

Việc quy định quyền và nghĩa vụ cho các chủ thể kinh doanh khi tham gia hoạt động ĐKKD được coi là nội dung cơ bản khi thành lập doanh nghiệp thể hiện mối quan hệ giữa nhà nước và các chủ thể kinh doanh được ghi nhận rất rõ giới hạn tự do mà chủ thể kinh doanh sẽ có được khi được công nhận là một tổ chức kinh tế, còn với nhà nước sẽ phải thực hiện trách nhiệm của mình để đảm bảo cho chủ thể kinh doanh tự tin, yên tâm kinh doanh trong môi trường kinh doanh lành mạnh, tự

chủ, tự chịu trách nhiệm.

2.1.1.3. Ý nghĩa của đăng ký kinh doanh

Đăng ký kinh doanh là một công cụ quản lý kinh tế vĩ mô của Nhà nước, đồng thời là một công cụ để thực hiện quyền tự do kinh doanh của công dân. Thông qua cơ chế đăng ký Nhà nước công nhận quyền tự do kinh doanh của công dân.

Thứ nhất, đối với Nhà nước, đăng ký kinh doanh là một công cụ quản lý nhà nước đối với các chủ thể kinh doanh

Đăng ký kinh doanh là một thủ tục pháp lý nhằm khai sinh ra một loại hình kinh doanh hoạt động trên thị trường. Kể từ khi các chủ thể kinh doanh được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, chủ thể đó sẽ được nhà nước thừa nhận và được đảm bảo về quyền và nghĩa vụ. Do đó, đối với nhà nước, hoạt động ĐKKD là một công cụ hữu hiệu để quản lý đối với các chủ thể kinh doanh. Hoạt động ĐKKD được thực hiện bởi một bên là cơ quan quản lý nhà nước và một bên là các chủ thể kinh doanh. Đây là quan hệ pháp luật hành chính mang tính chấp hành và điều hành.

Dưới góc độ là chủ thể đặc biệt, nhà nước thực hiện quyền quản lý hoạt động đăng ký kinh doanh cho các chủ thể kinh doanh được thực hiện dưới nhiều hình thức bằng nhiều công cụ và biện pháp khác nhau như: Quy định nguyên tắc, phạm vi, hình thức, thẩm quyền quản lý nhà nước trong hoạt động đăng ký kinh doanh; Quy định về chủ thể và thẩm quyền quản lý nhà nước trong hoạt động đăng ký kinh doanh; Tổ chức, hướng dẫn việc đăng ký kinh doanh; Quy định về kiểm tra, thanh tra hoạt động đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật trong hoạt động đăng ký kinh doanh...

Khi thực hiện hoạt động ĐKKD, chủ thể kinh doanh là khách thể quản lý trong động này, giúp Nhà nước thực hiện công việc quản lý của mình như:

(i) Tập hợp thông tin nắm bắt được tình hình đăng ký kinh doanh của các loại hình kinh doanh như: (tên, địa chỉ trụ sở, ngành, nghề kinh doanh, người đại diện theo pháp luật, cơ cấu sở hữu, tình trạng pháp lý của doanh nghiệp; ý thức tuân thủ pháp luật; tình hình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp...). Đây là những thông tin mà chủ thể kinh doanh cam kết với cơ quan quản lý nhà nước, là cơ sở để nhà nước tiến hành theo dõi, kiểm tra, đánh giá, hoạt động của doanh nghiệp khi thực hiện hành vi kinh doanh. Trong quá trình thực hiện kinh doanh, các chủ thể

kinh doanh phải có nghĩa vụ thực hiện đúng cam kết đã khai báo khi đăng ký và được ghi nhận trong GCNĐKDN. Mọi hoạt động của các chủ thể không đúng thì được coi đó là hành vi vi phạm pháp luật.

(ii) Định hướng, điều tiết, xây dựng chính sách phát triển kinh tế, xã hội cho đất nước. Căn cứ vào tình hình đăng ký thành lập, số lượng đăng ký thành lập, loại hình, địa điểm thành lập, ngành, nghề kinh doanh..., các cơ quan chức năng có được những số liệu chính xác nhất về tình hình, xu hướng phát triển thị trường, loại hình kinh doanh, quy mô, lĩnh vực, địa bàn, ngành nghề kinh doanh... Đây là những dữ liệu đầu vào quan trọng trong việc nắm bắt các yếu tố kinh doanh, đánh giá việc áp dụng các quy định pháp luật trong thực tiễn, đưa ra các chủ trương khuyến khích hay hạn chế phù hợp và kịp thời. Qua đó, đường lối, chính sách pháp luật của Nhà nước cho từng lĩnh vực, vùng miền, từng loại hình doanh nghiệp và toàn xã hội được thiết lập và áp dụng hiệu quả.

Thứ hai, đối với các chủ thể kinh doanh, đăng ký kinh doanh nhằm bảo vệ quyền lợi của chủ thể kinh doanh, tạo nền tảng cho họ khi trở thành một thực thể kinh tế đủ điều kiện tham gia thị trường. Do vậy, khi đăng ký kinh doanh các chủ thể kinh doanh sẽ được Nhà nước đảm bảo bởi các yếu tố sau:

(i) Đây là quá trình đánh dấu sự ra đời của một loại hình kinh doanh, được pháp luật thừa nhận như một thực thể tham gia vào thị trường với đầy đủ các quyền và nghĩa vụ, chủ thể kinh doanh sẽ có tư cách pháp nhân, có con dấu, có tài khoản, mã số doanh nghiệp riêng biệt.

(ii) Những người khởi sự kinh doanh, cùng chung ý tưởng kinh doanh sẽ chịu sự ràng buộc trách nhiệm của mình với doanh nghiệp, chịu trách nhiệm về quá trình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp và về tài sản đối với doanh nghiệp.

(iii) Xây dựng quy mô hoạt động kinh doanh, cùng nhau bàn bạc thảo luận xây dựng nên quy chế hoạt động bằng cách thông qua điều lệ của doanh nghiệp.

(iv) Sau quá trình thảo luận, đàm phán các chủ thể kinh doanh cùng nhau góp vốn để tiến hành hoạt động kinh doanh. Việc góp vốn sẽ được ghi lại bằng biên bản thỏa thuận vốn góp được ghi vào trong điều lệ doanh nghiệp.

(v) Tên doanh nghiệp là tài sản của doanh nghiệp. Do đó, khi đi đăng ký kinh doanh tên doanh nghiệp được xác định tư cách chủ thể độc lập của doanh nghiệp

trên thị trường. Tên doanh nghiệp là cơ sở để Nhà nước thực hiện quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp và cũng là cơ sở để phân biệt chủ thể trong quan hệ giữa các doanh nghiệp với nhau và với người tiêu dùng.

(vi) Qua việc đăng ký kinh doanh, toàn bộ thông tin cơ bản về một loại hình kinh doanh sẽ được nhiều người biết tới thông qua truy cập “*Hệ thống thông tin điện tử*”. Mọi thông tin về doanh nghiệp khi đăng ký thành lập được lưu trữ và có giá trị pháp lý là thông tin gốc về doanh nghiệp. Qua hệ thống thông tin này, cơ quan chức năng, đối tác, bạn hàng, người tiêu dùng có thể có được thông tin cơ bản, chính xác nhất về loại hình kinh doanh đó.

(vii) Mỗi một chủ thể kinh doanh đều phải tuân thủ các quy định của pháp luật chính là cơ sở tạo niềm tin cho đối tác, người tiêu dùng. Khi đăng ký kinh doanh sẽ cho phép mọi người xác minh thông tin về một loại hình kinh doanh mà họ tiếp xúc, làm việc. Bên cạnh đó, khi đăng ký thành lập, chủ thể kinh doanh đã trở thành một thực thể độc lập và được phép mở tài khoản tại ngân hàng mang tên doanh nghiệp. Đây là một yếu tố thuận lợi trong giao dịch của chủ thể kinh doanh vì tạo sự tin tưởng cho đối tác chuyển tiền vào tài khoản của doanh nghiệp thay vì chuyển vào tài khoản của cá nhân sở hữu doanh nghiệp.

(viii) Đăng ký kinh doanh để giới hạn trách nhiệm pháp lý trong kinh doanh là phạm vi tài sản được đưa ra để thanh toán cho các nghĩa vụ tài sản phát sinh trong hoạt động kinh doanh. Đặc biệt trong trường hợp một loại hình kinh doanh bị tuyên bố phá sản. Vấn đề giới hạn trách nhiệm trước hết và chủ yếu được xem xét đối với người đầu tư vốn vào để kinh doanh (nhà đầu tư - chủ doanh nghiệp). Sau đó là giới hạn trách nhiệm của doanh nghiệp (chủ thể kinh doanh).

Thứ ba, đối với xã hội, sự ra đời của một thực thể kinh doanh thông qua việc đăng ký gia nhập thị trường để phát huy mọi nguồn lực của xã hội, của nhân dân, khắc phục khuynh hướng đầu tư chỉ dựa vào vốn ngân sách nhà nước mà việc sử dụng nguồn vốn này có trình trạng thất thoát, kém hiệu quả.

Mỗi thực thể kinh doanh khi ra đời không chỉ giúp Nhà nước tăng trưởng kinh tế, mà tạo việc làm và thu nhập cho người dân, thúc đẩy nền kinh tế - xã hội. Thực thể kinh doanh sau khi đăng ký thành lập được phép thuê nhân công để tiến hành sản xuất kinh doanh. Điều này mang lại công ăn việc làm và thu nhập cho xã

hội. Hiện nay bất cứ một loại hình kinh doanh nào ra đời đều được niêm yết công khai do đó các thông tin về các loại hình kinh doanh đã thực hiện đăng ký được tập trung tại một hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia duy nhất để công chúng có thể thu thập được bằng cách tìm kiếm thông tin tại cơ quan đăng ký công cộng dưới dạng văn bản hoặc mẫu in sẵn từ máy tính và hoặc mua một bản trích lục về bất kỳ doanh nghiệp nào với một mức lệ phí quy định. Điều này cho phép các cá nhân, cơ quan, Nhà nước và các doanh nghiệp khác có được những thông tin cơ bản về mọi loại hình kinh doanh đang hoạt động trên thị trường như tên, địa chỉ, ngành, nghề kinh doanh, hình thức pháp lý, tình trạng pháp lý của doanh nghiệp, ...

Đăng ký kinh doanh còn tạo điều kiện cho công chúng nắm bắt được các thông tin về các chủ thể kinh doanh đã được đăng ký, thông qua đó thúc đẩy những bên có liên quan kiểm soát lẫn nhau khi thiết lập và thực hiện các giao dịch. Qua đó, một mặt giảm nhẹ được công việc của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, mặt khác nâng cao độ chính xác và trung thực của các thông tin được đăng ký, góp phần đáng kể vào việc nâng cao chất lượng giám sát và quản lý nhà nước đối với các loại hình kinh doanh.

Có thể nói, các quy định về gia nhập thị trường có thể được coi là một trong những quy định quan trọng nhất đối với các loại hình kinh doanh thuộc khu vực kinh tế tư nhân trong thời gian đầu thành lập. Từ những vai trò quan trọng của đăng ký thành lập kinh doanh không những đối với chính bản thân chủ thể, với công tác quản lý nhà nước và toàn xã hội mà công cuộc cải cách thủ tục hành chính trong lĩnh vực này cần đặc biệt được coi trọng. Đồng thời, việc thực hiện hoạt động đăng ký kinh doanh là chủ thể trực tiếp tiến hành hoạt động kinh doanh phải khai báo theo đúng quy định của pháp luật với các nội dung cụ thể, còn các cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiến hành ghi tên vào sổ đăng ký kinh doanh và đối chiếu nếu hợp lệ đồng thời cấp cho chủ thể đăng ký kinh doanh giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là bằng chứng pháp lý chứng minh chủ thể kinh doanh tiến hành các hoạt động kinh doanh một cách hợp pháp, thừa nhận sự tồn tại của doanh nghiệp trên thương trường, được Nhà nước công nhận và bảo hộ.

2.1.2. Những điều kiện để thực hiện việc đăng ký kinh doanh

2.1.2.1. Điều kiện về chủ thể

Trong cuốn sách nổi tiếng “Sự giàu có của các quốc gia” Adam Smith có đề cập: “Khoa học học gắn liền với những quy luật về sản xuất, phân phối và trao đổi. Ông cho rằng “sự giàu có” chỉ xuất hiện khi con người có thể sản xuất nhiều hơn với nguồn lực lượng lao động và tài nguyên sẵn có”. Như vậy, con người cố gắng thực hiện những công việc để sử dụng hiệu quả nguồn lực sẵn có của mình như: tiền, sức khỏe, tài năng thiên bẩm và nhiều tài nguyên khác, để tạo ra những sản phẩm phù hợp với nhu cầu nhân loại đem trao đổi và thu được một giá trị lớn hơn cái mà mình đã bỏ ra. Từ việc sử dụng những nguồn lực sẵn có con người đem đi trao đổi để thu về được một khoản giá trị làm thay đổi cuộc sống của họ rất nhiều. Do vậy, ý tưởng tham gia sản xuất, trao đổi, phân phối, lưu thông hàng hóa đã thúc đẩy con người có ý thức làm giàu và hoạt động chuyên nghiệp hơn, họ được gọi là những “chủ thể hoạt động kinh doanh”

Thuật ngữ “*chủ thể hoạt động kinh doanh*” gồm các cá nhân, tổ chức kinh doanh thực hiện hoạt động kinh doanh nhằm mục đích tìm kiếm lợi nhuận.

Theo Luật doanh nghiệp 2014: *Kinh doanh* là việc thực hiện liên tục một, một số hoặc tất cả các công đoạn của quá trình, đầu tư, từ sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm hoặc cung ứng dịch vụ trên thị trường nhằm mục đích sinh lợi

Luật đầu tư 2014: *Đầu tư kinh doanh* là việc nhà đầu tư bỏ vốn đầu tư để thực hiện hoạt động kinh doanh thông qua việc thành lập tổ chức kinh tế; đầu tư góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp của tổ chức kinh tế; đầu tư theo hình thức hợp đồng hoặc thực hiện dự án đầu tư.

Hoạt động kinh doanh được hiểu là phương thức hoạt động kinh tế gồm tổng thể những phương pháp, hình thức và phương tiện mà chủ thể kinh tế sử dụng để thực hiện các hoạt động kinh tế của mình (bao gồm quá trình đầu tư, sản xuất, vận tải, thương mại, dịch vụ...) trên cơ sở vận dụng quy luật giá trị cùng với các quy luật khác, nhằm đạt mục tiêu lợi nhuận cao nhất. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh có thể là lâu dài và thường xuyên bằng cách sử dụng hợp lý các nguồn lực trong kinh doanh và vận dụng các điều kiện thuận lợi của môi trường kinh doanh. Do chủ thể hoạt động kinh doanh khi có nhu cầu khởi sự hoạt động kinh doanh hướng đến việc

tìm kiếm lợi nhuận là mục đích chính nên để đảm bảo quyền và lợi ích cho chính các chủ thể kinh doanh, công tác quản lý nhà nước, bảo vệ lợi ích cộng đồng, người tiêu dùng, môi trường kinh doanh thuận lợi đòi hỏi mỗi một chủ thể kinh doanh phải thỏa mãn những điều kiện nhất định thì mới được tham gia hoạt động kinh doanh, được nhà nước và các bạn hàng công nhận.

**Chủ thể kinh doanh là cá nhân*

Hình thành nên hoạt động kinh doanh có thể nói đầu tiên chính là các cá nhân, họ được gọi là những “nhà buôn” để trao đổi mua bán hàng hóa với nhau. Pháp luật các quốc gia quy định về chủ thể kinh doanh là cá nhân với các tên gọi khác nhau như: Anh gọi là "Sole Trader", Mỹ gọi là “Sole Proprietorship”, Pháp luật Việt Nam cũng như pháp luật Thái Lan, Philippines gọi là “doanh nghiệp tư nhân”. Để đảm bảo là một chủ thể kinh doanh là cá nhân khi muốn thực hiện hành vi kinh doanh thỏa mãn các điều kiện như:

- Năng lực pháp lý theo Điều 14, Điều 17 Bộ luật dân sự 2005 (độ tuổi, khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của mình), quốc tịch (công dân trong nước hay công dân nước ngoài...); lý lịch tư pháp (có phạm tội không, có bị cấm kinh doanh không...). Việc quy định cá nhân là chủ thể kinh doanh phải thỏa mãn điều kiện năng lực pháp lý là điều hết sức quan trọng. Bởi trong hoạt động kinh doanh việc chủ thể là cá nhân phải luôn biết xác lập nên quyền và nghĩa vụ, biết hưởng quyền, khả năng gánh chịu hậu quả do hành vi của mình gây ra.

Thương trường là nơi diễn ra mọi hoạt động kinh doanh, nếu một chủ thể kinh doanh chưa đạt được độ tuổi nhất định, không có năng lực pháp lý thì không thể thực hiện hoạt động kinh doanh được.

- Khả năng tài chính (điều kiện về vốn, có đang lâm vào tình trạng phá sản không?....), đối với những ngành nghề có điều kiện đòi hỏi chủ thể kinh doanh phải thỏa mãn những điều kiện kinh doanh đó.

Cá nhân có năng lực hành vi dân sự chỉ mới là điều kiện cần. Để trở thành chủ thể kinh doanh, phần lớn các cá nhân còn phải xin phép hoặc đăng ký kinh doanh (tùy theo ngành nghề kinh doanh) ở các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Chỉ sau khi được cấp giấy phép kinh doanh và đã đăng ký kinh doanh, cá nhân mới có năng lực pháp luật trong quan hệ hoạt động kinh doanh, có quyền hoạt động kinh

doanh và khi đó mới trở thành chủ thể.

Như vậy, một cá nhân khi thực hiện kinh doanh thương mại trong các hoạt động mua bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ, xúc tiến thương mại, đầu tư hướng đến lợi nhuận cần phải thỏa mãn các điều kiện trên mới được coi là chủ thể hoạt động trong kinh doanh thương mại

****Chủ thể kinh doanh là pháp nhân***

Ngoài đối tượng tham gia hoạt động kinh doanh thương mại là cá nhân hay còn được gọi là “thể nhân” thì còn có chủ thể kinh doanh là pháp nhân là doanh nghiệp thì phải đáp ứng đủ các điều kiện để thành lập doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các luật chuyên ngành như tài sản, tên gọi, địa chỉ, ngành nghề kinh doanh,...

Pháp nhân là một định nghĩa pháp lý về một thực thể mang tính hội đoàn, thường dùng trong hoạt động kinh doanh thương mại cùng biểu lộ ý chí chung, trở thành chủ thể của các quyền và được pháp luật công nhận, bảo vệ những lợi ích hợp pháp của mình.

Pháp nhân ra đời với tư cách là một chủ thể hoạt động kinh doanh thương mại có tài sản riêng độc lập với tài sản của các thành viên, có quyền chiếm hữu, sử dụng và định đoạt, chịu trách nhiệm về hành vi kinh doanh của mình bằng tài sản. Với tiêu chí này dùng để xác định pháp nhân là chủ thể hoạt động kinh doanh.

Hiện nay pháp luật các quốc gia quy định và tạo điều kiện cho các chủ thể hoạt động kinh doanh có tư cách pháp nhân là một điều hết sức cần thiết bởi việc sinh ra một pháp nhân hoạt động kinh doanh vừa mang yếu tố phát triển của một nền kinh tế đồng thời vừa mang yếu tố xã hội mà ngày nay người ta hay đánh giá vai trò xã hội của doanh nghiệp.

Theo Điều 103 Bộ Luật dân sự 2005 pháp nhân là tổ chức kinh tế: “ *Doanh nghiệp nhà nước, hợp tác xã, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và các tổ chức kinh tế khác có đủ các điều kiện quy định tại Điều 84 của Bộ luật này là pháp nhân; Tổ chức kinh tế phải có điều lệ; Tổ chức kinh tế chịu trách nhiệm dân sự bằng tài sản của mình.*

Ngoài ra, pháp nhân là doanh nghiệp muốn thành chủ thể kinh doanh khi thỏa mãn các điều kiện tại Điều 84 Bộ Luật dân sự 2005:

Phải được thành lập hợp pháp: Việc thành lập hợp pháp cũng có thể hiểu như quy định tại Khoản 1 Điều 94 Bộ luật Dân sự năm 1995, nghĩa là: “được cơ quan nhà nước có thẩm quyền thành lập, cho phép thành lập, đăng ký hoặc công nhận”. Một số pháp nhân là doanh nghiệp được đăng ký thành lập theo Luật Doanh nghiệp năm 2014 tức là khi chúng được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ra quyết định thành lập, cấp giấy phép đầu tư hoặc cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động.

Có cơ cấu tổ chức quản lý chặt chẽ: Pháp nhân phải có cơ cấu tổ chức chặt chẽ, các bộ phận bên trong phải là một chỉnh thể thống nhất với cơ cấu, mô hình thống nhất theo quy định của pháp luật, tương ứng với từng loại pháp nhân. Thống nhất về tổ chức được quy định trong quyết định thành lập, trong điều lệ mẫu, trong các văn bản pháp luật, trong điều lệ của từng loại tổ chức hay từng tổ chức đơn lẻ. Ví dụ: Theo Luật doanh nghiệp 2014: Pháp nhân là công ty cổ phần phải có Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị, Giám đốc (hoặc Tổng Giám đốc) và Ban kiểm soát trong trường hợp công ty có trên 11 cổ đông là cá nhân hoặc có cổ đông là tổ chức sở hữu trên 50% số vốn điều lệ của công ty; pháp nhân là công ty TNHH một thành viên do một cá nhân làm chủ sở hữu phải có Chủ tịch công ty và Giám đốc (hoặc Tổng Giám đốc)

Pháp nhân phải là một tổ chức độc lập. Pháp nhân có ý chí riêng và hành động theo ý chí của riêng mình, không bị chi phối bởi các chủ thể khác khi quyết định và thực hiện các công việc có liên quan đến nhiệm vụ của tổ chức. Sự tồn tại của pháp nhân không phụ thuộc vào sự thay đổi các thành viên của pháp nhân hoặc thay đổi các bộ phận chức năng của pháp nhân. Ví dụ: Trong công ty cổ phần, sự thay đổi các cổ đông hay sự sắp xếp lại, thêm, bớt các phòng chức năng, bộ phận sản xuất,... không ảnh hưởng đến sự tồn tại của công ty đó.

Có tài sản độc lập với tổ chức, cá nhân khác và tự chịu trách nhiệm bằng tài sản đó

Điều kiện này thực ra bao gồm 2 ý: thứ nhất, pháp nhân là doanh nghiệp phải có “tài sản độc lập” với tổ chức, cá nhân khác; thứ hai, pháp nhân phải “tự chịu trách nhiệm bằng tài sản đó”, nghĩa là tự chịu trách nhiệm cho hành vi của pháp nhân bằng khối tài sản của mình. Hai ý này tuy có mối liên hệ chặt chẽ với nhau nhưng cũng có sự độc lập nhất định về mặt pháp lý, tạo thành điều kiện về tài sản

của pháp nhân.

Để có thể tham gia vào các quan hệ pháp luật với tư cách là chủ thể độc lập thì tổ chức phải có tài sản nhất định. Tài sản của pháp nhân độc lập với tài sản của các thành viên của pháp nhân và cơ quan chủ quản của pháp nhân, độc lập với tài sản của các tổ chức và cá nhân khác. Tài sản của pháp nhân có thể hình thành do sự đóng góp của các thành viên, hình thành trong quá trình hoạt động, được tặng, cho hoặc được nhà nước giao quyền quản lý tài sản của nhà nước,...

Ví dụ: Khi thành lập các công ty theo quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2014, tổ chức, cá nhân tham gia góp vốn phải làm các thủ tục để chuyển quyền sở hữu tài sản hoặc quyền sử dụng đất dùng làm tài sản góp vốn cho công ty. Tài sản của công ty bao gồm phần vốn góp của các thành viên, lợi nhuận thu được từ hoạt động kinh doanh và các tài sản hợp pháp khác.

Trên cơ sở có tài sản riêng, pháp nhân phải chịu trách nhiệm bằng tài sản của mình. Các thành viên của pháp nhân, cơ quan chủ quản của pháp nhân hay bất kỳ tổ chức, cá nhân nào khác không phải dùng tài sản của mình để chịu trách nhiệm thay cho pháp nhân. Ngược lại, pháp nhân cũng không phải chịu trách nhiệm thay cho cơ quan chủ quản, các tổ chức, cá nhân khác hay thành viên của pháp nhân. Ví dụ: Công ty TNHH một thành viên do một cá nhân làm chủ sở hữu thì chủ sở hữu phải xác định và tách biệt tài sản của công ty với tài sản của cá nhân, tách biệt các chi tiêu của cá nhân và gia đình mình với các chi tiêu trên cương vị là Chủ tịch công ty và Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc. Đồng thời, công ty tự chịu trách nhiệm về các hoạt động của mình bằng tài sản của công ty, còn chủ sở hữu công ty chỉ chịu trách nhiệm về các nghĩa vụ tài sản của công ty trong phạm vi số vốn đã cam kết góp vào công ty.

Một trong những yếu tố quan trọng để phân biệt tổ chức có tư cách pháp nhân hay không, đó là căn cứ vào tính độc lập của khối tài sản của tổ chức đó. Tổ chức có tư cách pháp nhân phải là tổ chức mà tài sản của nó phải độc lập với tài sản của các cá nhân, tổ chức khác và khi tham gia các giao dịch dân sự, tổ chức đó phải tự chịu trách nhiệm về tài sản trong phạm vi khối tài sản của mình.

-Nhân danh mình tham gia các quan hệ pháp luật một cách độc lập: Với điều kiện là một pháp nhân có tài sản riêng nên việc tách bạch tài sản tạo điều kiện

cho pháp nhân có đủ khả năng để hưởng, tự mình thực hiện các quyền và chịu nghĩa vụ khi tham gia các quan hệ kinh doanh. Mặt khác, các chủ thể kinh doanh khi muốn thành lập. Do đó mọi thành viên trong pháp nhân thống nhất về mặt ý chí trong việc sử dụng khối tài sản đó tạo thành “ý chí” của pháp nhân, tức là trao cho pháp nhân một tư cách để pháp nhân “nhân danh” chính mình tham gia các quan hệ kinh doanh.

Như vậy, pháp nhân là doanh nghiệp luôn thống nhất, độc lập, hợp pháp có tài sản riêng và chịu trách nhiệm bằng tài sản của mình, nhân danh mình tham gia vào các quan hệ pháp luật một cách độc lập.

Việc quy định điều kiện để chủ thể là pháp nhân khi trở thành chủ thể hoạt động kinh doanh thương mại để yêu cầu chủ thể đó hoạt động kinh doanh phải hoạt động đúng mục đích, khi thay đổi mục đích kinh doanh phải xin phép đăng ký tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép thành lập để hưởng quy chế pháp lý pháp nhân.

Tóm lại, việc phân chia các chủ thể đăng ký kinh doanh như trên là căn cứ vào đặc điểm và tính chấp pháp lý, kinh tế của chúng mà từ đó phân biệt và lường trước những vấn đề và yêu cầu liên quan đến trình tự, thủ tục cần thiết khi đăng ký kinh doanh, xuất phát từ đặc điểm của từng loại chủ thể.

2.1.2.2. Điều kiện về vốn (tài sản)

Bất kỳ một chủ thể kinh doanh nào khi tiến hành hoạt động kinh doanh đều cần phải có vốn, vì vốn là cơ sở vật chất, tài chính quan trọng nhất, là công cụ để chủ thể kinh doanh triển khai các hoạt động kinh doanh cụ thể của mình. Kể từ thời khởi sự hoạt động kinh doanh, toàn bộ số vốn của chủ thể kinh doanh sẽ được chuyển thành toàn bộ tài sản của doanh nghiệp. Vốn của doanh nghiệp sẽ luôn gắn liền với quyền và trách nhiệm của chủ thể kinh doanh trong một mô hình kinh doanh, nên vốn sẽ là một điều kiện bắt buộc để thành lập nên một mô hình kinh doanh trong bất kể nền kinh tế nào. Do đó, không có vốn thì chủ thể kinh doanh không thể kinh doanh được, cũng để tránh tình trạng chủ thể kinh doanh việc thành lập chỉ có tên gọi, con dấu sẽ dẫn đến có những hành vi lừa đảo trong kinh doanh.

Điều 4 Luật doanh nghiệp 2014: *Góp vốn* là việc góp tài sản để tạo thành vốn điều lệ của công ty. Góp vốn bao gồm góp vốn để thành lập doanh nghiệp hoặc góp

thêm vốn điều lệ của doanh nghiệp đã được thành lập.

Hình thức góp vốn để tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh rất đa dạng, phong phú được thể hiện dưới nhiều hình thức khác nhau: tiền mặt, ngoại tệ, vàng, giá trị quyền sử dụng đất, giá trị quyền sở hữu trí tuệ... và các tài sản có giá trị khác theo quy định của pháp luật.

Trên cơ sở đó, hình thức tài sản có thể được hiểu theo hai loại: tài sản là động sản, bất động sản tạo thành các loại vốn: vốn điều lệ, vốn đầu tư, vốn pháp định...

Việc quy định, bất kể một chủ thể kinh doanh nào cũng cần phải có một lượng vốn nhất định dưới hình thức là một cá nhân bỏ ra hoàn toàn, hay là sự đóng góp của nhiều người, hoặc được nhà nước hỗ trợ nhằm tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh. Mục đích nhằm đảm bảo sự an toàn cho các chủ nợ và nhà đầu tư kinh doanh trong những ngành nghề đòi hỏi phải có nguồn vốn lớn, kinh doanh trong một số lĩnh vực đặc thù. Ngoài ra, việc quy định về vốn còn nhằm đảm bảo về cơ sở vật chất nhất định để chủ thể kinh doanh dễ dàng trong việc vận hành doanh nghiệp của mình khi hoạt động, đồng thời là căn cứ để chứng minh có khả năng thanh toán các khoản nợ cho đối tác, khách hàng.

Khi hoạt động sản xuất kinh doanh tăng lên nhưng số vốn đầu tư ban đầu của chủ thể kinh doanh vẫn không thay đổi. Vì vậy, ngay từ khi chủ thể kinh doanh muốn hoạt động sản xuất kinh doanh cần phải chuẩn bị cho mình một khoản tài sản tương ứng với quy mô, lĩnh vực ngành nghề kinh doanh, để thiết lập cho mình một mô hình kinh doanh thích hợp. Ngoài ra, việc dự báo số lượng vốn sẽ giúp chủ thể kinh doanh dự báo được kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh phù hợp với lượng tài sản mà chủ thể kinh doanh có, tránh việc thừa, thiếu, lãng phí, làm ảnh hưởng đến quy trình sản xuất kinh doanh.

2.1.2.3. Điều kiện về ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh là một trong những yếu tố dẫn đến sự thành công hay thất bại của chủ thể kinh doanh. Do đó, việc quy định về ngành nghề kinh doanh không những nhằm đảm bảo cho lợi ích của cộng đồng mà còn định hướng cho các chủ thể kinh doanh phát triển các ngành nghề mà nhu cầu xã hội đặt ra qua đó đảm bảo sự giám sát của Nhà nước đối với sự định hướng phát triển kinh tế nói chung.

Trên thực tế, lĩnh vực ngành nghề kinh doanh vô cùng phong phú và đa dạng sẽ đem lại nhiều sự lựa chọn cho chủ thể kinh doanh. Nhưng lựa chọn lĩnh vực nào để đem lại lợi nhuận cho họ là một điều mà các chủ thể kinh doanh muốn lựa chọn kinh doanh. Vì mục tiêu lợi nhuận mà chủ thể kinh doanh sẽ có thể kinh doanh bất cứ lĩnh vực ngành nghề nào mà pháp luật không cấm. Như vậy, việc đề ra điều kiện ngành nghề kinh doanh là việc làm cần thiết cho công tác quản lý nhà nước dưới các hình thức: ngành, nghề cấm kinh doanh, ngành, nghề kinh doanh có điều kiện, ngành nghề kinh doanh phải có giấy phép hoặc chứng chỉ hành nghề.

** Ngành nghề cấm kinh doanh*

Đối với những lĩnh vực ngành nghề mà nhà nước cấm kinh doanh, đòi hỏi chủ thể kinh doanh phải thực hiện nghiêm túc và không được kinh doanh những lĩnh vực ngành nghề đó như lĩnh vực ma túy, buôn bán vũ khí, đạn dược...đây là lĩnh vực ảnh hưởng đến đời sống xã hội và văn hóa đạo đức nếu kinh doanh những lĩnh vực này coi là vi phạm nghiêm trọng về ngành nghề kinh doanh thậm trí sẽ bị xử lý hình sự.

** Ngành nghề kinh doanh có điều kiện*

Đây là những ngành nghề kinh doanh mà ít nhiều cũng đe dọa đến lợi ích của người tiêu dùng, nhà nước và cộng đồng. Theo đó, các chủ thể kinh doanh phải đáp ứng các điều kiện kinh doanh nhất định, đó là giấy phép ĐKDN do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp hoặc không có giấy phép nhưng phải đáp ứng các quy định về tiêu chuẩn vệ sinh môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm, quy định về phòng cháy, chữa cháy, trật tự an toàn giao thông.

** Ngành nghề kinh doanh phải có chứng chỉ hành nghề*

Chứng chỉ hành nghề là văn bản được cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc hội nghề nghiệp cấp cho các cá nhân, có đủ những trình độ chuyên môn về một ngành nghề nhất định. Việc pháp luật quy định chứng chỉ hành nghề để nhằm bảo vệ quyền lợi của khách hàng trong những trường hợp cần thiết. Việc quy định cụ thể ngành nghề kinh doanh phải có chứng chỉ hành nghề, Nhà nước không chỉ tạo ra môi trường đầu tư minh bạch cho sự lựa chọn ngành nghề kinh doanh của các chủ thể kinh doanh mà còn có cơ sở để xử lý khi có vi phạm.

Nhằm đảm bảo quyền tự do kinh doanh, tạo điều kiện cho nhà đầu tư có quyền

lựa chọn ngành nghề kinh doanh đã và đang được các quốc gia hết sức coi trọng. Tuy nhiên, để xác lập một môi trường kinh doanh bình đẳng, đúng pháp luật, các chuẩn mực của xã hội thì không thể không đặt ra những quy định pháp luật quy định về ngành nghề kinh doanh với những tiêu chí thông thoáng, cởi mở, chủ thể kinh doanh vẫn nắm bắt được cơ hội kinh doanh mà không phải vì những điều kiện về ngành nghề mà bị hạn chế quyền tự do kinh doanh.

2.1.3. Các yếu tố ảnh hưởng và chi phối việc đăng ký kinh doanh

2.1.3.1. Đảm bảo thực hiện quyền tự do kinh doanh

Tự do và quyền tự do là một khái niệm trừu tượng. Trong đó tự do được hiểu là không bị gò bó, ép buộc, là bản chất tự nhiên, vừa là khát vọng thường trực của mỗi người. Ai cũng yêu tự do, ai cũng khao khát tự do, trở thành bản năng sống còn của con người. Trong lịch sử nhân loại khi con người xuất hiện theo bản năng họ đã sống tự do và hành động theo đúng với ý chí nguyện vọng của chính mình. Theo thời gian, sự tự do vẫn đang không ngừng vận động và ngày càng chứa đựng thêm nhiều nội dung mới. Theo các nước phương Tây, tự do được coi là “*quyền tự nhiên*” của con người, là không gian vốn có của mỗi con người. Con người sinh ra đã có tự do, tự do như tài sản hay vốn tự có của mỗi người. Theo quan niệm của các nước Phương Đông tự do là “*cái cho phép*” hay là “*cái được ban phát từ trên xuống*”, như là một ân sủng của đấng tối cao trao cho con người. Theo từ điển tiếng Việt xuất bản năm 1999: “*Tự do là phạm trù triết học chỉ khả năng biểu hiện ý chí, làm theo ý muốn của mình trên cơ sở nhận thức được quy luật phát triển của tự nhiên, xã hội. Tự do là tất yếu được nhận thức*”. Trong tất cả những quyền được tự do, con người một quyền được khao khát làm giàu, phát huy khả năng và trí tuệ của mình để khai thác đồng tiền có hiệu quả, được sinh sôi nảy nở... đó là quyền được tự do kinh doanh.

Quyền tự do kinh doanh là quyền của con người, là quyền của công dân lựa chọn hình thức tổ chức kinh tế, ngành, nghề và quy mô kinh doanh để tiến hành các hoạt động kinh doanh và tìm kiếm lợi nhuận. Quyền tự do kinh doanh của con người luôn được Nhà nước coi đó là mục tiêu phấn đấu và hoàn thiện để đảm bảo cho con người được thực hiện tối đa và được nhìn nhận dưới góc độ là giá trị tự thân con người (nhân quyền) nhà nước phải tôn trọng để đảm bảo thực thi. Để công

dân được tự do thực hiện quyền kinh doanh, đòi hỏi nhà nước cần phải quy định trong Hiến pháp và văn bản Luật một cách cụ thể như công dân được tự do thực hiện thành lập doanh nghiệp, lựa chọn quy mô, lĩnh vực, địa bàn, ngành nghề kinh doanh, lựa chọn đối tác đầu tư, thuê mướn lao động... Hơn nữa, nhà nước cần phải tạo ra môi trường kinh doanh hợp ý cho chủ thể kinh doanh thực hiện một cách tự giác như: đảm bảo an toàn về vốn, cạnh tranh, điều kiện, trình tự, thủ tục khởi sự doanh nghiệp, gia nhập thị trường, lựa chọn lĩnh vực ngành nghề kinh doanh, đầu tư, giải quyết tranh chấp... Do đó, có thể thấy, quyền tự do kinh doanh là một quyền rất mở của công dân cần phải được mở rộng và đảm bảo thực thi trong đời sống xã hội.

Sự tự do kinh doanh không có nghĩa là chỉ thực hiện một mình, mà đòi hỏi phải có đối tác *“buôn có bạn, bán có phường”* khi đã có đối tác trong quan hệ kinh doanh không thể tránh được những bất đồng mâu thuẫn, quyền lợi bị ảnh hưởng. Do đó, sự tự do kinh doanh phải được đảm bảo thực thi tốt thì đòi hỏi các chủ thể tham gia quan hệ kinh doanh cùng tham gia quan hệ pháp luật để cùng thực hiện nghĩa vụ pháp lý, đồng thời yêu cầu các bên có liên quan tôn trọng việc thực hiện các quyền, nghĩa vụ mới phát sinh cũng như chấm dứt các hành vi cản trở việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình trên thực tế.

Để việc tiến hành kinh doanh thuận lợi và theo nguyên tắc *“quyền tự do của người này không thể hạn chế quyền tự do của người khác”*, vì vậy, nhà nước đã ban hành những quy phạm pháp luật về điều kiện kinh doanh, quy trình, thủ tục thành lập các loại hình kinh doanh... Trong từng nội dung cụ thể đều có sự điều chỉnh pháp luật theo hướng quyền tự do thành lập doanh nghiệp là quyền của nhà đầu tư được lựa chọn và đăng ký loại hình doanh nghiệp, ngành, nghề kinh doanh phù hợp với điều kiện và sở thích của mỗi nhà đầu tư.

Như vậy, quyền tự do kinh doanh là một trong những quyền của con người phải được đảm bảo bằng pháp luật. Khi trở thành quyền pháp định, quyền con người trong kinh doanh sẽ được xã hội ghi nhận và được Nhà nước bảo vệ bằng pháp luật.

2.1.3.2. Các yếu tố về chính trị, văn hóa, xã hội

* Yếu tố về chính trị

Môi trường chính trị có ảnh hưởng lớn đến việc khởi sự kinh doanh của chủ thể

kinh doanh thể hiện trên các phương diện sau: bản chất chế độ và định hướng về chế độ chính trị của giai cấp thống trị; vai trò của nhà nước trong điều tiết vĩ mô nền kinh tế; chiến lược phát triển kinh tế, xã hội của đảng cầm quyền.

Đăng ký kinh doanh có ý nghĩa hết sức quan trọng đối với bất kể một nền kinh tế nào. Do vậy, việc nhận thức đúng trong tư duy, chính sách, đường lối, chủ trương của Nhà nước sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến nhu cầu khởi sự của công dân. Một nền chính trị ổn định, phù hợp sẽ tạo nên môi trường thuận lợi cho hoạt động kinh doanh, các nhà đầu tư sẽ được đảm bảo an toàn về đầu tư đủ thời gian kinh doanh để thu hồi được vốn và tìm kiếm lợi nhuận, thậm chí còn thu hút các nhà đầu tư với những dự án đầu tư dài hạn. Nếu nền chính trị không ổn định sẽ gây ảnh hưởng tới lợi ích, dự định, kế hoạch góp vốn làm giàu của công dân.

Bên cạnh đó, vai trò của nhà nước trong việc điều tiết nền kinh tế vĩ mô đã ban hành những chủ trương, chính sách về hoạt động kinh doanh được thuận lợi, ổn định, giảm bớt sự can thiệp của nhà nước vào thủ tục ĐKKD nhằm tạo nên những cơ hội, thuận lợi cho các chủ thể kinh doanh, tạo môi trường kinh doanh lành mạnh, tránh việc ĐKKD để làm các hoạt động phi pháp, buôn gian, bán lậu...

Chủ trương, chính sách của nhà nước luôn phấn đấu hoàn thiện đồng bộ hệ thống thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa theo các tiêu chuẩn phổ biến của nền kinh tế thị trường hiện đại và hội nhập quốc tế, bảo đảm tính đồng bộ giữa thể chế kinh tế và thể chế chính trị, giữa Nhà nước và thị trường, bảo đảm sự hài hoà giữa tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hoá, phát triển con người, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, bảo đảm an sinh xã hội, bảo vệ môi trường, phát triển xã hội bền vững, chủ động, tích cực hội nhập kinh tế quốc tế gắn với xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ, bảo đảm tính công khai, minh bạch, tính dự báo được trong xây dựng và thực thi thể chế kinh tế, tạo điều kiện ổn định, thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội.

Hoàn thiện khung pháp lý, cơ chế, chính sách, thực hiện đồng bộ các giải pháp để phát triển, vận hành thông suốt, hiệu quả các loại thị trường và bảo đảm cạnh tranh bình đẳng, minh bạch. Việc xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, phân bổ nguồn lực cho sản xuất kinh doanh và quản lý giá phải theo cơ chế thị trường. Đồng thời, sử dụng các nguồn lực của Nhà nước, các công cụ điều tiết, chính sách phân phối, phân phối lại để thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, bảo đảm

an sinh xã hội, giảm nghèo, từng bước nâng cao phúc lợi xã hội và đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân.

Mặc dù, hiện nay nhận thức về quyền tự do kinh doanh đã và đang có sự thay đổi rất lớn không chỉ quy định trong Hiến pháp, mà các đạo luật khác cũng có những sự thay đổi tạo nên sự thông thoáng về một môi trường kinh doanh. Sự nỗ lực từ Chính phủ cam kết thúc đẩy mạnh mẽ cải cách về thủ tục hành chính, tạo sự thuận lợi cho chủ thể kinh doanh khi tham gia ĐKKD, rút ngắn thời gian, chi phí đã mang lại những lợi ích thiết thực, khuyến khích người dân làm giàu, tạo điều kiện cho người dân được phép kinh doanh những lĩnh vực ngành nghề mà pháp luật không cấm.

** Yếu tố kinh tế*

Chiến lược phát triển kinh tế, là mục tiêu mang tính dài hạn của bất kỳ một nhà nước nào. Do vậy, những chính sách, biện pháp để thúc đẩy phát triển kinh tế phải được hoạch định và thực hiện một cách đồng bộ. Thông qua những chiến lược, chính sách phát triển kinh tế, xã hội khuyến khích phát triển những chủ thể tham gia vào hoạt động kinh doanh với nhiều hình thức đa dạng, phong phú hơn.

Hiện nay, chính sách phát triển kinh tế chú trọng đến việc mọi doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế đều phải hoạt động theo cơ chế thị trường, bình đẳng và cạnh tranh theo pháp luật. Bảo đảm quyền tự do kinh doanh các lĩnh vực mà luật pháp không cấm, xây dựng, thực thi đồng bộ, hiệu quả cơ chế hậu kiểm, tiếp tục hoàn thiện pháp luật về cạnh tranh, tăng cường tính minh bạch đối với độc quyền nhà nước và độc quyền doanh nghiệp, kiểm soát độc quyền kinh doanh. Hoàn thiện thể chế bảo vệ nhà đầu tư, quyền sở hữu và quyền tài sản. Hoàn thiện pháp luật phá sản doanh nghiệp theo cơ chế thị trường.

Khuyến khích phát triển các loại hình doanh nghiệp, các hình thức tổ chức sản xuất kinh doanh với *sở hữu hỗn hợp*, nhất là các doanh nghiệp cổ phần.

Trong quản lý và phát triển các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế, cần phát huy mặt tích cực có lợi cho đất nước, đồng thời kiểm tra, giám sát, kiểm soát, thực hiện công khai, minh bạch, ngăn chặn, hạn chế mặt tiêu cực theo quy định của pháp luật.

Dưới góc độ, yếu tố kinh tế có sự tác động rất lớn đến việc thu hút đầu tư kinh

doanh, nhà nước cần phải xem xét các yếu tố như: lãi suất ngân hàng, giai đoạn của chu kỳ kinh tế, cán cân thanh toán, chính sách tài chính và tiền tệ. Vì các yếu tố này tương đối rộng nên cần chọn lọc để nhận biết các tác động cụ thể ảnh hưởng trực tiếp nhất đối với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Các yếu tố kinh tế có ảnh hưởng vô cùng lớn đến các doanh nghiệp kinh doanh. Chẳng hạn như lãi suất và xu hướng lãi suất trong nền kinh tế có ảnh hưởng tới xu thế của tiết kiệm, tiêu dùng và đầu tư, do vậy sẽ ảnh hưởng tới hoạt động của các doanh nghiệp. Lãi suất tăng sẽ hạn chế nhu cầu vay vốn để đầu tư mở rộng hoạt động kinh doanh, ảnh hưởng đến lợi nhuận của doanh nghiệp. Ngoài ra khi lãi suất tăng cũng sẽ khuyến khích người dân gửi tiền vào ngân hàng nhiều hơn, do vậy cũng sẽ làm cho nhu cầu tiêu dùng giảm xuống.

Xu hướng của tỷ giá hối đoái: Sự biến động của tỷ giá làm thay đổi những điều kiện kinh doanh nói chung, tạo ra những cơ hội đe dọa khác nhau đối với các doanh nghiệp, đặc biệt nó có những tác động điều chỉnh quan hệ xuất nhập khẩu.

Mức độ lạm phát: lạm phát cao hay thấp có ảnh hưởng đến tốc độ đầu tư vào nền kinh tế. Khi lạm phát quá cao sẽ không khuyến khích tiết kiệm và tạo ra những rủi ro lớn cho sự đầu tư của các doanh nghiệp, sức mua của xã hội cũng bị giảm sút và làm cho nền kinh tế bị đình trệ. Trái lại, thiếu phát cũng làm cho nền kinh tế bị đình trệ. Việc duy trì một tỷ lệ lạm phát vừa phải có tác dụng khuyến khích đầu tư vào nền kinh tế, kích thích thị trường tăng trưởng.

Tuy có nhiều số liệu cụ thể, song việc dự báo kinh tế không phải là một khoa học chính xác. Một số doanh nghiệp thường sử dụng các mô hình dự báo thay vì dựa vào các số liệu dự báo sẵn có. Đối với các doanh nghiệp chưa xây dựng được mô hình đó cũng cần phải xác định các yếu tố kinh tế có ảnh hưởng lớn nhất đối với tổ chức.

Mọi chủ trương, chính sách phát triển kinh tế cần phải được hoạch định cụ thể, góp phần giúp chủ thể kinh doanh xác định, xây dựng kế hoạch kinh doanh phù hợp. Mặt khác, tính ổn định về kinh tế trước hết và chủ yếu là ổn định nền tài chính quốc gia, ổn định tiền tệ, khống chế lạm phát. Đây là những vấn đề các doanh nghiệp rất quan tâm và liên quan trực tiếp đến kết quả hoạt động kinh doanh của họ. Do vậy, đòi hỏi nhà nước cần phải xem xét để đưa ra những chính sách kinh tế lâu

dài, nhưng ổn định sẽ góp phần giúp các chủ thể kinh doanh có được kế hoạch kinh doanh thuận lợi nhanh chóng thu hồi được vốn góp phần tăng trưởng phát triển kinh tế của đất nước.

** Yếu tố văn hóa xã hội*

Môi trường văn hóa - xã hội bao gồm những chuẩn mực và giá trị được chấp nhận và tôn trọng bởi một xã hội hoặc một nền văn hóa cụ thể. Sự thay đổi của các yếu tố văn hóa - xã hội có ảnh hưởng mạnh mẽ đến các hoạt động kinh doanh như: những quan niệm về đạo đức, thẩm mỹ, lối sống, nghề nghiệp, phong tục, tập quán, truyền thống, trình độ nhận thức, học vấn chung của xã hội...

Khi các chủ thể kinh doanh có nhu cầu khởi sự doanh nghiệp, đòi hỏi mỗi một chủ thể cần phân tích rộng rãi các yếu tố xã hội nhằm nhận biết các cơ hội và nguy cơ có thể xảy ra. Khi một hay nhiều yếu tố văn hóa xã hội thay đổi có thể tác động đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp như: xu hướng nhân chủng học, sở thích vui chơi giải trí, chuẩn mực đạo đức và quan điểm về mức sống, cộng đồng kinh doanh và lao động nữ.

Trong môi trường văn hóa, nhân tố giữ vai trò đặc biệt quan trọng là tập quán, lối sống, tôn giáo. Các nhân tố này được coi là “hàng rào chắn” các hoạt động giao dịch thương mại. Thị hiếu và tập quán của người tiêu dùng có ảnh hưởng rất lớn đến nhu cầu của người tiêu dùng. Bởi lẽ, khi hàng hóa thực sự có chất lượng tốt nhưng nếu không được người tiêu dùng ưa chuộng thì cũng khó được họ chấp nhận. Chính thị hiếu, tập quán người tiêu dùng mang đặc điểm riêng của từng vùng, từng dân tộc và phản ánh yếu tố văn hóa, lịch sử, tôn giáo của từng địa phương, từng quốc gia đòi hỏi chủ thể kinh doanh phải có sự tìm hiểu kỹ để trước khi thành lập kinh doanh. Tránh việc, sản phẩm mà chủ thể kinh doanh cung cấp không được xã hội và người tiêu dùng chấp nhận thì việc thu hồi vốn và tìm kiếm lợi nhuận sẽ gặp nhiều khó khăn và nguy cơ phá sản cao.

Trong điều kiện thực hiện cơ chế thị trường, có sự quản lý của nhà nước, đạo đức xã hội trong đó có đạo đức kinh doanh được coi là một khía cạnh thiết thực và quan trọng của môi trường kinh doanh. Đạo đức là giới hạn ngăn cách những hành vi xấu và là động lực thúc đẩy những hành vi tốt. Đạo đức có thể coi như một nhu cầu xã hội và vì vậy bất kỳ một thể chế kinh tế nào cũng phải xây dựng một khuôn khổ

đạo đức để làm một trong những nguyên tắc điều hành. Xuất phát từ chuẩn mực đạo đức, đòi hỏi mỗi một chủ thể kinh doanh cần phải xác định hành vi kinh doanh nghiêm túc ngay từ đầu, tránh việc lạm dụng kinh doanh để thực hiện những hành vi vi phạm đạo đức, pháp luật biến mô hình kinh doanh của mình là nơi vi phạm pháp luật. Xây dựng ý thức đạo đức tốt không chỉ dừng lại trong hoạt động đăng ký kinh doanh mà đòi hỏi khi doanh nghiệp đi vào hoạt động rồi, chủ thể kinh doanh cũng phải có đạo đức, trách nhiệm đối với sản phẩm mà doanh nghiệp của mình thực hiện.

** Môi trường thông tin*

Trong nền kinh tế tri thức, môi trường thông tin hay nguồn thông tin bên ngoài có giá trị cực kỳ quan trọng đối với mọi chủ thể trong nền kinh tế thị trường. Việc nắm bắt kịp thời, chính xác và tính dự báo của thông tin quyết định sự thành công không chỉ của doanh nghiệp mà cả nền kinh tế một quốc gia.

Môi trường thông tin có vai trò quan trọng đối chủ thể kinh doanh trong tất cả các vấn đề, từ: xác định và định hướng nhu cầu thị trường, xây dựng phương án kinh doanh, quyết định phương thức huy động vốn, tuyển dụng nhân sự, lựa chọn công nghệ, lựa chọn cách thức tổ chức quản lý, đến tìm kiếm đối tác, tìm kiếm khách hàng, xây dựng và quảng bá thương hiệu, thay đổi thái độ doanh nghiệp của mình cũng như nhiều vấn đề quan trọng khác.

Hiện nay, việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý đăng ký kinh doanh được phổ biến rộng rãi. Chủ thể kinh doanh khi có nhu cầu khởi sự hoạt động kinh doanh việc tìm hiểu những điều kiện cần và đủ trước khi thành lập doanh nghiệp rất thuận lợi, không những thế, việc thực hiện đăng ký kinh doanh không chỉ áp dụng thực hiện tại cơ quan đăng ký kinh doanh mà chủ thể kinh doanh còn có thể ứng dụng công nghệ thông tin để thực hiện việc đăng ký của mình.

2.2. Pháp luật về đăng ký kinh doanh

2.2.1. Khái niệm và đặc điểm của pháp luật về đăng ký kinh doanh

2.2.1.1. Khái niệm

Đối với mỗi một doanh nghiệp, để gia nhập thị trường và tiến hành hoạt động sản xuất, kinh doanh đòi hỏi phải có rất nhiều điều kiện như: vốn, địa điểm, phương án kinh doanh, yêu cầu về việc tổ chức, thành lập, quản lý một doanh nghiệp... Trong đó, có yêu cầu doanh nghiệp phải tiến hành đăng ký kinh doanh với

cơ quan nhà nước có thẩm quyền nhằm mục đích ghi nhận sự ra đời của doanh nghiệp như một thực thể pháp lý độc lập. Đồng thời, đây là quy định mang tính chất bắt buộc và đóng vai trò quan trọng trong công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động của doanh nghiệp.

Trong quá trình thực thi thủ tục đăng ký kinh doanh, cả doanh nghiệp và cơ quan đăng ký kinh doanh cũng như các cơ quan nhà nước về kinh tế có liên quan đều phải chịu sự tác động và điều chỉnh của pháp luật, vì vậy, có thể đưa ra khái niệm: *“Pháp luật về đăng ký kinh doanh là tổng thể các quy phạm pháp luật do Nhà nước ban hành hoặc thừa nhận để nhằm điều chỉnh những vấn đề về điều kiện, nội dung và trình tự, thủ tục đăng ký kinh doanh của các chủ thể kinh doanh tại cơ quan đăng ký kinh doanh cũng như trong quá trình thực hiện hoạt động kinh doanh”*.

Theo khái niệm trên, pháp luật về đăng ký kinh doanh được hiểu là những quy phạm pháp luật điều chỉnh mối quan hệ xã hội giữa chủ thể đăng ký kinh doanh và cơ quan đăng ký kinh doanh trong việc đăng ký kinh doanh, thủ tục đăng ký kinh doanh, các biện pháp chế tài để đảm bảo việc đăng ký kinh doanh được thực hiện đúng pháp luật và những vấn đề khác liên quan đến hoạt động đăng ký kinh doanh.

Sự quy định pháp luật về ĐKKD là một tất yếu khách quan, tạo ra những đảm bảo pháp lý về điều kiện, trình tự, thủ tục, để chủ thể kinh doanh vận dụng khởi sự doanh nghiệp, yên tâm khi lựa chọn một mô hình kinh doanh. Thông qua việc ban hành những QPPPL về ĐKKD để nhà nước ghi nhận sự ra đời của một thực thể kinh doanh, đồng thời kiểm soát quá trình hình thành, phát triển của một loại hình kinh doanh theo hướng tích cực, loại bỏ những doanh nghiệp không đảm bảo các điều kiện theo quy định của pháp luật ngay từ đầu, nhằm tạo nên một môi trường kinh doanh lành mạnh, bình đẳng, đảm bảo những lợi ích của nền kinh tế thị trường.

Mặt khác, pháp luật về ĐKKD không chỉ phản ánh quy trình thành lập doanh nghiệp mà còn điều chỉnh những yêu cầu về hành vi kinh doanh của chủ thể kinh doanh sau khi thành lập đi vào hoạt động, tăng cường khâu hậu kiểm, trách nhiệm pháp lý của các chủ thể kinh doanh thực hiện đúng cam kết của mình khi thành lập doanh nghiệp.

Như vậy, khái niệm pháp luật về đăng ký kinh doanh không chỉ giới hạn

trong Luật Doanh nghiệp, mà sẽ còn bao hàm cả những quy phạm pháp luật của Hiến pháp, Bộ luật Dân sự, Luật Đầu tư, Luật Hợp tác xã, văn bản dưới luật... là khái niệm có nội hàm rộng.

Ví dụ: Chủ thể kinh doanh có nhu cầu thành lập một ngân hàng thương mại cổ phần. Việc thành lập ngân hàng thương mại cổ phần không chỉ chịu sự điều chỉnh của Luật doanh nghiệp 2014 mà còn chịu sự điều chỉnh của các tổ chức tín dụng 2010.

Ngoài ra, pháp luật về ĐKKD còn được hiểu theo nghĩa hẹp, đó là các QPPL do nhà nước ban hành được quy định tại Luật doanh nghiệp và các văn bản dưới luật điều chỉnh các quan hệ pháp luật phát sinh trong quá trình thành lập doanh nghiệp.

Hiện nay, pháp luật về ĐKKD được hiểu là tổng hợp những quy định về giá trị pháp lý của giấy chứng nhận ĐKKD, điều kiện kinh doanh, thủ tục ĐKKD, các biện pháp chế tài để đảm bảo việc ĐKKD được thực hiện đúng pháp luật

2.2.1.2. Đặc điểm của pháp luật về đăng ký kinh doanh

Thứ nhất, pháp luật về đăng ký kinh doanh là một chế định pháp luật về gia nhập thị trường

Bất kể một nền kinh tế nào thì doanh nghiệp vẫn đóng vai trò trung tâm góp phần tăng trưởng phát triển kinh tế. Việc tạo lập khung pháp lý về quy trình thành lập doanh nghiệp là một điều hết sức cần thiết không chỉ tạo điều kiện cho các chủ thể tham gia hoạt động kinh doanh mà còn giúp nhà nước trong việc quản lý “đầu vào” hoạt động kinh doanh đối với các doanh nghiệp, nắm bắt được tình hình phát triển kinh tế trong các ngành, các lĩnh vực để từ đó đưa ra những chính sách phù hợp điều tiết nền kinh tế. Do vậy, pháp luật về ĐKKD không chỉ dừng lại là một văn bản dưới luật mà còn có cả một đạo luật riêng quy định về vấn đề này.

Xác định được vai trò, ý nghĩa của công tác ĐKKD nên ở các quốc gia đều ban hành những QPPL về ĐKKD dưới hình thức là đạo luật riêng, hay đạo luật chung do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành nhằm tạo hành lang pháp lý, cho phép sự ra đời, xây dựng và phát triển hệ thống cơ quan đảm nhiệm chức năng đăng ký kinh doanh để tiến hành công việc đăng ký kinh doanh một cách công khai. Các quy định về chủ thể thành lập, hồ sơ, trình tự, thủ tục và điều kiện để được đăng ký kinh doanh, điều kiện tên doanh nghiệp, điều kiện, trụ sở chính của doanh

ng nghiệp đều quy định rõ ràng, tạo điều kiện cho chủ thể kinh doanh có nhu cầu khởi sự thành lập kinh doanh dễ dàng áp dụng đúng ngay từ khâu đầu tiên.

Ngoài ra, việc quy định đăng ký kinh doanh thành một chế định riêng còn nhằm thể hiện quyền tự do kinh doanh ngày càng được mở rộng, đảm bảo thực thi quyền của con người. Những quy định về quy trình, thủ tục, trình tự đều đảm bảo tính thống nhất, đơn giản có ý nghĩa tác động lớn đến hoạt động kinh doanh của cộng đồng doanh nghiệp.

Thứ hai, pháp luật về đăng ký kinh doanh là một thủ tục mang tính “hành chính”

Pháp luật về đăng ký kinh doanh là một thủ tục mang tính hành chính, qua đó người đại diện doanh nghiệp phải khai báo với cơ quan quản lý nhà nước (cơ quan đăng ký kinh doanh) về tình hình nhu cầu hoạt động kinh doanh của mình. Sự khai báo thông qua hình thức “đăng ký” là một thủ tục hành chính để Nhà nước ghi nhận sự ra đời của doanh nghiệp. Qua đó, các nhà đầu tư xác nhận quyền và nghĩa vụ cho doanh nghiệp theo quy định của pháp luật và/hoặc được ghi trong “*giấy phép kinh doanh*”, được cấp bởi các cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong những lĩnh vực kinh doanh có điều kiện. Đây là một hình thức pháp lý của quan hệ pháp luật hành chính. Một bên là cá nhân, tổ chức có yêu cầu đăng ký kinh doanh, một bên là cơ quan quản lý hành chính nhà nước dựa theo quy định của pháp luật để xem xét tính hợp lệ của hồ sơ rồi cấp giấy đăng ký kinh doanh cho doanh nghiệp. Toàn bộ quy trình đăng ký kinh doanh đòi hỏi các chủ thể phải tuân theo quy định của pháp luật, như chủ thể đăng ký kinh doanh phải chuẩn bị hồ sơ hợp lệ, cơ quan đăng ký kinh doanh xem xét tính hợp lệ của hồ sơ và phải có trách nhiệm trả lời cho chủ thể đăng ký kinh doanh biết về hồ sơ của mình có được chấp nhận hay không. Toàn bộ quy trình đều phải tuân theo quy định của pháp luật để buộc các chủ thể khi tham gia vào quan hệ pháp luật đăng ký kinh doanh phải thực hiện nghiêm chỉnh. Mặt khác, đây là quy trình được thực hiện một cách chấp hành và điều hành để nhằm hỗ trợ, tạo điều kiện cho các chủ thể muốn khởi sự doanh nghiệp được thuận lợi, nhanh chóng, ý tưởng kinh doanh sớm được thực hiện, góp phần gia tăng số lượng doanh nghiệp được thành lập trên mọi lĩnh vực.

Thứ ba, pháp luật về đăng ký kinh doanh là một dịch vụ công do nhà nước thực hiện

Pháp luật về ĐKKD quy định cơ quan chịu trách nhiệm giải quyết thủ tục đăng ký kinh doanh là cơ quan đăng ký kinh doanh nơi doanh nghiệp dự định đặt trụ sở chính... Đây là cơ quan do Nhà nước ủy quyền để phục vụ hoạt động quản lý nhà nước trong lĩnh vực đăng ký kinh doanh. Thông qua hoạt động đăng ký kinh doanh doanh nghiệp được xác lập tư cách pháp lý, nhà nước nắm bắt được tình hình đăng ký doanh nghiệp để điều tiết nền kinh tế, từ đó, ban hành những chính sách phù hợp trong công tác quản lý và điều hành doanh nghiệp. Mặt khác, việc thực hiện công tác đăng ký kinh doanh cho chủ thể kinh doanh là Nhà nước thực hiện và đảm bảo *“Công nhận sự tồn tại lâu dài và phát triển của các loại hình doanh nghiệp; bảo đảm bình đẳng trước pháp luật của các doanh nghiệp không phân biệt hình thức sở hữu và thành phần kinh tế; thừa nhận tính sinh lợi hợp pháp của hoạt động kinh doanh”*[67].

Sở dĩ đây là một loại dịch vụ công vì theo nguyên tắc về quyền tự do kinh doanh, việc đăng ký thành lập doanh nghiệp là quyền tự do của các nhà đầu tư (với sự bảo lưu của những yêu cầu cần thiết về điều kiện kinh doanh và kinh doanh có điều kiện). Vì vậy, nhà đầu tư được tự do đăng ký thành lập doanh nghiệp theo tinh thần *“được làm những gì mà pháp luật không cấm”*. Theo đó, việc tiến hành thực hiện thủ tục đăng ký tại cơ quan đăng ký kinh doanh không phải là một thủ tục hành chính theo nghĩa truyền thống (ban hành quyết định hành chính: xin – cho)). Khi đó, cơ quan đăng ký kinh doanh chỉ làm một hoạt động cung cấp dịch vụ theo pháp luật quy định (dịch vụ công).

Ở nhiều nước trên thế giới, thủ tục đăng ký kinh doanh được tiến hành theo thủ tục tư pháp được đăng ký kinh doanh tại Tòa án là do điều kiện kinh tế, chính trị, xã hội ở mỗi quốc gia khác nhau. Tuy nhiên, dù đăng ký ở đâu thì mục đích của pháp luật về đăng ký kinh doanh cũng đều hướng đến ban hành những quy định đảm bảo quyền lợi cho chủ thể hoạt động kinh doanh, thủ tục đơn giản, nhanh gọn, tạo mọi điều kiện cho doanh nghiệp ra nhập thị trường một cách nhanh nhất, toàn bộ quy trình đăng ký phải được công khai nên hoạt động đăng ký kinh doanh là một dịch vụ công.

Thứ tư, pháp luật về đăng ký kinh doanh mang đặc trưng công bố thông tin trong xã hội

Pháp luật là một hiện tượng của đời sống xã hội. Giá trị xã hội của pháp luật chứa đựng các giá trị xã hội vốn có và được quy định bởi thuộc tính điều chỉnh và tính quy phạm riêng có của nó. Do vậy, pháp luật về đăng ký kinh doanh cũng phải lệ thuộc vào sự phát triển của xã hội. Bởi lẽ, hoạt động kinh doanh thuận lợi hay khó khăn cũng chịu sự tác động của sự phát triển của xã hội. Cho nên, Nhà nước cần phải xem xét xã hội phát triển đến đâu thì ban hành pháp luật cho phù hợp đến đó, đặc biệt trong lĩnh vực kinh doanh thì hệ thống pháp luật phù hợp sẽ thúc đẩy, tạo điều kiện cho doanh nghiệp phát triển rất nhiều. Ngoài ra, pháp luật về ĐKKD còn đảm bảo cho những chủ thể khi tham gia hoạt động kinh doanh đều có quyền lợi và nghĩa vụ như nhau, đều phải thực hiện những nhu cầu về quyền lựa chọn hành vi và trách nhiệm của mình thông qua các phạm trù pháp lý như quyền chủ thể, nghĩa vụ chủ thể, năng lực hành vi... khi có nhu cầu thành lập doanh nghiệp. Thông qua pháp luật về đăng ký kinh doanh, Nhà nước sẽ tạo nên một trật tự xã hội mà trong đó, các chủ thể kinh doanh hoạt động với quy mô, lĩnh vực địa bàn đều có lợi ích khác nhau nhưng đều bình đẳng trong “*một sân chơi chung*” để cùng tồn tại, tạo tiền đề cần thiết cho sự phát triển xã hội.

Khi chủ thể kinh doanh có ý tưởng khởi sự kinh doanh, thì việc tiếp cận quy trình đăng ký một cách công khai chính thức với những thông tin rõ ràng, minh bạch, sẽ định hướng cho chủ thể phải chuẩn bị những điều kiện, thủ tục để đạt được mục đích của mình. Đồng thời, pháp luật đăng ký kinh doanh cũng cảnh báo những hậu quả pháp lý có thể xảy ra khi chủ thể kinh doanh có những hành vi vi phạm pháp luật đăng ký kinh doanh. Từ đó, thông qua ý thức của chủ thể kinh doanh mà thực hiện sao cho đúng quy trình đảm bảo theo quy định của pháp luật.

Như vậy, việc đăng ký thành lập doanh nghiệp có một ý nghĩa vô cùng quan trọng không chỉ đối với việc bảo đảm quyền lợi cho bản thân doanh nghiệp mà còn có ý nghĩa đối với việc bảo đảm trật tự quản lý nhà nước và bảo vệ lợi ích cho các chủ thể khác trong xã hội. Chính vì lẽ đó, việc đăng ký thành lập doanh nghiệp vừa là một nhu cầu tất yếu, vừa là đòi hỏi mang tính nghĩa vụ đối với mỗi doanh nghiệp khi gia nhập thị trường.

2.2.2. Nguyên tắc cơ bản của pháp luật về đăng ký kinh doanh

Một là: Nguyên tắc đảm bảo quyền tự do kinh doanh

Quyền tự do thành lập doanh nghiệp và đăng kí kinh doanh là nội dung cơ bản của quyền tự do kinh doanh, là tiền đề để thực hiện các quyền khác thuộc nội dung của quyền tự do kinh doanh. Để thực hiện quyền tự do kinh doanh, các chủ thể kinh doanh trước hết phải xác lập tư cách pháp lý cho doanh nghiệp, thông qua tư cách đó để tiến hành các hoạt động kinh doanh. Khi thực hiện quyền tự do thành lập doanh nghiệp, các nhà đầu tư có khả năng quyết định lựa chọn mô hình kinh doanh và lĩnh vực, ngành nghề kinh doanh thích hợp để tiến hành hoạt động kinh doanh đạt hiệu quả cao.

Kể từ khi chuyển sang cơ chế thị trường, nước ta chủ trương mở rộng quyền tự do thành lập doanh nghiệp cho nhiều đối tượng có khả năng đầu tư khác trong xã hội. Pháp luật về doanh nghiệp từng bước được cải thiện theo hướng ngày càng bảo đảm tốt hơn quyền tự do thành lập doanh nghiệp. Đảm bảo quyền tự do kinh doanh được nhà nước cụ thể hóa trong nhiều nội dung pháp lý quan trọng, đặc biệt cụ thể trong Hiến pháp, các đạo luật để quy định cụ thể về địa vị pháp lý của doanh nghiệp, xác lập tư cách pháp lý cho doanh nghiệp. Với nguyên tắc tự do kinh doanh trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, việc thành lập doanh nghiệp được coi là quyền cơ bản của nhà đầu tư. Tuy nhiên, việc thành lập doanh nghiệp có ảnh hưởng không nhỏ đến lợi ích của toàn xã hội. Vì vậy, việc thành lập doanh nghiệp phải được thực hiện trong khuôn khổ của pháp luật. Các quy định của pháp luật về thành lập doanh nghiệp, một mặt phải đảm bảo quyền tự do kinh doanh của chủ đầu tư, mặt khác phải đảm bảo yêu cầu quản lý của nhà nước đối với doanh nghiệp.

Hai là: Nguyên tắc đảm bảo quyền bình đẳng giữa các chủ thể kinh doanh

Bình đẳng trước pháp luật là những nguyên lý của [pháp luật](#) được thể hiện qua các quy định cụ thể (các [quy phạm pháp luật](#)) thiết lập về quyền được đối xử một cách như nhau, công bằng giữa mọi công dân trước pháp luật, theo đó, mọi [công dân, nam, nữ](#) thuộc các dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo, thành phần, địa vị xã hội khác nhau trong một quốc gia đều không bị [phân biệt đối xử](#) trong việc hưởng quyền, nghĩa vụ và chịu [trách nhiệm pháp lý](#) theo quy định của pháp luật.

Theo Điều 7 Bản Tuyên ngôn quốc tế nhân quyền: “Tất cả mọi người đều [bình đẳng](#) trước pháp luật, và phải được bảo vệ một cách bình đẳng, không kỳ thị

phân biệt. Tất cả đều được quyền bảo vệ ngang nhau, chống lại mọi kỳ thị vi phạm Bản Tuyên Ngôn này, cũng như chống lại mọi kích động dẫn đến kỳ thị như vậy”

Điều 26 Công ước về quyền dân sự, chính trị năm 1966 của Liên Hợp quốc (trong đó Việt Nam gia nhập ngày 24/9/1982) “Mọi người đều bình đẳng trước pháp luật và có quyền được pháp luật bảo vệ một cách bình đẳng mà không có bất kỳ sự phân biệt đối xử nào”.

Về mặt này, pháp luật phải nghiêm cấm mọi sự phân biệt đối xử và đảm bảo cho mọi người sự bảo hộ bình đẳng và có hiệu quả chống lại những phân biệt đối xử về chủng tộc, màu da, giới tính, ngôn ngữ, tôn giáo, quan điểm chính trị hoặc quan điểm khác, nguồn gốc dân tộc hoặc xã hội, tài sản, thành phần xuất thân hoặc các địa vị khác”.(*Điều 26 Công ước về quyền dân sự, chính trị năm 1966 của Liên Hợp quốc (trong đó Việt Nam gia nhập ngày 24/9/1982)*

Như vậy, nguyên tắc bình đẳng trước pháp luật là một nội dung xuyên suốt tư tưởng lập pháp của nước ta. Tuy nhiên, quyền bình đẳng của các chủ thể kinh doanh khi tham gia đăng ký kinh doanh đều có vị thế ngang nhau trước pháp luật và có quyền không bị phân biệt đối xử, trước pháp luật. Các chủ thể kinh doanh khi có nhu cầu khởi sự doanh nghiệp đều được hoạt động và chịu sự điều chỉnh trong cùng một chế định pháp luật về đăng ký kinh doanh sẽ thực hiện quyền và nghĩa vụ như nhau, không phân biệt quy mô, loại hình, lĩnh vực đầu tư, ngành nghề, số vốn... Đây là những quyền mà chủ thể kinh doanh có được trước pháp luật được nhà nước thừa nhận là quyền công dân, có tư cách pháp lý như nhau.

Ba là: Nguyên tắc công khai, minh bạch trong đăng ký kinh doanh

Hiện nay, nhà nước ta đang xây dựng nhà nước pháp quyền “của dân, do dân và vì dân, mọi quyền lực nhà nước đều thuộc về nhân dân” việc minh bạch trong hoạt động quản lý đăng ký kinh doanh là một điều đương nhiên để nhằm bảo đảm bản chất dân chủ của xã hội, thể hiện quyền của người dân trong việc tham gia quản lý nhà nước. Công khai, minh bạch là điều để các chủ thể kinh doanh khi có nhu cầu kinh doanh họ sẽ biết được toàn bộ quy trình, thủ tục, các điều kiện cần và đủ cho công tác đăng ký kinh doanh. Chủ thể khởi sự doanh nghiệp sẽ dễ dàng tiếp cận được thông tin kể cả trong trường hợp có sự thay đổi, bổ sung các quy định pháp luật về đăng ký kinh doanh. Đồng thời sự minh bạch công khai đòi hỏi chủ thể

kinh doanh có trách nhiệm khai báo thông tin trong hồ sơ đăng ký kinh doanh trung thực, chính xác. Ngoài ra, khi đã công khai minh bạch khắc phục tệ quan liêu tham nhũng, làm trong sạch bộ máy quản lý, tránh việc nhũng nhieu, cửa quyền, hách dịch, gây khó khăn của chính các cán bộ làm công tác đăng ký kinh doanh. Doanh nghiệp có quyền giám sát, đánh giá cách làm việc của cán bộ công chức, đề cần thiết có những chế tài xử lý đối với những bộ phận đó làm trong sạch bộ máy quản lý nhà nước. Do đó, công khai minh bạch trước hết là nhằm bảo đảm bản chất dân chủ của xã hội, thể hiện quyền của người dân trong việc tham gia quản lý nhà nước, đây cũng là một yêu cầu cần thiết để thành công trong hội nhập quốc tế.

2.2.3. Nội dung pháp luật về đăng ký kinh doanh

2.2.3.1. Quy định về chủ thể đăng ký kinh doanh

Quyền tự do kinh doanh là một trong những quyền cơ bản của công dân được pháp luật các quốc gia ghi nhận tại các văn bản có giá trị pháp lý cao nhất như Hiến pháp hoặc các văn bản pháp luật chuyên ngành. Do đó, quyền thành lập doanh nghiệp là một trong những nội dung của quyền tự do kinh doanh được nhà nước bảo hộ. Về nguyên tắc, hoạt động kinh doanh được thực hiện với tính chất chuyên nghiệp và được các chủ thể kinh doanh tiến hành. Chính vì thế, đòi hỏi pháp luật phải xác lập tư cách pháp lý cho các chủ thể kinh doanh với những điều kiện nhất định để tham gia vào hoạt động kinh doanh.

Hiện nay, pháp luật về đăng ký kinh doanh đã mở rộng đối tượng có quyền thành lập góp vốn có quyền đăng ký kinh doanh gồm: cá nhân và tổ chức thỏa mãn các điều kiện theo quy định của pháp luật như: năng lực pháp lý (độ tuổi, khả năng nhận thức), quốc tịch (công dân Việt Nam hay công dân nước ngoài), khả năng tài chính (doanh nghiệp có lâm vào tình trạng phá sản không?) ngành nghề kinh doanh (tránh những ngành nghề bị cấm kinh doanh).

****Chủ thể kinh doanh là cá nhân***

Điều kiện độ tuổi áp dụng cho chủ thể kinh doanh là cá nhân, pháp luật kinh doanh ở mỗi một quốc gia có sự quy định khác nhau như: Pháp luật Việt Nam quy định cá nhân có quyền góp vốn thành lập doanh nghiệp khi đủ 18 tuổi. Pháp luật Malaysia quy định người sáng lập doanh nghiệp phải có đầy đủ năng lực pháp luật và đủ từ 21 tuổi trở lên được thành lập doanh nghiệp.

Năng lực pháp luật dân sự là khả năng hành động của chính chủ thể để thực hiện quyền và nghĩa vụ của họ. Ngoài ra, năng lực hành vi dân sự còn bao hàm cả năng lực tự chịu trách nhiệm dân sự khi vi phạm nghĩa vụ dân sự. Năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự là hai thuộc tính tạo thành tư cách chủ thể độc lập của cá nhân trong các quan hệ dân sự.

Điều đó có nghĩa là cá nhân có khả năng nhận biết được hành vi của mình và chịu trách nhiệm về hành vi của mình theo quy định của pháp luật hiện hành, người từ 18 tuổi trở lên và không mắc bệnh tâm thần và các bệnh khác không thể nhận thức được hoặc làm chủ được hành vi của mình là người có năng lực hành vi trở thành chủ thể kinh doanh nếu như họ không có năng lực hành vi dân sự, vì khi thực hiện hành vi dân sự, cá nhân phải chịu trách nhiệm trước nhà nước, trước khách hàng của mình. Do đó, người chưa thành niên chưa đạt điều kiện năng lực hành vi như bị hạn chế năng lực hành vi hoặc mất năng lực hành vi dân sự không thể trở thành chủ thể chủ thể kinh doanh.

Theo pháp luật một số nước, người chưa thành niên có thể thực hiện một hoặc nhiều hoạt động kinh doanh khi được người đại diện cho phép. Trong trường hợp bị người đại diện từ chối, người chưa thành niên có quyền yêu cầu toà án cho phép họ tiến hành hoạt động kinh doanh, nếu có cơ sở cho rằng việc cho phép này có lợi cho họ thì toà án phải cho phép. Trường hợp này gọi là chủ thể thoát quyền, vì khi được phép kinh doanh, người chưa thành niên này có tư cách như người đã thành niên, có năng lực hành vi đầy đủ và tự chịu trách nhiệm về hành vi của mình.

Năng lực hành vi dân sự của cá nhân dựa trên cơ sở những nội dung cơ bản của luật dân sự, đồng thời cần có thể mở rộng hay hạn chế tùy thuộc vào quy định của pháp luật kinh doanh thương mại. Hiến pháp 1992 quy định tại Điều 57 về quyền thành lập và quản lý doanh nghiệp cũng như quyền góp vốn vào doanh nghiệp để thu lợi trừ trường hợp bị cấm.

Nếu như năng lực hành vi dân sự là điều kiện cần để cá nhân có thể trở thành chủ thể kinh doanh thì giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là điều kiện đủ để cá nhân có đủ tư cách pháp lý của nhà kinh doanh. Chỉ sau khi được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, người kinh doanh mới được phép kinh doanh. Khi thực

hiện hoạt động kinh doanh cá nhân sẽ tham gia vào quan hệ kinh doanh và trở thành chủ thể kinh doanh.

Ngoài yếu tố quy định về năng lực hành vi dân sự, pháp luật đăng ký kinh doanh quy định chủ thể kinh doanh phải đăng ký quốc tịch cho doanh nghiệp. Quốc tịch của doanh nghiệp là quốc tịch của nước, vùng lãnh thổ nơi doanh nghiệp thành lập, đăng ký kinh doanh. Ngoài việc, quy định quốc tịch cho doanh nghiệp, pháp luật một số quốc gia còn quy định quốc tịch cho chính các cá nhân giữ chức vụ chủ chốt cho doanh nghiệp như pháp luật Singapo quy định tất cả các công ty được thành lập tại Singapo phải có ít nhất hai giám đốc và một thư kí, trong đó một trong hai giám đốc và thư kí phải là người thường trú tại Singapo. Cũng theo pháp luật Singapo quy định về điều kiện chủ thể tương ứng với các loại hình doanh nghiệp. Thành viên hợp danh gồm thể nhân và pháp nhân. Đối với pháp nhân thì tham gia hợp danh thì còn kèm theo điều kiện là điều lệ của các pháp nhân đó không hạn chế việc tham gia hợp danh. Công dân, pháp nhân của các nước bị coi là thù địch thì không được tham gia hợp danh...[78]

Với mục đích đảm bảo quyền tự do kinh doanh đồng thời, nhằm huy động tối đa mọi nguồn vốn đầu tư cho hoạt động kinh doanh, pháp luật kinh doanh Việt Nam hiện nay quy định một phạm vi rất rộng cho các chủ thể kinh doanh có nhu cầu khởi sự doanh nghiệp.

- Luật doanh nghiệp năm 2014: *“Tổ chức, cá nhân có quyền thành lập và quản lý doanh nghiệp tại Việt Nam theo quy định của Luật này, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này”* ...[67]

- Luật đầu tư năm 2014: *“Nhà đầu tư là tổ chức, cá nhân thực hiện hoạt động đầu tư kinh doanh, gồm nhà đầu tư trong nước, nhà đầu tư nước ngoài và tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài. Trong đó, Nhà đầu tư nước ngoài là cá nhân có quốc tịch nước ngoài, tổ chức thành lập theo pháp luật nước ngoài thực hiện hoạt động đầu tư kinh doanh tại Việt Nam Nhà đầu tư trong nước là cá nhân có quốc tịch Việt Nam, tổ chức kinh tế không có nhà đầu tư nước ngoài là thành viên hoặc cổ đông.”* [65]

- Luật hợp tác xã năm 2013: *“Cá nhân, hộ gia đình, pháp nhân trở thành thành viên hợp tác xã phải đáp ứng đủ các điều kiện: Cá nhân là công dân Việt*

Nam hoặc người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam, từ đủ 18 tuổi trở lên, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ; hộ gia đình có người đại diện hợp pháp theo quy định của pháp luật; cơ quan, tổ chức là pháp nhân Việt Nam”. [66]

- Hộ kinh doanh “do một cá nhân hoặc một nhóm người gồm các cá nhân là công dân Việt Nam đủ 18 tuổi, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ...” [20]

- Tổ chức, cá nhân nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, người nước ngoài thường trú ở Việt Nam

Có thể nói, pháp luật đăng ký kinh doanh hiện hành đã ghi nhận một phạm vi rộng cho các đối tượng được quyền tham gia thành lập doanh nghiệp và đăng ký kinh doanh doanh. Đây là sự mở rộng đáng kể để nhằm đáp ứng quyền tự do kinh doanh. Đồng thời với những quy định điều kiện về chủ thể thành lập doanh nghiệp là một quy định bắt buộc không thể thiếu được để nhằm đảm bảo chủ thể khi tham gia vào thương trường hoàn toàn có khả năng thực hiện được ý tưởng của mình, đạt được hiệu quả cao, góp phần tăng trưởng, phát triển kinh tế của đất nước, đồng thời gánh chịu được hậu quả pháp lý mà mình gây ra.

** Chủ thể kinh doanh là tổ chức*

Một tổ chức muốn thành lập doanh nghiệp phải bảo đảm các điều kiện sau:

- *Phải được thành lập hợp pháp:* Những cơ quan, tổ chức được xem là thành lập hợp pháp khi tổ chức này được thành lập theo đúng trình tự thủ tục luật định.

- *Phải có tài sản riêng:* Để thực hiện các hành vi kinh doanh, các tổ chức này phải có tài sản riêng để thực hiện các hoạt động kinh doanh độc lập. Tài sản là cơ sở vật chất không thể thiếu được để các tổ chức thực hiện được quyền và nghĩa vụ tài sản đối với bên cùng quan hệ. Đây là dấu hiệu cơ bản của pháp nhân.

Một tổ chức được coi là có tài sản riêng khi tổ chức đó có khối tài sản nhất định, phân biệt với tài sản của cá nhân, tổ chức khác, đồng thời có quyền định đoạt khối tài sản đó.

- *Phải có thẩm quyền kinh doanh:* Thẩm quyền trong kinh doanh là tổng hợp các quyền và nghĩa vụ trong kinh doanh mà pháp luật ghi nhận. Thẩm quyền này tương ứng với chức năng, nhiệm vụ, lĩnh vực hoạt động của chủ thể. Đó chính là những giới hạn pháp lý mà trong đó các chủ thể kinh doanh được hoạt động hoặc không được phép hoạt động.

2.2.3.2. Quy định về thủ tục đăng ký kinh doanh

Để đảm bảo cho hoạt động kinh doanh của mình hợp pháp chủ thể kinh doanh sẽ phải tiến hành đăng ký doanh nghiệp tại cơ quan đăng ký kinh doanh với toàn bộ những thông tin về doanh nghiệp dự kiến thành lập. Khi tiến hành đăng ký thành lập kinh doanh chủ thể kinh doanh mới được phép tiến hành các hoạt động kinh doanh như: sản xuất, trao đổi, mua bán, thực hiện các dịch vụ... Như vậy, thủ tục đăng ký kinh doanh là một thủ tục hành chính, ở đó cơ quan đăng ký kinh doanh sẽ đưa ra một quyết định hành chính cho phép một cá nhân hoặc một tổ chức được thành lập doanh nghiệp hoặc được tiến hành một hoạt động kinh doanh nào đó. Quyết định của cơ quan đăng ký kinh doanh được thể hiện dưới hình thức “*giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp*”

Thông qua việc cấp “*giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp*” là một biện pháp quản lý của Nhà nước đối với hoạt động kinh doanh, hạn chế hoạt động kinh doanh trái pháp luật, đồng thời qua đó Nhà nước nắm bắt được tình hình phát triển kinh tế trong các ngành, các lĩnh vực từ đó và có các chính sách thích hợp để điều tiết nền kinh tế. Ngoài ra, việc cấp giấy phép còn góp phần đảm bảo quyền lợi chính đáng cho người kinh doanh và người tiêu dùng.

Pháp luật các quốc gia quy định về thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp có khác nhau:

- Quy định chung tại một đạo luật: Việt Nam, Trung Quốc, Nhật Bản, Thái Lan.; Luật Doanh nghiệp, Luật Công ty;
- Quy định tại từng đạo luật cụ thể như: Mỹ, Anh, Singapo quy định luôn trình tự, thủ tục thành lập cho từng loại hình doanh nghiệp mà chủ thể kinh doanh muốn thành lập.

Theo pháp luật đăng ký kinh doanh quy định về thủ tục thành lập doanh nghiệp là những quy định về cơ quan nào có trách nhiệm thực hiện việc đăng ký kinh doanh, hồ sơ chuẩn bị những gì, lệ phí đăng ký, đăng ký ở đâu, đăng ký bằng hình thức nào, thời gian để được cấp giấy phép đăng ký kinh doanh... Với những quy định nêu trên, thủ tục đăng ký kinh doanh được thực hiện theo ba bước: (i) Giai đoạn chuẩn bị thành lập; (ii) Giai đoạn tiến hành các thủ tục tại cơ quan đăng ký kinh doanh; (iii) Giai đoạn sau khi nhận được giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Giai đoạn chuẩn bị thành lập doanh nghiệp là giai đoạn “vạn sự khởi đầu nan”, chủ thể kinh doanh phải chuẩn bị rất nhiều điều kiện đảm bảo để cho ra đời doanh nghiệp như: dự định số người tham gia thành lập, mô hình kinh doanh, số vốn, ngành nghề kinh doanh; đặt tên doanh nghiệp, dự định trụ sở làm việc, điều lệ hoạt động doanh nghiệp...

Giai đoạn tiến hành thủ tục đăng ký kinh doanh tại cơ quan đăng ký kinh doanh. Ở giai đoạn này khi doanh nghiệp thỏa mãn các điều kiện của pháp luật, cơ quan đăng ký kinh doanh sẽ xem xét và cấp giấy phép kinh doanh cho doanh nghiệp.

Tùy theo từng nước cơ quan đăng ký kinh doanh có thể là Tòa án, hoặc là cơ quan hành chính. Pháp luật đăng ký kinh doanh tại Pháp, Đức, Ba Lan quy định đăng ký kinh doanh tại Tòa án, còn Việt Nam, Trung Quốc, Nhật Bản... đăng ký kinh doanh tiến hành tại cơ quan hành chính chuyên phụ trách công việc này.

Giai đoạn sau khi nhận được giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: Kể từ thời điểm được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, doanh nghiệp có tư cách pháp nhân và được phép đi vào hoạt động nên giai đoạn sau khi nhận giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, doanh nghiệp phải tiến hành công khai hóa hoạt động của mình trên các phương tiện đại chúng như: đăng báo bố cáo về việc thành lập doanh nghiệp để các đối tác có điều kiện tiếp cận thông tin tìm hiểu và hợp tác kinh doanh, đồng thời doanh nghiệp phải làm thủ tục khắc dấu... Đây là giai đoạn cuối cùng của việc khởi sự thành lập doanh nghiệp.

Như vậy, pháp luật đăng ký kinh doanh quy định về thủ tục đăng ký kinh doanh hướng đến mục đích quản lý doanh nghiệp ngay từ khâu chuẩn bị cho đến khi doanh nghiệp được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh nhằm tránh việc doanh nghiệp khi được thành lập nhưng trên thực tế không hoạt động, hoặc hoạt động không hiệu quả. Cũng từ đây pháp luật về đăng ký kinh doanh cần tăng cường từ khâu tiền kiểm sang khâu hậu kiểm.

2.2.3.3. Quy định về giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

Trong nền kinh tế thị trường, pháp luật về hoạt động kinh doanh thương mại luôn khuyến khích các chủ thể tham gia vào hoạt động kinh doanh, thành lập doanh nghiệp trên cơ sở quy định của pháp luật. Một doanh nghiệp được “*khai sinh*” hợp

pháp khi và chỉ khi được tiến hành đăng ký thành lập tại cơ quan có thẩm quyền của nhà nước. Tại đây, các doanh nghiệp thành lập sẽ được cấp “*giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp*”.

Đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài GCNDN đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư là văn bản, bản điện tử ghi nhận thông tin đăng ký của nhà đầu tư về dự án đầu tư.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là loại giấy tờ “khai sinh” ra một doanh nghiệp, sau khi chủ thể kinh doanh thỏa mãn các quy định về điều kiện cấp giấy chứng nhận doanh nghiệp.

Sau khi nhận được hồ sơ đăng ký thành lập doanh nghiệp, cơ quan đăng ký kinh doanh có trách nhiệm kiểm tra, thẩm định các điều kiện, quy định của nhà nước xem thương nhân đã đáp ứng đủ yêu cầu chưa và xác nhận việc đáp ứng đủ các điều kiện đó bằng hành vi cấp giấy đăng ký doanh nghiệp cho chủ thể kinh doanh.

Như vậy, chủ thể kinh doanh chỉ được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp khi và chỉ khi đáp ứng được yêu cầu của pháp luật (chủ thể kinh doanh, ngành nghề kinh doanh, ...). Điều này để phân biệt với việc các chủ thể thực hiện hoạt động kinh doanh không cần phải đăng ký kinh doanh đó theo Nghị Định 39/2007/NĐ-CP “*cá nhân hoạt động thương mại là cá nhân tự mình hàng ngày thực hiện một, một số hoặc toàn bộ các hoạt động được pháp luật cho phép về mua bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ và các hoạt động nhằm mục đích sinh lợi khác nhưng không thuộc đối tượng phải đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật về đăng ký kinh doanh và không gọi là thương nhân*” kinh doanh dưới hình thức: buôn bán hàng rong, buôn bán vật, buôn chuyển ...Những chủ thể hoạt động kinh doanh hình thức này được Nhà nước ghi nhận hình thức kinh doanh của mình mà không cần phải đăng ký. Tuy nhiên vẫn phải chấp hành các quy định của pháp luật như đóng phí, lệ phí, vệ sinh an toàn thực phẩm, nộp thuế môn bài.

Hoạt động kinh doanh thương mại rất đa dạng và phong phú, tuy nhiên với Nghị Định 39/2007/NĐ-CP áp dụng đối với hoạt động thương mại của cá nhân, tự mình hàng ngày thực hiện hoạt động thương mại, hoặc hoạt động kinh doanh ở nhiều nơi, không có địa điểm cố định với hình thức kinh doanh nhỏ lẻ, mức vốn

kinh doanh thấp, trình độ chuyên môn không cao thì không phải đăng ký kinh doanh và cũng không được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh tại cơ quan đăng ký kinh doanh. Để đảm bảo an ninh trật tự, văn minh đô thị, giữ gìn bản sắc dân tộc, theo Điều 6 Nghị định 39/2007/NĐ-CP nghiêm cấm cá nhân thực hiện hoạt động thương mại ở một số địa điểm như: di tích lịch sử, văn hóa đã được xếp hạng; bệnh viện, cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng.

Những người hoạt động kinh doanh theo Nghị định 39/2007/NĐ-CP sẽ thuộc thẩm quyền quản lý của UBND xã, phường trong việc quản lý cá nhân hoạt động thương mại là phải lập sổ theo dõi về tình hình hoạt động thương mại của họ. Như vậy, đối tượng này cũng có một cơ chế quản lý, tuy nhiên họ lại không được đăng ký kinh doanh theo Luật doanh nghiệp.

Theo tinh thần của Luật doanh nghiệp 2005, nội dung của giấy đăng ký doanh nghiệp quy định rõ phạm vi hoạt động của doanh nghiệp không được vượt khỏi phạm vi ngành, nghề đã đăng ký, người đại diện theo pháp luật, vốn góp cũng như tỉ lệ vốn góp, tên và địa chỉ trụ sở chính, chi nhánh và văn phòng đại diện của doanh nghiệp... Đó là những điều mà do chính chủ thể kinh doanh kê khai và được nhà nước ghi nhận, giám sát quá trình thực hiện hoạt động kinh doanh sau này. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là tài liệu rất quan trọng nhằm xác định năng lực pháp lý của doanh nghiệp vì căn cứ nội dung quy định trong giấy phép đăng ký doanh nghiệp, doanh nghiệp được quyền làm những gì, không được làm những gì, xác định chủ sở hữu trong doanh nghiệp, số vốn của doanh nghiệp. Mặt khác, trong quá trình hoạt động kinh doanh, để tạo điều kiện thuận lợi cho chủ thể tham gia hoạt động kinh doanh có quyền được xin thay đổi, bổ sung nội dung giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp để phù hợp với tình hình thực tế kinh doanh của doanh nghiệp mình. Theo tinh thần của Luật doanh nghiệp 2014, các doanh nghiệp được kinh doanh trong cả những ngành nghề không được ghi nhận trong Đăng ký doanh nghiệp.

Như vậy, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là một loại giấy tờ có tính chất *“thông hành khởi sự ban đầu của doanh nghiệp”* để các tổ chức, cá nhân hoạt động kinh doanh được phép hoạt động một cách hợp pháp. Do đó, pháp luật các quốc gia trên thế giới đều có sự quy định *“giấy đăng ký doanh nghiệp”* ở dưới hình thức luật chung hay luật riêng. Ngoài ra, giấy đăng ký doanh nghiệp còn có ý nghĩa là

một sự kiện pháp lý để xác lập tư cách pháp lý của các chủ thể tiến hành hoạt động kinh doanh, thể hiện sự chứng nhận của cơ quan nhà nước về sự ra đời của một chủ thể kinh doanh được phép kinh doanh những ngành nghề mà mình đã đăng ký.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

Đăng ký kinh doanh được nhìn nhận dưới nhiều phương diện như kinh tế, chính trị, quản lý nhà nước và pháp lý. Ở phương diện pháp lý, đăng ký kinh doanh được hiểu là một hoạt động pháp lý trong đó doanh nghiệp thực hiện việc đăng ký với cơ quan nhà nước có thẩm quyền (cơ quan đăng ký kinh doanh) nhằm ghi nhận sự ra đời của doanh nghiệp và xác định địa vị pháp lý của doanh nghiệp trên thị trường. Trong quá trình thực thi thủ tục đăng ký kinh doanh, cả doanh nghiệp và cơ quan đăng ký kinh doanh đều phải chịu sự tác động và điều chỉnh của pháp luật, vì vậy, có thể đưa ra khái niệm: “Pháp luật về đăng ký kinh doanh là tổng thể các quy phạm pháp luật do Nhà nước ban hành hoặc thừa nhận để nhằm điều chỉnh những vấn đề về điều kiện, nội dung và trình tự, thủ tục đăng ký kinh doanh giữa chủ thể kinh doanh với cơ quan đăng ký kinh doanh”.

Ngoài ra, pháp luật về đăng ký kinh doanh có đặc điểm riêng như: quy định về việc gia nhập thị trường, thủ tục hành chính được thực hiện bởi giữa chủ thể kinh doanh và cơ quan có thẩm quyền của nhà nước, mang nội dung công bố thông tin.

Thông qua những đặc điểm riêng đó để nhận biết được những nguyên tắc cơ bản về quyền tự do kinh doanh, đảm bảo sự bình đẳng, tính công khai minh bạch trong đăng ký kinh doanh. Nội dung chính của pháp luật về đăng ký kinh doanh đó là những quy phạm pháp luật điều chỉnh về chủ thể kinh doanh gồm cá nhân, doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức, quy phạm quy định về thủ tục đăng ký kinh doanh, quy phạm quy định về giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

CHƯƠNG 3

THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VÀ THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ ĐĂNG KÝ KINH DOANH Ở VIỆT NAM

3.1. Thực trạng pháp luật về đăng ký kinh doanh ở Việt Nam

3.1.1. Các quy định về điều kiện đăng ký kinh doanh

Pháp luật về đăng ký kinh doanh ở Việt Nam được hình thành từ những năm 50 thế kỷ trước. Tuy nhiên, ở giai đoạn đầu Nhà nước mới chỉ ban hành ở văn bản dưới luật: Nghị định số 488/TTg ngày 30/5/1955 của Thủ tướng Chính phủ quy định về bản điều lệ đăng ký kinh doanh các loại công thương nghiệp. Nghị định quy định tất cả các cá nhân, tổ chức *“không phân biệt thành phần kinh tế, kinh doanh tại chỗ hay lưu động đều phải xin đăng ký và xin giấy chứng nhận đăng ký khi khai trương, khuếch trương, di nhượng, di chuyển hay thay đổi loại hình kinh doanh”*. Nghị định này quy định về cơ quan có thẩm quyền đăng ký kinh doanh, về thủ tục giấy tờ để tiến hành đăng ký kinh doanh.

Đến khi đất nước xây dựng nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung quan liêu bao cấp, doanh nghiệp nhà nước đóng vai trò chủ đạo, ra đời trên cơ sở quyết định hành chính và theo kế hoạch của Nhà nước, vì vậy pháp luật về đăng ký kinh doanh trong thời kỳ này hầu như không tồn tại.

Chỉ đến khi Đại hội Đảng VI năm 1986 chính sách đổi mới cơ chế quản lý kinh tế và chủ trương xây dựng *“nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận động theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước...”*[33], các cơ sở sản xuất, đơn vị kinh doanh của tư nhân lần lượt ra đời, được hợp pháp hóa và khuyến khích phát triển.

Trước thực tế đó những quy định về đăng ký kinh doanh được đề cập trở lại trong các văn bản quy phạm pháp luật và đặt ra như một yêu cầu chung của các đơn vị, tổ chức kinh doanh không phân biệt thành phần kinh tế.

Tuy nhiên, trong suốt thời gian này, vấn đề đăng ký kinh doanh mặc dù đã được đề cập đến nhưng trên thực tế các quy định vẫn còn rất mờ nhạt. Đăng ký kinh doanh chỉ đơn thuần là thủ tục để Nhà nước thống kê doanh nghiệp phục vụ cho

việc thu thuế nên quy định về đăng ký kinh doanh còn thiếu và sơ sài, trong khi thủ tục thực hiện lại rườm rà, đòi hỏi nhiều giấy tờ không có ý nghĩa pháp lý, hầu hết văn bản quy định đều chưa chú ý đến thời hạn đăng ký kinh doanh và trách nhiệm của cơ quan cấp đăng ký kinh doanh, gây ra tình trạng xử lý việc đăng ký kinh doanh tùy tiện, kéo dài thời gian thực hiện làm cản trở hoạt động kinh doanh vốn có tính năng động và phụ thuộc nhiều vào thời cơ kinh doanh.

** Điều kiện về đăng ký kinh doanh theo quy định của Luật doanh nghiệp năm 1990 và Luật doanh nghiệp tư nhân 1990*

Lần đầu tiên pháp luật về đăng ký kinh doanh ở Việt Nam được Quốc hội khóa VIII thông qua ngày 21 tháng 12 năm 1990 là văn bản pháp lý đầu tiên cho phép thành lập tổ chức kinh tế thuộc tư hữu gồm: (công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần thành lập theo luật công ty, doanh nghiệp tư nhân thành lập theo Luật doanh nghiệp tư nhân). Nội dung của chế định đăng ký kinh doanh trong hai đạo luật trên bước đầu đã quy định những vấn đề cần thiết để doanh nghiệp tiến hành đăng ký kinh doanh, đó là quy định về: (i) Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, (ii) Điều kiện thành lập và đăng ký kinh doanh, (iii) Hồ sơ xin phép thành lập và đăng ký kinh doanh, (iv) Thủ tục thành lập và đăng ký kinh doanh.

Theo quy định của hai đạo luật này điều kiện về chủ thể thành lập rộng gồm tất cả công dân Việt Nam đủ 18 tuổi trở lên có quyền thành lập doanh nghiệp tư nhân và công ty với những mục tiêu, ngành nghề kinh doanh rõ ràng, trụ sở giao dịch và phương án kinh doanh cụ thể, vốn đầu tư ban đầu không được thấp. Ngoài ra, Luật doanh nghiệp năm 1990 cũng quy định 8 đối tượng không được phép thành lập và quản lý doanh nghiệp, trong số các đối tượng không được phép thành lập và tham gia quản lý doanh nghiệp thì có đối tượng bị cấm vĩnh viễn, có đối tượng bị cấm trong các trường hợp cụ thể [61]. Sự quy định này là cần thiết và phù hợp phù hợp với thông lệ quốc tế nhằm bảo vệ lợi ích của nhà nước, của xã hội cũng như lợi ích của bản thân các nhà đầu tư, đảm bảo cho hoạt động kinh doanh diễn ra một cách lành mạnh, có hiệu quả, tuân thủ nguyên tắc của nền kinh tế thị trường.

-Điều kiện về ngành nghề kinh doanh, vốn đầu tư ban đầu không được thấp hơn vốn pháp định do Hội đồng Bộ trưởng quy định, người quản lý, điều hành phải

có trình độ chuyên môn tương ứng mà pháp luật đòi hỏi đối với một số ngành nghề...Khi tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh doanh nghiệp phải có trụ sở giao dịch ổn định, trụ sở giao dịch của doanh nghiệp không đồng nhất với địa điểm doanh nghiệp tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh, vì vậy trụ sở giao dịch của doanh nghiệp mang tính pháp lý nhiều hơn là tính không gian.

Như vậy, quy định về điều kiện thành lập và đăng ký kinh doanh trong Luật Doanh nghiệp và Luật Công ty năm 1990 bước đầu đã cải thiện về tính công khai trong các quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục và điều kiện để được đăng ký kinh doanh, tính minh bạch trong tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về đăng ký kinh doanh. Những quy định này đã góp phần tạo điều kiện cho chủ thể kinh doanh được thực hiện quyền tự do kinh doanh.

** Điều kiện về đăng ký kinh doanh theo quy định của Luật doanh nghiệp năm 1999*

Để tạo điều kiện cho các chủ thể tham gia hoạt động kinh doanh, thu hút nhiều nhà đầu tư hơn nữa, ngày 12/6/1999 Quốc hội khóa X kỳ họp thứ 5 đã thông qua Luật doanh nghiệp trên cơ sở hợp nhất Luật doanh nghiệp 1990 và Luật doanh nghiệp tư nhân năm 1990 nhằm thu hút và tháo gỡ những khó khăn trong khâu đăng ký thành lập doanh nghiệp. Chính phủ đã ban hành 03 văn bản QPPPL: Nghị định 02/2000/NĐ-CP về đăng ký kinh doanh. Nghị định 03/2000/NĐ-CP về hướng dẫn thi hành một số điều của luật doanh nghiệp, Quyết định số 19/2000/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về bãi bỏ 84 loại giấy phép trái với quy định tại Luật doanh nghiệp góp phần quan trọng vào công cuộc cải cách và đơn giản hóa thủ tục hành chính về thành lập doanh nghiệp, tăng cường vai trò quản lý của nhà nước, giám sát bằng pháp luật đối với doanh nghiệp.

-Về đối tượng thành lập, Luật doanh nghiệp năm 1999 cụ thể hóa quyền tự do kinh doanh, khuyến khích các tổ chức, cá nhân đủ điều kiện theo quy định của pháp luật được quyền tham gia, góp vốn, thành lập doanh nghiệp. Điều này thể hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước nhằm huy động mọi nguồn lực vào sản xuất kinh doanh và phát triển kinh tế [62].

Với đối tượng là doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài họ có thể đầu tư vào Việt Nam theo Luật đầu tư nước ngoài hoặc theo Luật doanh nghiệp. Theo Luật

doanh nghiệp 1999, họ có quyền thành lập doanh nghiệp tại Việt Nam nếu họ thường trú tại Việt Nam với hình thức thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty hợp danh theo quy định của Luật khuyến khích đầu tư nước ngoài.

Bên cạnh đó, Luật doanh nghiệp năm 1999 và Nghị định số 02/NĐ-CP ngày 3/2/2000 cũng quy định 8 đối tượng không được phép thành lập và tham gia quản lý doanh nghiệp, trong đó có những đối tượng bị cấm trong trường hợp cụ thể. Đây là những quy định cần thiết trong nền kinh tế thị trường.

Một điều đáng kể những quy định về điều kiện ĐKKD theo quy định của Luật doanh nghiệp năm 1999 đã tạo nguồn động lực, thu hút các đối tượng thành lập là khu vực kinh tế tư nhân, các nhà đầu tư nước ngoài chú ý đến đầu tư ở nước ta nhiều hơn. Tuy nhiên, Luật doanh nghiệp năm 1999 vẫn còn những tồn tại, khiếm khuyết, thiếu nhất quán, minh bạch, chưa thực sự “cởi trói” cho doanh nghiệp muốn tham gia khởi sự hoạt động kinh doanh.

** Điều kiện về đăng ký kinh doanh theo quy định của Luật doanh nghiệp năm 2005*

Để đảm bảo, hỗ trợ doanh nghiệp trong việc tạo lập, vận hành hệ thống quản trị doanh nghiệp có hiệu quả, đúng pháp luật, có quyền kinh doanh tất cả các lĩnh vực ngành nghề mà pháp luật không cấm, đáp ứng được nhu cầu chủ động hội nhập kinh tế khu vực và thế giới. Ngày 29/11/2005 Quốc hội khóa XI kỳ họp thứ 8 đã thông qua Luật doanh nghiệp năm 2005. Sự ra đời của Luật doanh nghiệp năm 2005 cùng với Nghị định số 88/2006/NĐ - CP ngày 29/08/2006 về đăng ký kinh doanh tạo điều kiện, khuyến khích chủ thể kinh doanh trong và ngoài nước tham gia khởi sự doanh nghiệp, tạo lập môi trường kinh doanh bình đẳng trong nền kinh tế thị trường, khai thác mạnh mẽ mọi nguồn lực và khơi dậy tính năng động sáng tạo của các doanh nghiệp.

- Điều kiện về chủ thể thành lập doanh nghiệp theo Luật doanh nghiệp năm 2005:

Theo Điều 13 khoản 1: *“Tất cả các tổ chức là pháp nhân, bao gồm cả doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam, không phân biệt nơi đăng ký địa chỉ trụ sở chính và mọi cá nhân không phân biệt nơi cư trú và quốc tịch, nếu không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 13 của Luật Doanh nghiệp, đều có quyền thành lập, tham gia thành lập doanh nghiệp tại Việt Nam theo quy định của Luật Doanh nghiệp”*

Luật doanh nghiệp 2005 phân chia hai đối tượng nhà đầu tư bao gồm: Người được quyền thành lập và quản lý doanh nghiệp và người chỉ được quyền góp vốn vào doanh nghiệp.

Luật Doanh nghiệp 2005 quy định khá rõ ràng và cụ thể các điều kiện về chủ thể khi thành lập doanh nghiệp. Điều này giúp các nhà đầu tư nhận thức được quyền năng của mình khi tiến hành đăng ký kinh doanh một cách hợp pháp.

Theo Khoản 13 Điều 4 Luật doanh nghiệp: Người quản lý doanh nghiệp là chủ sở hữu, giám đốc doanh nghiệp tư nhân; thành viên hợp danh công ty hợp danh; Chủ tịch hội đồng thành viên; Chủ tịch công ty; Thành viên Hội đồng quản trị; Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và các chức danh quản lý khác do điều lệ công ty quy định

Theo quy định tại Điều 13 Luật doanh nghiệp 2005 các chủ thể được thành lập và quản lý doanh nghiệp, được góp vốn vào doanh nghiệp bao gồm: *“Tổ chức, cá nhân Việt Nam, tổ chức, cá nhân nước ngoài có quyền thành lập và quản lý doanh nghiệp tại Việt Nam theo quy định của luật này”*

Do đó, theo Luật doanh nghiệp năm 2005 quy định đối tượng được quyền thành lập doanh nghiệp khá rộng. Mọi tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước đều có thể thành lập và quản lý doanh nghiệp tại Việt Nam nếu như họ không thuộc trường hợp pháp luật cấm.

-Điều kiện về ngành, nghề kinh doanh: Doanh nghiệp có quyền tự do đăng ký kinh doanh đối với ngành, nghề không thuộc ngành, nghề cấm kinh doanh hoặc ngành, nghề kinh doanh có điều kiện theo quy định của pháp luật.

Chính phủ đã cụ thể hoá thành 11 ngành, nghề bị cấm tại Nghị định số 03/2000/ NĐ-CP ngày 3.2.2000 tại Điều 3 những ngành nghề bị pháp luật cấm kinh doanh: là những ngành nghề gây ảnh hưởng đến quốc phòng an ninh, trật tự an toàn xã hội, truyền thống lịch sử, văn hoá đạo đức, thuần phong mỹ tục Việt Nam và sức khỏe của nhân dân.

Điều 7 Luật Doanh nghiệp 2005 quy định về ngành, nghề kinh doanh và điều kiện kinh doanh quy định, mỗi loại hình doanh nghiệp khác nhau lại có những quy định riêng về thành lập và quản lý doanh nghiệp.

Điều kiện kinh doanh là yêu cầu mà doanh nghiệp phải có hoặc phải thực hiện

khi kinh doanh ngành, nghề cụ thể, được thể hiện bằng giấy phép kinh doanh, giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh, chứng chỉ hành nghề, chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp, yêu cầu về vốn pháp định hoặc yêu cầu khác.

Mặt khác, điều kiện kinh doanh được chia ra làm hai loại: Thứ nhất là điều kiện kinh doanh trước đăng ký kinh doanh, thứ hai là điều kiện kinh doanh sau đăng ký kinh doanh.

Điều kiện trước đăng ký kinh doanh là những điều kiện phải có trước khi thực hiện hoạt động kinh doanh, gửi kèm trong hồ sơ đăng ký kinh doanh như: giấy phép hành nghề, chứng chỉ hành nghề, vốn pháp định...[10].

Điều kiện kinh doanh sau đăng ký kinh doanh là các điều kiện kinh doanh chỉ có thể hình thành đồng thời với quá trình xây dựng và phát triển các tài sản, cơ sở kinh doanh của doanh nghiệp.

Ví dụ, điều kiện phòng cháy, chữa cháy hay điều kiện về vệ sinh an toàn thực phẩm, vệ sinh môi trường, trật tự an ninh xã hội, an toàn giao thông và các yêu cầu khác...[10]; chỉ được hình thành cùng với quá trình xây dựng nhà máy, cơ sở chế biến, khách sạn, văn phòng cho thuê, siêu thị, hay các cơ sở kinh doanh khác... Do đó, hồ sơ về các điều kiện sau đăng ký kinh doanh không có trong hồ sơ đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp.

- Điều kiện về tên, đặt tên doanh nghiệp

Quy định này nhằm phân biệt doanh nghiệp này với doanh nghiệp khác, bảo đảm cho doanh nghiệp có địa điểm giao dịch ổn định. Doanh nghiệp có quyền chủ động đặt tên cho doanh nghiệp của mình nhưng phải bảo đảm các điều kiện theo Điều 24 Luật doanh nghiệp 2005.

- Điều kiện về trụ sở

Doanh nghiệp phải có trụ sở chính theo quy định tại khoản 1 Điều 35 của Luật doanh nghiệp 2005. Theo đó, trụ sở của Doanh nghiệp phải là một địa điểm có thực trên bản đồ hành chính Việt Nam.

- Điều kiện về tên doanh nghiệp

Tên của doanh nghiệp phải được đặt theo đúng quy định tại các Điều 31 quy định về: “tên doanh nghiệp”, Điều 32 quy định về: “những điều cấm trong đặt tên doanh nghiệp”, Điều 33 quy định về: “tên doanh nghiệp viết bằng tiếng nước ngoài

và tên viết tắt của doanh nghiệp”, Điều 34 quy định về “tên trùng và tên gây nhầm lẫn” của Luật doanh nghiệp năm 2005.

- Điều kiện về lệ phí đăng kí kinh doanh

Doanh nghiệp muốn được cấp giấy chứng nhận ĐKKD khi “nộp đủ lệ phí ĐKKD theo quy định của pháp luật. Lệ phí ĐKKD được xác định căn cứ vào số lượng ngành, nghề ĐKKD; mức lệ phí cụ thể do Chính phủ quy định. Pháp luật về ĐKKD theo quy định của Luật doanh nghiệp năm 2005 đã quy định về điều kiện thành lập doanh nghiệp với những quy định thống nhất áp dụng cho mọi loại hình doanh nghiệp trong nền kinh tế bao gồm cả doanh nghiệp 100% vốn nhà nước, doanh nghiệp thuộc sở hữu tư nhân, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Điều này đã góp phần đáp ứng yêu cầu bình đẳng, không phân biệt đối xử trong nền kinh tế.

Như vậy, từ sự quy định của Luật công ty 1990, Luật doanh nghiệp tư nhân 1990, Luật công ty 1999 đến Luật doanh nghiệp năm 2005 những quy định về điều kiện thành lập doanh nghiệp như: Chủ thể, vốn, ngành nghề kinh doanh, trụ sở, tên doanh nghiệp...càng ngày được điều chỉnh theo hướng hợp hiến, hợp pháp, hợp lý, phù hợp hơn, minh bạch hơn. Những quy định này góp phần đảm bảo pháp lý quan trọng đem lại một môi trường kinh doanh thông thoáng, thu hút nhiều chủ thể tham gia khởi sự doanh nghiệp, tạo nguồn lực tăng trưởng phát triển kinh tế, những điều kiện bất hợp lý đã được loại bỏ, rút ngắn góp phần giảm bớt chi phí cho DN, hướng đến việc nhằm đảm bảo tôn trọng quyền tự do kinh doanh của công dân.

3.1.2. Các quy định về trình tự, thủ tục đăng ký kinh doanh

** Trình tự, thủ tục ĐKKD theo Luật công ty 1990 và Luật doanh nghiệp tư nhân 1990*

Luật công ty 1990 và Luật doanh nghiệp tư nhân 1990 quy định trình tự, thủ tục ĐKKD thành hai giai đoạn: Giai đoạn thứ nhất, phải nộp đơn và chờ sự phê chuẩn cho việc cấp phép thành lập; giai đoạn thứ hai, phải làm thủ tục đăng ký kinh doanh áp dụng cho doanh nghiệp hay công ty.

Ở giai đoạn thứ nhất người muốn xin phép thành lập công ty hay doanh nghiệp tư nhân phải làm đơn gửi đến UBND cấp Tỉnh với nội dung: (Tên, địa chỉ thường trú, địa chỉ văn phòng dự kiến, mục đích, lĩnh vực kinh doanh, vốn đầu tư ban đầu, các biện pháp bảo vệ môi trường, kế hoạch kinh doanh ban đầu, vốn pháp

định và các cách thức góp vốn, kế hoạch phát triển công ty, dự thảo điều lệ công ty, tên công ty)

Giấy phép thành lập một công ty hay doanh nghiệp mới đòi hỏi sự phê chuẩn của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố. Đây là cơ quan hành pháp cấp tỉnh, thành phố cao nhất và theo Luật Công ty và Luật Doanh nghiệp tư nhân năm 1990, không có hạn chế rõ ràng nào đối với thẩm quyền này.

Ngoại trừ một số ít hoạt động phải được Thủ tướng chính phủ cho phép, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có quyền cấp giấy phép thành lập. Tuy nhiên, trước khi giấy phép thành lập được ký bởi Chủ tịch hoặc Phó chủ tịch tỉnh, thành phố, hồ sơ xin thành lập phải được cơ quan chức năng cho ý kiến đánh giá.

Giai đoạn 2 sau khi nhận được giấy phép thành lập, nhà đầu tư chuẩn bị hồ sơ đăng ký kinh doanh tại Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp tỉnh, thành phố nơi doanh nghiệp dự định đặt trụ sở chính.

Với hai giai đoạn về quy trình thành lập, ĐKKD theo Luật công ty 1990 và Luật doanh nghiệp tư nhân 1990, để thành lập và đăng ký kinh doanh một doanh nghiệp, nhà đầu tư cần phải xin khoảng 20 loại giấy tờ khác nhau. Đối với mỗi loại giấy chứng nhận, các nhà đầu tư phải đến cơ quan nhà nước “có liên quan trách nhiệm” ít nhất hai lần, một lần để nộp đơn “xin” và một lần để nhận công văn “cho”. Đây là quy trình tiêu tốn nhiều thời gian và chi phí cho nhà đầu tư.

** Trình tự, thủ tục ĐKKD theo Luật doanh nghiệp 1999*

Luật doanh nghiệp năm 1999 được coi là cuộc “cách mạng”, đột phá về trình tự thành lập doanh nghiệp khi nhập hai thủ tục xin phép thành lập và đăng ký kinh doanh thành một làm thay đổi bản chất của việc đăng ký kinh doanh từ “*xin phép được tiến hành kinh doanh*” sang “*thông báo với cơ quan có thẩm quyền về sự hiện hữu của doanh nghiệp*”. Chủ thể dự định thành lập DN chỉ cần thực hiện một thủ tục duy nhất là: “*đăng ký kinh doanh*”

- Người thành lập doanh nghiệp chỉ cần lập và nộp một bộ hồ sơ duy nhất tại cơ quan đăng ký kinh doanh thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính;

- Quá trình thực hiện cấp giấy phép đăng ký kinh doanh được chuyển từ cơ quan cao nhất của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xuống cho cơ quan chuyên trách việc

đăng ký kinh doanh đảm nhiệm. Nhờ vậy, Ủy ban nhân dân có thể tập trung vào các nhiệm vụ, chính sách quan trọng hơn, dài hạn hơn và có ý nghĩa chiến lược hơn;

- Bãi bỏ một số yêu cầu không cần thiết như xác nhận trụ sở giao dịch chính, yêu cầu số lượng sáng lập viên tối thiểu, yêu cầu vốn tối thiểu,... trừ một số lĩnh vực được quản lý chặt chẽ nằm trong danh mục “*kinh doanh có điều kiện*” cần phải có giấy phép hoặc chấp thuận bổ sung.

Sự quy định về trình tự, thủ tục ĐKKD theo Luật doanh nghiệp năm 1999 đã phần nào đáp ứng yêu cầu thành lập doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường ở Việt Nam.

** Trình tự, thủ tục ĐKKD theo Luật doanh nghiệp 2005*

Trước bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế, quy định về trình tự thủ tục ĐKKD theo Luật doanh nghiệp năm 1999 còn tồn tại nhiều bất cập. Do đó, Luật doanh nghiệp năm 2005 ra đời với những quy định về trình tự thủ tục mang tính đột phá được kỳ vọng là mang lại những tác động lớn cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Luật đã đơn giản hóa trình tự, thủ tục đăng ký kinh doanh, áp dụng thống nhất chế độ đăng ký thay cho “cấp phép”, xóa bỏ những quy định “xin - cho”, “phê duyệt”, “chấp thuận” bất hợp lý, gây phiền hà cho doanh nghiệp, hạn chế tối đa rào cản gia nhập thị trường không cần thiết, tạo thuận lợi cho những người có khả năng thành lập doanh nghiệp, biến nguyện vọng kinh doanh của mình thành hiện thực.

Trình tự, thủ tục đăng ký thành lập doanh nghiệp được quy định cụ thể tại Điều 15 Luật Doanh nghiệp 2005, theo đó, việc đăng ký doanh nghiệp được tiến hành tại cơ quan đăng ký kinh doanh, bao gồm các bước cụ thể sau:

Thứ nhất, nộp hồ sơ đăng ký thành lập doanh nghiệp

Người thành lập doanh nghiệp nộp đủ hồ sơ đăng ký doanh nghiệp theo quy định của Luật này tại cơ quan đăng ký kinh doanh có thẩm quyền (Phòng Đăng ký kinh doanh cấp tỉnh) và phải chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung hồ sơ.

Thứ hai, tiếp nhận hồ sơ đăng ký thành lập doanh nghiệp

Việc tiếp nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp thực hiện bằng việc cơ quan đăng ký kinh doanh ghi vào sổ hồ sơ tiếp nhận của cơ quan mình, đồng thời trao cho người thành lập Giấy biên nhận về việc nhận hồ sơ hợp lệ. Thời điểm tiếp

nhận hồ sơ hợp lệ được coi là căn cứ để xác định thời hạn thực hiện trách nhiệm đăng ký doanh nghiệp của cơ quan đăng ký kinh doanh. Cũng chính vì thế mà giấy biên nhận về việc tiếp nhận hồ sơ là cơ sở pháp lý để người thành lập doanh nghiệp có thể thực hiện quyền khiếu nại của mình trong trường hợp cơ quan đăng ký kinh doanh không cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo đúng thời hạn và không có thông báo về việc yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ.

Thứ ba, xem xét tính hợp lệ hồ sơ đăng ký và cấp hoặc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

Cơ quan đăng ký kinh doanh có trách nhiệm xem xét hồ sơ đăng ký thành lập doanh nghiệp và cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp trong thời hạn mười ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ; nếu từ chối cấp Giấy thì thông báo bằng văn bản cho người thành lập doanh nghiệp biết. Thông báo phải nêu rõ lý do và các yêu cầu sửa đổi, bổ sung (đây là quy định trong Luật Doanh nghiệp 2005 nhưng hiện tại, thời gian cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp được giảm xuống còn 5 ngày theo quy định tại Nghị định số 43/2010/NĐ-CP về đăng ký doanh nghiệp).

Cơ quan đăng ký kinh doanh xem xét và chịu trách nhiệm về tính hợp lệ của hồ sơ khi cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; không được yêu cầu người thành lập doanh nghiệp nộp thêm các giấy tờ khác không quy định tại Luật này.

Thời hạn cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp gắn với dự án đầu tư cụ thể thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư.

Bên cạnh trình tự thủ tục, hồ sơ của các doanh nghiệp nêu trên, Điều 20 Luật Doanh nghiệp quy định hồ sơ, trình tự thủ tục, điều kiện và nội dung đăng ký kinh doanh, đầu tư của nhà đầu tư nước ngoài lần đầu tiên đầu tư vào Việt Nam. Giấy chứng nhận đầu tư lần đầu tiên đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Như vậy, với những quy định trình tự thủ tục thành lập DN, Luật Doanh nghiệp 2005 góp phần gia tăng số lượng doanh nghiệp thành lập mới vì đã mở rộng quyền tự do kinh doanh, rút gọn trình tự, thủ tục, ứng dụng quy trình ĐKKD qua mạng làm giảm thời gian, chi phí chỉ còn 3 ngày, nâng cao tính công khai, minh bạch về thông tin ĐKKD.

** Trình tự, thủ tục ĐKKD theo Luật doanh nghiệp 2014*

Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội Nước Cộng Hòa Xã Hội

Chủ Nghĩa Việt Nam Khóa XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2015 trên cơ sở kế thừa, luật hóa những quy định còn phù hợp đã và đang đi vào cuộc sống của Luật Doanh nghiệp năm 2005, nhưng đồng thời đã sửa đổi, bổ sung nhiều quy định mới nhằm tháo gỡ những hạn chế, bất cập của Luật doanh nghiệp năm 2005 tiếp tục tạo lập môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi, phù hợp với thông lệ quốc tế. Luật doanh nghiệp 2014 quy định chi tiết thủ tục thành lập doanh nghiệp được thực hiện theo các bước sau:

Bước 1: Doanh nghiệp soạn hồ sơ thành lập doanh nghiệp xin cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

Doanh nghiệp chuẩn bị một bộ hồ sơ theo mẫu gửi đến cơ quan ĐKKD nơi doanh nghiệp dự định đặt trụ sở chính. Cơ quan đăng ký kinh doanh có trách nhiệm xem xét tính hợp lệ của hồ sơ đăng ký doanh nghiệp và cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ. Trường hợp từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thì phải thông báo bằng văn bản cho người thành lập doanh nghiệp biết. Thông báo phải nêu rõ lý do và các yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ.

Bước 2: Công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp

Sau khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo Điều 29 Luật doanh nghiệp năm 2014, doanh nghiệp phải thông báo công khai trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp theo trình tự, thủ tục và phải trả phí theo quy định. Trong vòng 30 ngày kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp doanh nghiệp phải thực hiện công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Sự khác biệt giữa Luật doanh nghiệp 2014 với Luật doanh nghiệp 2005 là bỏ ghi ngành nghề kinh doanh trong Giấy CNĐKDN; bỏ việc xác định vốn pháp định, chứng chỉ hành nghề ... Điều này đã hiện thực hóa quyền tự do kinh doanh tất cả ngành nghề mà pháp luật không cấm theo quy định tại Hiến pháp, làm cho doanh nghiệp trở thành công cụ kinh doanh thực sự an toàn, đa công năng và rẻ hơn...

Bước 3: Khắc dấu pháp nhân của doanh nghiệp

Sau khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, doanh nghiệp liên hệ trực tiếp với cơ quan khắc dấu để khắc dấu pháp nhân cho doanh nghiệp. Doanh

ng nghiệp có quyền quyết định về hình thức, số lượng và nội dung con dấu của doanh nghiệp. Sau khi nhận được con dấu pháp nhân và trước khi sử dụng dấu doanh nghiệp phải thực hiện gửi thông báo về mẫu con dấu của doanh nghiệp đến Phòng Đăng ký kinh doanh để đăng tải công khai trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Bước 4: Thông báo về mẫu con dấu của doanh nghiệp

Sau khi nhận thông báo về mẫu con dấu, Phòng Đăng ký kinh doanh trao Giấy biên nhận cho doanh nghiệp, thực hiện đăng tải thông báo của doanh nghiệp trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp và cấp Thông báo về việc đăng tải thông tin về mẫu con dấu của doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện cho doanh nghiệp

Như vậy, đây là cách tiếp cận mới hoàn toàn về con dấu doanh nghiệp, dù chưa thể bỏ hoàn toàn việc sử dụng con dấu nhưng đã có bước cải cách lớn. So với trước đây việc cấp, sử dụng con dấu của doanh nghiệp do Bộ Công an quy định thì nay theo Luật Doanh nghiệp 2014, doanh nghiệp có quyền quyết định về hình thức, số lượng và nội dung con dấu của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật thông báo mẫu dấu với cơ quan đăng ký kinh doanh để đăng tải công khai trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. Quy định này giúp doanh nghiệp đỡ phiền hà, tốn kém về chi phí, thời gian.

**Luật đầu tư 2014 quy định về thành lập doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài*

Luật Đầu tư 2014 ra đời góp phần làm minh bạch để bảo đảm thực hiện nguyên tắc Hiến định về quyền tự do đầu tư kinh doanh của công dân trong nước cũng như công dân nước ngoài, từ việc nhà đầu tư chỉ được quyền thực hiện hoạt động đầu tư kinh doanh trong những ngành, nghề mà pháp luật cho phép sang nguyên tắc được tự do đầu tư kinh doanh tất cả các ngành, nghề mà Luật này không cấm hoặc quy định phải có điều kiện.

Quy trình thủ tục đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài được áp dụng theo quy trình của Luật doanh nghiệp 2014.

Cụ thể: Trước khi thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, nhà đầu tư kê khai trực tuyến các thông tin về dự án đầu tư trên Hệ thống thông tin

quốc gia về đầu tư nước ngoài. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kê khai hồ sơ trực tuyến, nhà đầu tư nộp hồ sơ cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho Cơ quan đăng ký đầu tư. Sau khi Cơ quan đăng ký đầu tư tiếp nhận hồ sơ, nhà đầu tư được cấp tài khoản truy cập Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư nước ngoài để theo dõi tình hình xử lý hồ sơ.

Cơ quan đăng ký đầu tư sử dụng Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư nước ngoài để tiếp nhận, xử lý, trả kết quả hồ sơ đăng ký đầu tư, cập nhật tình hình xử lý hồ sơ và cấp mã số cho dự án đầu tư.

Đối với dự án đầu tư thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư cơ quan đăng ký đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho nhà đầu tư trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản quyết định chủ trương đầu tư.

3.1.3. Đánh giá thực trạng pháp luật về đăng ký kinh doanh

3.1.3.1. Pháp luật về ĐKKD góp phần mở rộng quyền tự do kinh doanh

Pháp luật về ĐKKD ở Việt Nam đã có nhiều chuyển biến quan trọng, từ chỗ là một thủ tục “*xin phép*” tới chỗ chỉ là một thủ tục đăng ký có tính ghi nhận quyền tự do kinh doanh của người dân.

Khởi đầu là Hiến pháp 1960 đến Hiến pháp 1992, 2013 ra đời ở những thời điểm nền kinh tế của nước ta đang trong thời kỳ quá độ, chuyển giai đoạn nên quyền tự do kinh doanh của công dân nói riêng được giới hạn trong một phạm vi nhất định. Chỉ đến khi Hiến pháp 1992, 2013 ra đời đã phản ánh đúng quy luật phát triển kinh tế xã hội, quyền bình đẳng giữa các thành phần kinh tế được biểu hiện cụ thể qua quyền tự do kinh doanh. Từ đó quyền tự do kinh doanh của công dân trong bản Hiến pháp này được cụ thể hoá trong Luật Doanh nghiệp 1999, 2005, 2014 bảo đảm cho mọi công dân được hưởng thực quyền của mình trong lĩnh vực kinh tế.

Hiến pháp 2013 quy định: “*Mọi người có quyền tự do kinh doanh trong những ngành nghề pháp luật không cấm*” [59]. Luật Doanh nghiệp 2005 tiếp tục đề cao phát triển quyền tự do kinh doanh của người dân và doanh nghiệp. Kế thừa nội dung Luật Doanh nghiệp tư nhân 1990, Luật công ty 1990, Luật doanh nghiệp năm 1999 các quy định về đối tượng được quyền thành lập doanh nghiệp và ngành nghề kinh doanh được xây dựng theo nguyên tắc “*loại trừ*”; theo đó Luật Doanh nghiệp 2005 đến Luật doanh nghiệp năm 2014 đã mở rộng phạm vi đối tượng có quyền

thành lập doanh nghiệp bởi lẽ:

-Luật Doanh nghiệp tư nhân 1990, Luật công ty 1990, Luật doanh nghiệp năm 1999 quy định đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp là 8 trường hợp: “Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; Chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên hợp danh của công ty hợp danh, Giám đốc (Tổng giám đốc), Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên của doanh nghiệp bị tuyên bố phá sản không được quyền thành lập doanh nghiệp, không được làm người quản lý doanh nghiệp trong thời hạn từ một đến ba năm, kể từ ngày doanh nghiệp bị tuyên bố phá sản, trừ các trường hợp quy định tại Luật Phá sản doanh nghiệp; Tổ chức nước ngoài, người nước ngoài không thường trú tại Việt Nam”[61]

Tuy nhiên, theo quy định tại Luật Doanh nghiệp 2005, 2014 những thành phần kinh tế này không bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp. Nhờ đó, đối tượng được thành lập và quản lý doanh nghiệp được mở rộng, thúc đẩy việc gia nhập thị trường của các thành phần kinh tế.

- Ngoài việc quy định đối tượng thành lập doanh nghiệp, quyền tự do kinh doanh được thực hiện dưới hình thức kinh doanh cũng được Luật doanh nghiệp 2005, 2014 đã mở rộng nhiều. Từ chỗ chủ thể kinh doanh chỉ được kinh doanh dưới hai hình thức: “công ty cổ phần và công ty TNHH, doanh nghiệp tư nhân”[62] thì đến Luật doanh nghiệp năm 1999 đã thống nhất điều chỉnh cả bốn loại hình doanh nghiệp là công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh và doanh nghiệp tư nhân.

- Địa vị pháp lý của DNNN được điều chỉnh bằng một đạo luật riêng Luật doanh nghiệp nhà nước 1995, Luật doanh nghiệp nhà nước 2003. Tuy nhiên trên thực tế, do được ưu đãi rất nhiều mà chưa có quy định rõ ràng về chế độ chịu trách nhiệm khi doanh nghiệp sản xuất kinh doanh thua lỗ, việc các doanh nghiệp nhà nước được điều chỉnh bằng một đạo luật riêng tạo ra sự bất bình đẳng đối với các doanh nghiệp thuộc thành phần kinh tế khác, đồng thời gây ra trở ngại đối với chính hoạt động của doanh nghiệp nhà nước. Hay doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chỉ được thành lập theo mô hình công ty TNHH và công ty cổ phần. Xét về mặt pháp lý, các mô hình công ty này có cùng bản chất với công ty TNHH hay công ty cổ phần được quy định trong Luật doanh nghiệp nhưng vẫn phải tổ chức và hoạt động theo Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam [65].

Trước thực tế đó, Luật doanh nghiệp năm 2005 ra đời, đáp ứng được đòi hỏi đó khi quy định đối tượng áp dụng của luật này là: *“các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế”* [63] Theo đó, doanh nghiệp có vốn nhà nước hay do các tổ chức, cá nhân trong hoặc ngoài nước đầu tư thành lập đều được tổ chức dưới hình thức công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh hay doanh nghiệp tư nhân.

Sự thay đổi về đối tượng áp dụng của Luật doanh nghiệp năm 2005 là một điểm mới cơ bản và có ý nghĩa quan trọng trong sự thống nhất pháp luật về doanh nghiệp, trong đó đối tượng bị ảnh hưởng trước hết và chủ yếu là các doanh nghiệp nhà nước và các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Còn đối với doanh nghiệp nhà nước *“các doanh nghiệp nhà nước hiện đang hoạt động theo Luật doanh nghiệp nhà nước năm 2003 phải chuyển đổi thành công ty TNHH, công ty cổ phần hoạt động theo Luật doanh nghiệp năm 2005”* [63]

Ngoài ra, theo quy định của Luật doanh nghiệp nhà nước năm 2003, đối tượng có quyền thành lập và quản lý doanh nghiệp được quy định không thống nhất ở nhiều đạo luật khác nhau như: quyền thành lập doanh nghiệp nhà nước được quy định trong luật doanh nghiệp nhà nước, quyền thành lập công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh, doanh nghiệp tư nhân được quy định trong Luật doanh nghiệp năm 1999; quyền thành lập doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài được quy định trong Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

Đối với quyền thành lập doanh nghiệp liên doanh, doanh nghiệp 100% vốn đầu tư nước ngoài, Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam quy định như sau: Đối với doanh nghiệp liên doanh, nhà đầu tư nước ngoài và nhà đầu tư Việt Nam đáp ứng điều kiện về chủ thể theo Quy định tại Điều 2 Nghị Định số 24/2000/NĐ-CP ngày 31/7/2000 và được sửa đổi tại Khoản 2 Điều 1 Nghị Định số 27/2003/NĐ-CP ngày 19/3/2003 quy định chi tiết một số điều của Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam, bao gồm: doanh nghiệp nhà nước được thành lập theo Luật doanh nghiệp nhà nước, Hợp tác xã được thành lập theo Luật hợp tác xã, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị xã hội, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh, doanh nghiệp tư nhân được thành lập theo Luật doanh nghiệp; cơ sở khám chữa bệnh, giáo dục đào tạo, nghiên cứu khoa học ở trong nước đáp ứng những điều kiện do Chính phủ quy định; nhà đầu tư nước ngoài; doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; người Việt Nam

định cư ở nước ngoài; cơ quan nhà nước có thẩm quyền ký kết hợp đồng BOT, BTO và BT. Đối với doanh nghiệp 100% vốn đầu tư nước ngoài thì đối tượng được quyền thành lập loại doanh nghiệp này chỉ có thể là nhà đầu tư nước ngoài.

Khắc phục những hạn chế nêu trên, Luật doanh nghiệp năm 2005, 2014 đã quy định thống nhất về quyền thành lập, quản lý doanh nghiệp như sau: tổ chức, cá nhân Việt Nam, tổ chức, cá nhân nước ngoài nếu không thuộc những trường hợp cấm thành lập doanh nghiệp theo Khoản 2 Điều 13 Luật doanh nghiệp năm 2005, Khoản 2 Điều 18 Luật doanh nghiệp năm 2014 thì có quyền thành lập, quản lý doanh nghiệp tại Việt Nam.

Có thể nói, việc mở rộng đối tượng có quyền thành lập theo phương pháp loại trừ như trên là phù hợp với đòi hỏi của cơ chế thị trường, tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư có thể tự nhận thức pháp luật để tiến hành thành lập doanh nghiệp một cách đúng pháp luật. Việc hạn chế một số đối tượng thành lập doanh nghiệp xuất phát từ yêu cầu bảo vệ lợi ích của nhà nước, lợi ích của xã hội cũng như lợi ích của bản thân các nhà đầu tư.

Sự quy định các đối tượng có quyền thành lập, góp vốn hoạt động kinh doanh trong cùng một đạo luật để tạo cơ hội thuận lợi, dễ dàng và bình đẳng cho hai đối tượng trên khi thành lập doanh nghiệp, tạo nên sự thống nhất, tránh những quy phạm pháp luật chồng chéo trong hệ thống pháp luật nói chung.

3.1.3.2. Rút gọn thủ tục gia nhập thị trường

Trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, việc thành lập doanh nghiệp được coi là quyền cơ bản của nhà đầu tư song lại có ảnh hưởng không nhỏ đến lợi ích toàn xã hội. Vì vậy, trình tự thành lập doanh nghiệp phải được tiến hành trong khuôn khổ của pháp luật. Các quy định về thành lập doanh nghiệp không những phải đảm bảo quyền tự do kinh doanh của nhà đầu tư mà còn phải đáp ứng nhu cầu của quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp. Quy trình ĐKKD cho doanh nghiệp càng rút ngắn thì càng có lợi cho doanh nghiệp tiết kiệm được thời gian, chi phí, hoạt động gia nhập thị trường càng sớm càng tốt.

Pháp luật về ĐKKD trong thời gian qua, quy trình ĐKKD càng ngày càng được rút gọn cụ thể:

** Luật công ty, doanh nghiệp tư nhân năm 1990*

- Theo Luật công ty năm 1990, Luật doanh nghiệp tư nhân 1990 và Nghị định số 66/HĐBT/ngày 2/3/1992 quy định về cá nhân và nhóm kinh doanh có vốn thấp hơn vốn pháp định quy định trong Nghị định số 221/HĐBT ngày 23/7/1991. (Phần đăng ký kinh doanh được quy định tại chương 2 từ Điều 6 đến Điều 11 của Nghị định)

Muốn thành lập công ty, doanh nghiệp tư nhân chủ thể ĐKKD phải thực hiện hai bước; thời hạn 60 ngày cho thủ tục đăng ký công ty cổ phần, công ty TNHH; 30 ngày đối với DNTN.

Ngành nghề kinh doanh theo Luật công ty và Luật doanh nghiệp tư nhân 1990 quy định về ngành nghề kinh doanh làm hạn chế nhiều quyền kinh doanh của công dân; cụ thể Nghị định số 221/HĐBT và số 222/ HĐBT ngày 23.7.1997 quy định: Các lĩnh vực nhà nước độc quyền kinh doanh; loại ngành nghề mà các thành phần kinh tế ngoài quốc doanh muốn kinh doanh phải theo quy chế riêng, Các ngành nghề và lĩnh vực kinh doanh mà ngoài quy chế chung còn có các quy định riêng về quy chế hành nghề.

Ngoài ra, Điều 11 Luật công ty 1990, Điều 5 Luật doanh nghiệp tư nhân quy định ngoài ngành nghề mà pháp luật cấm kinh doanh. Việc thành lập doanh nghiệp trong các ngành nghề dưới đây phải được Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng giấy phép kinh doanh cho phép: Sản xuất và lưu thông thuốc nổ, thuốc độc, hoá chất độc hại; Khai thác các loại khoáng sản quý; Sản xuất và cung ứng điện nước có quy mô lớn; Sản xuất các phương tiện phát sóng truyền tin, dịch vụ bưu chính viễn thông, truyền thanh, truyền hình, xuất bản; Vận tải viễn dương, vận tải hàng không; Chuyên kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu; Du lịch quốc tế...

Từ đó có thể thấy việc quy định các ngành nghề kinh doanh theo Luật công ty năm 1990 rất hạn hẹp và nhiều quy định phức tạp rắc rối, làm hạn chế quyền tự do kinh doanh của công dân.

- Việc đăng ký kinh doanh của công ty được thực hiện tại Trọng tài kinh tế Tỉnh, thành phố trực thuộc Trung Ương hoặc đơn vị hành chính tương đương. Khi đăng ký kinh doanh, công ty được ghi vào sổ đăng ký kinh doanh và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Kể từ thời điểm đó công ty có tư cách pháp nhân và được bắt đầu các hoạt động nhân danh công ty. Các hoạt động trước đó liên quan đến

công ty mang tính cá nhân của các thành viên và họ phải chịu trách nhiệm vô hạn về các khoản nợ. Chỉ sau khi đăng ký kinh doanh, công ty mới có chế độ TNHH về các khoản nợ của công ty.

Như vậy, theo Luật công ty năm 1990 và Luật doanh nghiệp tư nhân năm 1990 để thành lập công ty hay doanh nghiệp tư nhân nhà đầu tư phải thực hiện thủ tục qua hai giai đoạn: Xin phép thành lập và đăng ký kinh doanh. Đây là quy trình quá rườm rà, tốn nhiều thời gian trong quá trình xin phép thành lập và đăng ký kinh doanh. Nếu ĐKKD cho công ty cổ phần mất thời gian 1 năm, còn công ty TNHH mất 180 mới được cấp giấy phép thành lập. Do đó, để thành lập được một doanh nghiệp, nhà đầu tư phải xin được khoảng gần 20 loại giấy tờ và con dấu khác nhau. Đối với mỗi loại giấy chứng nhận, họ có thể phải đến cơ quan nhà nước 2 lần, mỗi lần đến “xin” và một lần đến để “cho” một số Tỉnh, thành phố còn đặt ra những điều kiện và một số trình tự thủ tục và giấy tờ trái với quy định của pháp luật. Do thủ tục phiền hà nên thời gian cần thiết bình quân để thành lập một công ty khoảng vài tháng. Ngoài ra nhà đầu tư còn phải trả một khoản phí phi chính thức không nhỏ.

Mặt khác, Thủ tục cấp giấy phép và hình thức cấp giấy phép chưa ổn định, thường bị thay đổi. Tại thời điểm đó Luật do Quốc hội ban hành đã có hiệu lực nhưng chưa có văn bản hướng dẫn thực hiện Luật, Nghị định hướng dẫn thủ tục ĐKKD. Do đó, các địa phương phải tự ra văn bản để tạm thời hướng dẫn. Khi Chính phủ, các Bộ, ngành có văn bản hướng chính thức thì địa phương phải sửa đổi văn bản của mình cho phù hợp với quy định của Trung Ương. Do đó, làm cho người kinh doanh mất nhiều thời gian công sức cho việc hợp thức hoá công việc kinh doanh của mình, gây tâm lý không tin tưởng vào tính ổn định, nhất quán trong chính sách pháp luật của nhà nước ta.

**Luật doanh nghiệp năm 1999*

Luật doanh nghiệp 1999 và Nghị định số 03/2000/NĐ-CP hướng dẫn thi hành Luật doanh nghiệp năm 1999 đã thực hiện cải cách hành chính trong việc thành lập doanh nghiệp theo hướng gộp thủ tục xin phép thành lập và đăng ký kinh doanh thành một, đồng thời chỉ giữ lại những thủ tục, hồ sơ thực sự cần thiết trên cơ sở yêu cầu nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước. Điều này nhằm đảm bảo, khuyến khích cho nhà đầu tư.

Khác so với Luật doanh nghiệp tư nhân 1990, Luật công ty 1990, Luật doanh nghiệp 1999 cụ thể Nghị định số 02/2000/NĐ-CP hướng dẫn trình tự thủ tục thực hiện đăng kí kinh doanh: Trình tự, thủ tục ĐKKD được pháp luật quy định cụ thể tại Điều 12 và cụ thể hoá tại Điều 8 Nghị định 02/2000/NĐ-CP của Chính phủ ngày 3/2/2000 về ĐKKD gồm các bước: nộp hồ sơ ĐKKD, tiếp nhận hồ sơ ĐKKD, cấp giấy chứng nhận đăng kí kinh doanh.

- Người dự định thành lập gửi hồ sơ theo mẫu tới cơ quan ĐKKD. Hồ sơ ĐKKD được áp dụng chung cho các loại hình doanh nghiệp trong một điều luật. *“Cơ quan ĐKKD có trách nhiệm xem xét tính hợp lệ của hồ sơ trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, nếu từ chối cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thì phải thông báo bằng văn bản cho người thành lập doanh nghiệp biết thông báo phải nêu lý do và các yêu cầu sửa đổi, bổ sung”* [62].

- Việc quy định hồ sơ chung cho các loại hình doanh nghiệp trong một điều luật gây khó khăn và là rào cản cho chủ thể ĐKKD và thậm chí là cả cơ quan ĐKKD. Việc chuẩn bị hồ sơ rất bị lúng túng vì sự quy định chung chung, các quy định hướng dẫn chưa rõ ràng, đồng bộ, nằm rải rác ở các văn bản QPPL khác nhau gây khó khăn trong quy trình ĐKKD, dẫn đến sai sót trong khâu chuẩn bị hồ sơ, cơ quan ĐKKD mất nhiều thời gian hướng dẫn làm thủ tục cũng như xem xét tính hợp lý của hồ sơ dẫn đến việc đăng ký và cấp giấy chứng nhận ĐKKD kéo dài, tốn kém thời gian, chi phí và đôi với người thành lập doanh nghiệp.

- Mặt khác, hồ sơ ĐKKD theo quy định của Luật doanh nghiệp năm 1999 quy định: Tên doanh nghiệp, địa chỉ, trụ sở chính của doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh, vốn điều lệ công ty, vốn đầu tư ban đầu của chủ doanh nghiệp đối với doanh nghiệp tư nhân, phần vốn góp của mỗi thành viên đối với công ty TNHH và công ty hợp danh, số cổ đông sáng lập, loại cổ phần, mệnh giá cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại đối với cổ phần. Trong đó, vốn pháp định Luật doanh nghiệp 1999 quy định đối với doanh nghiệp kinh doanh ngành, nghề mà pháp luật đòi hỏi phải có vốn pháp định thì doanh nghiệp chỉ được đăng ký khi có đủ vốn như pháp luật quy định.

Ngoài ra Luật doanh nghiệp 1999 quy định trong hồ sơ ĐKKD phải có: Họ, tên, chữ ký, địa chỉ thường trú của doanh nghiệp đối với doanh nghiệp tư nhân của

người đại diện theo pháp luật đối với công ty trách nhiệm hữu hạn và công ty cổ phần, của tất cả thành viên hợp danh đối với công ty hợp danh.

- Ngành nghề kinh doanh theo quy định của Luật doanh nghiệp năm 1999 được quy định khá chặt chẽ chỉ có một số ít ngành nghề kinh doanh phải có đủ mức vốn pháp định như kinh doanh chứng khoán, bảo hiểm và kinh doanh vàng. Ngành nghề phải có vốn pháp định, mức vốn pháp định cụ thể, cơ quan có thẩm quyền quản lý nhà nước về vốn pháp định, cơ quan có thẩm quyền xác nhận và cách thức xác nhận vốn pháp định được xác định theo quy định của luật, pháp lệnh về nghị định quy định về vốn pháp định; Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của số vốn được xác nhận khi thành lập doanh nghiệp và trong quá trình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Thủ trưởng cơ quan có thẩm quyền quản lý nhà nước về vốn pháp định, thủ trưởng cơ quan xác nhận vốn pháp định cùng liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác của số vốn được xác nhận khi thành lập doanh nghiệp.

Pháp luật quy định doanh nghiệp có quyền kinh doanh tất cả các ngành nghề mà pháp luật không cấm. Những ngành, nghề bị pháp luật cấm kinh doanh là những ngành nghề gây ảnh hưởng đến quốc phòng an ninh, trật tự an toàn xã hội, truyền thống lịch sử, văn hoá đạo đức, thuần phong mỹ tục Việt Nam và sức khỏe của nhân dân. Chính phủ đã cụ thể hoá thành 11 ngành, nghề bị cấm tại Điều 3 Nghị định số 03/2000/NĐ-CP ngày 3.2.2000.

- Đối với doanh nghiệp kinh doanh những ngành nghề mà pháp luật quy định phải có điều kiện (như phải có giấy phép kinh doanh, phải đảm bảo điều kiện về tiêu chuẩn về phòng cháy chữa cháy, vệ sinh môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm, trật tự an ninh xã hội, an toàn giao thông và các yêu cầu khác) thì doanh nghiệp chỉ được kinh doanh các ngành nghề khi có đủ các điều kiện theo quy định (Điều 4 Nghị định 03/2000/NĐ-CP).

Đối với doanh nghiệp kinh doanh các ngành nghề mà pháp luật đòi hỏi phải có vốn pháp định hoặc chứng chỉ hành nghề thì doanh nghiệp chỉ được đăng ký kinh doanh khi có đủ vốn và chứng chỉ hành nghề theo quy định của pháp luật Điều 5 và Điều 6 Nghị định 03/2000/NĐ-CP).

Đối với ngành nghề phải có giấy phép kinh doanh doanh nghiệp được quyền

kinh doanh ngành nghề đó kể từ khi cấp giấy phép kinh doanh.

Đối với ngành nghề phải có điều kiện kinh doanh không cần giấy phép kinh doanh, doanh nghiệp được quyền kinh doanh ngành nghề đó kể từ khi đủ các điều kiện kinh doanh theo quy định và cam kết thực hiện đúng điều kiện đó trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh .

Người thành lập doanh nghiệp và người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện đúng điều kiện kinh doanh theo quy định. Nếu doanh nghiệp tiến hành hoạt động kinh doanh mà không có đủ điều kiện , thì người thành lập doanh nghiệp và người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp phải cùng liên đới chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc kinh doanh đó.

- Theo Luật doanh nghiệp 1999 khi đặt tên doanh nghiệp phải đảm bảo: không trùng hoặc gây nhầm lẫn với tên của doanh nghiệp đã đăng ký kinh doanh; không vi phạm truyền thống lịch sử, văn hoá, đạo đức và thuần phong mỹ tục của dân tộc, phải viết bằng tiếng Việt và có thể viết thêm bằng một hoặc một số tiếng nước ngoài với khổ chữ nhỏ hơn; ngoài ra phải viết rõ loại hình doanh nghiệp, công ty trách nhiệm hữu hạn cụm từ trách nhiệm hữu hạn viết tắt là TNHH, công ty cổ phần cụm từ cổ phần viết tắt là CP, công ty hợp danh cụm từ hợp danh viết là HD, doanh nghiệp tư nhân viết là DNTN. Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng nước ngoài và tên viết tắt của doanh nghiệp: LDN 1999 chỉ quy định doanh nghiệp có thể viết thêm bằng một hoặc một số tiếng nước ngoài với khổ chữ nhỏ hơn. Tên trùng và tên gây nhầm lẫn: LDN 1999 chỉ quy định rất chung chung, chưa cụ thể nên gây nhiều tranh cãi về tính pháp lý trong việc đăng ký tên doanh nghiệp.

- Sau khi thỏa mãn các điều kiện nêu trên doanh nghiệp sẽ được cấp giấy chứng nhận ĐKKD với những nội dung: Tên, địa chỉ, trụ sở chính của doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, ngành, nghề kinh doanh vốn điều lệ đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh và công ty cổ phần, vốn đầu tư ban đầu đối với doanh nghiệp tư nhân, vốn pháp định đối với doanh nghiệp kinh doanh ngành, nghề phải có vốn pháp định...

Như vậy, những quy định về ĐKKD trong LDN 1999 đã phần nào quy định thống nhất một thủ tục thành lập, ĐKKD cho các doanh nghiệp như: công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn công ty hợp danh, doanh nghiệp tư nhân. Ngoài

ra, LDN 1999 đã thực hiện các chủ trương, cải cách hành chính mạnh mẽ với các doanh nghiệp mới về thành lập doanh nghiệp như: bãi bỏ thủ tục “xin, cho”, quy định vốn pháp định, đơn giản, tiêu chuẩn hoá về hồ sơ thành lập doanh nghiệp.

**Luật doanh nghiệp năm 2005*

Trước sự phát triển mạnh mẽ của nền kinh tế thị trường, ngày 29/11/2005 Quốc Hội khoá XI kì họp thứ VIII đã thông qua LDN 2005, nhằm đáp ứng yêu cầu nội tại, khách quan về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường và định hướng XHCN.

Luật Doanh nghiệp 2005 quy định 15 điều (Điều 13 đến Điều 37) về thành lập doanh nghiệp và đăng ký thành lập doanh nghiệp tại Chương II quy định rõ ràng, cụ thể: đối tượng thành lập doanh nghiệp, ngành, nghề kinh doanh, trình tự, thủ tục, hồ sơ đăng ký thành lập doanh nghiệp của từng loại hình doanh nghiệp, tên doanh nghiệp,...

Trong đó hồ sơ hồ sơ đăng ký kinh doanh được quy định đối với từng loại hình doanh nghiệp khác nhau: Đối với doanh nghiệp tư nhân: quy định tại Điều 16 Luật Doanh nghiệp 2005; Đối với công ty hợp danh, công ty TNHH, công ty cổ phần: quy định lần lượt tại các Điều 17, 18 và 19 Luật Doanh nghiệp 2005. Sự quy định này đã có sự phân hóa về mặt loại hình doanh nghiệp dự định đăng ký và được đánh giá là tương đối chặt chẽ. Với mỗi loại hình doanh nghiệp khác nhau thì hồ sơ đăng ký thành lập là khác nhau. Luật Doanh nghiệp 2005 đồng thời cũng quy định rõ nội dung của các loại giấy tờ như: Giấy đề nghị đăng ký kinh doanh, Điều lệ công ty, danh sách thành viên và danh sách cổ đông. Doanh nghiệp dễ dàng tiếp cận và tự kê khai hồ sơ đăng ký, chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của hồ sơ đăng ký doanh nghiệp của mình khi nộp cho cơ quan đăng ký kinh doanh.

Về vốn của doanh nghiệp đối với một số ngành nghề kinh doanh đòi hỏi phải có vốn pháp định [17]. Sự quy định về vốn pháp định trong nhiều trường hợp không những gây hại cho bản thân nhà kinh doanh mà còn phương hại cho nền kinh tế nói chung, đồng thời trái với chủ trương huy động mọi nguồn lực để phát triển kinh tế của Đảng và Nhà nước. Trên thực tế vẫn chưa có văn bản nào quy định rõ về các cơ quan có thẩm quyền xác nhận vốn pháp định, quản lí, giám sát mức vốn pháp định cụ thể của từng ngành, nghề được thực hiện theo nghị định của Chính phủ.

- Ngành nghề kinh doanh: Để quản lý ĐKKD có hiệu quả nhà nước quy định cụ thể về ngành nghề kinh doanh với các loại hình: ngành, nghề cấm kinh doanh, ngành, nghề kinh doanh có điều kiện, ngành, nghề kinh doanh phải có vốn pháp định, ngành, nghề kinh doanh phải có giấy phép hoặc chứng chỉ hành nghề. Danh mục các ngành, nghề kinh doanh bị cấm và các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện và điều kiện kinh doanh các ngành, nghề này đã được cụ thể hóa tại các Điều 7, 8, 9 và 10 Nghị định số 102/2010 ngày 01/10/2010 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Luật Doanh nghiệp 2005.

- Việc đặt tên doanh nghiệp dự kiến thành lập thực hiện theo các quy định tại Điều 31 đến Điều 34 Luật Doanh nghiệp. Theo đó, tên doanh nghiệp phải viết được bằng tiếng Việt, có thể kèm theo chữ số, ký hiệu, phải phát âm được và có ít nhất hai thành tố là loại hình doanh nghiệp và tên riêng. Đồng thời, phải tuân thủ các quy định về những điều cấm trong đặt tên doanh nghiệp quy định tại Điều 32 Luật Doanh nghiệp. Theo đó, không được đặt tên trùng hoặc tên gây nhầm lẫn với tên doanh nghiệp khác đã đăng ký; Không được sử dụng tên cơ quan nhà nước, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân, tên của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội để làm toàn bộ hoặc một phần tên riêng của doanh nghiệp, trừ trường hợp có sự chấp thuận của cơ quan, đơn vị hoặc tổ chức đó; Không được sử dụng từ ngữ, ký hiệu vi phạm truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức và thuần phong mỹ tục của dân tộc, tên doanh nhân để đặt tên riêng cho doanh nghiệp.

Trước khi đăng ký tên doanh nghiệp, doanh nghiệp tham khảo tên các doanh nghiệp đang hoạt động lưu giữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Khoản 3 Điều 16 Nghị định số 43/2010/NĐ-CP quy định: “*Cơ quan đăng ký kinh doanh có quyền chấp thuận hoặc từ chối tên dự kiến đăng ký của doanh nghiệp theo đúng quy định của pháp luật và quyết định của cơ quan đăng ký kinh doanh là quyết định cuối cùng*”.

Các quy định về tên doanh nghiệp nhằm hạn chế, khắc phục việc mạo danh, giả danh, mượn danh của doanh nghiệp khác để cạnh tranh không lành mạnh trong kinh doanh và tình trạng dễ nhầm lẫn với các doanh nghiệp khác, gây ra những ảnh hưởng không tốt với cộng đồng doanh nghiệp khi tiến hành kinh doanh.

*Luật đầu tư 2014

Luật đầu tư 2014 có hiệu lực từ ngày 01/07/2015 góp phần minh bạch hóa môi trường kinh doanh đặc biệt quy định các ngành, nghề mà Luật không cấm thông qua các quy định về ngành, nghề cấm đầu tư và đầu tư kinh doanh có điều kiện.

Việc tập hợp, rà soát và quy định cụ thể Danh mục ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh và đầu tư kinh doanh có điều kiện tại Luật Đầu tư 2014 theo phương pháp loại trừ (chọn bỏ) đã góp phần đổi mới căn bản nguyên tắc áp dụng pháp luật, từ việc nhà đầu tư chỉ được quyền thực hiện hoạt động đầu tư kinh doanh trong những ngành, nghề mà pháp luật cho phép sang nguyên tắc được tự do đầu tư kinh doanh tất cả các ngành, nghề mà Luật này không cấm hoặc quy định phải có điều kiện.

Trên cơ sở rà soát 386 ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện theo quy định của pháp luật hiện hành, Luật đã quy định cụ thể Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh cụ thể đối với từng ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện được quy định tại luật, pháp lệnh, nghị định và điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

3.1.3.3. Pháp luật về ĐKKD góp phần minh bạch môi trường kinh doanh

MTKD là toàn bộ các yếu tố và điều kiện có ảnh hưởng trực tiếp hay gián tiếp đến hoạt động của các doanh nghiệp tạo nên thị trường, bao gồm nhiều yếu tố cấu thành trong đó yếu tố đầu tiên là môi trường pháp lý quy định về việc gia nhập thị trường của doanh nghiệp, quá trình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp và sự rút lui của doanh nghiệp khỏi thị trường.

Do đó, MTKD có vai trò quan trọng quyết định sự thành công và kéo dài sự tồn tại của doanh nghiệp trên thị trường. Trong đó, Chính phủ có trách nhiệm tạo nên một MTKD bình đẳng, thông thoáng, khuyến khích cho doanh nghiệp. Chính phủ có vai trò to lớn trong việc giám sát, thực hiện, duy trì pháp luật nhằm điều tiết nền kinh tế vĩ mô thông qua các chính sách: Hiện nay, nhiều nhà đầu tư muốn gia nhập thị trường ở những nước có cơ chế chính sách thông thoáng, tiết kiệm chi phí, thời gian. Do đó, trong bối cảnh hội nhập kinh tế, nhiều quốc gia đã mạnh dạn tháo gỡ, cắt bỏ những thủ tục không cần thiết để tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư tham gia hoạt động sản xuất kinh doanh.

Theo báo cáo xếp hạng chỉ số cạnh tranh toàn cầu 2011 (GCI) của Diễn đàn Kinh tế thế giới, Việt Nam đã xếp hạng thứ 65/142 nền kinh tế được khảo sát, giảm 6 bậc so với năm 2010. Năm 2012, xếp hạng 75/144 tụt 10 bậc so với năm 2011 vì

thủ tục hành chính còn phức tạp so với các nước thời hạn cấp GPKD hoặc giấy phép đầu tư còn mất nhiều thời gian trải qua nhiều thủ tục.

Theo báo cáo Kinh doanh năm 2016 của Ngân hàng Thế giới (WB), mức độ thuận lợi đối với kinh doanh của Việt Nam đứng thứ 90/189 nền kinh tế, chỉ đạt mức điểm trên trung bình (62,1/100). Các lĩnh vực đánh giá kém thuận lợi và có điểm trung bình và dưới trung bình: Nộp thuế (168/189); Bảo vệ quyền lợi nhà đầu tư (122/189); Giải thể DN (123/189); Tiếp cận điện năng (108/189) và Khởi sự kinh doanh (119/189). So với mức trung bình của các nước trong khu vực ASEAN-6 cũng như 10 nền kinh tế thuận lợi nhất cho kinh doanh trên thế giới, hầu hết các chỉ số của Việt Nam đều thấp hơn đáng kể so với các nước Singapo, Malaysia, Thái Lan, Lào [111]

Bảng 3.1: Xếp hạng MTKD năm 2014 của một số quốc gia ASEAN [113]

STT	QUỐC GIA	THÀNH LẬP DN	ĐĂNG KÝ TÀI SẢN	ĐÓNG THUẾ	CẤP PHÉP XÂY DỰNG
1	Việt Nam	109	51	149	29
2	Thái Lan	91	29	70	14
3	Malaysia	16	35	36	43
4	Singapo	3	28	5	3
5	Indonesia	175	101	137	88
6	Philippines	170	121	131	99
7	Lào	85	76	119	96
8	Cambodia	184	118	65	161

Trong những năm qua, theo báo của cơ quan VCCI thủ tục ĐKKD ở Việt Nam vẫn còn tồn tại nhiều tình trạng phải “bôi trơn”, “lót tay”; cho một số cán bộ công chức nếu muốn được việc. Điều này thể hiện rất rõ cơ chế “xin” “cho”, thiếu minh bạch, công khai rất ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Do đó, muốn tạo lập một MTKD lành mạnh, bình đẳng đòi hỏi Chính phủ Việt Nam phải nỗ lực gấp rút cải cách thủ tục hành chính nhằm loại bỏ các tiêu cực, tạo niềm tin cho các nhà đầu tư.

Ngoài ra, để thu hút các chủ thể kinh doanh trong và ngoài nước tham gia

khởi sự doanh nghiệp đòi hỏi Chính phủ cần phải có những quy định pháp luật bảo vệ doanh nghiệp, kích thích khả năng cạnh tranh của các doanh nghiệp một cách thiết thực nhất để doanh nghiệp sẽ cảm thấy họ được đảm bảo an toàn đầu tư, quyền sở hữu tài sản,

Qua đây có thể thấy, MTKD và doanh nghiệp luôn có mối quan hệ biện chứng và tác động qua lại với nhau, nếu MTKD tạo điều kiện cho doanh nghiệp, doanh nghiệp tận dụng được những tác động từ MTKD thì việc hoạt động kinh doanh rất thuận lợi, còn không MTKD sẽ là rào cản kìm hãm sự phát triển của doanh nghiệp.

3.1.3.4. Những kết quả đạt được về sự thay đổi các QPPL trong hoạt động ĐKKD

Pháp luật về ĐKKD trải qua 20 năm hình thành và phát triển trong giai đoạn phát triển kinh tế - chính trị khác nhau. Từ những quy phạm về đăng ký kinh doanh được quy định dưới hình thức Nghị định, Thông tư cho đến những cải cách mang tính đột phá của Luật Doanh nghiệp năm 1999, 2005. Hiện nay, Luật Doanh nghiệp 2014, trên cơ sở kế thừa và phát huy những ưu điểm của các đạo luật trước đó ban hành và áp dụng trong thực tiễn cho đến thời điểm hiện nay được đánh giá là một đạo luật quan trọng có tác động lớn đến hoạt động kinh doanh của cộng đồng doanh nghiệp và là một thành tựu lớn trong hệ thống pháp luật về đăng ký kinh doanh của Việt Nam.

Những cải cách trên đã góp phần phục vụ sự tăng trưởng mạnh mẽ của khối kinh tế tư nhân, cải thiện môi trường kinh doanh đầu tư của Việt Nam.

Có thể thấy trong thời gian qua các văn bản quy phạm pháp luật về đăng ký kinh doanh qua các thời kỳ đã đạt được các kết quả sau:

- Tạo điều kiện trong việc gia nhập thị trường của doanh nghiệp, giúp đơn giản hóa hồ sơ, giảm chi phí về thời gian và tiền bạc trong việc đăng ký thành lập doanh nghiệp.

- Hợp nhất ba thủ tục đăng ký kinh doanh, đăng ký thuế và khắc dấu, tạo sự thống nhất trong quy trình, thủ tục đăng ký kinh doanh “một cửa liên thông”, Chủ thể kinh doanh chỉ phải làm một thủ tục ĐKKD để nhận giấy chứng nhận ĐKKD. Doanh nghiệp sử dụng mã số doanh nghiệp để kê khai tất cả các loại thuế, kể cả thuế xuất nhập khẩu mà doanh nghiệp từng kê khai và làm thủ tục độc lập trước đó. Trong

trường hợp dời trụ sở sang địa bàn tỉnh khác, doanh nghiệp vẫn tiếp tục sử dụng mã số doanh nghiệp đã được cấp. Mã số doanh nghiệp tồn tại cho đến khi doanh nghiệp chấm dứt hoạt động. Điều này cho thấy các cơ quan nhà nước có liên quan đến việc quản lý thành lập doanh nghiệp đã nỗ lực đẩy mạnh công tác phối hợp liên ngành, liên thông giữa các bộ phận trong toàn quy trình nhằm để đơn giản hóa tối đa thủ tục cho người thành lập doanh nghiệp khi tiến hành thủ tục đăng ký gia nhập thị trường. Đồng thời đảm bảo tăng cường hiệu quả quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp theo hướng tích cực từ cơ chế “tiền kiểm” sang cơ chế “hậu kiểm”

- *Nghị định số 43/2010/NĐ-CP* ra đời đã tạo sự đột phá trong thủ tục thành lập doanh nghiệp ở Việt Nam. Từ ngày 1 tháng 6 năm 2010, thủ tục thành lập doanh nghiệp được gọi dưới một tên gọi mới là thủ tục ĐKDN, thay thế cho thuật ngữ ĐKKD trước đó. Đây cũng là văn bản đặt những quy định đầu tiên để tạo hành lang pháp lý tiến tới xây dựng một Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, nối mạng thông tin đăng ký doanh nghiệp để thực hiện chống trùng tên doanh nghiệp trong phạm vi toàn quốc và triển khai thí điểm việc đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.

-*Nghị định số 05/2013/NĐ-CP* đã sửa đổi, bổ sung một số thủ tục hành chính nhằm làm đơn giản, minh bạch hóa thủ tục đăng ký kinh doanh. Trong đó, Nghị định cũng quy định về việc doanh nghiệp phải đăng công bố thông tin về nội dung đăng ký doanh nghiệp tập trung tại Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia nhằm tạo điều kiện cho doanh nghiệp và xã hội có một trang thông tin chung để truy cập, đối chiếu thông tin cũng như giám sát sự tồn tại và tình trạng hoạt động của doanh nghiệp trên thị trường, từ đó góp phần làm minh bạch hóa tình trạng hoạt động của doanh nghiệp.

Thông tư số 01/2013/TT-BKHĐT là một bước tiến về cải cách thủ tục hành chính trong đăng ký doanh nghiệp, đồng thời, là cơ sở pháp lý cho hoạt động đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử và dịch vụ cung cấp thông tin về doanh nghiệp được thực hiện trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia đã xác định giấy chứng nhận ĐKDN, giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện được lưu dưới dạng điện tử trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về ĐKDN (giấy chứng nhận đăng ký điện tử) có giá trị pháp lý như giấy chứng nhận ĐKDN,

giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện bằng bản giấy do phòng ĐKKD cấp cho doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện. Điều này giúp chủ thể kinh doanh thực hiện việc ĐKKD trực tuyến 24/24h tiết kiệm thời gian, chi phí cho doanh nghiệp

Trên cơ sở đó, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã đẩy mạnh công tác xây dựng và hoàn thiện Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia. Một trong những kết quả nổi bật là việc phát triển thành công ứng dụng đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử và đưa phương thức đăng ký này vào áp dụng trong thực tiễn. Cùng với việc cho phép sử dụng chữ ký điện tử và thanh toán điện tử, có thể nói, phương thức đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử là một bước tiến quan trọng của tiến trình cải cách đăng ký doanh nghiệp. Việc xử lý hoàn toàn trực tuyến giúp quy trình đăng ký doanh nghiệp trở nên minh bạch và chuyên nghiệp hơn; đồng thời, giúp giải quyết được một phần tình trạng quá tải về khối lượng công việc của cán bộ đăng ký kinh doanh. Về phía doanh nghiệp, phương thức này tiện lợi, giúp doanh nghiệp tiết kiệm được thời gian và chi phí thực hiện thủ tục hành chính.

Ngày 14/9/2015, Chính phủ ban hành Nghị định 78/2015/NĐ-CP về đăng ký doanh nghiệp. Quy định chi tiết về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hộ kinh doanh, quy định về cơ quan đăng ký kinh doanh và quản lý nhà nước về đăng ký doanh nghiệp. Một điểm mới tại Nghị định lần này là thời gian giải quyết hồ sơ đăng ký doanh nghiệp giảm từ 05 ngày làm việc xuống còn 03 ngày làm việc không chỉ áp dụng đối với việc thành lập doanh nghiệp mà ngay cả đối với hộ kinh doanh. Việc thông báo mẫu con dấu của doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện được quy định theo hướng tạo thuận lợi tối đa cho doanh nghiệp, góp phần cải thiện chỉ số khởi sự kinh doanh của nước ta theo đánh giá của tổ chức quốc tế; Việc đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử tiếp tục được duy trì nhưng theo hướng đổi mới áp dụng rộng trong phạm vi toàn quốc góp phần giảm thiểu thời gian thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp cho cả người dân, doanh nghiệp và cơ quan đăng ký kinh doanh. Toàn bộ quy trình tiếp nhận, xử lý, cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp được thực hiện qua mạng điện tử, đưa dịch vụ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử đạt cấp độ 4 về ứng dụng công nghệ thông tin. Đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thì hoạt động theo Giấy phép đầu tư,

Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh).

Tóm lại, pháp luật về đăng ký kinh doanh của Việt Nam đã có hơn 20 năm hình thành và phát triển. Trải qua các giai đoạn phát triển kinh tế - chính trị của đất nước, chế định pháp luật về doanh nghiệp nói chung và đăng ký kinh doanh nói riêng đã có nhiều lần thay đổi, cải cách. Từ những quy phạm về đăng ký kinh doanh được chế định riêng trong các văn bản quy phạm pháp luật vào năm 1990 khi Quốc hội thông qua Luật Doanh nghiệp tư nhân và Luật Công ty cho đến những cải cách mang tính đột phá của Luật Doanh nghiệp năm 1999. Và hiện nay, Luật Doanh nghiệp 2014 trên cơ sở kế thừa và phát huy những ưu điểm của các đạo luật trước, được ban hành và áp dụng trong thực tiễn cho đến thời điểm hiện nay được đánh giá là một đạo luật quan trọng có tác động lớn đến hoạt động kinh doanh của cộng đồng doanh nghiệp và là một thành tựu lớn trong pháp luật về đăng ký kinh doanh của Việt Nam nhằm góp phần phục vụ sự tăng trưởng mạnh mẽ của khối kinh tế tư nhân, cải thiện môi trường kinh doanh đầu tư của Việt Nam.

3.2. Thực trạng thực hiện pháp luật về đăng ký kinh doanh ở Việt Nam

3.2.1. Thực trạng tình hình đăng ký kinh doanh

Trong bối cảnh toàn cầu hóa, đòi hỏi việc thu hút tham gia của các nhà đầu tư là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của mỗi quốc gia. Do đó, thủ tục thành lập doanh nghiệp được coi là thủ tục ĐKDN hoặc ĐKKD.

Ở Việt Nam trong những năm qua, thủ tục thành lập doanh nghiệp đã và đang được Chính phủ quan tâm và chỉ đạo theo hướng “rút gọn”. Ngày 15 tháng 4 năm 2010 Chính Phủ đã ban hành Nghị định 43/2010/NĐ-CP về ĐKDN có hiệu lực thực hiện từ ngày 01/06/2010 cụ thể: Hợp nhất thủ tục ĐKKD, đăng ký thuế thành thủ tục ĐKDN, áp dụng một mã số duy nhất để định danh cho doanh nghiệp, khái niệm đăng ký kinh doanh được thay thế bằng khái niệm đăng ký doanh nghiệp chính thức từ Nghị định này. Đây cũng là văn bản đặt những quy định đầu tiên để tạo hành lang pháp lý tiến tới xây dựng một Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, nối mạng thông tin đăng ký doanh nghiệp để thực hiện chống trùng tên doanh nghiệp trong phạm vi toàn quốc và triển khai thí điểm việc đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử. Đồng thời Nghị định cũng quy định doanh nghiệp được sử dụng mã số doanh nghiệp để kê khai tất cả các loại thuế, kể cả thuế xuất nhập

khẩu mà doanh nghiệp từng kê khai và làm thủ tục độc lập trước đó. Trong trường hợp doanh nghiệp dời trụ sở sang địa bàn, tỉnh khác, doanh nghiệp vẫn được tiếp tục sử dụng mã số doanh nghiệp đã được cấp cho đến khi chấm dứt hoạt động.

Nghị định 43 đã góp phần làm rút ngắn thời hạn ĐKDN từ 10 ngày xuống còn 5 ngày làm việc giảm 50% cho nhà đầu tư theo hình thức “2 trong 1”. Do đó, ngay sau khi Nghị định 43 có hiệu lực đã có 85.000 doanh nghiệp được thành lập mới trên phạm vi cả nước [115].

Nếu như trước đây (trước năm 2005) một chủ thể khi thực hiện thủ tục đăng ký kinh doanh theo quy định pháp luật phải chờ đợi 32 ngày làm việc thì nay giảm xuống còn tối đa 5 ngày làm việc (kể từ năm 2008 đến năm 2014). Năm 2015 chỉ còn 3 ngày, trong đó, thời gian cơ quan thuế cấp Mã số doanh nghiệp là 02 ngày làm việc, thời gian cơ quan đăng ký kinh doanh xử lý hồ sơ, trả kết quả cho doanh nghiệp là 03 ngày làm việc. Trên thực tế, thời gian trung bình để các tỉnh cấp đăng ký doanh nghiệp chỉ là 4 ngày làm việc, trong đó, có 18 tỉnh dưới 2 ngày, 15 tỉnh dưới 3 ngày, 16 tỉnh dưới 4 ngày, 8 tỉnh/thành phố dưới 5 ngày và 6 tỉnh/thành phố trên 5 ngày [115]

GIAI ĐOẠN (NĂM)	1991- 1999	2000- 2005	2006	2007	2008	2009 - 2014	2015
Thời gian	180-360 ngày	50 ngày	22 ngày	15 ngày	5-10 ngày	<=5 ngày	3 ngày

Sau nhiều năm đi vào hoạt động Luật doanh nghiệp 2005 và Nghị định 43/2010 vẫn còn bộc lộ nhiều bất cập chưa thực sự tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư. Do đó, ngày 26 tháng 11 năm 2014 Quốc hội khóa 13 kỳ họp thứ 8 đã ban hành Luật doanh nghiệp 2014 số 68/2014QH13 có hiệu lực thi hành từ ngày 1/7/2015. Để cụ thể hóa công tác ĐKKD ngày 14/4/2015. Chính phủ đã ban hành Nghị định 78/NĐ/2015 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/11/2015, thay thế Nghị định 43/2010/NĐ-CP (Nghị định 43) ngày 15/4/2010 về đăng ký doanh nghiệp.

Trong bối cảnh toàn cầu hóa, hội nhập kinh tế, Nghị định 78/2015/NĐ-CP ra đời đã góp phần làm minh bạch hóa thủ tục ĐKDN, tiết kiệm thời gian, chi phí, tạo sự chủ động cho doanh nghiệp. Ngoài ra, Nghị định 78/2015/NĐ-CP cũng quy định theo hướng mở có nhiều quy định, điều khoản tạo sự chủ động cho doanh nghiệp

như: Doanh nghiệp có thể có từ hai người đại diện theo pháp luật trở lên, hướng dẫn chi tiết cụ thể hơn cách thức đăng ký kinh doanh qua mạng điện tử, góp phần minh bạch hóa thủ tục hành chính, doanh nghiệp có thể có nhiều con dấu, đối tượng là hộ kinh doanh cá thể khi thực hiện thủ tục ĐKKD sẽ được áp dụng bình đẳng như doanh nghiệp với thời gian là 3 ngày, chấm dứt việc hộ kinh doanh bị ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận khi chuyển từ quận, huyện này sang quận, huyện khác, từ nay được phép chuyển đổi trụ sở giống như doanh nghiệp; quy định về tạm ngừng kinh doanh, chấm dứt hộ kinh doanh; cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh. Điều mới nhất của Nghị định 78/2015/NĐ-CP là trao quyền nhiều hơn cho doanh nghiệp khi thực hiện ĐKKD cụ thể: doanh nghiệp khi thực hiện ĐKKD không phải nêu ngành nghề kinh doanh trong hồ sơ ban đầu mà sau đó doanh nghiệp chỉ thông báo với cơ quan ĐKKD, không quy định về mức vốn pháp định, quy định việc tiếp tục kinh doanh trước thời hạn tạm ngừng của doanh nghiệp.

Với những nỗ lực từ Chính phủ trong việc chỉ đạo tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp khi gia nhập thị trường. Nghị định 78/2015/NĐ-CP thực sự đã tạo điều kiện cho doanh nghiệp tham gia vào hoạt động kinh doanh ngày một nhiều hơn. Nghị định cũng hướng dẫn quy trình đăng ký kinh doanh qua mạng để góp phần đẩy mạnh chương trình cải cách thủ tục hành chính theo hướng đơn giản, rõ ràng, công khai, minh bạch, nêu rõ các loại phí, lệ phí, thời gian cho từng loại thủ tục bằng các bảng biểu được ghi rõ, hay niêm yết công khai tại nơi đăng ký, hoặc trên trang Web của cơ quan đăng ký kinh doanh tại địa phương. Đồng thời, Chính phủ chỉ đạo các cơ quan đăng ký kinh doanh phải có sự phối hợp với nhau, tạo điều kiện tối đa cho các chủ thể kinh doanh có nhu cầu đăng ký doanh nghiệp.

Cụ thể theo nguồn từ Cục đăng ký kinh doanh:

Trong tháng 9 năm 2016, số doanh nghiệp được thành lập mới là 8.047 doanh nghiệp với số vốn đăng ký là 76.153 tỷ đồng, giảm 13,3% về số doanh nghiệp và tăng 7,31% về số vốn đăng ký so với tháng 8/2016. Tỷ trọng vốn đăng ký bình quân trên một doanh nghiệp trong tháng 9 đạt 9,5 tỷ đồng, tăng 23,8% so với tháng trước. [115]

Số doanh nghiệp quay trở lại hoạt động trong tháng 9 trên cả nước là 1.799 doanh nghiệp, giảm 10,3% so với tháng 8/2016. [115]

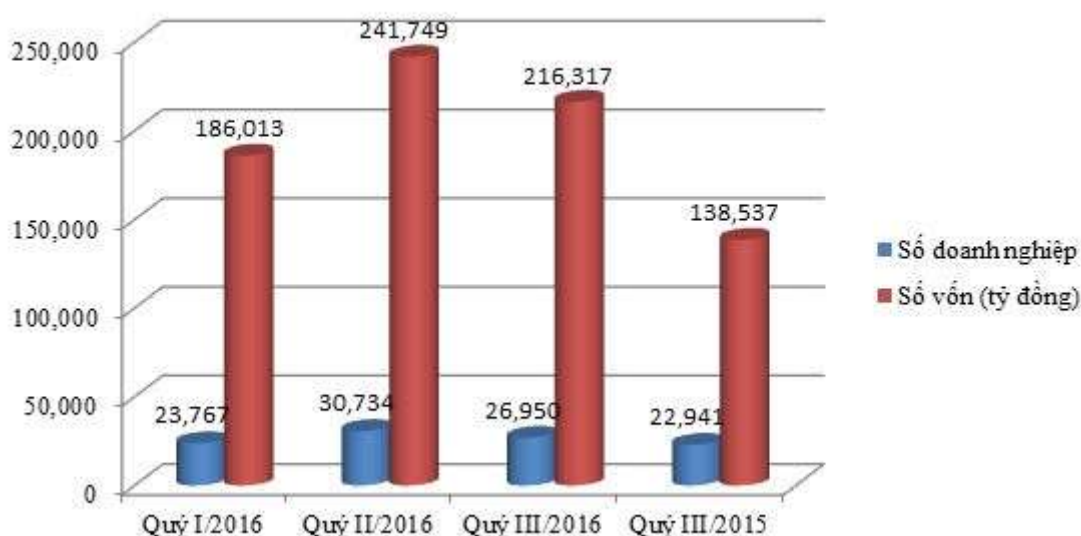
Số lao động đăng ký của các doanh nghiệp thành lập mới trong tháng 9 là 71,5 nghìn lao động, giảm 36,7% so với tháng trước. [115]

Số doanh nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể trong tháng 9 của cả nước là 886 doanh nghiệp, giảm 16,2% so với tháng 8/2016. [115]

Số doanh nghiệp đăng ký tạm ngừng kinh doanh có thời hạn là 1.644 doanh nghiệp, tăng 7,4% so với tháng trước đó. [115]

Số doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động không đăng ký hoặc chờ giải thể là 3.782 doanh nghiệp, tăng 6,2% so với tháng 8/2016. [115]

Biểu đồ 1: Tình hình doanh nghiệp và vốn theo Quý



Trong 9 tháng đầu năm 2016, cả nước có thêm 81.451 doanh nghiệp thành lập mới với số vốn đăng ký là 629.094 tỷ đồng, tăng 19,2% về số doanh nghiệp và tăng 49,5% về số vốn đăng ký so với cùng kỳ năm 2015 (*So sánh 2015/2014: doanh nghiệp tăng 28,5%; vốn tăng 31,4%*). [115]

Tổng số vốn đăng ký bổ sung vào nền kinh tế trong 9 tháng đầu năm 2016 là 1.789.514 tỷ đồng, bao gồm: tổng số vốn đăng ký của doanh nghiệp đăng ký thành lập mới là 629.094 tỷ đồng và tổng số vốn đăng ký tăng thêm của các doanh nghiệp thay đổi tăng vốn là 1.160.420 tỷ đồng. [115]

Tỷ trọng vốn đăng ký bình quân trên một doanh nghiệp trong 9 tháng đầu năm 2016 đạt 7,7 tỷ đồng, tăng 25,4% so với cùng kỳ năm 2015. [115]

Số lao động đăng ký của các doanh nghiệp thành lập mới trong 9 tháng đầu năm 2016 là 928,7 nghìn lao động, giảm 7,1% so với cùng kỳ năm trước. [115]

Bên cạnh việc phát huy nội lực của cộng đồng doanh nghiệp, nỗ lực của hệ thống cơ quan đăng ký đầu tư, đăng ký kinh doanh đã đóng góp một phần lớn tạo nên những chuyển biến mạnh mẽ này. Trong đó, sự thay đổi đáng kể nhất là chất lượng dịch vụ công thể hiện ở thời gian tiếp nhận, xử lý hồ sơ, thủ tục đăng ký kinh doanh và thái độ, tính chuyên nghiệp của cán bộ nghiệp vụ tại các địa phương. Hà Tĩnh là địa phương xử lý hồ sơ doanh nghiệp nhanh nhất chỉ trong 1 ngày; Tiền Giang là 1,3 ngày; Hậu Giang là 1,32 ngày và Đà Nẵng là 2,52 ngày. **Thời gian trung bình xử lý hồ sơ đăng ký thành lập doanh nghiệp mới** của cả nước là **2,9 ngày**. Tỷ lệ hồ sơ được chấp thuận ngay lần đầu tiên và tỷ lệ hồ sơ được trả kết quả đúng hạn cũng tăng lên đáng kể [115]

Tỷ lệ hồ sơ được chấp thuận ngay lần đầu tiên	
Cả nước	85.73%
Vĩnh Phúc	97.16%
Sơn La	98.28%
Tp. HCM	93.7%
Tỷ lệ hồ sơ trả kết quả đúng hạn	
Cả nước	89%
Bắc Kạn	100%
Sơn La	98.97%
Đà Nẵng	92.97%

- Theo loại hình doanh nghiệp:

Trong 9 tháng đầu năm 2016, số doanh nghiệp thành lập mới tập trung nhiều nhất ở loại hình công ty TNHH 1 thành viên với 44.149 doanh nghiệp đăng ký, tiếp đến là loại hình công ty TNHH 2 thành viên là 20.674 doanh nghiệp, loại hình công ty cổ phần là 13.331 doanh nghiệp, loại hình doanh nghiệp tư nhân là 3.285 doanh nghiệp và loại hình công ty hợp danh là 12 doanh nghiệp. [115]

Bảng: Số doanh nghiệp, vốn, lao động đăng ký thành lập mới theo loại hình

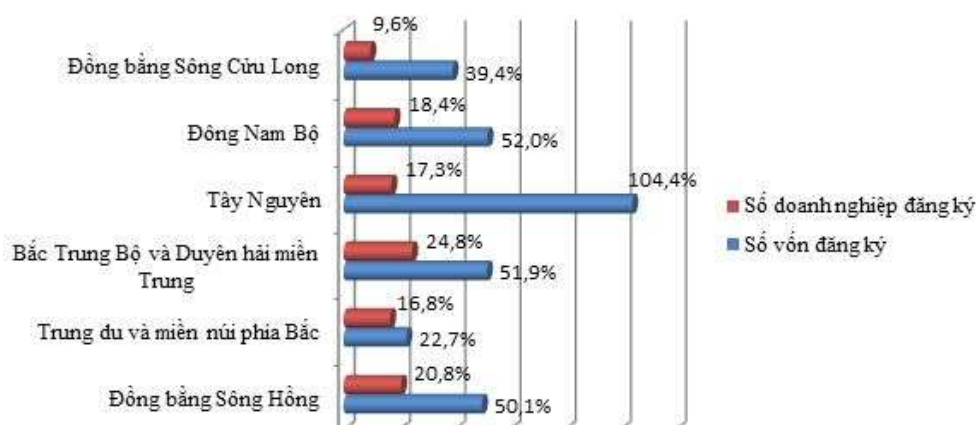
TT	Nội dung	9 tháng đầu năm 2015			9 tháng đầu năm 2016		
		Số lượng (doanh nghiệp)	Vốn (tỷ đồng)	Lao động (nghìn)	Số lượng (doanh nghiệp)	Vốn (tỷ đồng)	Lao động (nghìn)
1	TNHH 1 thành viên	34.862	123.257	568,5	44.149	224.697	527,9
2	TNHH 2 thành viên	18.343	118.743	239,0	20.674	130.206	215,0
3	Công ty cổ phần	11.077	171.727	167,6	13.331	269.394	167,5
4	Doanh nghiệp tư nhân	4.061	7.182	24,2	3.285	4.779	18,2
5	Công ty hợp danh	04	23,0	0,03	12	19	0,09

Trong số các loại hình doanh nghiệp thành lập chỉ có duy nhất loại hình doanh nghiệp tư nhân là có số doanh nghiệp đăng ký thành lập giảm (19,1%) so với cùng kỳ, các loại hình doanh nghiệp còn lại đều có số thành lập tăng so với cùng kỳ.

Về tỷ trọng vốn đăng ký bình quân trên một doanh nghiệp cho thấy trong 9 tháng đầu năm 2016, loại hình công ty cổ phần có tỷ trọng vốn đăng ký bình quân cao nhất là 20,2 tỷ đồng/doanh nghiệp; tiếp đến là công ty TNHH 2 thành viên trở lên là 6,3 tỷ đồng/doanh nghiệp; công ty TNHH 1 thành viên là 5,1 tỷ đồng/doanh nghiệp; công ty hợp danh là 1,6 tỷ đồng/doanh nghiệp và doanh nghiệp tư nhân là 1,4 tỷ đồng/doanh nghiệp. [115]

Theo vùng lãnh thổ:

Biểu đồ 2: Tình hình doanh nghiệp và vốn đăng ký thành lập mới theo vùng lãnh thổ



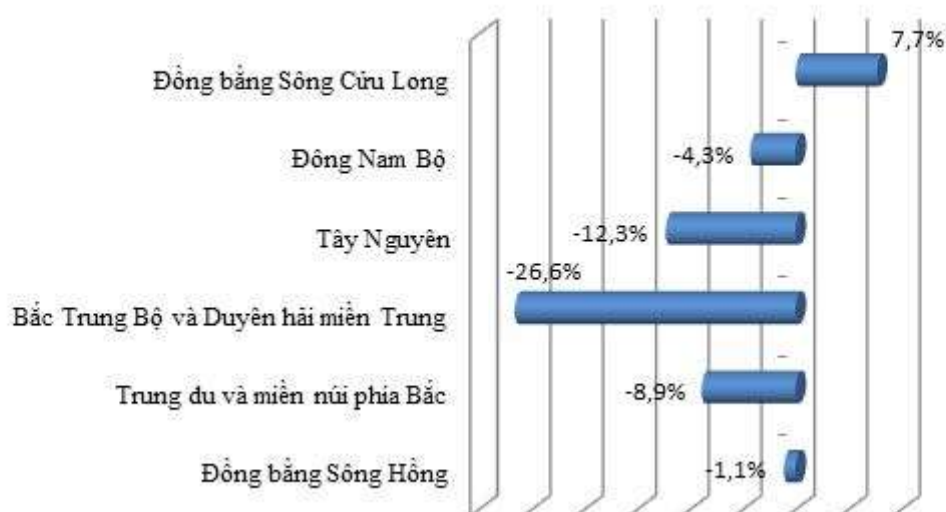
So sánh tình hình doanh nghiệp đăng ký thành lập mới trong 9 tháng đầu năm 2016 phân theo vùng lãnh thổ tại Biểu đồ 2 cho thấy:

+ Về tình hình doanh nghiệp đăng ký thành lập mới, các vùng đều có số

doanh nghiệp đăng ký thành lập mới tăng so với cùng kỳ năm 2015, bao gồm: vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung có 11.261 doanh nghiệp với tỷ lệ tăng nhiều nhất là 24,8%; tiếp đến là Đồng bằng Sông Hồng có 24.408 doanh nghiệp, tăng 20,8%; Đông Nam Bộ có 34.996 doanh nghiệp, tăng 18,4%; Tây Nguyên có 1.935 doanh nghiệp, tăng 17,3%; Trung du và miền núi phía Bắc có 3.073 doanh nghiệp, tăng 16,8% và Đồng bằng Sông Cửu Long có 5.778 doanh nghiệp, tăng 9,6%. [115]

+ Về tình hình vốn đăng ký của doanh nghiệp thành lập mới tại các vùng lãnh thổ đều tăng so với cùng kỳ năm 2015, cụ thể: Tây Nguyên đăng ký 12.723 tỷ đồng, tăng 104,4%; Đông Nam Bộ đăng ký 269.095 tỷ đồng, tăng 52,0%; Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung đăng ký 65.827 tỷ đồng, tăng 51,9%; Đồng bằng Sông Hồng đăng ký 208.526 tỷ đồng, tăng 50,1%; Đồng bằng Sông Cửu Long đăng ký 41.073 tỷ đồng, tăng 39,4% và cuối cùng là Trung du và miền núi phía Bắc đăng ký 31.850 tỷ đồng, tăng 22,7%. [115]

Biểu đồ 3: Tình hình lao động đăng ký của doanh nghiệp thành lập mới theo vùng lãnh thổ



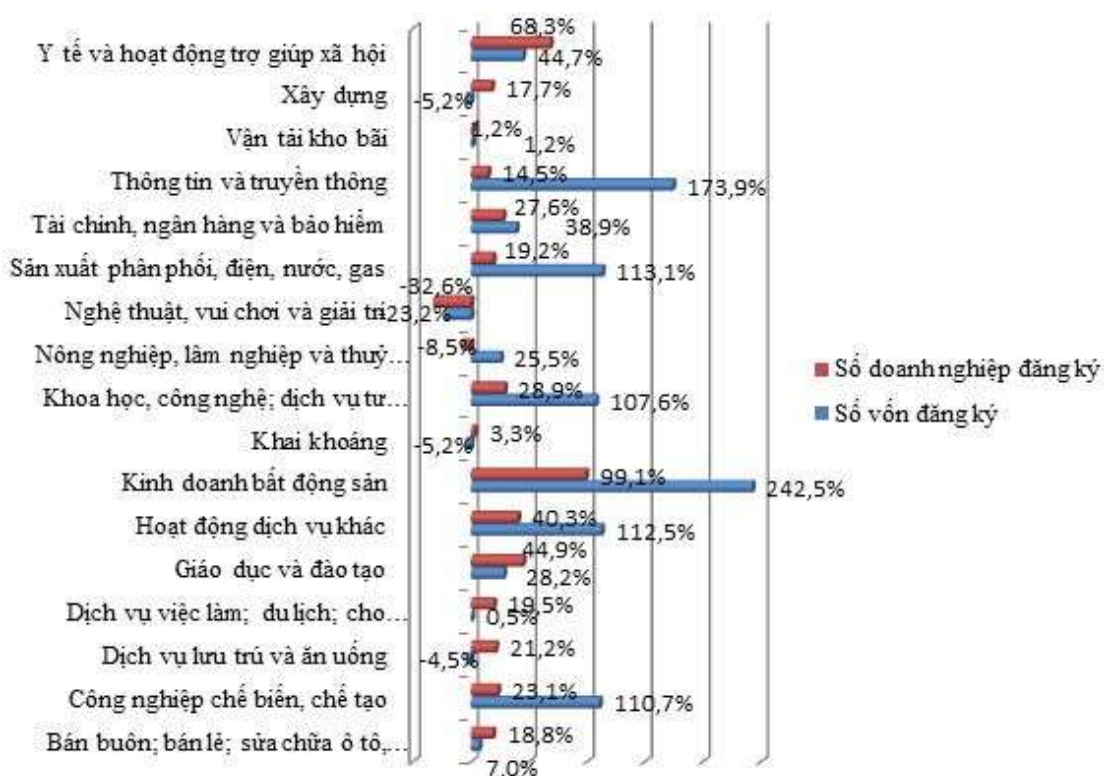
Thống kê tỷ lệ lao động tại Biểu đồ 3 cho thấy tình hình lao động đăng ký của doanh nghiệp thành lập mới trong 9 tháng đầu năm 2016 chia theo vùng lãnh thổ giảm ở hầu hết các vùng so với cùng kỳ năm trước, cụ thể: Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung đăng ký 157.294 lao động, giảm 26,6%; Tây Nguyên đăng ký 19.335 lao động, giảm 12,3%; Trung du và miền núi phía Bắc đăng ký 55.152 lao động, giảm 8,9%; Đông Nam Bộ đăng ký 258.848 lao động, giảm 4,3% và Đồng

bằng Sông Hồng đăng ký 305.601 lao động, giảm 1,1%; duy nhất, vùng Đồng bằng Sông Cửu Long là có số lao động đăng ký của doanh nghiệp thành lập mới tăng 7,7% với 132.450 lao động.[115]

- Theo lĩnh vực hoạt động:

So sánh tình hình doanh nghiệp đăng ký thành lập mới trong 9 tháng đầu năm 2016 phân theo lĩnh vực hoạt động tại Biểu đồ 4 cho thấy: [115]

Biểu đồ 4: Tình hình doanh nghiệp đăng ký thành lập mới theo lĩnh vực hoạt động



+ Tỷ lệ doanh nghiệp thành lập mới tăng ở hầu hết các ngành nghề so với cùng kỳ năm 2015, cụ thể: Kinh doanh bất động sản đăng ký 2.160 doanh nghiệp, tăng 99,1%; Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội đăng ký 377 doanh nghiệp, tăng 68,3%; Giáo dục và đào tạo đăng ký 2.001 doanh nghiệp, tăng 44,9%; Hoạt động dịch vụ khác đăng ký 766 doanh nghiệp, tăng 40,3%; Khoa học, công nghệ; dịch vụ tư vấn, thiết kế; quảng cáo và chuyên môn khác đăng ký 6.276 doanh nghiệp, tăng 28,9%;... Ở chiều ngược lại, lĩnh vực Nghệ thuật, vui chơi và giải trí đăng ký 1.017 doanh nghiệp, giảm 32,6% và Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản đăng ký 1.342 doanh nghiệp, giảm 8,5%. [115]

+ Về tỷ lệ vốn đăng ký, thống kê cho thấy có 04 ngành có tỷ lệ vốn đăng ký

giảm so với cùng kỳ, bao gồm: Nghệ thuật, vui chơi và giải trí đăng ký 3.829 tỷ đồng, giảm 23,2%; Khai khoáng đăng ký 6.119 tỷ đồng và Xây dựng đăng ký 93.859 tỷ đồng cùng giảm 5,2%; Dịch vụ lưu trú và ăn uống đăng ký 19.055 tỷ đồng, giảm 4,5%. Các ngành còn lại đều có tỷ lệ vốn đăng ký tăng so với cùng kỳ năm 2015. [115]

Để đạt được kết quả như trên, bên cạnh các công cụ, giải pháp, chính sách hỗ trợ của Chính phủ đối với doanh nghiệp đã bước đầu phát huy hiệu quả, cùng sự chủ động tái cơ cấu của khu vực doanh nghiệp theo địa bàn hoạt động và lĩnh vực kinh doanh, chương trình cải cách đăng ký kinh doanh thông qua việc hỗ trợ doanh nghiệp đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử, chuẩn hóa dữ liệu đăng ký doanh nghiệp, số hóa tài liệu hồ sơ đăng ký doanh nghiệp, công khai thông tin doanh nghiệp trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia... đã góp phần gây dựng niềm tin, khuyến khích cộng đồng doanh nghiệp quay trở lại thị trường.

3.2.2. Những thành tựu của pháp luật về ĐKKD trong thời gian qua

Sự ra đời của pháp luật về đăng ký kinh doanh đã tạo nên những thành công nhất định trong việc khởi sự doanh nghiệp cụ thể như:

Thứ nhất: PL về ĐKKD xác định rõ quyền và nghĩa vụ của chủ thể kinh doanh khi tham gia hoạt động kinh doanh

Trong những năm qua Luật doanh nghiệp trải qua các thời kỳ điều hướng đến việc đảm bảo, mở rộng quyền tự do kinh doanh của công dân đúng theo tinh thần của Hiến pháp. Những quy định về đối tượng thành lập doanh nghiệp được pháp luật đăng ký kinh doanh xây dựng theo nguyên tắc loại trừ. Cụ thể tại Luật doanh nghiệp 2014, Nghị định 78/2015/NĐ-CP đã xác định rõ thẩm quyền thành lập, quản lý doanh nghiệp, trách nhiệm của cơ quan ĐKKD. Với những quy định như thế sẽ đảm bảo được quyền tự do kinh doanh theo hướng ngày càng được mở rộng hơn, tránh được việc tiêu cực gây phiền hà cho chủ thể ĐKKD, đồng thời còn tăng cường sự đảm bảo của nhà nước trong hoạt động ĐKKD.

Tại Hà Tĩnh, Phòng ĐKKD được đặt tên là “Cơ quan đăng ký kinh doanh vui vẻ”. Theo đó doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận ngay trong ngày, có thể nói là nhanh nhất trong cả nước. Đại diện Sở KH&ĐT Hà Tĩnh cho biết, không chỉ trông chờ vào chính sách của Trung ương, Tỉnh đã chủ động ban hành 19 nghị

quyết, quyết định về hỗ trợ doanh nghiệp. Theo đó, tính miễn toàn bộ phí, lệ phí cho doanh nghiệp, bao gồm lệ phí đăng ký doanh nghiệp, phí đăng báo cáo, phí đăng công bố con dấu... Ngoài ra, doanh nghiệp được hỗ trợ phần mềm kế toán và được nhận khoản hỗ trợ từ 10-15 triệu đồng tiền vốn nếu có phương án sản xuất kinh doanh tốt. Bên cạnh đó là các chính sách thu hút đầu tư như hỗ trợ đất, giải phóng mặt bằng, các cuộc đối thoại để đề xuất các phương án tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp, nhà đầu tư cũng được tổ chức thường xuyên. [115]

Thứ hai: Danh mục ngành nghề bị cấm kinh doanh

Luật Doanh nghiệp 2014 cùng các văn bản hướng dẫn thi hành đã quy định cụ thể lĩnh vực, danh mục ngành nghề bị cấm kinh doanh. “Doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế có quyền kinh doanh các ngành, nghề mà pháp luật không cấm”, thể hiện quyền tự do trong kinh doanh đối với mọi thành phần kinh tế, lĩnh vực ngành nghề đăng ký kinh doanh ngày càng đa dạng, làm phong phú thêm sản phẩm hàng hóa, dịch vụ phục vụ nhu cầu xã hội, góp phần mở rộng thị trường trên mọi lĩnh vực, thúc đẩy phát triển nền kinh tế - xã hội.

Thứ ba: Chuyển từ “tiền kiểm” sang “hậu kiểm”

Trước kia thủ tục thành lập doanh nghiệp được thực hiện rất “chặt chẽ”, phải qua sự kiểm tra, thẩm định, đánh giá và chứng nhận của nhiều cơ quan nhà nước từ Trung ương xuống địa phương dần dần sự ra đời của Luật doanh nghiệp đã thay đổi bản chất của việc đăng ký kinh doanh từ “xin phép được tiến hành kinh doanh” sang “thông báo với các cơ quan có thẩm quyền về sự hiện hữu của doanh nghiệp”. “Nhà nước đặt niềm tin vào doanh nghiệp vào nhà đầu tư khi họ sử dụng quyền tự do kinh doanh của mình”[68]. Hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký kinh doanh đã được rút ngắn nhiều lần so với trước đây; nhà nước không tốn thời gian để hướng dẫn, giải thích những thủ tục mà doanh nghiệp thấy chưa rõ, chưa hiểu và khó trong việc thực thi.

Thứ tư: Liên thông ba thủ tục “đăng ký kinh doanh”, “đăng ký thuế” và “khắc dấu”

Luật Doanh nghiệp 2014 cùng với Nghị định số 78/2015/NĐ-CP về đăng ký kinh doanh đã đơn giản hóa nhiều về thủ tục đăng ký kinh doanh. Sự ra đời cơ chế “liên thông” đã tạo ra căn cứ pháp lý để các địa phương triển khai đồng

loạt việc phối hợp nghiệp vụ của 3 cơ quan đăng ký kinh doanh, đăng ký thuế và đăng ký con dấu; loại bỏ những khâu thủ tục không cần thiết, rút ngắn thời gian đăng ký kinh doanh còn 3 ngày đã tạo tiền lệ tốt về sự phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước trong giải quyết thủ tục gia nhập thị trường của doanh nghiệp nói riêng và các thủ tục hành chính cho người dân nói chung;

Về hình thức giấy chứng nhận ĐKDN không chỉ được cấp dưới hình thức văn bản mà còn được xác định giấy chứng nhận ĐKDN, giấy chứng nhận đầu tư, giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng, đại diện được lưu dưới dạng dữ liệu điện tử trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về ĐKDN (giấy chứng nhận đăng ký điện tử có giá trị như giấy chứng nhận ĐKDN) [20].

Ngoài ra, pháp luật về ĐKKD còn quy định quy trình thành lập doanh nghiệp tập trung ở tại một cơ quan đầu mối là Phòng ĐKKD cấp tỉnh để cấp ĐKDN và đăng ký thuế cho doanh nghiệp, không bắt doanh nghiệp phải đi lại ở nhiều cơ quan khác nhau. Khi nhà đầu tư nộp hồ sơ cho Phòng Đăng ký kinh doanh cấp tỉnh thông tin về hồ sơ đăng ký doanh nghiệp được chuyển sang cơ sở dữ liệu của Tổng cục Thuế (Bộ Tài chính). Sau đó, Tổng cục Thuế có trách nhiệm tạo mã số doanh nghiệp và chuyển mã số doanh nghiệp sang Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp để Phòng Đăng ký kinh doanh cấp cho doanh nghiệp. Mã số này đồng thời là mã số thuế của doanh nghiệp. Tổng thời gian để cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo quy định chỉ còn là 5 ngày.

Doanh nghiệp sử dụng mã số doanh nghiệp để kê khai nộp tất cả các loại thuế trên lãnh thổ Việt Nam. Trường hợp doanh nghiệp di dời trụ sở sang địa bàn tỉnh khác để hoạt động thì doanh nghiệp vẫn phải sử dụng mã số doanh nghiệp này cho đến ngày chấm dứt hoạt động

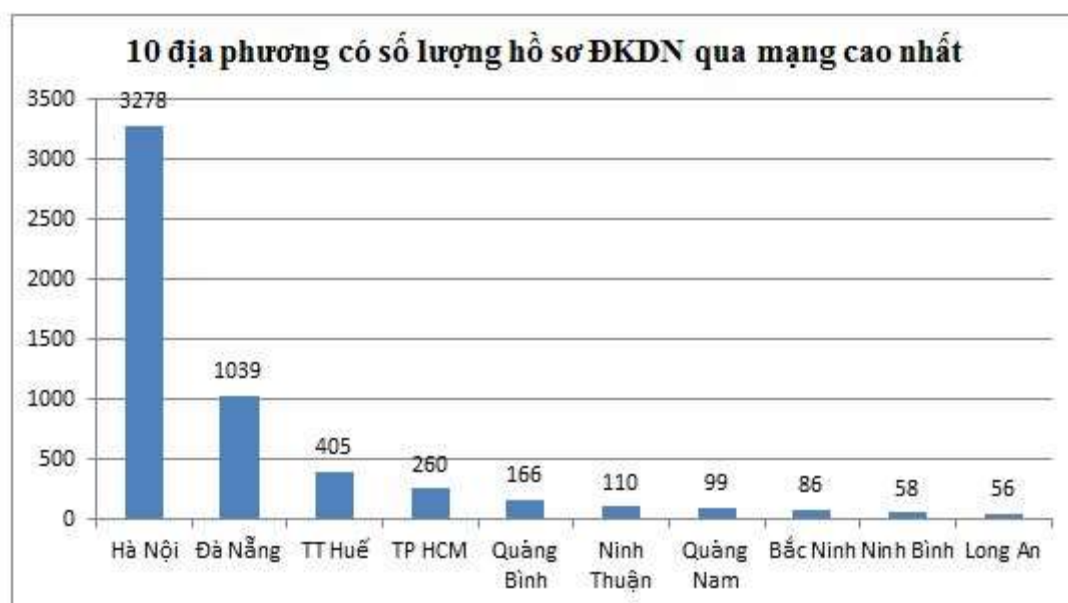
Ở Việt Nam từ ngày 1/6/2010, tất cả các thông tin về doanh nghiệp trong phạm vi cả nước đều được cơ quan ĐKKD cấp tỉnh chuyển vào hệ thống ĐKDN quốc gia với hai tổ hợp thành là Cổng thông tin ĐKDN quốc gia và Cơ sở dữ liệu quốc gia về ĐKDN. Khi doanh nghiệp nộp hồ sơ ĐKDN, cơ quan ĐKDN cấp tỉnh nhập dữ liệu vào Hệ thống thông tin ĐKDN quốc gia tại Bộ kế hoạch và đầu tư, đó cũng là thông tin chung để cơ quan thuế và cơ quan ĐKKD khác trên cả nước biết về thông tin doanh nghiệp. Quy trình này nhằm rút ngắn thời gian thành lập doanh

nghiệp, chống việc trùng tên, nhầm lẫn tên doanh nghiệp trên phạm vi cả nước. Ngoài ra, quy trình còn giúp các doanh nghiệp dễ dàng trong việc tra cứu thông tin khách hàng, đối tác, tăng cường sự giám sát của xã hội đối với doanh nghiệp.

Tỷ lệ sử dụng dịch vụ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử cũng đã được cải thiện; trong đó, Thủ đô Hà Nội đạt bước tiến ấn tượng nhất, chỉ trong một thời gian ngắn đã trở thành địa phương có số lượng hồ sơ đăng ký doanh nghiệp cao nhất trên cả nước, đạt tỷ lệ 40%. [115]

Tại một số địa phương đã áp dụng những sáng kiến tốt nhằm tạo điều kiện thuận lợi trong thực hiện thủ tục hành chính về đăng ký kinh doanh cho doanh nghiệp trên địa bàn.

Ở Hà Nội, từ cán bộ đến lãnh đạo Sở KH&ĐT thường xuyên trao đổi, vận động doanh nghiệp tìm hiểu, thực hiện đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử. Khi lần đầu doanh nghiệp đến làm thủ tục, nếu chưa biết đến tiện ích trên thì sẽ được cán bộ ĐKKD hướng dẫn về việc lựa chọn nộp hồ sơ giấy hay hồ sơ qua mạng. Nếu doanh nghiệp chọn nộp hồ sơ qua mạng thì nhân viên ngồi tại quầy, hỗ trợ chi tiết cho đến khi doanh nghiệp khai xong hồ sơ trên máy. Sau lần đầu tiên, doanh nghiệp hoàn toàn có thể ngồi tại nhà để thực hiện thủ tục. Doanh nghiệp nộp hồ sơ qua mạng sẽ được giải quyết trong vòng 02 ngày thay vì 03 ngày như quy định. [115]



Thứ năm: Pháp luật về ĐKKD góp phần bãi bỏ hàng loạt “giấy phép con”.

Hiện nay trong nền kinh tế thị trường, để tiến hành hoạt động kinh doanh, doanh nghiệp bắt buộc phải thực hiện hoạt động đăng ký kinh doanh để được cấp giấy phép kinh doanh. *“Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là loại giấy tờ, chấp thuận bằng văn bản hoặc dưới hình thức khác doanh nghiệp phải xin cơ quan ĐKKD trước khi tiến hành hoạt động kinh doanh”*[54].

“Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp còn được hiểu là chứng thư pháp lý do nhà nước cấp cho một chủ thể nhất định khi có đủ các điều kiện do nhà nước đặt ra”[28].

Ngoài GCNĐKDN, còn có “giấy phép hoạt động” tồn tại dưới nhiều dạng khác như chứng chỉ hành nghề, chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh, giấy phép hành nghề) là một trong những công cụ quản lý kinh tế của nhà nước. Đặc biệt, trong bối cảnh Việt Nam đang xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, việc quản lý bằng GCNĐKDN là điều cần thiết.

Như vậy, thông qua GCNĐKDN giúp nhà nước quản lý hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp ngay từ khi doanh nghiệp gia nhập thị trường trong phạm vi, giới hạn mà doanh nghiệp được phép hoạt động.

Luật doanh nghiệp 2014, Nghị định 78/2015/NĐ-CP đã quy định rõ về nội dung GCNĐKDN, điều kiện để doanh nghiệp được cấp GCNĐKDN để hướng đến việc thống nhất nhà nước trong công tác quản lý cấp GCNĐKDN, để giảm trừ các loại giấy phép tự phát tại mỗi địa phương, các cơ quan quản lý ngành tự đặt ra điều kiện kinh doanh để cấp GCNĐKDN, gây ảnh hưởng bất lợi cho doanh nghiệp. Luật doanh nghiệp năm 2014 quy định: *“Chính phủ định kỳ rà soát, đánh giá lại toàn bộ hoặc một phần các điều kiện kinh doanh; bãi bỏ hoặc kiến nghị bãi bỏ các điều kiện không còn phù hợp, sửa đổi hoặc kiến nghị sửa đổi các điều kiện bất hợp lý; ban hành hoặc kiến nghị ban hành điều kiện kinh doanh mới theo yêu cầu quản lý nhà nước”*. Quy định này tạo cơ sở pháp lý trong việc cải cách hệ thống giấy phép kinh doanh.

Tránh việc cơ chế “xin” “cho”, để có được GCNĐKDN doanh nghiệp chỉ phải thực hiện ở một đầu mối duy nhất là cơ quan ĐKKD mà không phải “chạy” ở nhiều nơi mất thời gian, kinh phí.

- Góp phần nâng cao hiệu quả QLNN, đảm bảo sự thống nhất trong công tác quản lý hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, kịp thời tháo bỏ những khó khăn,

gỡ bỏ những quy định không còn phù hợp, thực sự tạo điều kiện cho doanh nghiệp gia nhập thị trường nhanh nhất tránh việc mất cơ hội kinh doanh của doanh nghiệp.

Trong những năm qua, theo Quyết định số 30/2000/QĐ-TTg do Thủ tướng ban hành ngày 3/2/2000 đã có 500 loại giấy phép con được gỡ bỏ không còn phù hợp, tạo nên sự thông thoáng trong việc thành lập doanh nghiệp.

Hàng năm Chính phủ đều có sự chỉ đạo rà soát các loại giấy phép còn gây khó khăn cho doanh nghiệp. Ngày 29/4/2016 trong buổi đối thoại của Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc với doanh nghiệp với chủ đề: “DN Việt Nam - Động lực phát triển kinh tế đất nước”. Thủ tướng đã nhấn mạnh: *“Chính phủ và các cơ quan quản lý có trách nhiệm bảo vệ quyền tài sản, quyền kinh doanh của doanh nghiệp; tháo gỡ mọi rào cản, chống tiêu cực với tinh thần lớn nhất là “không hình sự hóa các quan hệ kinh tế” [117].*

Thủ tướng yêu cầu gắn việc tổ chức triển khai thực hiện Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp với Nghị quyết 19 của Chính phủ về cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, tạo điều kiện tốt nhất cho người dân và doanh nghiệp. *“không để các giấy phép con, tạo thêm các điều kiện, gây cản trở hoạt động sản xuất kinh doanh. Chúng ta có cái cách thủ tục hành chính tốt mà cán bộ không tốt thì sẽ gây cản trở phát triển” [126].*

Thứ sáu: Pháp luật về ĐKKD góp phần làm giảm bớt quy trình thành lập doanh nghiệp

Trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, việc thành lập doanh nghiệp được coi là quyền cơ bản của nhà đầu tư song lại có ảnh hưởng không nhỏ đến lợi ích toàn xã hội. Vì vậy, trình tự thành lập doanh nghiệp phải được tiến hành trong khuôn khổ của pháp luật. Các quy định về thành lập doanh nghiệp không những phải đảm bảo quyền tự do kinh doanh của nhà đầu tư mà còn phải đáp ứng nhu cầu của quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp

Hiện nay, theo quy định của pháp luật tất cả các loại hình doanh nghiệp không phân biệt tính chất sở hữu và thành phần kinh tế, nguồn gốc vốn đầu tư, doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn trong nước hay có vốn nước ngoài khi thành lập doanh nghiệp đều đưa về áp dụng chung theo quy định của Luật doanh nghiệp năm 2005, 2014, chấm dứt quy trình phức tạp khi thành lập doanh nghiệp

nhà nước hay doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Theo đó, nhà đầu tư gửi hồ sơ đăng ký kinh doanh đến các cơ quan có thẩm quyền là phòng đăng ký kinh doanh cấp tỉnh. Cơ quan đăng ký kinh doanh sẽ dựa trên những điều kiện pháp luật quy định để xem xét việc cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cho doanh nghiệp. Đồng thời, cơ quan này sẽ chịu trách nhiệm về tính hợp lệ trong khi người thành lập doanh nghiệp sẽ phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đăng ký kinh doanh. Người thành lập doanh nghiệp chỉ bị từ chối cấp giấy chứng nhận kinh doanh trong trường hợp người đó không có đủ điều kiện theo luật định. Trong trường hợp đó, cơ quan đăng ký kinh doanh sẽ phải gửi thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do từ chối cho người thành lập doanh nghiệp. Sau khi được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, doanh nghiệp được ghi tên vào sổ đăng ký kinh doanh và kể từ thời điểm đó, doanh nghiệp có tư cách chủ thể kinh doanh và có quyền tiến hành các hoạt động kinh doanh. Tuy nhiên, doanh nghiệp vẫn phải có nghĩa vụ công bố nội dung của giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh như là một khâu trong quy trình thành lập. Một điểm mới nữa của Luật doanh nghiệp năm 2005 cũng rất có ý nghĩa trong việc đảm bảo cho nhà đầu tư có thể tiến hành thành lập doanh nghiệp một cách thuận lợi hơn chính là việc pháp luật đã mở rộng hình thức công bố nội dung đăng ký kinh doanh. Theo đó, doanh nghiệp không nhất thiết phải công bố theo hình thức “*đăng báo địa phương hoặc báo hàng ngày của trung ương trong ba số liên tiếp*” mà còn có thể công bố đăng ký kinh doanh bằng cách “*đăng trên mạng thông tin doanh nghiệp của cơ quan đăng ký kinh doanh hoặc một trong các loại tờ báo viết hoặc báo điện tử trong ba số liên tiếp*” về các nội dung chủ yếu của Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (Khoản 1 Điều 28 Luật doanh nghiệp năm 2005).

Những quy định mới trên đây không những phù hợp với tình hình thực tiễn trong thời đại công nghệ thông tin, làm giảm chi phí trong hoạt động quản lý nhà nước, mà còn khuyến khích đầu tư, đóng góp tích cực vào tăng trưởng kinh tế.

Có thể thấy pháp luật về đăng ký kinh doanh trong thời gian qua đã nhiều chuyển biến quan trọng, ngày càng đáp ứng tốt hơn nhu cầu phát triển của nền kinh tế, đặc biệt là phục vụ sự tăng trưởng mạnh mẽ của khối kinh tế tư nhân trong những năm qua. Chính sự cải thiện trong thủ tục ra nhập thị trường đã tạo nên sức

hấp dẫn lớn cho môi trường kinh doanh của Việt Nam trong con mắt các nhà đầu tư. Đặc biệt sự ra đời của Luật doanh nghiệp năm 2014 đã tạo nên bước ngoặt đáng kể trong việc rút ngắn thời gian đăng ký kinh doanh. Tuy nhiên, trên thực tế pháp luật về đăng ký kinh doanh vẫn còn có một số quy chưa đủ rõ ràng, cụ thể để hiểu và áp dụng một cách thống nhất; một số quy định không còn phù hợp với thực tế đã và đang gây khó khăn cho cả cơ quan quản lý nhà nước và doanh nghiệp trong quá trình gia nhập thị trường như: hạn chế trong nguyên tắc bình đẳng, phân biệt đối xử giữa các thành phần kinh tế; Trong trường hợp đặc thù việc cấp đăng ký thành lập doanh nghiệp còn phụ thuộc vào vấn đề quy hoạch kinh tế - xã hội của địa phương; Áp dụng đăng ký qua mạng về cơ bản chưa thực hiện hiệu quả vì đòi hỏi người thành lập doanh nghiệp phải có chữ ký điện tử hoặc tài khoản đăng ký kinh doanh, Trong khi đó, công tác số hóa, chuẩn hóa dữ liệu chưa được áp dụng, thực hiện thống nhất trên cả nước cũng là một trong những nguyên nhân và thách thức lớn. Do đó, việc cải cách pháp luật về đăng ký kinh doanh ở Việt Nam cần tiếp tục được đẩy mạnh trong thời gian tới nhằm từng bước đưa nghiệp vụ quản lý đăng ký kinh doanh của Việt Nam tiến gần hơn với chuẩn mực quốc tế về quản lý doanh nghiệp.

3.2.3. Những hạn chế, bất cập và nguyên nhân

PL về ĐKKD trong thời gian qua đã đóng góp tích cực trong công cuộc phát triển kinh tế, giảm bớt được rào cản gia nhập thị trường, số lượng doanh nghiệp thành lập mới ngày càng được gia tăng. Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu đạt được như đã nêu ở trên, PL về ĐKKD vẫn còn một số những bất cập, Cụ thể:

Một là, vẫn còn sự chồng lấn về nội dung các luật giữa luật chuyên ngành và Luật Doanh nghiệp 2014 làm hạn chế và giảm đáng kể quyền tự do kinh doanh của các doanh nghiệp liên quan. Điều 3 Luật Doanh nghiệp hiện hành 2014 quy định “Việc thành lập, tổ chức quản lý và hoạt động của doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế áp dụng theo quy định của Luật này và các quy định khác của pháp luật có liên quan. Trường hợp đặc thù liên quan đến việc thành lập, tổ chức quản lý và hoạt động của doanh nghiệp quy định tại Luật khác, thì áp dụng theo quy định của Luật đó”.

Trong khi đó, Luật chuyên ngành như: (1) Luật Các tổ chức tín dụng; (2) Luật Chứng khoán; (3) Luật Kinh doanh bảo hiểm; (4) Luật Dược; (5) Luật Dầu

khí; (6) Luật Xây dựng; (8) Luật Kinh doanh bất động sản; (9) Luật Vận tải đường bộ; (10) Luật Vận tải thủy; (11) Luật Hàng không dân dụng Việt Nam; (12) Luật Hành nghề y dược; (13) Luật Báo chí; (14) Luật Xuất bản; (15) Luật Giáo dục; (16) Luật Dạy nghề; (17) Luật Luật sư; (18) Luật Công chứng; (19) Luật Kiểm toán; (20) Luật Kế toán và (21) một số luật khác. Các luật này thường có thêm các quy định sau đây:

- Luật các tổ chức tín dụng quy định ngân hàng thương mại chỉ được thành lập dưới hình thức công ty cổ phần; Luật luật sư quy định các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ tư vấn luật chỉ có thể tồn tại dưới hình thức công ty hợp danh; v.v. Những quy định này làm phá vỡ sự thống nhất về phạm vi điều chỉnh trong quy định đạo luật chung là “Luật doanh nghiệp” *“về việc thành lập, tổ chức quản lý, tổ chức lại, giải thể và hoạt động có liên quan của doanh nghiệp, bao gồm công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty hợp danh và doanh nghiệp tư nhân; quy định về nhóm công ty”* [67].

Ngoài ra, để tránh lạm quyền của cơ quan đăng ký kinh doanh, tại khoản 2, điều 9, Nghị định 78/2015/NĐ-CP quy định *“Cơ quan đăng ký kinh doanh không được yêu cầu người thành lập doanh nghiệp hoặc doanh nghiệp nộp thêm hồ sơ hoặc giấy tờ khác ngoài các giấy tờ trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp theo quy định”*.

Tuy nhiên, khi đăng ký trụ sở công ty tại một căn hộ nằm trong cao ốc phức hợp để ở và thương mại. Sở Kế hoạch Đầu tư buộc nhà đầu tư phải chứng minh quyền được dùng căn hộ để làm trụ sở công ty. Yêu cầu này được hiểu là căn cứ vào Công văn số 2544/BXD-QLN ngày 19-11-2009 của Bộ Xây dựng về việc không cho phép sử dụng nhà chung cư làm văn phòng công ty. [136]

Như vậy, Sở Kế hoạch Đầu tư có quyền yêu cầu nhà đầu tư nộp hồ sơ chứng minh quyền được đặt trụ sở công ty tại căn hộ đã thuê không?

Một bất cập không hề nhỏ đó là: Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19/10/2015 loại bỏ các loại hình doanh nghiệp được thành lập theo các luật: Công chứng, luật sư, giám định tư pháp, kinh doanh bảo hiểm, chứng khoán, hợp tác xã, trong khi Luật Doanh nghiệp không có hạn chế này. Những vấn đề này cho thấy, “các nghị định hướng dẫn Luật Doanh nghiệp 2014 đã có những điểm trái Luật Doanh nghiệp. Đây không phải là những quy định mang tính hướng dẫn chi tiết mà

là những quy định thay đổi hẳn nội dung, phạm vi áp dụng của Luật Doanh nghiệp”. Sự quy định bất hợp lý này gây ra những khó khăn, cản trở doanh nghiệp gia nhập thị trường, điều này dường như chỉ có ở Việt Nam, trải qua nhiều năm với nhiều lần cải cách, chỉnh sửa, bổ sung hệ thống pháp luật về ĐKKD nhưng tất cả những điều trên chỉ ra cho thấy sự thay đổi, điều chỉnh chưa thực sự triệt để, kỳ vọng giống như mong muốn của cộng đồng doanh nghiệp.

Hai là, pháp luật về ĐKKD vẫn còn tồn tại những bất cập quy định về điều kiện đăng ký kinh doanh.

Hiện nay, quy trình ban hành VBQPPL ở Việt Nam trong lĩnh vực ĐKKD đã được Chính phủ thống nhất, quản lý. Theo Nghị định 78/2015/NĐ-CP tiếp tục kế thừa Nghị định 43/2010/NĐ-CP quy định: [20]

Theo Luật đầu tư 2014 quy định: “Ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện là ngành, nghề mà việc hoạt động đầu tư kinh doanh đó phải đáp ứng điều kiện vì lý do: quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng”, đồng thời Luật đầu tư 2014 đã giảm danh sách các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện từ 386 xuống còn 267 ngành, nghề và lược bỏ nhiều điều kiện kinh doanh. Danh mục ngành nghề kinh doanh có điều kiện đã được chia thành 16 lĩnh vực được niêm yết công khai trên Cổng thông tin điện tử quốc gia. Sự thay đổi này sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp trong quá trình thành lập và việc hoạt động kinh doanh một cách dễ dàng hơn.

Tuy nhiên, hiện nay trong quá trình thực thi điều kiện kinh doanh là những điều kiện mà doanh nghiệp phải đáp ứng được trước khi gia nhập thị trường. Do vậy, chính những điều kiện này về bản chất là các rào cản gia nhập thị trường các sản phẩm, dịch vụ có liên quan, làm cho gia nhập thị trường trở nên tốn kém hơn, khó khăn hơn và khó dự đoán hơn đối với các nhà đầu tư và doanh nghiệp; qua đó, tạo ra những méo mó, sai lệch và hạn chế cạnh tranh thị trường. Điều đó, không chỉ hạn chế quyền tự do kinh doanh, mà còn tạo ra sự bất bình đẳng và thiếu công bằng trong tiếp cận các quyền kinh doanh.

Ví dụ: Doanh nghiệp kinh doanh quảng cáo ngoài trời, theo Luật quảng cáo, doanh nghiệp phải xin hơn 20 chữ ký, mất thời gian từ 6 tháng đến một năm mới được cấp phép. Điều này làm cho doanh nghiệp mất cơ hội kinh doanh, thời gian,

chi phí tồn kém [28].

Hay là, để doanh nghiệp được phép hoạt động xuất khẩu gạo, doanh nghiệp phải thỏa mãn các điều kiện: doanh nghiệp phải có ít nhất một kho chuyên dùng với sức chứa tối thiểu 5.000 tấn thóc, có ít nhất 01 cơ sở xay sát gạo với công suất tối thiểu 10 tấn thóc/ giờ và phải trữ ít nhất 10% lượng gạo xuất khẩu 6 tháng trước đó. Nếu doanh nghiệp thỏa mãn các điều kiện trên, doanh nghiệp sẽ được Bộ Công thương cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh xuất khẩu gạo.

Theo điều tra sơ bộ từ VCCI hiện đang có quá nhiều quy định về điều kiện kinh doanh, lại phân tán, dàn trải trong rất nhiều các văn bản khác nhau; thể hiện chính sách, pháp luật hay thay đổi, thiếu ổn định, thiếu minh bạch và thiếu công bằng, khó tiên liệu trước và đã gây ra nhiều hệ quả. Cũng theo tổng hợp điều tra của VCCI chỉ 11% số doanh nghiệp tiên liệu được thay đổi trong chính sách do các bộ, cơ quan trung ương ban hành; và chỉ có khoảng 7% số doanh nghiệp tiên liệu được thay đổi trong chính sách do chính quyền địa phương ban hành. Ngoài ra, cộng đồng doanh nghiệp trong nước còn cho rằng, các cấp chính quyền địa phương thường ưu tiên giải quyết các vấn đề khó khăn cho doanh nghiệp nước ngoài hơn là doanh nghiệp trong nước; cơ quan nhà nước các cấp thường ưu tiên, dành nhiều “quyền, lợi” cho doanh nghiệp nhà nước (DNNN) hơn doanh nghiệp tư nhân trong nước. Ngoài ra, trong thời gian gần đây, cộng đồng doanh nghiệp còn cho rằng họ phải cạnh tranh không lành mạnh từ các doanh nghiệp có quan hệ thân hữu với một số cán bộ, công chức nhà nước các cấp, với đại diện chủ sở hữu và người quản lý các DNNN [126].

Thực trạng trên có thể do nhiều nguyên nhân, trong đó, có nguyên nhân bắt nguồn từ cách thức xây dựng luật pháp, chất lượng luật và các văn bản hướng dẫn thi hành và cả từ cách thức thực hiện luật pháp, chính sách hiện nay, những yếu tố mập mờ trong quy định khiến cho doanh nghiệp cảm thấy bất an, lo lắng, trước những yêu cầu của các cơ quan có thẩm quyền.

Ba là, pháp luật về ĐKKD vẫn còn bất cập liên quan đến ngành nghề kinh doanh

Mặc dù Luật doanh nghiệp 2014 đi vào thực hiện được hơn 1 năm, nhưng vẫn bộc lộ những vướng mắc trong quá trình thực thi; Cụ thể việc doanh nghiệp đăng ký ngành nghề kinh doanh theo quy định tại Nghị định số 78/2015/NĐ-CP tiếp

tục yêu cầu doanh nghiệp lựa chọn ngành kinh tế cấp bốn trong hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam để ghi ngành, nghề kinh doanh. Việc ghi tên ngành nghề trong đăng ký kinh doanh phải theo Hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam.

Theo Quyết định 10/2007/QĐ-TTg do Thủ tướng Chính phủ ban hành ngày 23/1/2007 hệ thống ngành kinh tế Việt Nam được chia thành 5 cấp độ. Trong đó cấp độ 5 được đánh giá chi tiết nhất với số lượng 642, còn cấp độ 4 chỉ bao gồm 437 ngành. Do đó, nhiều doanh nghiệp khi đi đăng ký ngành nghề lại không có trong Hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam và pháp luật chuyên ngành cũng không có quy định cụ thể, hoặc có quy định, nhưng tên ngành không được đăng ký theo như mong muốn của doanh nghiệp.

Ví dụ, với trường hợp doanh nghiệp muốn đăng ký kinh doanh ngành nghề “sản xuất điện từ rác thải” (hay còn gọi là điện rác), luật chuyên ngành chỉ quy định chung là hoạt động điện lực (gồm sản xuất, truyền tải, phân phối điện...), chứ không quy định cụ thể như mong muốn của doanh nghiệp là “sản xuất điện từ rác thải”.

Còn căn cứ theo Hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam (quy định trong Quyết định số 337/QĐ-BKH ngày 10/4/2007 của Bộ KH&ĐT), chỉ có ngành nghề mang mã 3821 - 38210: Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại. Theo đó, nhóm này gồm việc xử lý trước khi tiêu hủy và xử lý khác đối với các chất thải rắn và không rắn không độc hại, như tiêu hủy rác thải không độc hại bằng cách đốt cháy hoặc thiêu hủy hoặc bằng các phương pháp khác có hoặc không có dẫn đến sản xuất điện hoặc hơi nước, các nhiên liệu thay thế, khí đốt sinh học, tro hoặc các sản phẩm cho mục đích sử dụng khác... Trong trường hợp này, để được hoạt động với ngành nghề “sản xuất điện từ rác thải”, doanh nghiệp phải đăng ký ngành nghề với cái tên không mong muốn là “3821 - 38210: Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại”. [129]

Như vậy, vô hình trung việc bắt buộc ghi tên ngành nghề đăng ký kinh doanh theo mã ngành đã gây khó khăn cho doanh nghiệp, vi phạm nguyên tắc doanh nghiệp được quyền chủ động lựa chọn ngành nghề kinh doanh.

Liên quan đề xuất bỏ ghi ngành nghề kinh doanh trong giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, việc này sẽ dẫn tới khó khăn cho công tác hậu quản lý. Cụ thể, để kiểm tra doanh nghiệp có kinh doanh đúng ngành nghề đã đăng ký trong giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hay không, thay vì đối chiếu với giấy chứng

nhận đăng ký doanh nghiệp, cơ quan kiểm tra sẽ phải tổng hợp, kiểm tra để đối chiếu với các quy định của luật chuyên ngành.

Nếu doanh nghiệp chỉ kinh doanh một vài ngành nghề, công tác kiểm tra còn đơn giản, nhưng nếu doanh nghiệp kinh doanh nhiều ngành nghề, thì việc kiểm tra sẽ khá khó khăn.

Chưa kể, nếu cơ quan kiểm tra là cơ quan thuế, cơ quan này không thể nắm hết được quy định của các luật chuyên ngành như cơ quan đăng ký kinh doanh để có thể khẳng định doanh nghiệp có kinh doanh đúng quy định hay không.

Do vậy, cần cân nhắc không nên bỏ hết, mà nên ghi các ngành nghề kinh doanh chính của doanh nghiệp trong giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Như vậy sẽ tạo thuận lợi cho doanh nghiệp khi làm việc với các đối tác và cơ quan có thẩm quyền ở trong nước cũng như nước ngoài.

Ngoài ra, khi nhà nước chưa xác định rõ ngành nghề kinh doanh có điều kiện và điều kiện kinh doanh. Trong thực tế có quá nhiều văn bản quy định một cách phân tán các ngành nghề kinh doanh có điều kiện. Điều đó dẫn đến tình trạng các cơ quan nhà nước không biết cụ thể có bao nhiêu ngành nghề thuộc loại hình kinh doanh có điều kiện. Mặt khác, các điều kiện kinh doanh cũng không rõ ràng, không cụ thể, thậm chí các ngành nghề đòi hỏi có giấy phép, nhưng lại không có quy định cụ thể về điều kiện cấp giấy phép. Một số văn bản quy định về các điều kiện kinh doanh chồng chéo, mâu thuẫn.

Việc chậm ban hành những văn bản hướng dẫn quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục, điều kiện, đối tượng cấp giấy chứng chỉ hành nghề, đối với những ngành nghề đòi hỏi phải có chứng chỉ hành nghề đã ảnh hưởng không nhỏ đến việc thành lập kinh doanh trong những ngành nghề đó.

Việc đăng ký kinh doanh dịch vụ pháp lý, kinh doanh dịch vụ khám chữa bệnh, và kinh doanh dược phẩm, kinh doanh dịch vụ thuốc thú y, và kinh doanh dịch vụ thú y, kinh doanh dịch vụ thiết kế công trình, kinh doanh dịch vụ chứng khoán là những ví dụ cụ thể. Một số ngành nghề mới xuất hiện như dịch vụ thám tử tư, dịch vụ đòi nợ thuê, dịch vụ tư vấn tình yêu...

Tuy pháp luật không cấm nhưng do chưa có hướng dẫn cụ thể nên cơ quan đăng ký kinh doanh không dám cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Bên cạnh

đó, còn nhiều hạn chế khác mang tính chuát kỹ thuật, như hệ thống đăng ký kinh doanh ở nước ta chưa được trang bị đầy đủ phương tiện kỹ thuật cũng như đội ngũ cán bộ thực hiện tốt nhiệm vụ mà pháp luật quy định.

Bốn là, pháp luật về ĐKKD vẫn còn bất cập về con dấu của doanh nghiệp

Luật Doanh nghiệp năm 2014 tạo điều kiện cho doanh nghiệp trong việc lựa chọn con dấu, mẫu dấu, số lượng con dấu, tự chủ trong việc quản lý, sử dụng dấu và bảo quản dấu, đồng thời được quyết định nội dung và hình dạng của con dấu, nhưng trước khi sử dụng con dấu, doanh nghiệp có nghĩa vụ thông báo mẫu dấu với cơ quan đăng ký kinh doanh để đăng tải công khai trên cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. Việc thông báo mẫu dấu cũng mất nhiều thời gian, khoảng 4 ngày, gây khó khăn cho doanh nghiệp. Tuy nhiên, Nghị định số 78/2015/NĐ-CP lại quy định khi thông báo mẫu dấu phải thông báo “*thời điểm có hiệu lực của mẫu dấu*”. Điều này có nghĩa, thông báo mẫu dấu là một nghĩa vụ hành chính của doanh nghiệp, việc quy định này vừa không đúng với Luật Doanh nghiệp 2014 và không đúng với mục tiêu tạo tính tự chủ cho doanh nghiệp về con dấu. Ngoài ra, theo Điều 44 quy định con dấu là tài sản của DN, người đại diện theo pháp luật của DN phải chịu trách nhiệm quản lý việc sử dụng và lưu giữ con dấu. Thực sự điều này đã gây ra những bất cập, phiền toái cho doanh nghiệp khi triển khai, áp dụng thực hiện Luật doanh nghiệp năm 2014.

Năm là, pháp luật về ĐKKD vẫn còn bất cập về giấy phép “con”

Hiện nay, khi doanh nghiệp gia nhập thị trường ngoài việc thỏa mãn các điều kiện do pháp luật quy định (chủ thể, vốn, ngành nghề kinh doanh), doanh nghiệp còn phải đáp ứng những yêu cầu xác nhận về thông tin ngành nghề kinh doanh, xác nhận thông tin về thuế. Trên thực tế, doanh nghiệp phải đi vào hoạt động rồi mới có xác nhận về thuế. Như vậy, để có được giấy phép kinh doanh thì doanh nghiệp phải có giấy xác nhận như đã nêu trên, thay vì doanh nghiệp chỉ có một Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Trên thực tế, khi doanh nghiệp thỏa mãn các tiêu chí để thành lập doanh nghiệp doanh nghiệp sẽ được cấp GCNĐKDN (thông thường GCNĐKDN có màu vàng). Tuy nhiên, để phù hợp với tình hình kinh doanh của doanh nghiệp, nhiều doanh nghiệp phải có những thay đổi so với thực thể đăng ký lúc ban đầu.

Do vậy, doanh nghiệp phải làm thủ tục chuyển đổi doanh nghiệp để đẩy mạnh việc phát triển kinh doanh, góp phần vào hoạt động tái cấu trúc nền kinh tế. Theo quy định của Luật doanh nghiệp, khi doanh nghiệp có nhu cầu thay đổi nội dung trong GCNKKD, doanh nghiệp vẫn phải làm các thủ tục tại cơ quan ĐKKD, ở đây mỗi một lần thay đổi doanh nghiệp lại được cấp một bản giấy màu trắng về nội dung thay đổi, bổ sung GCNĐKD. Điều này vô hình chung tạo cho doanh nghiệp mỗi một lần thay đổi, bổ sung GCNĐKD là một lần lưu giữ thêm một bản giấy trắng. Điều này hoàn toàn trái với tư tưởng của Luật doanh nghiệp 2014, hạn chế, bãi bỏ tình trạng giấy phép “con”, tạo nên các thủ tục gọn nhẹ, thì bây giờ doanh nghiệp lại phải lưu giữ thêm các giấy tờ, những giấy tờ này luôn đồng hành với nhau. Dù Chính phủ đã rất quyết liệt trong việc chỉ đạo ngăn chặn tình trạng giấy phép “con” nhưng các bộ ngành, địa phương lại rất sáng tạo trong việc có những quy định “riêng” ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền tự do kinh doanh của doanh nghiệp. Theo đánh giá của VCCI trong những năm qua, mỗi một doanh nghiệp phải cần 4,1,4 giấy phép kinh doanh các loại... 14,5 % doanh nghiệp đánh giá để có được những giấy phép này là quá khó cho doanh nghiệp. [48].

Ví dụ: phát hiện của Tổng cục thuế tại công văn số 2935 TC/MT ngày 12/08/2003 gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, ở thành phố HCM, có một cá nhân đã thành lập và ĐKKD tới 06 doanh nghiệp tư nhân tại thành phố HCM, Đồng Nai và Bình Dương, một cá nhân đăng ký thành lập một hộ kinh doanh cá thể và một DNTN.

Báo Tuổi Trẻ ngày 12/9/2003 cũng nêu hiện tượng một đối tượng có lệnh truy nã về tội lạm dụng tín nhiệm ở tỉnh Hải Dương đã thành lập được doanh nghiệp tư nhân ở Gia Lai. Hoặc hiện tượng tên doanh nghiệp gây nhầm lẫn hoặc trùng hoàn toàn ngày càng nhiều trên phạm vi cả nước. Toàn quốc có tám doanh nghiệp có tên “ Công ty TNHH Phương Đông”, sáu doanh nghiệp có tên “ DNTN Phương Đông”, mười hai doanh nghiệp có tên “ công ty TNHH Bình Minh” và tới 38 doanh nghiệp có từ “ Bình Minh” trong tên đã đăng ký v v...

Để đa dạng hóa ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh phù hợp xu hướng phát triển kinh tế, hội nhập kinh tế, Nhà nước cho phép doanh nghiệp được kinh doanh tất cả những lĩnh vực ngành nghề mà pháp luật không cấm, nhưng trong những năm qua, chủ

trương mở rộng quyền tự do kinh doanh lại bị chính những yếu tố về “giấy phép con” làm cản trở, gây khó khăn, vì lượng giấy phép con theo xu hướng càng ngày càng “hồi sinh” vì khi nào còn cơ chế “xin”- “cho” thì lúc đó vẫn còn những điều kiện kinh doanh bất hợp lý cho doanh nghiệp.

Để lý giải cho việc tồn tại nhiều giấy phép con, nhiều Bộ ngành, địa phương cho rằng đó là phục vụ cho công tác quản lý nhà nước, nhưng họ đâu có biết mỗi một điều kiện lại làm cho chi phí gia nhập thị trường tăng lên, sức cạnh tranh giảm, khả năng tiếp cận thị trường lâu hơn, khi tỷ lệ “giấy phép con” càng nhiều thì càng làm xuất hiện tình trạng tham nhũng, môi trường kinh doanh không thông thoáng sẽ làm giảm sức hút từ các nhà đầu tư nước ngoài. Do vậy, Chính phủ cần phải mạnh tay hơn nữa trong việc chỉ đạo hạn chế tình trạng “giấy phép con” để Luật doanh nghiệp 2014, Luật đầu tư 2014 thực sự là Luật của cộng đồng doanh nghiệp.

Từ thực tế trên, có thể rút ra một số nhận xét sau đây:

Thứ nhất, pháp luật về đăng ký kinh doanh trong thời gian qua đã thực sự *cởi trói* cho doanh nghiệp rất nhiều, Luật doanh nghiệp 2014, Nghị định 78/2015/NĐ-CP đã góp phần làm gia tăng số lượng doanh nghiệp đăng ký nhiều hơn và đạt gần đến mốc một triệu doanh nghiệp đến năm 2020.

Thứ hai, Tuy nhiên, số lượng các văn bản hướng dẫn thi hành (Nghị định, thông tư và quyết định của các bộ) thường lớn hơn rất nhiều so với các văn bản cần được hướng dẫn (các luật) gây cản trở không ít đến môi trường kinh doanh ở Việt Nam.

Thứ ba, pháp luật về đăng ký kinh doanh hiện nay còn nhiều ý kiến khác nhau trong việc quy định điều kiện kinh doanh, ngành nghề kinh doanh, con dấu của doanh nghiệp...những vấn đề này nên được làm rõ tại Nghị định hoặc cùng lắm là Thông tư để tránh tình trạng chồng chéo, không ít trường hợp, nội dung các văn bản hướng dẫn thi hành luật có khác biệt, không tương thích, thậm chí trái với nội dung tương ứng của luật; tạo ra sự không ổn định, không nhất quán, thậm chí mâu thuẫn về nội dung giữa luật và các văn bản hướng dẫn thi hành, giữa luật “trên giấy” và luật trong thực tế, tạo ra cơ chế “xin-cho” trong thực hiện chính sách, luật pháp, thiếu công bằng và bình đẳng trong sử dụng và áp dụng các chính sách, pháp luật đối với các nhà đầu tư, doanh nghiệp có liên quan, tình trạng hồi lộ và tham nhũng

xảy ra; tạo ra bất công, bất bình đẳng trong tiếp cận các cơ hội kinh doanh và các nguồn lực phát triển; làm sai lệch chuẩn mực giá trị và tín hiệu thị trường, v.v.

Thứ tư, nên có những cách thức hướng dẫn và tổ chức thực hiện luật doanh nghiệp 2014, Luật đầu tư 2014 một cách nhất quán tạo nên việc tuân thủ đúng quy định của pháp luật; và tránh việc hoạt động kinh doanh trở thành “phi chính thức”, là không phù hợp với luật pháp; làm gia tăng thêm rủi ro cho doanh nghiệp và nhà đầu tư trong hoạt động kinh doanh

KẾT LUẬN CHƯƠNG 3

Pháp luật về đăng ký kinh doanh ở Việt Nam lần đầu tiên được quy định bằng chế định riêng trong văn bản quy phạm pháp luật kể từ khi Quốc hội thông qua Luật Doanh nghiệp tư nhân và Luật Công ty vào năm 1990. Chế định này được phát triển với những tư duy đột phá trong xây dựng pháp luật về doanh nghiệp, góp phần mang lại một cuộc “cách mạng” về cải cách thủ tục hành chính trong việc thành lập và đăng ký kinh doanh ở Việt Nam với sự ra đời của Luật Doanh nghiệp năm 1999 và Luật Doanh nghiệp năm 2005 và đặc biệt là Luật Doanh nghiệp năm 2014 đã thể chế hóa các vấn đề mới phát sinh từ thực tiễn.

Pháp luật về đăng ký kinh doanh của Việt Nam đã được thể hiện khá toàn diện qua các quy định về điều kiện thành lập doanh nghiệp như quy định cụ thể về đối tượng thành lập doanh nghiệp; về vốn và tài sản; điều kiện về ngành nghề kinh doanh; về đặt tên cho doanh nghiệp và trụ sở chính của doanh nghiệp... Pháp luật về đăng ký kinh doanh cũng quy định cụ thể về trình tự và thủ tục đăng ký thành lập doanh nghiệp theo các bước cụ thể và ngày càng đổi mới nhằm tạo ra một môi trường kinh doanh thuận lợi hơn nữa cho doanh nghiệp.

Tuy nhiên, qua quá trình áp dụng và thực thi pháp luật trong thực tiễn cho thấy, bên cạnh những ưu điểm về cung cấp thông tin thủ tục thành lập doanh nghiệp; áp dụng cơ chế một cửa trong quá trình đăng ký kinh doanh, thì pháp luật về đăng ký kinh doanh ở Việt Nam vẫn còn nhiều vấn đề cần bàn luận và hoàn thiện. Luật Doanh nghiệp năm 2014 đã có những bước tiến mới, song việc hướng dẫn thi hành để bắt nhịp và đáp ứng yêu cầu cuộc sống là vấn đề thiết thực cấp bách, đòi hỏi phải có những phương hướng và giải pháp thiết thực.

CHƯƠNG 4

PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ ĐĂNG KÝ KINH DOANH Ở VIỆT NAM

4.1. Phương hướng hoàn thiện pháp luật về đăng ký kinh doanh ở Việt Nam trong điều kiện nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

4.1.1. Đảm bảo quyền tự do kinh doanh

Nhằm thực hiện tối đa hóa quyền tự do doanh theo tinh thần của Hiến pháp năm 2013. Pháp luật về ĐKKD phải hoàn thiện các quy định về quyền tự do kinh doanh theo hướng đảm bảo đúng theo Luật. Công dân chỉ không được phép kinh doanh những gì mà theo quy định của luật trong những trường hợp cần thiết, vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe cộng đồng. Trên cơ sở quy định những ngành nghề cấm kinh doanh, nhà nước đã có sự chỉ đạo chỉ có Quốc hội mới có quyền quy định về ngành nghề cấm kinh doanh. Chính phủ quy định ngành nghề kinh doanh có điều kiện. Sự quy định rõ ràng danh mục, lĩnh vực, ngành nghề cấm kinh doanh và kinh doanh có điều kiện sẽ giúp các chủ thể kinh doanh khi tiến hành hoạt động kinh doanh không bị bỏ ngỡ, và chỉ kinh doanh những gì mà pháp luật không cấm. Do đó, hoàn thiện pháp luật về quyền tự do kinh doanh cần phải được quy định theo hướng trong Luật, Nghị định, Thông tư về lĩnh vực, ngành, nghề, hàng hóa, dịch vụ cấm kinh doanh, kinh doanh có điều kiện và điều kiện kinh doanh một cách rõ ràng, cụ thể, dễ hiểu. Mặt khác, lấy yếu tố “*hiến định*” là trụ cột, trung tâm để cụ thể hóa, tránh tình trạng nhiều bộ ngành, địa phương đã ban hành những VBQQPL dưới luật làm hạn chế, thậm chí ngăn cản hoạt động đầu tư, kinh doanh của chủ thể kinh doanh.

Thực tế, trong những năm qua đã có nhiều Bộ ngành, địa phương đã không thực sự làm tốt việc đảm bảo quyền tự do kinh doanh của công dân như: “*Vụ việc một doanh nghiệp nuôi gián đất đã phải dừng hoạt động dù đã được địa phương cấp phép kinh doanh. Nguyên nhân do đây là động vật không thuộc danh mục vật nuôi được sản xuất, kinh doanh do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định*”[138]. Do đó, để đảm bảo quyền tự do kinh doanh, đòi hỏi các cơ quan quản lý nhà nước khi thực hiện hoạt động cấp phép kinh doanh một mặt phải tuân thủ

Hiến pháp và Luật doanh nghiệp nhưng đồng thời cũng phải tuân theo những văn bản dưới luật. Chính vì thế, các Bộ ngành, địa phương phải khi ban hành quy định về ngành nghề kinh doanh có điều kiện cũng cần lưu ý *“trong mỗi ngành, nghề kinh doanh lại có những văn bản hướng dẫn riêng”*. Do vậy, trước khi cấp phép cho ngành, nghề nào đó phải có tờ trình xin ý kiến của các ngành chuyên môn về lĩnh vực đó. Các cơ quan nên có sự phối kết hợp cùng nhau để thực hiện việc cấp phép có hiệu quả, tránh để xảy ra những hậu quả đáng tiếc gây thiệt hại về người và của cho các chủ thể kinh doanh.

Bác Hồ đã dạy chúng ta: *... việc gì có lợi cho dân phải hết sức làm, việc gì có hại cho dân phải hết sức tránh. Phải chú ý giải quyết hết các vấn đề quan hệ tới đời sống của dân, dầu khó đến đâu mặc lòng.*

Nhằm thực hiện quyền tự do kinh doanh, đòi hỏi nhà nước khi ban hành VBQPPL về hoạt động kinh doanh của người dân không thể bị hạn chế ngay từ các Nghị định của Chính phủ, Thông tư của Bộ, ngành hay Quyết định của Thủ tướng Chính phủ. Tránh để tình trạng, do nhận thức, trình độ năng lực yếu kém của cán bộ quản lý mà ảnh hưởng, giới hạn những quyền cơ bản của con người, của công dân đã được hiến định.

Việc sửa đổi bổ sung Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp năm 2005, có hiệu lực từ ngày 1/7/2015 là một trong những tiến bộ của VBQPPL trong hoạt động kinh doanh, nhưng cũng đòi hỏi khi đã có chủ trương thì sự thực thi làm sao có hiệu quả và đảm bảo đúng theo tinh thần của Hiến pháp và Luật là một thách thức không chỉ đối với cơ quan quản lý nhà nước và đối với mỗi chủ thể kinh doanh phải có ý thức thực hiện thật tốt. Điều này không chỉ giúp quy định của Hiến pháp năm 2013 được thi hành, mà còn giúp tạo môi trường kinh doanh thuận lợi hơn cho các cá nhân, tập thể và doanh nghiệp.

4.1.2.Đảm bảo môi trường kinh doanh lành mạnh và bình đẳng

Một môi trường kinh doanh lành mạnh, bình đẳng là môi trường mà ở đó mọi chủ trương, chính sách phải đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ, phù hợp với thực tế phát triển kinh tế của đất nước. Do đó, pháp luật về đăng ký kinh doanh trong môi trường này phải đáp ứng được các yêu cầu sau:

- Yêu cầu các chủ thể thực hiện hoạt động kinh doanh phải thực hiện nghiêm

chính Nghị quyết 19/NQ-CP năm 2016 giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia hai năm 2016-2017, định hướng đến năm 2020.

- Nâng cao vai trò nhận thức của các chủ thể tham gia hoạt động kinh doanh trong nền kinh tế thị trường. Đổi mới tư duy và nhận thức đòi hỏi phải xây dựng cơ sở lý luận, xác định đúng quan điểm, định hướng phát triển thể hiện trong các Nghị quyết của Đảng và Nhà nước. Từ đó giáo dục, đào tạo cho cán bộ, đảng viên về nhận thức mới, đối tượng chủ yếu là cán bộ lãnh đạo, quản lý doanh nghiệp và cán bộ nghiên cứu chính sách để đưa những tư duy mới làm cơ sở soạn thảo luật pháp và thể chế. Cuối cùng là giáo dục, truyền đạt rộng rãi cho nhân dân, tạo sự đồng thuận và nghiêm chỉnh thực thi của xã hội về thể chế mới.

- Hoàn thiện hệ thống pháp luật, tăng cường hiệu lực thực thi pháp luật

Để thu hút các chủ thể tham gia hoạt động kinh doanh đòi hỏi pháp luật về đăng ký kinh doanh phải phù hợp với sự phát triển của nền kinh tế thị trường cũng như phải phù hợp với luật lệ quốc tế, các hiệp định song phương và đa phương khắc phục các yếu tố phi thị trường cản trở việc thực thi luật pháp trong thực tế đòi hỏi Nhà nước phải luôn đảm bảo có văn bản hướng dẫn (Nghị định, Thông tư) một cách kịp thời và phù hợp, thống nhất.

Ngoài ra, nhà nước cần phải xây dựng cơ chế cụ thể thực thi luật pháp và thể chế trong thực tế cuộc sống như phổ biến, truyền đạt các nội dung và quy tắc của thể chế trong xã hội, triển khai sự vận động của luật lệ, thể chế trong hoạt động kinh tế; tổ chức theo dõi, giám sát việc thực thi thể chế trong thực tiễn; tổ chức hỗ trợ tư pháp cho người dân, cho doanh nghiệp tổ chức xử lý các vi phạm và tranh chấp trong thực tế.

- Cải cách thể chế hành chính

Hoàn thiện môi trường kinh doanh không thể không nhắc tới việc cải cách thể chế hành chính. Do đó, cần phải có một chương trình cải cách hành chính tổng thể cho đất nước, xác định rõ mục tiêu, nội dung, nhiệm vụ, mô hình hành chính cần đạt được; thời gian cần thiết để hoàn thành cải cách, lộ trình và giải pháp thực hiện. Từ chương trình cải cách tổng thể đó xác định nội dung, nhiệm vụ cải cách phải thực hiện cho từng giai đoạn, từng năm. Từ đó xây dựng và hoàn thiện thể chế hành

chính, ủy ban cải cách hành chính Nhà nước chịu trách nhiệm theo dõi, đôn đốc và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ đã đề ra trong chương trình, bảo đảm xây dựng thể chế thống nhất và nhất quán với mục tiêu và quan điểm cải cách, bảo đảm tiến độ theo lộ trình cải cách. Trong lộ trình cải cách hành chính thủ tục hành chính là bộ phận sức quan trọng của luật pháp và thể chế hành chính. Bản thân thủ tục hành chính cũng phải được thể chế hóa và đòi hỏi thực thi nghiêm minh.

- *Xây dựng cơ chế, chính sách bảo vệ các chủ thể tham gia khởi sự doanh nghiệp*

Môi trường kinh doanh của nhà nước ta hiện nay vẫn chưa đảm bảo sự phát triển ổn định, do đó đòi hỏi nhà nước cần phải xây dựng và hoàn thiện *pháp luật về sở hữu* nhằm thể chế hoá đồng lối phát triển kinh tế thị trường với nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế; tạo lập môi trường cạnh tranh lành mạnh, bình đẳng, phù hợp với các cam kết quốc tế và lộ trình đã công bố, thể hiện các nguyên tắc của WTO về đối xử quốc gia và tối huệ quốc; Xây dựng và hoàn thiện *pháp luật về hợp đồng* nhằm bảo đảm quyền tự do về hợp đồng và bảo đảm các thoả thuận trong hợp đồng phải được thực hiện nếu không trái pháp luật.; Cần tăng cường tính độc lập và năng lực của hệ thống tư pháp để đảm bảo nâng cao tính chuyên nghiệp, loại bỏ những rườm rà, phức tạp và tốn kém trong việc giải quyết các thủ tục tố tụng, bảo vệ quyền lợi chính đáng và hợp pháp cho tất cả các bên liên quan.

- *Đơn giản hoá và minh bạch hoá các thủ tục cấp phép (hiện nay nước ta xếp thứ 63/178 nước)*

Minh bạch hóa thủ tục cấp phép đăng ký kinh doanh góp phần tạo điều kiện thuận lợi cho chủ thể tham gia thị trường nên nhà nước cần phải thay đổi một cách căn bản nhận thức về vấn đề cấp phép theo nghĩa cấp phép là đăng ký để được hoạt động chứ không phải là cơ chế “xin cho”; Rà soát lại các quy định của hệ thống pháp luật liên quan đến vấn đề cấp phép, chỉnh sửa, bổ sung và hoàn thiện các quy định này theo hướng công khai, minh bạch, rõ ràng, cụ thể phù hợp với các cam kết quốc tế và điều kiện cụ thể của Việt Nam; Thực hiện một cách mạnh mẽ cải cách thủ tục hành chính, bãi bỏ các thủ tục, giấy tờ không thực sự cần thiết nhằm rút ngắn thời gian thành lập doanh nghiệp; Đẩy mạnh ứng dụng CNTT và TMDT trong hoạt động kinh doanh.

4.1.3.Đảm bảo tính phù hợp các cam kết từ điều ước quốc tế và các hiệp định thương mại song phương và đa phương

Trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế, tạo lập môi trường kinh doanh lành mạnh, bình đẳng giữa các nhà đầu tư trong và ngoài nước là một trong những yêu cầu hết sức cần thiết để phù hợp với các quy tắc chung của thế giới và các nước trong khu vực: Theo học giả Pranab Bardha: *“các nước đang phát triển phải chấp nhận các quy tắc chung dưới áp lực từ các nước giàu có”*. Trong thời gian qua Việt Nam đảm bảo ưu tiên thực hiện các cam kết trong các điều khoản quốc tế mà nhà nước đã ký kết hoặc gia nhập, thể hiện thái độ coi trọng các cam kết quốc tế, ưu tiên thực hiện tốt các quy định của điều ước quốc tế khi các quy định này khác với quy định của luật, pháp lệnh. Việc ưu tiên này là cần thiết để đảm bảo các điều ước quốc tế được thực hiện nghiêm chỉnh. Do đó, Việt Nam hiện nay đã và đang nỗ lực để cải tiến quy trình gia nhập thị trường cho doanh nghiệp dưới các hình thức rà soát lại toàn bộ quy trình, điều kiện, trình tự, thủ tục áp dụng để cho phù hợp với các thông lệ quốc tế, các điều ước quốc tế đa phương, song phương mà Việt Nam là thành viên hoặc tham gia ký kết.

Cụ thể: Theo Hiệp định song phương Việt Nam - Hoa kỳ (BTA): Việt Nam đã đẩy mạnh việc cải cách thủ tục ĐKDN theo hướng không sử dụng thủ tục hành chính, không áp dụng các rào cản cho các quan hệ thương mại quốc tế, đồng thời phải chuyển chế độ cấp phép sang chế độ ĐKKD trong giai đoạn từ 2 đến 9 năm kể từ khi Hiệp định có hiệu lực;

Bên cạnh Hiệp định BTA, các cam kết trong khuôn khổ WTO cũng thúc đẩy việc cải cách thành lập doanh nghiệp tại Việt Nam để cạnh tranh với các nước trong việc cải thiện môi trường đầu tư. Để thực hiện được các hoạt động đó, đòi hỏi Chính phủ Việt Nam phải thực hiện thật tốt các cam kết, đẩy nhanh việc hoàn thiện các chính sách, môi trường đầu tư, hệ thống pháp luật về kinh tế nói chung và doanh nghiệp nói riêng.

Vì là thành viên của tổ chức WTO nên cũng đòi hỏi Việt Nam phải rà soát lại hệ thống pháp luật để sao cho phù hợp, thống nhất với thông lệ quốc tế, đảm bảo với những yêu cầu của hội nhập WTO. Vì một trong những yêu cầu của tổ chức này là hệ thống pháp luật của các nước thành viên là thống nhất và minh bạch. Nếu Việt

Nam chưa thống nhất được Nếu Việt Nam chưa thống nhất được pháp luật để đảm bảo tốt hơn sự bình đẳng giữa các nhà đầu tư trong nước và nhà đầu tư nước ngoài có nghĩa là Việt Nam chưa thực hiện được nguyên tắc “đối xử quốc gia - NT”, nguyên tắc cơ bản của WTO. “Nguyên tắc này đảm bảo rằng những sản phẩm nước ngoài và đôi khi nhà cung cấp những sản phẩm đó được đối xử trong thị trường nội địa không kém thuận lợi hơn các sản phẩm nội địa hoặc các nhà cung cấp các sản phẩm đó. Đặc biệt là sự thống nhất về thủ tục gia nhập thị trường giữa doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài phải được hưởng các cơ chế và ưu đãi như nhau.

- Bên cạnh đó, Việt Nam còn thực hiện hiệp định cam kết về khu vực đầu tư ASEAN (AIA), nguyên tắc đối xử quốc gia (NT) và nguyên tắc đối xử tối huệ quốc (MFN) là những nguyên tắc cơ bản để điều chỉnh các quan hệ đầu tư. Do đó, đòi hỏi Việt Nam cũng như các nước thành viên khác phải tuân theo những quy định này, như vậy mới thực sự giúp Việt Nam trở thành môi trường đầu tư hấp dẫn không chỉ đối với các nước trong khu vực mà còn cả ở trên thế giới.

Có thể thấy, khi Việt Nam là một thành viên của WTO đã tạo thuận lợi cho nền kinh tế Việt Nam phát triển, hàng hóa của Việt Nam có mặt ở thị trường nước ngoài nhiều hơn, cơ hội cho các nhà đầu tư trong nước cũng như nước ngoài đến Việt Nam đầu tư nhiều hơn, trước yêu cầu đó, việc cải cách hệ thống pháp luật gia nhập thị trường cho doanh nghiệp là một yêu cầu tất yếu.

4.2. Một số giải pháp hoàn thiện pháp luật về đăng ký kinh doanh ở Việt Nam hiện nay

4.2.1. Hoàn thiện pháp luật về điều kiện đăng ký kinh doanh

4.2.1.1. Hoàn thiện pháp luật về chủ thể kinh doanh

Theo Khoản 1 Điều 18 Luật doanh nghiệp năm 2014: “*Tổ chức, cá nhân có quyền thành lập và quản lý doanh nghiệp tại Việt Nam theo quy định của Luật này, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này*”. Theo quy định của điều luật này thì chủ thể thực hiện hành vi kinh doanh được hiểu gồm 3 nhóm chủ thể: *Nhóm 1*: gồm những người có cả 3 quyền: thành lập, góp vốn, và quản lý doanh nghiệp; *Nhóm 2*: có 2 quyền: góp vốn và quản lý; *Nhóm 3*: chỉ có quyền góp vốn (không có quản lý).

Kể từ khi Hiến pháp Việt Nam ra đời đều đảm bảo quyền tự do kinh doanh

cho các chủ thể kinh doanh và Hiến pháp 2013 có sự kế thừa và quy định “Mọi người có quyền tự do kinh doanh trong những ngành nghề mà pháp luật không cấm”[59]. Như vậy, quyền tự do kinh doanh là quyền thành lập doanh nghiệp của người dân, pháp luật đăng ký kinh doanh nên đảm bảo và cụ thể hóa Hiến pháp để thực sự trở thành cơ sở pháp lý quan trọng đảm bảo cho công dân được hưởng đầy đủ quyền tự do kinh doanh. Do đó, Nhà nước cần phải xem xét lại sự quy định của nhóm 3 là hoàn toàn không hợp lý khi chủ thể đã góp vốn vào thành lập doanh nghiệp thì chủ thể đương nhiên có quyền quản lý để đảm bảo quyền lợi của mình trong việc giám sát đồng vốn mà họ đã bỏ ra.

Mặt khác, đăng ký kinh doanh là một thủ tục khai sinh nên một hình thức kinh doanh mới, nhằm tạo điều kiện cho các chủ thể tham gia hoạt động kinh doanh, mặt khác cũng đảm bảo quyền tự do kinh doanh. Để bảo đảm quản lý nhà nước trong hoạt động đăng ký kinh doanh, tránh tình trạng việc đăng ký kinh doanh không đúng theo quy định của pháp luật, Nhà nước cần quy định rõ trách nhiệm của các chủ thể khi có ý định khởi sự doanh nghiệp.

Pháp luật về đăng ký kinh doanh quy định về xử phạt vi phạm đăng ký kinh doanh bước đầu mới chỉ dừng lại ở xử lý vi phạm hành chính. Do đó, để chủ thể kinh doanh có ý thức chấp hành pháp luật nghiêm chỉnh, ngay từ khi có ý tưởng thành lập doanh nghiệp đã phải có ý thức tuân thủ pháp luật kinh doanh cái gì theo đúng pháp luật và chỉ được kinh doanh những gì mà pháp luật cho phép. Khi đến khâu chuẩn bị hồ sơ phải chịu trách nhiệm, toàn bộ thông tin ghi trong hồ sơ đăng ký kinh doanh phải gắn trách nhiệm của mình trong đó. Khi có thông tin cần phải thay đổi, bổ sung trong hồ sơ ĐKKD doanh nghiệp phải báo cáo kịp thời với cơ quan ĐKKD.

Nhằm tăng cường công tác quản lý trong việc ĐKKD, ở Việt Nam hiện nay thực hiện theo chủ trương tăng cường công tác “hậu kiểm”. Tuy nhiên, khi triển khai thực hiện chủ trương này nhiều địa phương cũng chưa thực sự làm tốt vẫn còn để tình trạng vi phạm pháp luật trong công tác ĐKKD diễn ra hàng năm. Do đó, để thực sự đảm bảo được quyền tự do kinh doanh của công dân, đồng thời thực hiện được công tác quản lý nhà nước trong việc ĐKKD đòi hỏi nhà nước cần phải có những chế tài siết mạnh tính chịu trách nhiệm của các chủ thể khi thực hiện

hoạt động ĐKKD. Bởi lẽ, việc kinh doanh ngoài việc thỏa mãn nhu cầu, ý chí của các chủ thể kinh doanh thì cũng cần phải yêu cầu các chủ thể thực thi tốt vấn đề đạo đức trong kinh doanh. Mà một trong những nguyên tắc của đạo đức kinh doanh đó là tính trung thực, tôn trọng con người. Cho nên, một chủ thể kinh doanh khi thực hiện hành vi kinh doanh cố tình lừa dối, dung mọi thủ đoạn, không trung thực trong việc chấp hành pháp luật thì cần phải loại bỏ không thể để những chủ thể như thế gia nhập thị trường.

4.2.1.2. Hoàn thiện pháp luật về ngành nghề kinh doanh cho doanh nghiệp

Hiện nay Luật Doanh nghiệp 2014 có hiệu lực thi hành ngày 1/7/2015 đã tạo một bước đột phá mới khi quy định nội dung trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sẽ không còn ngành nghề kinh doanh của doanh nghiệp. Tuy nhiên, khi tiến hành đăng ký doanh nghiệp, doanh nghiệp vẫn phải đăng ký ngành nghề dự kiến hoạt động. Theo đó, ngành nghề được thể hiện cụ thể trên giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp trong hồ sơ đăng ký thành lập[67]. Đồng thời, nếu doanh nghiệp thay đổi ngành nghề kinh doanh thì doanh nghiệp vẫn phải thực hiện thủ tục thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp. Như vậy, toàn bộ quy trình về đăng ký ngành nghề mới, cũng như thay đổi ngành nghề kinh doanh không ghi trong giấy phép đăng ký kinh doanh mà được tập hợp lưu thông tin tại Cổng thông tin quốc gia vẫn giúp nhà nước trong hoạt động quản lý doanh nghiệp, sự giám sát của xã hội đối với doanh nghiệp. Tuy nhiên, để giúp doanh nghiệp thuận lợi hơn trong việc đăng ký mã ngành kinh doanh, đòi hỏi nhà nước cần phải đảm bảo các yêu cầu sau: (i) Việc quy định mã ngành cần phải được quy định rõ ràng, cụ thể, chi tiết, tạo điều kiện cho chủ thể kinh doanh dễ dàng áp dụng; đặc biệt các ngành kinh doanh cấp bốn phải được cụ thể hóa, bao quát hết các ngành kinh doanh hiện nay. Hầu hết các doanh nghiệp khi đăng ký kinh doanh không phải chỉ có đăng ký duy nhất một ngành nghề kinh doanh, mà đăng ký hầu như rất nhiều ngành nghề cùng một lúc. Do vậy, việc quy định cấp nhiều mã ngành cùng một lúc cho doanh nghiệp thì phải đặt vấn đề có cơ chế theo dõi, doanh nghiệp thực hiện kinh doanh hết tất cả các ngành nghề đó không, để tránh việc doanh nghiệp không kinh doanh mà cứ đăng ký thì cũng chẳng sao. Câu chữ trong mã ngành cần phải cụ thể, rõ ràng, đơn nghĩa cấu trúc để tạo điều kiện cho các chủ thể kinh doanh dễ áp dụng cũng như cho

chính các cán bộ làm công tác đăng ký kinh doanh, tránh việc họ áp dụng sai, làm sai ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh cho các chủ thể kinh doanh.

Tăng cường công tác hỗ trợ chủ thể doanh nghiệp khi áp dụng mã ngành. Vì đôi khi không phải ngành nghề nào chủ thể kinh doanh cũng tìm được mã ngành luôn mà nhiều khi việc kinh doanh xuất phát từ nhu cầu phát triển của thị trường có khi có những ngành kinh doanh mới mà chưa có mã ngành thì đòi hỏi phải có sự hỗ trợ của các cán bộ làm công tác đăng ký kinh doanh để giúp chủ thể kinh doanh được khởi sự doanh nghiệp sớm. Để tạo điều kiện cho doanh nghiệp tham gia hoạt động kinh doanh, cũng như đảm bảo quyền tự do kinh doanh của công dân, Nhà nước nên xem xét có nên áp dụng, duy trì việc áp dụng mã ngành kinh doanh cho doanh nghiệp như hiện nay không?

Ngoài ra, đối với lĩnh vực ngành nghề bị cấm kinh doanh nên quy định ở một nguồn văn bản pháp luật nhất định, tránh để tình trạng ban hành ở nhiều quy định khác nhau, gây khó khăn cho doanh nghiệp trong việc tìm hiểu, tiếp cận, vì nếu nhà đầu tư nước ngoài thì cũng chịu sự điều chỉnh của Luật doanh nghiệp. Do đó, nhà nước nên quy định danh mục ngành nghề bị cấm kinh doanh ở ngay Nghị định hướng dẫn thực hiện Luật doanh nghiệp. Cụ thể đó là chỉnh sửa bổ sung Nghị định 96/2015/NĐ-CP. Sự quy định này đảm bảo tính thống nhất, minh bạch của hệ thống pháp luật Việt Nam.

4.2.1.3. Hoàn thiện pháp luật về trụ sở kinh doanh của doanh nghiệp

Pháp luật về doanh nghiệp quy định, để được cấp Giấy chứng nhận ĐKKD, doanh nghiệp phải có trụ sở chính trên lãnh thổ Việt Nam, với địa chỉ rõ ràng ghi rõ các thông tin cụ thể theo địa chỉ đó. Điều này thực sự gây khó khăn, trở ngại cho các nhà đầu tư, bởi lẽ thủ tục hành chính trong lĩnh vực địa chính của nhà nước ta hiện nay còn nhiều bất cập, để có được bất động sản làm trụ sở chính của doanh nghiệp, nhà đầu tư phải làm thủ tục xin UBND nơi có bất động sản xác nhận để làm trụ sở chính của doanh nghiệp, sau đó có sự xác nhận này là điều kiện để doanh nghiệp được cấp Giấy CNĐKKD.

Hiện nay, chủ trương của nhà nước ta đang tăng cường tính chủ động cho doanh nghiệp thông qua hình thức "hậu kiểm", vậy tại sao không để khi doanh nghiệp hoạt động phải nộp thuế, cơ quan thuế sẽ xác minh xem có đúng doanh

nghiệp hoạt động tại nơi đó hay không? Mà phải yêu cầu doanh nghiệp hoàn thiện thủ tục xác nhận trụ sở chính ngay từ ban đầu, điều này lại làm cản trở thủ tục gia nhập thị trường của doanh nghiệp.

Ngoài ra, Luật doanh nghiệp 2014 ghi rõ: "Trụ sở chính của doanh nghiệp là địa điểm liên lạc, giao dịch của doanh nghiệp; phải ở trên lãnh thổ Việt Nam, có địa chỉ được xác định gồm số nhà, tên phố (ngõ phố) hoặc tên xã, phường, thị trấn, huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; số điện thoại, số fax và thư điện tử (nếu có)."

Tuy nhiên nếu doanh nghiệp muốn tiết kiệm chi phí, sử dụng nhà chung cư đang sở hữu để làm trụ sở của doanh nghiệp thì vướng phải quy định của Luật Nhà ở, Nghị định số 71/2010/NĐ-CP ngày 23/6/2010 của Chính phủ, Thông tư 16/2010/TT-BXD ngày 1/9/2010 và Quy chế về quản lý sử dụng nhà chung cư ban hành kèm theo Quyết định số 08/2008/QĐ-BXD ngày 28/5/2008 của Bộ Xây dựng. Theo quy định tại khoản 1, Điều 70, Luật Nhà ở, thì nhà chung cư là nhà ở có từ hai tầng trở lên. Tức là, các căn hộ chung cư chỉ sử dụng để ở, không sử dụng vào mục đích khác.

Mặt khác, Luật Kinh doanh bất động sản quy định nghĩa vụ bên mua nhà "sử dụng nhà, công trình xây dựng đúng công năng thiết kế". Luật Xây dựng quy định "nội dung thiết kế xây dựng công trình phải phù hợp, thỏa mãn với yêu cầu về chức năng sử dụng". Nhà chung cư được thiết kế theo mục đích sử dụng với các tiêu chuẩn về tải trọng, cấp điện, thang máy, nơi thoát nạn, phòng cháy, chữa cháy... phù hợp với nhà ở. Nếu sử dụng sai mục đích sẽ không đảm bảo các điều kiện an toàn...Do đó, tác giả thiết nghĩ trong nền kinh tế thị trường mục đích đảm bảo quyền tự do kinh doanh thì việc nhà đầu tư muốn tiết kiệm chi phí, sử dụng nhà chung cư làm trụ sở chính cho doanh nghiệp cũng là điều hợp lý.

4.2.2. Hoàn thiện các quy định về trình tự, thủ tục đăng ký kinh doanh

Thủ tục đăng ký kinh doanh là thủ tục khai sinh ra doanh nghiệp, tạo cho doanh nghiệp một địa vị pháp lý nhất định. Hiện nay, trong bối cảnh kinh tế thị trường, việc cải cách hoàn thiện thủ tục đăng ký kinh doanh là một yêu cầu rất cần thiết và phải giải quyết một cách kịp thời.

4.2.2.1. Đăng ký kinh doanh là một thủ tục bắt buộc

Đăng ký kinh doanh là một công cụ quản lý kinh tế vĩ mô của nhà nước, đồng thời là một công cụ để thực hiện quyền tự do kinh doanh của công dân. Thủ tục ĐKKD là một dạng hoạt động của thủ tục hành chính, cơ quan ĐKKD xem xét tính hợp lệ của hồ sơ rồi cấp phép ĐKDN cho chủ thể ĐKKD.

Việc quy định ĐKKD là một thủ tục bắt buộc. Bởi vì, ĐKKD cũng như các thủ tục hành chính khác bắt buộc phải được thực hiện tại cơ quan ĐKKD, khác với những vấn đề đăng ký khác, các chủ thể có thể tiến hành tại nhiều nơi khác nhau, nhưng thủ tục ĐKKD chỉ được thực hiện tại cơ quan ĐKKD với sự quy định về trình tự thời gian, không gian và thẩm quyền của cơ quan ĐKKD trong việc giải quyết các công việc ĐKKD và thực hiện nghĩa vụ hành chính đối với các chủ thể ĐKKD.

Cơ quan ĐKKD và chủ thể ĐKKD là hai chủ thể bắt buộc trong hoạt động ĐKKD. Cơ quan ĐKKD là chủ thể bắt buộc nhân danh nhà nước để xem xét tính hợp lệ của hồ sơ ĐKKD còn chủ thể ĐKKD có thể là tổ chức hoặc cá nhân thực thi quyền tự do kinh doanh.

Toàn bộ quy trình ĐKKD phải được áp dụng thực hiện theo đúng quy định của pháp luật được điều chỉnh bởi quy phạm Luật doanh nghiệp, Luật đầu tư. Do đó, toàn bộ quy trình cấp phép ĐKKD phải được thực hiện theo một trình tự nhất định với sự quy định rõ ràng, chặt chẽ, tạo nên một khuôn mẫu chính xác để các chủ thể căn cứ vào đó thực hiện mà không thể tạo nên sự sai lệch, bóp méo trong quá trình thực thi. Mọi vướng mắc trong quá trình thực thi đều phải xử lý ngay, kịp thời để đảm bảo quyền tự do kinh doanh của người dân.

Thông qua cơ chế đăng ký công nhận quyền kinh doanh của công dân, thực hiện một cơ chế quản lý mới của nhà nước. Do vậy, bất kỳ chủ thể nào có nhu cầu thành lập thì đều phải thực hiện công tác đăng ký kinh doanh. Thông qua việc đăng ký kinh doanh để doanh nghiệp xác lập địa vị pháp lý cho doanh nghiệp của mình, đảm bảo được quyền, nghĩa vụ. Đồng thời, qua việc yêu cầu đăng ký kinh doanh là một thủ tục bắt buộc để nhà nước thừa nhận địa vị pháp lý cho một nhà đầu tư, nắm bắt được một cách đầy đủ và có hệ thống các thông tin về số lượng doanh nghiệp, các loại hình doanh nghiệp, về ngành nghề kinh doanh, về số vốn đầu tư, về tình

hình tài chính và tình hình sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp, biết được địa bàn nào, ngành nghề nào được đầu tư nhiều, địa bàn nào, ngành nghề nào được đầu tư ít ... những thông tin này là những căn cứ rất cần thiết giúp cho cơ quan nhà nước có thêm cơ sở thực tiễn để đề ra các chính sách quản lý kinh tế cho phù hợp.

Để khai sinh ra một doanh nghiệp, không chỉ để doanh nghiệp đó thực hiện chỉ duy nhất một mục tiêu mà bên cạnh đó doanh nghiệp phải thực hiện cả vai trò xã hội của mình, xác định chức năng, nghĩa vụ kinh doanh ngay từ khi làm thủ tục ĐKKD. Do đó, Luật doanh nghiệp năm 2014 đã quy định tại Điều 10 về doanh nghiệp xã hội. Điều này có nghĩa cho dù mục tiêu khi khởi sự hoạt động kinh doanh thì tất cả các loại hình tổ chức kinh doanh như công ty nhà nước, công ty có vốn đầu tư nước ngoài, doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh, hợp tác xã và hộ kinh doanh cá thể... đều phải được đăng ký kinh doanh tại một cơ quan thống nhất, theo một thủ tục đơn giản nhất để thực hiện các hoạt động kinh doanh.

Việc quy định ĐKKD là một thủ tục bắt buộc là một điều hết sức cần thiết không chỉ giúp nhà nước quản lý trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp mà qua đó, gạt ngay những chủ thể có ý định thành lập doanh nghiệp không chấp hành nghiêm túc, từ đó không thể tránh được việc có những hành vi vi phạm đạo đức trong trong kinh doanh. Một doanh nghiệp chỉ có thể tồn tại và phát triển bền vững, để thương hiệu mãi trong lòng đối tác, người tiêu dùng khi và chỉ khi chủ thể kinh doanh phải có ý thức chấp hành nghiêm chỉnh những quy định của pháp luật ngay từ đầu tham gia thành lập.

4.2.2.2. Hoàn thiện công tác công khai, minh bạch hóa thông tin về thủ tục đăng ký kinh doanh

Để giúp người dự định thành lập doanh nghiệp dễ dàng tiếp cận trong việc nắm bắt được các quy định pháp luật về ĐKKD, các quốc gia đều phải thực hiện quy trình công khai hóa thông tin. Bởi việc công khai hóa thông tin để chủ thể kinh doanh dễ dàng theo dõi, thực hiện và chấp hành.

Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2005 (được sửa đổi, bổ sung năm 2007 và 2010) đưa ra khái niệm: “*Công khai là việc cơ quan, tổ chức, đơn vị công bố, cung cấp thông tin chính thức về văn bản, hoạt động hoặc về nội dung nhất định*”

(Điều 2, khoản 2). Như vậy, Trong hoạt động quản lý của mình, khi thực hiện chức năng hành pháp, cơ quan quản lý hành chính nhà nước cần phải công khai mọi hoạt động của nhà nước hoặc được công bố, phổ biến, truyền tải trên các phương tiện thông tin đại chúng, làm cho mọi người dân có thể tiếp cận được các quyết định của nhà nước một cách dễ dàng; nhằm tránh việc gây rắc rối, có phần khuất tất. Thủ tục ĐKKD càng được minh bạch, công khai thì càng làm cho người dân cảm thấy hài lòng, mạnh dạn trong công tác làm giàu, tin tưởng vào đường lối, chính sách kinh tế của Đảng và Nhà nước, hay họ cũng có thể theo dõi trực tiếp được những quy trình cán bộ ĐKKD làm có đúng theo quy định của pháp luật không, hay lại có những “*yếu sách*” những nhiễu nhương, làm ảnh hưởng đến quy trình tham gia khởi sự doanh nghiệp. Công khai thì phải gắn liền với minh bạch, tránh việc có công khai nhưng chỉ để công khai mà thôi, còn mức độ, sự chính xác chỉ được phần nào thì không được điều này sẽ đi ngược lại với bản chất của nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân. Mặt khác, có thể thấy quyền được tiếp cận thông tin đó cũng là một trong những quyền của con người được khẳng định tại Điều 25 của Hiến pháp năm 2013: “*Công dân có quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, tiếp cận thông tin, hội họp, lập hội, biểu tình. Việc thực hiện các quyền này do pháp luật quy định*”. Do đó, pháp luật về ĐKKD không thể không đảm bảo nguyên tắc này nhằm xây dựng môi trường kinh doanh minh bạch. Đồng thời, để đảm bảo quy trình cải cách thủ tục hành chính hiện nay nhà nước đang xây dựng chương trình “*Hệ thống thông tin quốc gia*” về thủ tục hành chính nhà nước và hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước, để người dân dễ dàng truy cập, cập nhật thông tin và được sử dụng miễn phí, tiết kiệm thời gian và chi phí, giảm phiền hà.

Đối với quy trình đăng ký kinh doanh, pháp luật về ĐKKD hiện nay đã có sự quy định về quy trình, thủ tục thành lập doanh nghiệp với những điều khoản được quy định trong Luật và các văn bản dưới luật quy định về Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (Hệ thống TTQGVĐKDN); Đây được coi là bước đột phá về sự minh bạch hóa, công khai hóa toàn bộ quy trình về ĐKKD. Hiện nay, các dịch vụ công cơ bản trên Cổng thông tin bao gồm đăng ký doanh nghiệp qua mạng

điện tử; dịch vụ khai thác thông tin đăng ký doanh nghiệp và công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp. Với một kênh thông tin trên Cổng Hệ thống TTQGVĐKDN, toàn bộ thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp sẽ là kênh thông tin chính thức cung cấp, công bố thông tin về hồ sơ, biểu mẫu, công khai danh mục ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh; danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện...cho doanh nghiệp dễ dàng tiếp cận và chuẩn bị. Điều này góp phần làm minh bạch hóa môi trường kinh doanh, tạo sự an toàn, tin cậy cho các doanh nghiệp trong quá trình hoạt động.

Việc công khai, minh bạch hóa thông tin về đăng ký doanh nghiệp sẽ giúp tăng cường vai trò giám sát của xã hội đối với doanh nghiệp, thúc đẩy sự tuân thủ pháp luật của doanh nghiệp cũng như đơn giản hóa thủ tục hành chính đối với doanh nghiệp đồng thời huy động được các nguồn lực cùng tham gia vào phát triển kinh tế thị trường. Do đó, để doanh nghiệp dễ dàng trong công tác thực thi ĐKKD nhà nước cần ban hành quy định bổ sung quy định pháp lý về công khai hóa, minh bạch hóa thông tin đăng ký doanh nghiệp trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.

Việc công khai các thông tin trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sau khi doanh nghiệp đăng ký thành lập là hết sức cần thiết, tạo cơ sở cho các chủ thể có liên quan đến doanh nghiệp tham gia vào quá trình giám sát hoạt động của doanh nghiệp, đồng thời thúc đẩy sự tuân thủ pháp luật của doanh nghiệp. Bên cạnh đó, việc công khai các thông tin đăng ký doanh nghiệp cần được thực hiện tập trung tại Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia, một cấu phần của Hệ thống thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia, nhằm xây dựng một cơ sở dữ liệu đầy đủ, chính xác và thống nhất các thông tin về doanh nghiệp, đảm bảo khả năng làm đầu mối cung cấp thông tin pháp lý về đăng ký doanh nghiệp của Hệ thống thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia nêu tại Quyết định số 419/QĐ-TTg ngày 11/4/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án đổi mới quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp sau đăng ký thành lập.

4.2.2.4. Hoàn thiện quy định pháp luật về kiểm soát Nhà nước đối với hoạt động cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

Để thực hiện quản lý nhà nước trong hoạt động kinh doanh, ngay từ khi doanh nghiệp muốn gia nhập thị trường, nhà nước phải kiểm soát doanh nghiệp

bằng cách cấp cho doanh nghiệp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Một doanh nghiệp khi muốn tham gia thương trường khi và chỉ khi phải có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Theo khoản 12 Điều 14: *“Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là văn bản hoặc bản điện tử mà Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp cho doanh nghiệp ghi lại những thông tin về đăng ký doanh nghiệp.”* Đó là những thông tin để chứng nhận của cơ quan nhà nước về sự ra đời của một chủ thể kinh doanh, họ sẽ được phép kinh doanh những gì trên cơ sở giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp ghi. Do vậy đòi hỏi pháp luật quy định về giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp phải đáp ứng được các yêu cầu sau:

- Toàn bộ nội dung hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp phải được ghi rõ trong giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

- Pháp luật quy định về quy trình thành lập doanh nghiệp luôn đảm bảo sự thống nhất về không gian và thời gian, để tạo điều kiện cho các chủ thể kinh doanh chuẩn bị các điều kiện đảm bảo theo quy định trong hồ sơ để được cấp giấy chứng nhận ĐKDN.

- Sự đảm bảo của nhà nước khi cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là điều kiện tiên quyết khi doanh nghiệp được cấp giấy phép đăng ký kinh doanh.

- Pháp luật nên quy định mốc thời gian kinh doanh đối với một số ngành nghề đặc biệt để giúp nhà nước thực hiện tốt hơn trong công tác quản lý hoạt động kinh doanh.

- Kinh doanh luôn luôn là nhu cầu chính đáng của sự khát khao làm giàu. Do vậy, đòi hỏi nhà nước luôn phải quan tâm và tạo điều kiện hết sức cho doanh nghiệp khi chuẩn bị hồ sơ xin phép thành lập doanh nghiệp để được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Để hoạt động đăng ký kinh doanh thực chất là sự kiểm soát của Nhà nước đối với các chủ thể thông qua việc cấp giấy phép đăng ký kinh doanh. Do vậy, việc thành lập doanh nghiệp đòi hỏi nhà nước cần có cơ chế giảm tải các thủ tục không cần thiết, tránh gây phiền hà, yếu sách không cần thiết làm mất công sức, thời gian, chi phí, ảnh hưởng đến hoạt động đăng ký kinh doanh cần phải được loại bỏ, cần phải có sự cải thiện môi trường kinh doanh theo hướng càng đơn giản, thông thoáng theo hướng không phải xin phép thành lập mà là được thành lập.

4.2.2.5. Hoàn thiện quy định quản lý nhà nước về đăng ký kinh doanh từ “tiền kiểm” sang “hậu kiểm”

Một doanh nghiệp khi hoạt động trên thương trường, không thể không có sự kiểm soát của nhà nước. Tuy nhiên sự kiểm soát như thế nào cho có hiệu quả, một mặt vẫn đảm bảo quyền tự do kinh doanh cho doanh nghiệp mặt khác, vẫn đảm bảo sự quản lý của nhà nước đối với hoạt động ĐKKD. Pháp luật về ĐKKD cần hướng tới sự quản lý từ khâu “tiền kiểm” sang khâu “hậu kiểm”. Bởi lẽ, đây là hoạt động nâng cao sự quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp sau khi đã đăng ký thành lập, đồng thời nâng cao trách nhiệm của các cơ quan nhà nước quản lý doanh nghiệp theo từng lĩnh vực hoạt động, kinh doanh của doanh nghiệp; mỗi cơ quan sẽ chịu trách nhiệm quản lý hoạt động của doanh nghiệp trong từng lĩnh vực chuyên ngành tương ứng. Chú trọng ban hành quy phạm pháp luật cho người dân trong xã hội có quyền tham gia giám sát doanh nghiệp từ khi thành lập cho tới khi kết thúc hoạt động kinh doanh. Hiện nay, một mô hình “hậu kiểm” là mô hình mà ở đó bao gồm bảy thành tố: kiểm tra giám sát nội bộ doanh nghiệp; kiểm tra giám sát của chủ nợ; kiểm tra của Hiệp hội người tiêu dùng; kiểm tra của đối thủ cạnh tranh; kiểm tra của các hội nghề nghiệp; kiểm tra giám sát của xã hội và công luận và cuối cùng mới là kiểm tra giám sát của Nhà nước.

Đồng thời, ban hành quy định pháp luật về tăng cường trách nhiệm và vai trò xã hội của doanh nghiệp; bổ sung quy định về yêu cầu công bố thông tin doanh nghiệp để người dân dễ dàng trong việc theo dõi hoạt động của doanh nghiệp; đẩy mạnh hoạt động phối kết hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước trong hoạt động trao đổi, cung cấp thông tin doanh nghiệp để làm công cụ quản lý, giám sát hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp; đảm bảo duy trì Hệ thống thông tin quốc gia là đầu mối duy nhất về việc cung cấp thông tin doanh nghiệp, tránh tình trạng có nhiều đầu mối cung cấp dẫn đến tình trạng xáo trộn thông tin, loạn thông tin, người dân khó trong việc tiếp cận; ban hành quy phạm về trách nhiệm pháp lý của các chủ thể tham gia hoạt động kinh doanh kể từ khi được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Đồng thời, cần bổ sung quy định để bảo vệ cán bộ làm công tác đăng ký kinh doanh khi thực hiện nguyên tắc chuyển từ “tiền kiểm” sang “hậu kiểm”, góp phần đảm bảo pháp luật được thực thi nghiêm minh trên thực tế.

4.2.3. Nâng cao năng lực của cơ quan đăng ký kinh doanh

Cơ quan đăng ký kinh doanh có vị trí rất quan trọng trong việc giải quyết thủ tục đăng ký kinh doanh, thay mặt cho nhà nước để triển khai thực thi những quy định của pháp luật. Hiện nay, Luật doanh nghiệp năm 2014 đã đi vào cuộc sống, việc áp dụng thủ tục đăng ký kinh doanh theo luật mới đối với các chủ thể kinh doanh còn nhiều trở ngại. Do đó, pháp luật về ĐKKD quy định về cơ quan đăng ký kinh doanh gồm các nội dung sau:

4.2.3.1. Ban hành quy chế ứng xử, tác phong làm việc cho các cán bộ phòng đăng ký kinh doanh

Mặc dù, Nhà nước đã ban hành Luật Cán bộ công chức, nhưng để tạo điều kiện cho doanh nghiệp khi đăng ký kinh doanh, nâng cao vai trò, trách nhiệm của cán bộ công chức ở mỗi địa điểm đăng ký kinh doanh cần phải cụ thể hóa quy chế, tác phong làm việc của cán bộ làm nghiệp vụ đăng ký kinh doanh.

4.2. 3.2. Giảm tải cho cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh

Cơ quan đăng ký kinh doanh là cơ quan hành chính công. Hiện nay được phân thành hai cấp tỉnh và cấp huyện. Ở cấp tỉnh: Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư (sau đây gọi chung là Phòng Đăng ký kinh doanh cấp tỉnh). Ở cấp huyện: Phòng Đăng ký kinh doanh tại các quận, huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh có số lượng hộ kinh doanh và hợp tác xã đăng ký thành lập mới hàng năm trung bình từ 500 trở lên trong hai năm gần nhất.

Tuy nhiên, trên thực tế hoạt động thẩm quyền của cấp tỉnh, đặc biệt là ở các thành phố lớn khối lượng công việc rất nhiều như tại TP.HCM, nơi tiếp nhận 650 hồ sơ/ngày, mỗi cán bộ chỉ có khoảng 32 giây để nhập một hồ sơ. Trong khi đó, số lượng cán bộ làm công tác ĐKKD ở 64 tỉnh, thành phố hiện có trên 300 người kể cả 27 phó giám đốc sở kế hoạch và đầu tư kiêm trưởng phòng ĐKKD, bình quân một phòng ĐKKD cấp tỉnh có 5 cán bộ, kể cả lãnh đạo trung bình một cán bộ ĐKKD phải theo dõi 600 hồ sơ doanh nghiệp. Ngoài ra, để đăng ký hơn 2,5 triệu hộ kinh doanh cá thể và các hợp tác xã thuộc thẩm quyền đăng ký của UBND cấp huyện, cả nước có gần 600 cán bộ không chuyên làm nhiệm vụ ĐKKD ở cấp huyện, trung bình một cán bộ ĐKKD phải theo dõi 4000 hồ sơ hộ kinh doanh cá thể. Do vậy, nhà nước cần phải xem xét lại toàn bộ quy trình, từ khâu tiếp nhận hồ sơ, phân công, thụ

lý đến khâu ra quyết định để có thể phân cấp quản lý theo hướng hợp lý, giảm tải và đáp ứng được nhu cầu cho các thành phố lớn như Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh, mặt khác phân bổ công việc đồng đều cho phòng đăng ký kinh doanh cấp huyện. Vì hiện nay, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện mới chỉ giải quyết việc đăng ký kinh doanh cho hộ gia đình và hợp tác xã thì cần phải xem xét và giải quyết thêm thẩm quyền để tránh việc ách tắc hồ sơ trên cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh.

4.2.3.3. Kiện toàn chức năng nhiệm vụ cơ quan đăng ký kinh doanh

Cần phải hệ thống hóa và chuyên nghiệp hóa các cơ quan đăng ký kinh doanh, đáp ứng được nhu cầu vật chất và nguồn nhân lực cho hệ thống các cơ quan đăng ký kinh doanh. Kiện toàn lại chức năng nhiệm vụ của hệ thống các cơ quan đăng ký kinh doanh để tăng cường công tác hậu kiểm trong đăng ký kinh doanh. Tránh hiện tượng nhiều doanh nghiệp có được giấy phép đăng ký kinh doanh, nhưng trên thực tế lại không hoạt động hoặc hoạt động không đúng theo giấy phép hoặc sai với Luật doanh nghiệp. Ở cấp Trung ương (Bộ Kế hoạch và Đầu tư) đã hình thành Cục Đăng ký kinh doanh, nhưng đây mới chỉ là cơ quan quản lý nhà nước trong hoạt động đăng ký kinh doanh chứ chưa phải là cơ quan đăng ký kinh doanh. Do vậy, cần sớm thành lập một cơ quan đăng ký kinh doanh ở cấp Trung ương để coi đó là cơ quan đi đầu trong việc chuyên nghiệp hoá, vững chắc về chuyên môn nghiệp vụ xác định đó là cơ quan cấp trên đi đầu trong công tác chỉ đạo trở thành “trung tâm” kết nối của việc đăng ký kinh doanh,

4.2.3.4. Tăng cường sự phối kết hợp giữa cơ quan thuế và cơ quan đăng ký kinh doanh

Sự phối kết hợp giữa cơ quan thuế và cơ quan đăng ký kinh doanh là một trong những yêu cầu của quá trình cải cách thủ tục hành chính trong lĩnh vực đăng ký kinh doanh nhằm nâng cao sự minh bạch, giảm thiểu chi phí không cần thiết cho doanh nghiệp, tạo được niềm tin cho các cá nhân, doanh nghiệp khi tham gia, gia nhập thị trường. Do vậy, đòi hỏi hai cơ quan cần phải triển khai thực hiện một số các yêu cầu như: Phối hợp thực hiện nghiêm chỉnh những quy định pháp luật về đăng ký kinh doanh; mỗi cơ quan cần ban hành các văn bản thông tư liên tịch để có sự phối kết hợp cùng nhau trong việc trao đổi thông tin về doanh nghiệp; các thông tin trao đổi giữa hai cơ quan phải được cập nhật thường xuyên, liên tục, kịp thời

và đầy đủ để đáp ứng nhu cầu cấp đăng ký doanh nghiệp và quản lý thuế. Ngoài ra, hai cơ quan cũng cần phải có sự phối kết hợp chặt chẽ giải quyết kịp thời các vướng mắc và đáp ứng cơ bản về yêu cầu công việc được thực hiện qua nhiều kênh như: văn bản, điện thoại, thư điện tử... Bên cạnh việc phối hợp trong công tác cấp đăng ký doanh nghiệp và xử lý các lỗi giao dịch, việc xây dựng và hoàn thiện cơ sở dữ liệu doanh nghiệp và đăng ký thuế cũng được hai cơ quan phối hợp triển khai một cách đồng bộ, qua đó cho phép doanh nghiệp tự kiểm tra thông tin của mình hiện đang có trong Hệ thống Thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia và Hệ thống Thuế[115]. Hai bên thường xuyên có sự kiểm tra, duy trì, bảo hành định kỳ hệ thống thiết bị một cách kịp thời tránh để thiết bị ngắt quãng do lỗi không nhận dữ liệu hay bị dừng đường truyền; sự phối kết hợp giữa hai cơ quan cần phải được triển khai một cách đồng bộ trên toàn quốc, thường xuyên có sự trao đổi, hợp tác và tìm giải pháp khắc phục các tồn tại trong thời gian qua, bàn bạc, trao đổi, đưa ra các giải pháp như: đường truyền dự phòng, triển khai cấp mã số thuế ngoài hệ thống trong trường hợp lỗi hệ thống chưa khắc phục ngay được gây ảnh hưởng đến việc trả kết quả cho doanh nghiệp. Thường xuyên mở các hội thảo hai ngành từ trung ương đến địa phương để các Cục Thuế và Sở Kế hoạch và Đầu tư các tỉnh có cơ hội trao đổi, thảo luận và chia sẻ kinh nghiệm và tìm các giải pháp khắc phục khó khăn và mở rộng quan hệ hai ngành.

4.2.3.5. Đào tạo nguồn nhân lực cho cán bộ làm công tác đăng ký kinh doanh

Xây dựng hệ thống cán bộ đăng ký kinh doanh chắc về nghiệp vụ, vững về chuyên môn đồng đều ở các cấp; triển khai quán triệt cụ thể, đầy đủ và thống nhất các quy định về đăng ký kinh doanh cùng các văn bản hướng dẫn thi hành tới từng bộ phận nghiệp vụ; thường xuyên mở các lớp tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ cho các cán bộ làm công tác đăng ký kinh doanh, đào tạo cho cán bộ quản lý, vận hành, khai thác sử dụng phần mềm tin học hóa, giải quyết hồ sơ đăng ký kinh doanh theo cơ chế một cửa liên thông:

Kiên quyết thay thế ngay những cán bộ, công chức không đáp ứng được yêu cầu công việc, xử lý nghiêm những cán bộ, công chức, viên chức có hành vi những thiếu, tiêu cực, gây cản trở, không thực hiện hoặc thực hiện không đúng quy định thủ tục hành chính về đăng ký doanh nghiệp và thủ tục đầu tư.

Hướng dẫn nghiệp vụ chuyên môn qua các lớp tập huấn hoặc bằng văn bản từ cơ quan cấp Bộ cho các cán bộ ở địa phương. Sự hỗ trợ kịp thời về mặt chuyên môn sẽ giúp tránh gián đoạn hoạt động của các Phòng ĐKKD, không làm ứ đọng hồ sơ của doanh nghiệp.

4.3. Một số giải pháp đảm bảo việc thực thi có hiệu quả pháp luật về đăng ký kinh doanh.

4.3.1. Mở rộng hình thức đăng ký kinh doanh qua mạng

Nhằm mục đích phổ cập hóa công nghệ thông tin trong công tác đăng ký kinh doanh, ngày 15/4/2013, Hệ thống đăng ký kinh doanh qua mạng điện tử được đưa vào sử dụng trên toàn quốc.

Các địa phương cần ban hành văn bản pháp luật để hướng dẫn cụ thể quy định của pháp luật mới về đăng ký kinh doanh qua mạng theo Luật doanh nghiệp năm 2014

Tại mỗi địa phương cần phải xây dựng chi tiết các thủ tục từ việc tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ, tra cứu bằng số điện thoại, tin nhắn, email, xây dựng trang web tổng hợp thông tin hồ sơ thành lập doanh nghiệp, xây dựng mạng kết nối nội bộ, mạng kết nối với cơ quan thuế..chuẩn bị máy móc đạt chuẩn, đáp ứng yêu cầu công việc.

Thường xuyên tiến hành kiểm tra, theo dõi, quy trình thực hiện công việc kinh doanh qua mạng tại các cơ quan đăng ký kinh doanh, phối kết hợp với các cơ quan khác để trả kết quả đăng ký kinh doanh cho doanh nghiệp một cách nhanh nhất.

Thông báo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp nộp qua Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia có giá trị pháp lý như hồ sơ nộp bằng bản giấy.

4.3.2. Cung cấp thông tin về thủ tục thành lập doanh nghiệp

Thông tin đóng một vai trò quan trọng trong việc truyền tải thủ tục pháp lý về thành lập doanh nghiệp, đặc biệt đối với quốc gia áp dụng cơ chế một cửa liên thông.

Xã hội hóa thông tin, tạo điều kiện cho người thành lập doanh nghiệp có thể ngồi nhà cũng tiến hành các bước đăng ký kinh doanh được. Do vậy, việc cung cấp thông tin về thủ tục pháp lý về đăng ký kinh doanh qua các hình thức khác nhau sẽ giúp doanh nghiệp nắm được quy trình, thủ tục, các điều kiện cần chuẩn bị.

Khi nắm được các thủ tục thông tin niêm yết công khai rõ ràng, minh bạch tạo điều kiện cho doanh nghiệp nhận thức được trách nhiệm và quyền, nghĩa vụ khi tiến hành thủ tục đăng ký kinh doanh. Doanh nghiệp giảm bớt được chi phí, thời gian, công sức tạo động lực thúc đẩy cho việc gia nhập thị trường.

Tuy nhiên, để việc cung cấp thông tin về thủ tục thành lập doanh nghiệp đòi hỏi phía cơ quan đăng ký kinh doanh phải làm tốt các bước sau:

4.3.3. Bổ sung quy định pháp lý về thủ tục thành lập doanh nghiệp trên Cổng thông tin quốc gia

Quyết định số 419/QĐ-TTg ngày 11/4/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án đổi mới quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp sau đăng ký thành lập. Do đó, để chủ thể thành lập doanh nghiệp dễ dàng tiếp cận thông tin về doanh nghiệp đòi hỏi:

Thông tin trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia phải được:

- Niêm yết thông tin dưới dạng cô đọng, rõ ràng, đơn giản, dễ nhìn, dễ đọc.
- Thường xuyên có cán bộ trực tuyến hướng dẫn tại chỗ, kê khai, ghi các biểu mẫu từng mục để hồ sơ hợp lệ hoặc ghi mẫu ví dụ hoàn chỉnh để doanh nghiệp dựa vào đó đọc và tham khảo.
- Thường xuyên tuyên truyền, phổ biến một cách kịp thời những quy định mới của pháp luật về thủ tục đăng ký kinh doanh
- Hàng năm yêu cầu các cơ quan đăng ký kinh doanh viết báo cáo tổng kết, lấy ý kiến thăm dò mức độ hài lòng của công dân về ý thức, thái độ làm việc của cán bộ phòng đăng ký kinh doanh, thủ tục hướng dẫn...để rút kinh nghiệm.
- Nâng cao hơn nữa hệ thống lưu trữ thông tin và xử lý thông tin và cập nhật thường xuyên những thông tin về thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh

4.3.4. Hướng dẫn cụ thể các nội dung liên quan đến thẩm quyền xử lý vi phạm của cơ quan đăng ký kinh doanh

-Hướng dẫn cụ thể hồ sơ xử lý vi phạm các quy định về đăng ký kinh doanh để cơ quan đăng ký kinh doanh thực thi nhiệm vụ

-Hướng dẫn chi tiết nội dung thông báo của doanh nghiệp với cơ quan đăng ký kinh doanh để cơ quan đăng ký kinh doanh có cơ sở pháp lý thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh khi doanh nghiệp không thông báo về thời gian hoạt động liên tục của mình trong 12 tháng.

-Hướng dẫn trường hợp cơ quan đăng ký kinh doanh phát hiện doanh nghiệp có dấu hiệu tạm ngừng hoạt động kinh doanh ngành, nghề có điều kiện khi phát hiện doanh nghiệp không có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật? Trong trường hợp này cần phải xử lý như thế nào? Hồ sơ? Các quy định cụ thể...?

-Làm rõ thẩm quyền xử lý vi phạm của cơ quan đăng ký kinh doanh cho từng chức danh cụ thể.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 4

Hoạt động đăng ký kinh doanh là hoạt động vô cùng quan trọng không chỉ cho doanh nghiệp thực hiện khởi sự doanh nghiệp mà còn là cơ sở để nhà nước quản lý hoạt động đăng ký kinh doanh cho doanh nghiệp. Do đó, để hoạt động đăng ký kinh doanh đạt hiệu quả và đảm bảo lợi ích cho các chủ thể, đòi hỏi cần phải có nhiều giải pháp để hoàn thiện trong công tác đăng ký kinh doanh.

Sự thay đổi của hệ thống pháp luật cùng những chính sách phù hợp từ phía các ban ngành như sự thay đổi về cơ quan đăng ký kinh doanh với những chức năng, nhiệm vụ được cụ thể hóa sẽ tạo ra môi trường làm việc để tiếp nhận các chủ thể đến đăng ký kinh doanh dễ dàng hơn. Những giải pháp về hệ thống giấy phép hiện nay cũng đang được bàn luận rất nhiều từ khâu có rất nhiều thông tin được ghi trong giấy phép đăng ý kinh doanh nay chỉ còn rút ngắn xuống bốn thông tin. Đây thực sự là một cải cách rất tiên bộ trong hoạt động cấp phép đăng ký kinh doanh, tạo ra môi trường thông thoáng trong hoạt động đầu tư. Tuy nhiên, hiện nay chỉ số môi trường hoạt động kinh doanh vẫn còn rất thấp nếu so với các nước trong khu vực và cộng đồng quốc tế. Cho nên, những giải pháp mà luận án này đưa ra với mong muốn tạo nên một môi trường kinh doanh thật hấp dẫn và thật sự phải vì doanh nghiệp, thu hút các nhà đầu tư nước ngoài. Từ đó, có cái nhìn tổng quát cho hoạt động đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp.

KẾT LUẬN

Thực hiện nghiên cứu đề tài ***“Pháp luật về đăng ký kinh doanh cho doanh nghiệp ở Việt Nam hiện nay”*** trong bối cảnh xây dựng, phát triển và hoàn thiện nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, cho phép rút ra những kết luận sau đây:

1. Đăng ký kinh doanh được nhìn nhận dưới nhiều phương diện như kinh tế, chính trị, quản lý nhà nước và pháp lý. Ở phương diện pháp lý, đăng ký kinh doanh được hiểu là một hoạt động pháp lý trong đó doanh nghiệp thực hiện việc đăng ký với cơ quan nhà nước có thẩm quyền (cơ quan đăng ký kinh doanh) nhằm ghi nhận sự ra đời của doanh nghiệp và xác định địa vị pháp lý của doanh nghiệp trên thị trường. Trong quá trình thực thi thủ tục đăng ký kinh doanh, cả doanh nghiệp và cơ quan đăng ký kinh doanh đều phải chịu sự tác động và điều chỉnh của pháp luật, vì vậy, có thể đưa ra khái niệm: “Pháp luật về đăng ký kinh doanh là tổng thể các quy phạm pháp luật do Nhà nước ban hành hoặc thừa nhận để nhằm điều chỉnh những vấn đề về điều kiện, nội dung và trình tự, thủ tục đăng ký kinh doanh giữa chủ thể kinh doanh với cơ quan đăng ký kinh doanh”. Pháp luật về đăng ký kinh doanh có đặc điểm riêng có, được thực hiện theo những nguyên tắc cơ bản và có những nội dung chủ yếu. Đó chính là những quy phạm pháp luật điều chỉnh mối quan hệ xã hội giữa chủ thể đăng ký kinh doanh và cơ quan đăng ký kinh doanh trong việc đăng ký kinh doanh, thủ tục đăng ký kinh doanh, các biện pháp chế tài để đảm bảo việc đăng ký kinh doanh được thực hiện đúng pháp luật.

2. Pháp luật về đăng ký kinh doanh ở Việt Nam lần đầu tiên được quy định bằng chế định riêng trong văn bản quy phạm pháp luật kể từ khi Quốc hội thông qua Luật Doanh nghiệp tư nhân và Luật Công ty vào năm 1990. Chế định này được phát triển với những tư duy đột phá trong xây dựng pháp luật về doanh nghiệp, góp phần mang lại một cuộc “cách mạng” về cải cách thủ tục hành chính trong việc thành lập và đăng ký kinh doanh ở Việt Nam với sự ra đời của Luật Doanh nghiệp năm 1999 và Luật Doanh nghiệp năm 2005 và đặc biệt là Luật Doanh nghiệp năm 2014 đã thể chế hóa các vấn đề mới phát sinh từ thực tiễn. Tuy nhiên, qua quá trình áp dụng và thực thi pháp luật trong thực tiễn cho thấy, bên cạnh những ưu điểm về cung cấp thông tin thủ tục thành lập doanh nghiệp; áp dụng cơ chế một cửa trong quá trình

đăng ký kinh doanh, thì pháp luật về đăng ký kinh doanh ở Việt Nam vẫn còn nhiều vấn đề cần bàn luận và hoàn thiện. Luật Doanh nghiệp năm 2014 đã có những bước tiến mới, song việc hướng dẫn thi hành để bắt nhịp và đáp ứng yêu cầu cuộc sống là vấn đề thiết thực cấp bách, đòi hỏi phải có những phương hướng và giải pháp thiết thực.

3. Sự thay đổi của hệ thống pháp luật cùng những chính sách phù hợp từ phía các ban ngành như sự thay đổi về cơ quan đăng ký kinh doanh với những chức năng, nhiệm vụ được cụ thể hóa sẽ tạo ra môi trường làm việc để tiếp nhận các chủ thể đến đăng ký kinh doanh dễ dàng hơn. Những giải pháp về hệ thống giấy phép hiện nay cũng đang được bàn luận rất nhiều từ khâu có rất nhiều thông tin được ghi trong giấy phép đăng ý kinh doanh nay chỉ còn rút ngắn xuống bốn thông tin. Đây thực sự là một cải cách rất tiên bộ trong hoạt động cấp phép đăng ký kinh doanh, tạo ra môi trường thông thoáng trong hoạt động đầu tư. Tuy nhiên, hiện nay chỉ số môi trường hoạt động kinh doanh vẫn còn rất thấp nếu so với các nước trong khu vực và cộng đồng quốc tế. Cho nên, những giải pháp mà luận án này đưa ra với mong muốn tạo nên một môi trường kinh doanh thật hấp dẫn và thật sự phải vì doanh nghiệp, thu hút các nhà đầu tư nước ngoài. Từ đó, có cái nhìn tổng quát cho hoạt động đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp.

DANH MỤC CÔNG TRÌNH CỦA TÁC GIẢ

1. Nguyễn Thị Thu Thủy (2015), *Không ghi ngành nghề kinh doanh trong giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp*. Tạp chí Luật sư số 07 tháng 7 năm 2015.
2. Nguyễn Thị Thu Thủy (2015), *Tên doanh nghiệp, bảo hộ tên doanh nghiệp*. Tạp chí dân chủ và pháp luật số định kỳ tháng 8 (281) năm 2015.
3. Nguyễn Thị Thu Thủy (2015), *Hoàn thiện pháp luật về đăng ký kinh doanh ở Việt Nam hiện nay*. Tạp chí dân chủ và pháp luật số định kỳ tháng 12 (285) năm 2015.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. TÀI LIỆU TIẾNG VIỆT

- [1]. Phạm Bình An (2005), “*Đồng bộ hóa khung pháp luật đối với các loại hình doanh nghiệp*” Đề tài cấp thành phố, Hồ Chí Minh.
- [2]. Hà Thị Thanh Bình (2012), “*Bảo hộ thương mại trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế và hiệu quả điều chỉnh của pháp luật Việt Nam*”, NXB chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [3]. Bộ Kế hoạch và đầu tư (2006), *Thông tư số 03/2006/TT-BKH ngày 19 tháng 10 năm 2006 hướng dẫn một số nội dung về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký kinh doanh theo quy định tại Nghị định 88/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh*, Hà Nội.
- [4]. Bộ Kế hoạch và đầu tư (2010), *Quyết định 337/QĐ-BKH của Bộ Kế hoạch và đầu tư về việc ban hành Quy định nội dung Hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam*, Hà Nội.
- [5]. Bộ Kế hoạch và đầu tư (2010), *Thông tư số 14/2010/TT-BKH ngày 04 tháng 6 năm 2010 hướng dẫn một số nội dung về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp*, Hà Nội.
- [6]. Bộ Kế hoạch và đầu tư (2012) *Thông tư số 176/2012/TT-BTC ngày 23/10/2012 hướng dẫn về phí, lệ phí đăng ký doanh nghiệp*
- [7]. Bộ Kế hoạch và đầu tư (2013), *Thông tư số 01/2013/TT-BKHĐT ngày 21 tháng 01 năm 2013 của Bộ Kế hoạch và đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp*, Hà Nội.
- [8]. Bộ Kế hoạch và đầu tư (2015) *Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp*.
- [9]. Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ (2004), *Khái quát hệ thống hóa pháp luật Hoa Kỳ*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [10]. Chính phủ (2000), *Nghị định số 03/2000/NĐ-CP/ngày 3/2/2000 hướng dẫn thi hành một số điều của Luật doanh nghiệp năm 1999*.
- [11]. Chính phủ (2006), *Nghị định số 88/2006/NĐ-CP ngày 29/8/2006 của Chính phủ quy định trình tự, thủ tục đăng ký kinh doanh (Nghị định này thay thế Nghị định số 109/2004/NĐ-CP ngày 02/4/2004 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh)*.

- [12]. Chính Phủ (2007), Nghị định số 139/2007/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2007 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Luật Doanh nghiệp 2005.
- [13]. Chính Phủ (2007), Quyết định số 10/2007/QĐ-TTG ngày 23 tháng 01 năm 2007 về Ban hành Hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam, Hà Nội.
- [14]. Chính Phủ (2007), Nghị định số 53/2007/NĐ-CP ngày 4 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế hoạch và đầu tư, Hà Nội.
- [15]. Chính Phủ (2009), Nghị định số 72/2009/NĐ-CP về ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Hà Nội.
- [16]. Chính Phủ (2010), Nghị định số 102/2010/NĐ-CP ngày 1/10/2010 của Chính phủ hướng dẫn thực hiện chi tiết một số điều Luật doanh nghiệp năm 2005.
- [17]. Chính phủ (2010), Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010/NĐ-CP của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp (thay thế Nghị định số 88/2006/NĐ-CP).
- [18]. Chính Phủ (2010), Nghị định số 62/2010/NĐ-CP ngày 4 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 53/2007/NĐ-CP ngày 4 tháng 4 năm 2007 của Chính Phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế hoạch và đầu tư, Hà Nội
- [19]. Chính Phủ (2013), Nghị định số 05/2013/NĐ-CP ngày 09/01/2013 sửa đổi, bổ sung một số điều quy định về thủ tục hành chính của Nghị định số 43/2010/NĐ-CP về đăng ký doanh nghiệp.
- [20]. Chính Phủ (2015), Nghị định số 78/2014/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp (thay thế Nghị định số 43/2010/NĐ-CP).
- [21]. Chính Phủ (2015), Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư 2014.
- [22]. Chính Phủ (2007), Nghị quyết số 59/2007/NQ-CP ngày 30/11/2007 của Chính phủ về cải cách thủ tục hành chính đối với doanh nghiệp.
- [23]. Chính Phủ (2015), Nghị quyết số 04/NQ-CP ngày 04/02/2015 của Chính phủ về việc cải cách thủ tục hành chính đối với doanh nghiệp.
- [24]. Chính Phủ (2016), Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 16/5/2016 của Chính phủ về hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp đến năm 2020.
- [25]. Chính Phủ (2016), Nghị quyết số 19/NQ-CP về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia hai năm 2016-2017, định hướng đến năm 2020.

- [26]. Bộ Tài chính (2005) Thông tư số 95/2005/TT-BTC ngày 26-10-2005 hướng dẫn thực hiện các quy định của pháp luật về lệ phí trước bạ.
- [27]. Trần Thị Minh Châu (Chủ biên) *“Về chính sách khuyến khích đầu tư ở Việt Nam”*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Tháng 12 năm 2007.
- [28]. Bùi Ngọc Cường (2004), *“Một số vấn đề về quyền tự do kinh doanh trong pháp luật kinh tế hiện hành ở Việt Nam”*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [29]. Ngô Huy Cương (2006) (Chủ biên): *“Góp phần bàn về cải cách pháp luật ở Việt Nam hiện nay”* Nhà xuất bản Tư Pháp, Tháng 04/2006, Hà Nội.
- [30]. Chương trình phát triển Liên Hiệp Quốc UNDP -Viện Nghiên cứu Quản lý Kinh tế Trung ương -Tổ chức Hợp tác Kỹ thuật Đức (2004), *Thời điểm cho sự thay đổi: Đánh giá Luật doanh nghiệp và kiến nghị*.
- [31]. Lê Đăng Doanh (2005), *Báo cáo phát triển cải cách kinh tế và năng lực cạnh tranh ở Việt Nam - Triển vọng và thách thức*, Ban nghiên cứu của Thủ tướng Chính phủ.
- [32]. Phạm Mạnh Dũng (2010), *“Thực hiện Luật đầu tư: 3 năm nhìn lại”* Tạp chí Kinh tế và dự báo số 4/2010.
- [33]. Đảng Cộng sản Việt Nam: *“Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI”*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011.
- [34]. Phan Thanh Hà (2010), *“Một số tiêu chí cơ bản bảo đảm tính thống nhất của hệ thống pháp luật”*, Tạp chí Nhà nước và Pháp luật, số 8 (268).
- [35]. Bùi Xuân Hải (2011), *“Tự do kinh doanh: Một số vấn đề lý luận và thực tiễn”*, Tạp chí Nhà nước và Pháp luật, số 5 (277)
- [36]. Bích Hạnh (2009), *“Thành lập doanh nghiệp và kinh doanh tại Việt Nam”*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [37]. Phạm Thị Hiền (2011), *“Bàn về các quy định cấp phép cho doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài mở cơ sở bán lẻ tại Việt Nam”*, Tạp chí Nhà nước và Pháp luật, số 12 (284).
- [38]. Phan Huy Hồng và Nguyễn Thanh Tú (2012), *“Quyền tự do kinh doanh theo pháp luật liên minh Châu Âu và Việt Nam”*, NXB Chính trị Quốc gia
- [39]. Trần Hữu Huỳnh (2003), *“Xây dựng hệ thống giám sát hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp”* Nghiên cứu lập pháp (5), tr10-16.
- [40]. Trần Hữu Huỳnh (2007), *“Cải cách hệ thống giấy phép kinh doanh ở Việt Nam trong giai đoạn hậu WTO”*, Tạp chí Khoa học Pháp lý, số 2 (39),

- [41]. Dương Đăng Huệ (2004), “*Luật doanh nghiệp chung: cần hay không cần ban hành*”, Nghiên cứu lập pháp, (5) tr29-35.
- [42]. Dương Đăng Huệ (1999), “*Các biện pháp xử lý vi phạm pháp luật kinh tế và vai trò của các biện pháp hình sự trong việc bảo đảm trật tự quản lý kinh tế*”, Báo cáo khoa học tại Bộ Tư pháp, Hà Nội.
- [43]. Nguyễn Am Hiểu (2003), “*Hình thức pháp lý doanh nghiệp ở Việt Nam hiện nay nhìn từ góc độ Luật so sánh*”, Nhà nước và pháp luật (1), tr20-23.
- [44]. Đoàn Duy Khương (2013) “*Sự phát triển của cộng đồng doanh nghiệp Việt Nam sau khi gia nhập WTO*”, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [45]. Phạm Chi Lan (2007), “*Phát triển khu vực kinh tế tư nhân trong bối cảnh hội nhập quốc tế*”, Tạp chí Cộng sản, số 2+3 (122+123)
- [46]. Hoàng Thế Liên (Chủ biên) (2001), “*Luật doanh nghiệp – Những điểm mới và một số vấn đề đặt ra trong cơ chế thi hành*”, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [47]. Phạm Duy Nghĩa (2005), “*Giám sát giấy phép và điều kiện kinh doanh ở Việt Nam nhằm đảm bảo quyền tự do kinh doanh*”, Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
- [48]. Phạm Duy Nghĩa (2006), “*Giấc mơ nửa triệu doanh nghiệp và một đạo luật chung: Luật doanh nghiệp 2005 từ một góc nhìn so sánh*”, Nghiên cứu lập pháp, (7), tr20-23.
- [49]. Phạm Duy Nghĩa (2006), “*Luật doanh nghiệp -Tình huống, phân tích bình luận*” NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội.
- [50]. Trần Huỳnh Thanh Nghị (2009), “*Quy định về vốn pháp định trong thành lập và hoạt động của doanh nghiệp*”, Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp, số 1 (138).
- [51]. Trần Huỳnh Thanh Nghị (2011), “*Cải cách thủ tục thành lập doanh nghiệp ở Việt Nam : Nhìn từ khía cạnh pháp lý qua Báo cáo của Ngân hàng Thế giới*”, Tạp chí Nhà nước và Pháp luật, số 7 (279).
- [52]. Trần Huỳnh Thanh Nghị (2011), “*Cải cách thủ tục thành lập doanh nghiệp ở Việt Nam trong chặng đường 10 năm hội nhập kinh tế quốc tế 2000-2010*”, Tạp chí Luật học, số 8 (135).
- [53]. Trần Huỳnh Thanh Nghị (2011), “*Tác động của pháp luật doanh nghiệp đến tiến trình cải cách thủ tục hành chính trong năm 2010*”, Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp, 10 (195).
- [54]. Trần Huỳnh Thanh Nghị (2013), “*Thực trạng pháp luật về giấy phép kinh doanh*”, Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp, số 04 (236).

- [55]. Nguyễn Như Phát (2005), “*Cải cách Pháp luật doanh nghiệp ở Việt Nam hiện nay*”, Tham luận của tại hội thảo Hội Luật gia Việt Nam, Nha Trang.
- [56]. Nguyễn Như Phát (2011), “*Nhận thức về nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa trong các văn kiện của Đại hội XI và những vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu phát triển*”, tạp chí Nhà nước và Pháp luật, số 8 (280).
- [57]. Nguyễn Như Phát và Phạm Duy Nghĩa (2001), Giáo trình Luật kinh tế Việt Nam, NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội.
- [58]. Quốc Hội (2001), Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992 đã được sửa đổi bổ sung theo Nghị quyết số 51/2001/- QH10 ngày 25 tháng 12 năm 2001, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [59]. Quốc hội (2013), Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013. Quốc hội khóa XIII thông qua ngày 28/11/2013.
- [60]. Quốc hội (1992) Hiến pháp nước CHXHCN Việt Nam 1992, thông qua ngày 15/4/1992.
- [61]. Quốc hội (1990) Luật doanh nghiệp Số: 13/1999/QH10 thông qua ngày 12 tháng 6 năm 1990
- [62]. Quốc hội (1999) Luật doanh nghiệp Số: 13/1999/QH10 thông qua ngày 12 tháng 6 năm 1999
- [63]. Quốc hội (2005) Luật doanh nghiệp số 60/2005/QH11 thông qua ngày 21 tháng 11 năm 2005
- [64]. Quốc hội (2005) Bộ Luật dân sự số 33/2005/QH11 ban hành ngày 14 tháng 6 năm 2005
- [65]. Quốc hội (2005) Luật đầu tư được Quốc hội khóa 11, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 29/11/2005 có hiệu lực từ ngày 1/7/2006.
- [66]. Quốc hội (2013) Luật hợp tác xã số 23/2012/QH 13 được thông qua ngày ngày 20 tháng 11 năm 2012.
- [67]. Quốc hội (2014) Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH 13 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014.
- [68]. Mai Hồng Quý (2012), “*Tự do kinh doanh và vấn đề bảo đảm quyền con người tại Việt Nam*”, NXB Lao động.
- [69]. Đậu Thị Quyên (2011), “*Gian dối trong quá trình thành lập doanh nghiệp*”, Tạp chí Luật học số 11, 2011.
- [70]. Hồ Sỹ Sơn (2010), “*Quyền con người, chính trị, đạo đức và pháp luật*”, Tạp

chí Nhà nước và Pháp luật, số 2 (262).

- [71]. Nguyễn Đình Tài “*Những yếu tố bất lợi đối với môi trường kinh doanh của các doanh nghiệp dân doanh và một số đề xuất*” Bài viết trong Kỷ yếu hội thảo khoa học
- [72]. Nguyễn Hữu Thắng (2008), “*Nâng cao năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp Việt Nam trong xu thế hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay*”, NXB Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh.
- [73]. Trang Thị Tuyết (2006), “*Một số giải pháp hoàn thiện quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp*”, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [74]. Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội (2004), Bản án hành chính sơ thẩm Số 04/HCST ngày 7-4-2004 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.
- [75]. Tòa phúc thẩm tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội (2005), Bản án phúc thẩm số 13/HCPT ngày 18/1/2005 của Tòa phúc thẩm -Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội
- [76]. Lê Danh Vĩnh (2009), “*Hoàn thiện thể chế về môi trường kinh doanh của Việt Nam*” NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [77]. Văn phòng Quốc hội, chương trình phát triển kinh tế tư nhân MPDF (2005), Tổng hợp phân tích, đánh giá và bình luận về Dự án Luật doanh nghiệp.

2. TÀI LIỆU NƯỚC NGOÀI

2.1. Văn bản quy phạm pháp luật

- [78]. Luật đăng ký doanh nghiệp Singapo ban hành vào tháng 9/1974, được sửa đổi, bổ sung gần nhất vào tháng 4/2009
- [79]. Luật doanh nghiệp Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào ban hành ngày 9/12/2005
- [80]. Luật công ty trách nhiệm hữu hạn Indonesia năm 2007
- [81]. Luật đăng ký pháp nhân và thể nhân kinh doanh Cộng hòa Liên Bang Nga năm 2001, sửa đổi bổ sung năm 2005.
- [82]. Luật công ty Australia năm 2001
- [83]. Luật công ty cổ phần Pháp, Mỹ năm

2.2. Sách, tạp chí khoa học

- [84]. Dr. Andreas Engert, LL.M “*Life without Legal capital : Lessons from American Law*” Working Paper, 01/2006.
- [85]. Aidis, J, Saul Estrin, Tomasz, Mickiewicz: “*Institution and entrepreneurship development in Russia : A comparative perspective Journal of Business*

- Venturing, Volume 23, 2008.
- [86]. Arrunada, B: *"Pitfalls to avoid when measuring institutions: Is Doing Business damaging business?"*, Journal of Comparative Economics, Volume 35, 2007.
 - [87]. Bardhan. P.: *"Law and economics in the tropics: Some reflections"*, International Review of Law and Economics, Volume 25, 2005.
 - [88]. Bich, T. Grafton, R. Kompas, T: *"Institutions matter: The case of Vietnam"* The Journal of Socio – Economic, Volume 38, 2009.
 - [89]. Connell, Linda, H, Warda, Mark Gania, Edwin. T: *"How to start a business in Illinois"* Publisher: Sphinx Publishing, 2004.
 - [90]. Deva.Kelley, R: *"Regulation or revenue? Implementing local government business license reform in Kenya"* Journal of Public Administration and Development, Volume 21, 2001.
 - [91]. Fan, Qimiao, Reis, Jose Guilherme Javis, Micheal: *"Investment climate in Brasil. India and South Africa"*, Publisher: World Bank Publications, 2007.
 - [92]. Gibbons, F. Simone, C. Rebecca, A, : *"How to start a business in New Jersey"*, Publisher: Sphinx publishing, 2004.
 - [93]. Jacobs, Scot, Coolidge, Jacqueline: *"Reducing administrative barriers to investment: Lessons learned"* Publisher: World Bank Publications, 2006.
 - [94]. Jenkins, R: *"Democratic politics and economic reform in India"* Publisher: Cambridge University Press, 2000.
 - [95]. Ismayilova: *"Azerbaijan to simplify business registration process"*, Tribune Business New, Washington, March 4, 2001.
 - [96]. Kenzie, D. Sakho, Y: *"Does it pay firms to register for taxes? The impact of formality on firm profitability"*, Journal of Development Economics, Volume 91, 2010.
 - [97]. KiKeri, Simita, Kenyon, Thomas, Palmade, Vincent: *"Reforming the investment climate: Lesson for practitioners"*, Publisher: World Bank Publications, 2006.
 - [98]. Klapper, L. Love, I: *"The impact of financial crisis on new firm registration"*, Economics Letter, Volume 113, 2011.
 - [99]. Lenntorp, E: *"On the joint use of licensing and liability"* International Review of Law and Economics", Volume 29, 2009.
 - [100]. Morisset, J, Neso, O.L. *"Administrative barriers to foreigners in developing countries"* World Banks Policy Research, Working Paper No 2848, 2002.

- [101]. OECD: “*Administrative simplification in the United States*”, 2003.
- [102]. OECD: “*Administrative simplification in Vietnam*”, 2011.
- [103]. Ogus, A: “*Evaluating alternative regulatory regimes: The contribution of Law and economic*”, Geoforum, Volume 30, 1999.
- [104]. Pinson, Linda, Jerry: “*Step to small business start-up: Everything you need to know to turn your idea into a successful business*” Publisher: Dearborn Trade, 2006.
- [105]. Prabhu L. Pingali, Nguyen Tri Kiem, Roberta V. Gerpacio, Vo Tong Xuan: “*Prospects for sustaining Vietnam’s reacquired rice exporter status*” Food Policy, Volume, 22, 1997.
- [106]. Sabine, G, Persson. Steinby, C: “*Network in a protected business: Licenses as restraint and facilitators*”, Journal of Industrial Marketing Management”, Volume 35, 2006.
- [107]. Schwab: “*The Global Competitiveness Report 2001*”, Oxford University Press, 2001.
- [108]. Scott. Blake, J. “*Cranston’s Consumer and the Law*” Butterworths, 2002.
- [109]. The Observer Newspaper: “*Easier business registration available*”, Gladstone, Qld, February 8, 2011.
- [110]. White, W. D: “*Dynamic elements of regulation: The case of occupational licensure*” Research in Law and Economics, Volume 1, 1979.
- [111]. World Bank : “*Doing business 2011: Making a difference for entrepreneurs*” Publisher: World Bank Publications, 2010.
- [112]. World Bank : “*Doing business 2013: Smarter regulations for small and medium size enterprises*” Publisher: World Bank Publications, 2012.
- [113]. World Bank : “*Doing business 2014: Understanding regulations for small and medium – size enterprises*” Publisher: World Bank Publications, 2012.

3. INTERNET

3.1. Các cơ quan nhà nước

- [114]. www.ciem.org.vn
- [115]. Dangkykinhdoanh.gov.vn
- [116]. www.dpi.hochiminh.gov.vn
- [117]. www.mof.gov.vn
- [118]. www.moha.gov.vn
- [119]. www.moit.gov.vn

[120].www.moj.gov.vn

[121].www.mpi.gov.vn

[122].www.na.gov.vn

[123].www.vietnam.gov.vn

3.2. Tổ chức phi chính phủ

[124] www.doingbusiness.org

[125] www.oecd.org

[126] www.vcci.vn

[127] www.weforum.org

3.3. Báo, tạp chí điện tử

[128]. www.baodautu.vn

[129]. www.cafef.vn

[130]. www.dddn.com.vn

[131]. www.dachuvaphapluat.com.vn

[132]. www.kinhtevadubao.com.vn

[133]. www.nld.com.vn

[134]. www.phapluattp.vn

[135].www.sggp.org.vn

[136].www.thesaigontimes.vn

[137] www.vietnamnet.vn

[138] www.vneconomy.vn

[139] www.vnexpress.net